

THERAVĀDA
Phật Giáo Nguyên Thủy

QUY TRÌNH TÂM PHÁP

Tỳ khưu Chánh Minh biên soạn

DL 1997 - PL 2541

LỜI NÓI ĐẦU



KỶ VIÊN TỰ, một đạo tràng tiêu biểu của Hệ phái Nam Tông, Đại đức Tăng Định thường mở các khóa Giáo lý căn bản Phật học cho hàng Phật tử.

Tôi may duyên đảm nhận giảng về **tâm lộ** (*cittavāṭhī*), chúng tôi dựa vào các tư liệu:

– Siêu lý Sơ học của Cố Đại Trưởng lão Tịnh Sự soạn lập.

– Thăng Pháp Tập Yếu Luận của Hòa thượng Thích Minh Châu dịch.

– Vi Diệu pháp khái lược của Trưởng Lão Nārada soạn (bản dịch của ông Phạm kinh Khánh).

– Các tư liệu luận A-tỳ-đàm của Đại đức Giác Chánh như: Vi Diệu Pháp Nhập môn - Siêu Lý Học

– Sách Thanh Tịnh Đạo dịch từ Pāli ngữ của Đại đức Ngô Đạo và đối chiếu với bản dịch từ tiếng Anh của Sư cô Thích Nữ Trí Hải.

– Các bản Sớ giải của chư huynh đệ dịch “đó đây”.

Đặc biệt phần lớn nương vào **BIỆN GIẢI TÂM PHÁP** trong *Paramatthajotika* do Sư Giác Nguyên chuyển từ Thái ngữ sang Việt ngữ.

Từ những vốn quý ấy, chúng tôi soạn thành quyển **QUY TRÌNH TÂM PHÁP** để giảng dạy cho học viên.

Trong “mảnh vườn nhỏ hẹp” chúng tôi không thể trình bày rộng hơn những vấn đề được đề cập, mặt khác những tư liệu về Luận A-tỳ-đàm (*Abhidhamma*) còn khiêm tốn nên dù cố gắng cũng không thể tránh khỏi những sai sót. Kính mong những bậc cao minh niệm tình hoan hỷ chi giáo thêm.

Trong tập sách này chúng tôi bắt buộc phải sử dụng nhiều danh từ chuyên môn của môn học A-tỳ-đàm và phần lớn dùng thuật ngữ Siêu lý do Cố Đại Trưởng lão Tịnh Sự dịch với hai ý:

– Tri ân cố Đại Trưởng lão, vì Ngài đã mang bộ môn Siêu lý học phổ biến rộng rãi trong hàng Phật tử tại Việt Nam. Và cũng nhờ đó tôi được duyên lành học hỏi môn Phật học cao siêu này.

– Đa số các học viên Siêu Lý đã quen với các thuật ngữ ấy, do các Cao đồ của Ngài Tịnh Sự giảng dạy, nên dễ dàng nắm bắt và lãnh hội yếu lý.

Tuy chúng tôi cố gắng giải trình minh bạch, nhưng không sao tránh khỏi đôi chỗ luộm thuộm, một lần nữa kính mong các bậc cao minh hoan hỷ.

Kính tri ân chư vị Thầy tổ cùng chư huynh đệ đã giúp tư liệu hoàn thành soạn phẩm này.

Chúng tôi cũng không quên ghi nhận công đức của các gia đình Phật tử nhiệt tình ủng hộ từ công sức đến tài vật, giúp chúng tôi thành tựu giáo trình như : Gia đình bà **Trần Hữu Độ**, gia đình **Nguyễn Đức Văn - Diệu Quý**, gia đình **Lê Long Hồ - Diệu Kiến**, gia đình **Phật tử Huỳnh Ngọc Sanh, Phật tử Như Huệ . . .**

Mong quả an lạc sớm kết quả tốt đẹp đến các vị ấy theo như ý nguyện.

Kính cáo.

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMASAMBUDDHASSA**

***Cung kính dành lễ Đức Thế Tôn bậc
Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác***



CHƯƠNG I

BÀI 1

TÂM LỘ (*Cittavīthi*)

I. DẪN NHẬP:

Đức Phật thành lập khung trời Phật đạo bằng ba mảnh lưới **Giới - Định - Tuệ**, các Giáo Thọ sư tiên bối dạy rằng: “Toàn bộ giáo pháp của Đức Thế Tôn có tám muôn bốn ngàn pháp uẩn (*dhammakhandha*), ví như tám muôn bốn ngàn mắc lưới trong pháp võng ấy, nhưng không có mắt lưới nào giống mắc lưới nào trọn vẹn”.

Nghĩa là mỗi pháp uẩn có điểm tương đồng, đồng thời có điểm dị biệt và toàn bộ những mắc lưới ấy liên kết vào nhau chặt chẽ mật thiết.

Đây là điểm đặc thù trong Giáo pháp của Đấng Như Lai.

Tạng Luật nêu rõ về **Giới**, Tạng Kinh phần lớn trình bày về **Định** và Tạng Luận làm hiển lộ phần **Tuệ**.

Luận A-tỳ-đàm (*Abhidhamma*) phần lớn trình bày về **chơn pháp** (*paramatthadhamma*), còn gọi là **Siêu lý pháp**.

Toàn bộ Siêu lý pháp được quy tụ vào sáu bộ lục, đó là:

- *Cha vatthu* (sáu vật)
- *Cha dvāra* (sáu môn)

- *Cha ārammaṇa* (sáu cảnh)
- *Cha viññāṇa* (sáu thức)
- *Cha vīthi* (sáu quy trình, hay sáu diễn hoạt)
- *Cha visayappavatti* (sáu diễn tiến của cảnh).

Thức hiện khởi được là do sự góp mặt của Vật, Môn và Cảnh. **Vật - môn - cảnh** là ba pháp đóng vai trò quan trọng đối với **Thức** trong cõi ngũ uẩn (*pañcakkhandha*), riêng cõi tứ uẩn (*catutthakkhandha*) thì chỉ có **cảnh** và **môn** là chủ yếu.

Sáu thức là: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

Sáu vật là: Nhãn vật, nhĩ vật, tỷ vật, thiệt vật, thân vật và ý vật.

Sáu môn là: Nhãn môn, nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn, thân môn và ý môn.

Sáu cảnh là: Cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh mùi, cảnh vị, cảnh xúc và cảnh pháp.

Nên biết rằng: Trừ ý vật và ý môn chi pháp khác nhau, những vật – môn còn lại đều có chi pháp như nhau, chỉ khác về khía cạnh.

Khi là nơi nương trú cho tâm thì gọi là **vật**, khi nhận cảnh thì gọi là môn. Ví như một người nam vừa là chồng vừa là cha.

Chi pháp:

- Nhãn vật - nhãn môn có chi pháp là *thần kinh nhãn* (*cakkhupasāda*).

- Nhĩ vật - nhĩ môn có chi pháp là *thần kinh nhĩ* (*sotapasāda*).

- Tỷ vật - tỷ môn có chi pháp là *thần kinh tỷ* (ghānapasāda).

- Thiệt vật - thiệt môn có chi pháp là *thần kinh thiệt* (jīvhāpasāda).

- Thân vật – thân môn có chi pháp là *thần kinh thân* (kāyapasāda).

- Ý vật là sắc ý vật (hadayavatthu).

- Ý môn là 19 thức Tục sinh (paṭisandhi viññāṇa) (xem phần sau).

II. PHÂN GIẢI KHÁI LƯỢC:

1. Định nghĩa:

*Nāma***vīthi** là gì ? *nāma* là danh pháp, *vīthi* là quy trình hay hệ thống, nói cách khác *vīthi* là diễn tiến sự hoạt động.

*Nāma***vīthi** là sự diễn hoạt của danh pháp.

Chữ VĪTHI xuất nguyên từ VI + căn I là đi, **vīthi** là một lối đi. Ở đây được dùng theo nghĩa “*một diễn tiến*”.

Nói đến Siêu lý pháp là nói đến danh và sắc. Có ba danh pháp là: tâm (*citta*), tâm sở (*cetasika*) và Níp-bàn (*nibbāna*) (tuy chế định – paññatti - cũng là danh pháp, nhưng không có thực tính pháp (*sabhāva dhamma*), vì mượn **chơn pháp** để định đặt ra ngôn từ cùng ý nghĩa) .

Níp-bàn là pháp Vô vi (*asaṅkhāradhamma*) không có sự SINH - DIỆT, dĩ nhiên không thể có sự diễn hoạt, còn tâm sở (*cetasika*) tuy sanh khởi tùy thuộc vào tâm nhưng lại bất định do có những cảnh riêng biệt. Cũng chính tâm đó nhưng tâm sở lúc có lúc không, như tâm sân chẳng hạn có khi có tâm sở “ganh tỵ” (*issā*) đôi khi lại không, hay như tâm thiện Dục giới, tâm sở Chánh ngữ lúc có lúc lại không.

Vì tâm sở không có quy luật cố định nên chúng không có sự diễn hoạt.

Như thế, chỉ có **tâm pháp** (*cittadhamma*) và **sắc pháp** (*rūpadhamma*) mới có quy trình diễn hoạt, gọi là **cittavīthi** (lộ tâm) và **rūpavīthi** (lộ sắc).

Và đây là sự nghiên cứu về hệ thống diễn hoạt của danh pháp trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha* phần *Pavattisaṅgaha*.

2. Phân giải tóm lược.

a) VẬT (*vatthu*): Là nơi nương của tâm thức, còn gọi là trú căn. Khi tâm sanh lên thì phải có chỗ trú, chính nơi tâm trú gọi là vật và cũng chính tại nơi đây tâm diệt đi. Nói gọn lại: “Vật là nơi tâm sinh lên, trú và diệt (chính tại nơi đó)”, Vật chính là loại sắc pháp do nghiệp (*kamma*) tạo thành ở cõi ngũ uẩn.

b) MÔN (*drāra*): Là cửa, lối đi vào - đi ra.

Tâm được sinh lên do bốn nhân là:

- Do nghiệp quá khứ.
- Do có cảnh.
- Do có tâm sở.
- Do có vật nương.

Môn là cửa đi vào của cảnh, để từ đó khởi sanh tâm thức.

- Cảnh sắc do nhãn môn dẫn vào.
- Cảnh thính do nhĩ môn dẫn vào.
- Cảnh mùi do tỷ môn dẫn vào.
- Cảnh vị do thiệt môn dẫn vào.
- Cảnh xúc do thân môn dẫn vào.

Và năm môn này cũng chính là năm vật.

Riêng cảnh pháp thì đa dạng có khi sắc pháp làm cảnh, có khi danh pháp làm cảnh.

Theo quy luật thì sắc pháp yếu hơn danh pháp, khi danh pháp làm cảnh cho tâm, sắc Ý vật (*hadayavatthu*) không đủ sức mạnh dẫn cảnh danh pháp vào dòng tâm thức, nên ý vật không thể là ý môn, ý môn phải là danh pháp mới có khả năng thâm nhận cảnh pháp (cả danh lẫn sắc).

Ý môn chính là 19 tâm tục sinh (*paṭisandhiviññāṇa*), như vậy có 5 sắc môn và một danh môn.

Từ cơ sở này, tâm lộ (*cittavīthi*) được phân thành hai mô thức: tâm lộ Ngũ môn (*pañcadvāracittavīthi*) và tâm lộ Ý môn (*manodvāracittavīthi*).

c) THỨC (*viññāṇa*): Nói gọn “Thức là sự biết cảnh”. Năm đôi thức: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân thức chỉ bắt lấy năm trần cảnh theo từng loại tương ứng (tức là nhãn thức chỉ bắt lấy cảnh sắc, nhĩ thức chỉ bắt lấy cảnh thanh...) không nhầm lẫn cảnh với nhau, những tâm còn lại gọi là Ý thức.

Tổng cộng có 89 tâm (hay 121 tâm), trong đó ngoại trừ năm đôi thức, còn lại là 79 tâm (hay 111 tâm) thuộc ý thức.

Trong 79 tâm (hay 111 tâm) thuộc về ý thức lại chia làm hai loại là: 19 tâm làm phận sự tái tục (*paṭisandhikiccaṃ*) được gọi là **tâm Chủ** (*mūlabhavaṅgacitta*: Tâm hữu phần cơ bản).

Tâm Chủ là loại tâm không nhận cảnh nào khác ngoài một trong ba cảnh: cảnh nghiệp (*kammārammaṇa*), cảnh nghiệp tướng (*kammanimittārammaṇa*) và cảnh sanh thú tướng (*gatinimittārammaṇa*).

Một trong ba cảnh này xuất hiện khi chúng sanh sắp lâm chung ở kiếp trước, tạo điều kiện cho tâm Tục sinh sanh lên, khởi đầu kiếp sống mới.

Trong đời sống ở kiếp sau, khi tâm này (tức là tâm Tục sinh) sanh lên lần thứ hai, bấy giờ được gọi là tâm hữu phần (*bhavaṅgacitta*) và chỉ nhận lấy một trong ba cảnh trên mà thôi.

Những tâm nhận lấy cảnh ngoài ba cảnh trên, gọi là **tâm Khách** (*vimūlacitta*).

Nên ghi nhận rằng: Trong 19 tâm Chủ, chỉ có 9 tâm Tục sinh về cõi cõi Sắc giới và cõi Vô sắc giới là thuần tính, đó là 5 tâm quả Sắc giới và 4 tâm quả Vô sắc giới.

Còn 10 tâm còn lại là 2 tâm Quan sát xả thọ và 8 tâm Quả dục giới hữu nhân (*sahetuvipāka kāmaviññāṇa*) đôi khi vẫn bắt cảnh ngoài ba cảnh Chủ, nên chúng trở là tâm Khách vào thời điểm ấy.

d) CẢNH (ārammaṇa): Là đối tượng bị tâm biết, nói gọn có sáu cảnh là năm cảnh trần (cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh mùi, cảnh vị, cảnh xúc) và cảnh pháp.

Nhưng khi nói theo sự diễn hoạt của cảnh (*visayappavatti*) thì cảnh được trình bày theo hai mô thức: cảnh Chủ (là loại cảnh khởi lên giúp cho tâm Chủ sanh khởi) khởi lên không cần một kích thích nào ngoài sức mạnh của nghiệp cận tử ở kiếp trước tạo thành, tức là nói đến ba cảnh: cảnh nghiệp, cảnh nghiệp tướng và cảnh sanh thú tướng, đây là loại cảnh dành riêng cho tâm hữu phần cơ bản (*bhavaṅgacitta*).

Mô thức thứ hai là cảnh Khách hay cảnh ngoại quan, là loại cảnh khởi lên do sự trợ duyên của ngoại lực từ bên trong hay bên ngoài, như khi suy nghĩ đến kẻ thù phát sanh tâm sân (kẻ thù là cảnh khởi lên từ bên trong), hoặc nhìn thấy vàng “nổi máu tham” (vàng là cảnh phát sanh ở bên ngoài).

Cảnh ngoại quan có sáu loại theo hai mô thức: khởi lên từ bên ngoài và khởi lên từ bên trong.

Khởi lên từ bên ngoài có ba cảnh:

- Cảnh rất lớn (*atimahantārammaṇa*)
- Cảnh lớn (*mahantārammaṇa*)
- Cảnh nhỏ (*parittārammaṇa*).

Đây là ba cảnh của tâm lộ Ngũ môn.

Khởi lên từ bên trong có ba cảnh

- Cảnh rất rõ (*ativibhūtārammaṇa*)
- Cảnh rõ (*vibhūtārammaṇa*)
- Cảnh không rõ (*avibhūtārammaṇa*)

Đây là ba cảnh của tâm lộ Ý môn.

Nếu tính thêm hai cảnh của Ngoại lộ tâm pháp là cảnh rất nhỏ (*atiparittārammaṇa*) của lộ Ngũ môn và cảnh mơ hồ (*Ati-avibhūtārammaṇa*) của lộ Ý môn, thành ra 8 cảnh cả thảy.

BÀI 2**NGŨ MÔN TÂM LỘ**
(Pañcadvāracittavīthi)

“ *Chúng sanh có nghiệp là thai tạng*”

Ở cõi năm uẩn, do nghiệp lực trợ duyên tạo tác, khiến chúng sanh nhận lấy một số sắc pháp do nghiệp tạo thành, gọi là sắc nghiệp (*kammaja rūpa*). Trong nhóm sắc nghiệp ấy, một số có công năng thu bắt năm trần cảnh (sắc, thanh, mùi, vị và xúc) giúp cho tâm sanh khởi, năm loại sắc nghiệp làm phận sự này gọi là năm giác quan: Mắt, tai, mũi, lưỡi và thân (là nhãn vật, nhĩ vật, tỷ vật, thiệt vật và thân vật).

Mỗi sắc thần kinh chỉ thu bắt được 1 trần cảnh tương ứng và làm nơi trú cho loại tâm tương ứng (như thần kinh nhãn chỉ nhận cảnh sắc và làm chỗ trú cho nhãn thức, thần kinh nhĩ chỉ nhận cảnh thanh và làm chỗ trú cho nhĩ thức, tương tự như thế đối với tỷ, thiệt và thần kinh thân).

Khi sắc thần kinh thu bắt trần cảnh đưa vào bên trong, sắc thần kinh ấy trở thành môn (*dvāra*), khi tâm sanh lên nương trú sắc nào, sắc ấy gọi là vật (*vatthu*).

Sự diễn hoạt của tâm thức xuyên qua năm môn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân môn) gọi chung là tâm lộ ngũ môn.

Khi trình bày về sự diễn hoạt của danh pháp (*nāma-vīthi*), Ngài Giáo Thọ sư Anuruddha⁽¹⁾ có đề cập đến hai thời điểm (*kāla*) là **thời bình nhậ** (*pavattikāla*) và

(1) Tác giả bộ Abhidhammatthasaṅgaha – Thắng pháp tập yếu luận.

thời Tục sinh (*paṭisandhikāla*), giữa hai thời này là **thời cận tử** (*upamarāṇakāla*).

Trước tiên trình bày tâm lộ **thời bình nhật**.

LỘ NGŨ MÔN THỜI BÌNH NHẬT

I. ĐỊNH NGHĨA:

Trước tiên nói về **thời** (*kāla*) tức là thời gian, thông thường có ba thời là thời quá khứ (*atītākāla*), thời vị lai (*anāgatakāla*) và thời hiện tại (*paccupannākāla*).

Nhưng theo Siêu lý pháp, **thời** được quy định là kiếp sống của một chúng sanh, tức là ám chỉ tuổi thọ của chúng sanh ấy.

Đơn vị cực kỳ nhỏ mà không có một ví dụ nào có thể so sánh được, gọi là sát-na (*khaṇa*), khi sát-na đầu tiên khởi lên cho một kiếp sống mới, được gọi là sát-na thời Tục sinh (*paṭisandhikāla khaṇa*) hay còn gọi là sát-na Sinh (*jātikhaṇa*), sát-na cuối cùng chấm dứt 1 kiếp sống, gọi là sát-na thời Tử (*marāṇakālakhaṇa*) hay sát-na Tử (*marāṇakhaṇa*). Từ sát-na thứ hai kế tiếp sau sát-na Sinh cho đến sát-na trước sát-na Tử, gọi là **thời bình nhật** (*pavattikāla*).

Nên ghi nhận rằng: sát-na chính là đơn vị tuổi thọ của một cái tâm, một cái tâm sinh lên rồi diệt đi trong một thời gian cực ngắn, thời gian ấy gọi là sát-na (*khaṇa*).

Mỗi sát-na lại chia thành ba sát-na tiểu (*cūlakkaṇa*) bằng nhau, gọi là *uppādakhaṇa* (tiểu sát-na Sinh), *ṭhitikhaṇa* (tiểu sát-na Trụ) và *bhaṅgakhaṇa* (tiểu sát-na Diệt), ý ám chỉ ba khoảng thời gian Sinh - Trụ - Diệt của tâm đều bằng nhau.

Tâm lộ ngũ môn thời bình nhật là quy trình diễn hoạt của tâm thức xuyên qua năm sắc môn trong thời bình thường.

II. CÁC DỮ KIỆN CỦA TÂM LỘ NGŨ MÔN

1. Nhân sanh lộ ngũ môn.

Tâm lộ ngũ môn là gọi chung khi tâm nhận lấy năm trần làm cảnh, thực ra **“trong một thời điểm chỉ một tâm sanh lên và trong một thời điểm tâm chỉ nhận biết một cảnh”**.

Nghĩa là trong cùng một thời điểm không thể có hai tâm cùng sanh khởi, cũng không thể có trường hợp tâm cùng một lúc biết hai cảnh.

Phân tích rõ hơn thì có tất cả năm tâm lộ nhận lấy năm trần làm cảnh, đó là:

- Lộ nhãn môn nhận lấy cảnh sắc.
- Lộ nhĩ môn nhận lấy cảnh thanh.
- Lộ tỷ môn nhận lấy cảnh mùi.
- Lộ thiệt môn nhận lấy cảnh vị .
- Lộ thân môn nhận lấy cảnh xúc.

Và năm đôi thức sanh khởi theo lộ tương ứng, những tâm ngoài ra thì bất định.

Lộ nhãn môn có bốn nhân sanh là:

-*Cakkhupasāda*: Tinh nhãn (còn gọi là thần kinh nhãn hay con người).

-*Rūpāramaṇa*: có cảnh sắc cụ thể trước mặt.

-*Āloka*: Có đủ ánh sáng cần thiết.

– *Manasikāra*: có sự chú ý đến cảnh sắc.

Lộ nhĩ môn có bốn nhân sanh là:

- *Sotapasāda*: Tinh nhĩ (còn gọi là thần kinh nhĩ).
- *Saddārammaṇa*: Có cảnh thính rõ ràng.
- *Ākāsa*: Có khoảng trống, tức là không bị vật cách âm .
- *Manasikāra*: Có sự chú ý đến cảnh thính.

Lộ tỷ môn có bốn nhân sanh là:

- *Ghānapasāda*: Tinh tỷ (còn gọi là thần kinh tỷ).
- *Gandhārammaṇa*: Có cảnh mùi hiện diện.
- *Vāya*: phải có sự chuyển động của gió.
- *Manasikāra*: Phải có sự chú ý đến cảnh mùi.

Lộ thiệt môn có bốn nhân sanh là:

- *Jhāpasāda*: Tinh thiệt (còn gọi là thần kinh thiệt).
- *Rasārammaṇa*: Có cảnh vị hiện bày
- *Āpo*: Phải có nước thấm hòa vị chất.
- *Manasikāra*: Phải có sự chú ý.

Lộ thân môn có bốn nhân là:

- *Kāyapasāda*: Tinh thân (còn gọi là thần kinh thân).
- *Phoṭṭhabbārammaṇa*: Phải có cảnh xúc (nóng, lạnh, mềm cứng, êm xốc...)
- *Pathavī*: Có chất cứng (thadda) của đất.
- *Manasikāra*: có sự chú ý đến cảnh xúc.

Như vậy, lộ ngũ môn sanh lên do 20 nhân, cũng nên ghi nhận rằng: 4 nhân sanh lộ nhãn môn chính là 4 nhân sanh

nhân thức, 4 nhân sanh lộ nhĩ môn chính là 4 nhân sanh nhĩ thức.... sở dĩ gọi là nhân sanh tâm lộ ngũ môn vì nhằm vào năm đôi thức làm cơ bản cho tâm lộ ngũ môn đối với năm cảnh trần.

2. Cảnh của lộ ngũ môn.

Dĩ nhiên đối với tâm lộ ngũ môn thì năm trần chính là cảnh, nhưng tùy theo sức mạnh của nhân sanh tâm lộ, nên cảnh có sự khác biệt nhau.

Theo Siêu lý pháp phần *chavisayappavatti* (sự diễn hoạt sáu cảnh), cảnh của lộ ngũ môn có ba hay bốn loại là tùy thuộc vào nhân sanh.

– Khi bốn nhân sanh có sức mạnh tương ứng với nhau đầy đủ, cảnh có sức mạnh lớn trội, gọi là cảnh rất lớn (*atimahantārammaṇa*).

– Nếu một trong bốn nhân trợ sanh yếu, gọi là cảnh lớn (*mahantārammaṇa*).

– Nếu có nhiều nhân trợ sanh yếu kém, cảnh này gọi là cảnh nhỏ (*parittārammaṇa*).

– Nếu cả bốn nhân đều ở trong tình trạng yếu kém thì cảnh này gọi là cảnh rất nhỏ (*atiparittārammaṇa*).

Trong bốn loại cảnh này, chủ yếu **Cảnh rất lớn và cảnh lớn**, vì hai cảnh này mới khởi sanh được tâm đồng lực (*javanacitta*).

Chính những tâm đồng lực này tạo thiện nghiệp hay bất thiện nghiệp và lưu lại chủng tử (*bīja*) cho quả vào thời vị lai.

Tâm Khách trong lộ ngũ môn chỉ **đơn thuần là tâm Dục giới** (*kāma vacaracitta*), nên tâm đồng lực chính là đồng lực Dục giới, gồm: 8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si (gọi chung là 12 tâm bất thiện), 8 tâm thiện dục giới, 8 tâm Hạnh

hữu nhân⁽¹⁾ (hay tâm Tồ) dục giới và tâm Sinh tiểu, tổng cộng là 29 tâm.

Và trong 29 tâm đồng lực Dục giới, ngoại trừ 8 tâm Hạnh và tâm Sinh tiểu, 20 tâm đồng lực kia mới lưu chủng tử tạo thành tâm quả dị thực (*vipākacitta*) về sau. Đây là mô thức tổng quát của cảnh Ngũ (tên gọi chung cho năm cảnh trần).

Tiếp theo là nói đến tính chất của năm cảnh trần.

Mỗi cảnh trần có hai loại: Tốt và Xấu, tùy theo mức độ tốt - xấu, được phân thành bốn loại như sau: **Cảnh rất tốt** (*atiṭṭhārammaṇa*), **cảnh tốt** (*iṭṭhārammaṇa*), cảnh xấu và cảnh rất xấu (hai cảnh này) gọi chung là **cảnh Bất toại ý** (*aniṭṭhārammaṇa*).

Ba loại cảnh này nhân với hai cảnh chủ yếu (rất lớn - lớn) thành ra có sáu cảnh.

Nếu tính rộng là nhân với ba (thêm cảnh nhỏ) thành 9 cảnh, riêng cảnh “rất nhỏ” vì quá muội lược không thể hiện bày tính Tốt hay Xấu, nên được gọi là ngoại lộ.

Tiếng *Visayappavatti* là diễn biến của cảnh, *visaya* ở đây đồng nghĩa với *ārammaṇa* (cảnh).

Các bản sớ giải định nghĩa danh từ này là:

Visayānaṃ dvāresu:

“**Sự phát hiện cảnh trước môn**” hay là:

Visayesu ca cittānaṃ pavatti:

“**Sự khởi sanh tâm trước cảnh (được) phát hiện**”.

Ở đây dùng nghĩa thứ nhất.

(1) là tâm của vị A-la-hán.

Vì sao cảnh xấu và cảnh cực xấu lại gom làm một? Vì rằng đối với cảnh tốt hay cảnh rất tốt đều khởi sinh những tâm quả thiện, nhưng nếu cảnh rất tốt có thể làm khởi sinh tâm Quan sát hỷ thọ quả thiện, còn cảnh xấu hay rất xấu cũng chỉ khởi sinh tâm Quan sát thọ xả quả bất thiện mà thôi, nên gom chung làm một là như vậy.

Trong Cảnh đồ (*visayappavatti*) diễn tiến của tâm theo mô thức: Cảnh rất lớn, cảnh lớn, cảnh nhỏ và cảnh rất nhỏ.

3. Số lượng tâm lộ ngũ môn thời bình nhật.

Căn cứ vào cảnh đồ (*visayappatti*), có 75 lộ khởi lên qua năm môn, cách tính như sau:

- Cảnh rất lớn: 1 lộ, có 7 loại tâm khách.
- Cảnh lớn: 2 lộ, có 6 loại tâm khách.
- Cảnh nhỏ: 6 lộ, có 5 loại tâm khách.
- Cảnh rất nhỏ: 6 lộ, không có tâm khách, chỉ có tâm hữu phần Rúng động (*bhavaṅgacalana*).

Tổng cộng: có 15 lộ nhân với 5 môn thành 75 lộ.

Nếu y cứ vào sát-na tâm sanh khởi trong tâm lộ, thì có được 100 lộ như sau:

- Cảnh rất lớn: 3 lộ
- Cảnh lớn: 4 lộ
- Cảnh nhỏ: 6 lộ
- Cảnh rất nhỏ: 7 lộ

Tổng cộng có: 20 lộ nhân với năm môn thành ra 100 lộ. (xem phần sau).

Tâm lộ nói theo **môn** thì gọi là lộ nhãn môn (*cakkhudvāravīthi*), lộ nhĩ môn (*sotadvāravīthi*) ... Lộ ý môn

(*manodvāravīthi*). Nếu gọi theo **thức**, có tên là lộ nhãn thức (*cakkhaviññāṇavīthi*), lộ nhĩ thức (*sotaviññāṇavīthi*)... Lộ ý thức (*manoviññāṇavīthi*).

BÀI 3

LỘ NHÃN MÔN CẢNH RẤT LỚN

(Cakkhuvārātimahantārammaṇa)

Khi năm cảnh trần có sức mạnh chiếu thẳng vào năm môn tương ứng, khởi lên tiến trình sinh diệt của một số tâm khách. Tâm lộ nào có 7 loại tâm khách, quy trình ấy được gọi là tâm lộ ngũ môn cảnh rất lớn.

Chúng ta dùng lộ nhãn môn để diễn giải, các lộ kia có mô thức tương tự.

I- ĐỊNH NGHĨA:

Y cứ vào sát-na tâm trong tâm lộ, khi cảnh đồng sanh vào sát-na Sinh của tâm hữu phần Vừa qua, sau hai sát-na Rúng động thì tâm Khách sanh khởi để nhận cảnh, cảnh này gọi là *cảnh rất lớn*.

Gọi là lộ nhãn môn cảnh rất lớn, là khi cảnh sắc chiếu vào nhãn vật, đồng sanh với hữu phần Vừa qua, làm khởi sanh tâm khách sau hai sát-na Rúng động kế tiếp.

Lộ nhãn môn cảnh rất lớn diễn hoạt theo ba phương thức: **chót Na cảnh**, **chót đồng lực** và **chót hữu phần Khách**.

A- Lộ ngũ môn cảnh rất lớn

Chót Na cảnh

1. Biểu đồ.

Lộ nhãn môn cảnh rất lớn chót Na cảnh diễn tiến như sau:



2. Ký hiệu.

- V: Hữu phần Vừa qua (*atītabhavaṅga*)
 R: Hữu phần Rúng động (*bhavaṅgacalana*)
 D: Hữu phần Dứt dòng (*bhavaṅgupaccheda*)
 K₅: Hương ngũ môn (*pañcadvārāvajjana*)
 N: Nhãn thức (*cakkhuvīññāṇa*)
 T: Tiếp thân (*sampañicchana*)
 Q: Quan sát hay Suy đạc (*santīraṇa*)
 P: Đoán định hay Phán đoán (*Voṭṭhapana*)
 C: Đồng lực (*Javana*)
 Na : Na cảnh (*Tadāmbana*)

Lộ này có được:

- Sát-na : 14 sát-na tâm khách (không kể 3 sát-na tâm hữu phần).
- Chặng (ṭhāna): 7 chặng (khai môn, nhãn thức, tiếp thân, quan sát, đoán định, đồng lực và na cảnh).
- Thứ tâm khách : 46 thứ (là 54 tâm Dục giới trừ 4 đôi thức ngoài ra).

- Người : có cho 8 hạng người (4 phàm + 4 Thánh Quả).
- Cõi : 11 cõi Dục giới.

3. **Diễn giải.**

Dòng hữu phần (*bhavaṅga*) đang bình lặng trôi êm ả theo qui luật của tâm Chủ (*mūlabhavaṅga*), cảnh sắc lọt vào thần kinh nhãn (*cakkhupasāda*) chiếu thẳng vào tiểu sát-na Sinh (*uppādakhaṇa*) của tâm hữu phần, sát-na tâm này được gọi là tâm hữu phần Vừa qua (*atītabhavaṅga*).

Cảnh sắc có thể chiếu vào tiểu sát-na Trụ (*thītikhāṇa*), hay tiểu sát-na Diệt (*bhaṅgakhāṇa*) hay không?

Điều này không thể được, vì rằng sự sinh, diệt của tâm rất nhanh, hầu như chỉ nhận thức được hai sát-na tiểu là Sinh - Diệt mà thôi, nên một số Giáo Thọ sư bảo rằng: “*Tâm chỉ có hai sát-na tiểu là Sinh và Diệt, nhưng phân thành sinh, trụ, diệt để dễ hiểu*”.

Do đó, khi cảnh sắc chạm vào sát-na hữu phần thì xem như chạm vào tiểu sát-na Sinh, nếu chạm vào tiểu sát-na Diệt thì xem như đã qua sát-na tâm khác, vì tâm vốn sinh diệt không gián đoạn (Vô gián duyên).

Tiếp theo, cảnh sắc làm dao động sát-na hữu phần kế tiếp, sát-na hữu phần này gọi là hữu phần Rúng động (*bhavaṅgacalana*), rồi cảnh sắc lại làm dao động đến hữu phần kế tiếp nữa, bấy giờ cảnh Chủ bị sức mạnh của cảnh sắc lấn áp, không thể khởi lên giúp cho tâm hữu phần sinh lên, dòng tâm hữu phần (dòng tâm Chủ) chấm dứt ở đây, do đó sát-na hữu phần thứ ba có tên gọi là hữu phần Dứt dòng (*bhavagaṅgupaccheda*).

Thật ra, cả hai sát-na hữu phần Rúng động và Dứt dòng đều bị cảnh Sắc làm dao động, nhưng sau sát-na Rúng động thứ hai, tâm Chủ không thể sanh khởi lên nên gọi là hữu phần Dứt dòng cho dễ hiểu.

Vì sao phải trải qua hai hữu phần Dao động? Vì tâm sanh diệt cực nhanh, cảnh mới muốn cắt đứt cảnh cũ để cho tâm khách sanh khởi phải có ít nhất là hai sát-na hữu phần Dao động, khi ấy sức mạnh cảnh Khách mới có đủ năng lực cắt đứt cảnh Chủ. Ví như người chạy nhanh, không thể ngừng ngay được, muốn ngừng gấp cũng phải chú đầu về trước hai bước nữa, sau đó mới đứng hẳn được.

Khi sát-na hữu phần Dứt dòng diệt đi, cảnh sắc hoàn toàn “chiếm ngự” dòng tâm thức. Kể từ đây, một loạt tâm Khách khởi lên để nhận cảnh sắc cho đến khi cảnh này không còn sức mạnh tác động đến cảnh Chủ, cảnh Chủ lại khởi lên và tâm hữu phần lại tái hiện khởi.

Có bảy loại tâm khách khởi lên để thích ứng với cảnh sắc trong mô thức này.

Trước tiên là tâm Hưởng ngũ môn (*pañcadvāravajjana*), tâm này có phận sự (*kiicca*) “mở cửa” để nhận lấy cảnh sắc, rồi diệt đi tạo điều kiện cho nhãn thức (*cakkhuvīññāṇa*) sanh khởi, khi nhãn thức diệt đi, lần lượt tâm Tiếp thâu, tâm Quan sát và tâm Đoán định sanh lên theo thứ tự để làm phận sự riêng đối với cảnh sắc (nên nhớ tâm này diệt đi, tâm khác mới sanh lên).

Tâm Tiếp thâu có phận sự nhận lấy cảnh trọn vẹn, tâm Quan sát có phận sự xem xét cảnh, tâm Đoán định (*voṭṭhapanacitta*) thì phán đoán cảnh để tạo điều kiện cho đồng lực sanh khởi.

Chữ *Voṭṭhapanā* là hợp từ của VI + *ava* + $\sqrt{\text{tha}}$, nghĩa là “bắt cứng vào”, “dựa trên”, theo nghĩa trắng là đặt xuống một cách trọn vẹn.

Nghĩa là chính ngay lúc ấy bản chất của cảnh được xác định một cách trọn vẹn, dịch là Đoán định hay Phán đoán.

Sau sát-na Đoán định là bảy sát-na tâm đồng lực (*javanacitta*) sanh khởi liên tục để ứng xử với cảnh, chính nghiệp dĩ thực được tạo ra tại nơi đây.

Dứt luồng đồng lực là hai sát-na Na cảnh sanh lên để hưởng cảnh còn dư sót, sát-na Na cảnh thứ 2 diệt đi thì cảnh sắc cũng diệt vì hết tuổi thọ, nhường cho cảnh Chủ sanh lên, hữu phần cơ bản lại tái hiện, chấm dứt một tiến trình diễn hoạt của tâm thức đối với cảnh sắc.

Có ví dụ tiến trình diễn hoạt của lộ này như sau.

Có người đang nằm ngủ dưới gốc cây xoài, gió thổi qua làm trái xoài rụng, người ấy bị âm thanh do trái xoài rơi xuống kích thích, ngồi dậy đưa mắt hướng về tiếng động, nhìn thấy trái xoài, bước đến nhặt lấy, xem xét trái xoài như thế nào, thấy xoài chín không bị hư, y ăn trái xoài, ăn xong lại chép miệng nếm hương vị xoài còn dư sót. Rồi nằm xuống ngủ tiếp.

Nằm ngủ dưới gốc xoài ví như hữu phần.

Trái xoài rụng ví như hữu phần Vừa qua,

Bị âm thanh kích thích ví như hữu phần Rúng động.

Giật mình thức giấc, ngồi dậy ví như hữu phần Dứt dòng.

Đưa mắt hướng về tiếng động ví như Hương ngũ môn.

Nhìn thấy trái xoài ví như nhãn thức.

Bước đến nhặt ví như Tiếp thân.

Săm soi xem xét ví như Quan sát.

Thấy xoài chín lại không bị hư ví như Đoán định.

Ăn trái xoài ví như đồng lực.

Ăn xong còn chép miệng ví như Na cảnh,

Nằm xuống ngũ tiếp ví như hữu phần cơ bản lại hiện khởi.

Tâm Hưởng ngũ môn và nhãn thức ngoài phạm sự riêng còn có phạm sự làm cho cảnh lộ rõ, ba tâm Tiếp thấu, Quan sát và Đoán định có thêm phạm sự “hoàn chỉnh cảnh”, đồng lực thì hưởng cảnh trọn vẹn, còn Na cảnh hưởng cảnh sắc còn dư sót, ví như Đức Vua đã dùng xong món vật thực thỏa thích, người hầu của Vua sẽ dùng món vật thực dư tàn ấy.

Tâm đồng lực (*javanacitta*) ra sao?

Danh từ *Javana* xuất nguyên từ \sqrt{ju} là chạy nhanh. Đây là một danh từ kỹ thuật rất quan trọng, thông thường có nghĩa là **nhanh lẹ** như *javanahamsa* (con thiên nga nhanh nhẹn) hay *javanapaññā* (nhanh trí).

Trong *Abhidhamma* danh từ này được dùng theo ý nghĩa thuần túy kỹ thuật, Ngài *Santakicco* (Tịnh Sự) dịch là đồng lực, để chỉ cho ý nghĩa “nhanh nhẹn – javana” nhưng tiềm ẩn một sức mạnh, vì chính nơi đây đã lưu giữ hạt giống nghiệp (*bījakamma*) cho quả dị thực sau này, ngoại trừ đồng lực của vị A-la-hán.

Bà Rhys Davids viết : “ Tôi đã trải qua suốt nhiều giờ để suy tư về danh từ javana và rốt cùng bỏ đi danh từ apperception để tìm một chữ khác thích ứng hơn, hoặc để nguyên danh từ javana mà không dịch...”

Ở đây *Javana* gọi là *chạy* vì suốt trong tâm lộ, nó sinh diệt liên tục bảy (hay năm) sát-na, nó là một loại tâm, cùng “đeo níu” một cảnh. Tuy bảy sát-na đồng lực có bản chất giống nhau, nhưng tiềm lực mạnh yếu lại khác nhau.

Ở tâm lộ ngũ môn, *javanacitta* luôn luôn là tâm Dục giới, đó là 29 tâm (12 tâm bất thiện, 8 tâm đại thiện, 8 tâm

đại Hạnh và tâm Sinh tiểu), không thể có tâm Đáo đại⁽¹⁾ hay tâm Siêu thế trong lộ ngũ môn.

Ngoại trừ 8 tâm đại Hạnh (tâm đồng lực Dục giới của vị A-la-hán) với tâm Sinh tiểu có tính phi nhân phi quả (*nahetuka navipāka*) nên không cho quả dị thực về sau. Chính trong giai đoạn này nghiệp thiện được tạo ra từ tâm thiện hay nghiệp bất thiện được hình thành từ tâm bất thiện.

Như khi gặp kẻ thù tư tưởng thù hận phát sanh, thế là nghiệp bất thiện được tạo ra từ tâm sân, nhưng với người có trí, có niệm vẫn có thể khởi lên tâm từ bi với kẻ thù, thế là nghiệp thiện được hình thành từ tâm vô sân.

Chính vì thế, Đức Phật có dạy trong Kinh Pháp Cú rằng:

“Làm điều ác do ta

Làm cho ta ô nhiễm, do ta.

Do ta, không làm điều bất thiện

Do ta, tự làm cho mình thanh tịnh”

(PC165)

Trong 7 sát-na đồng lực, sát-na thứ nhất có sức mạnh kém nhất vì sanh khởi trước tiên, không có tiềm lực đồng chủng nâng đỡ, yếu kém thứ hai là sát-na thứ 7, tuy có tiềm lực trước nâng đỡ nhưng đã muội lực và sắp diệt.

Mạnh nhất là sát-na thứ 4 vì là sát-na Quyền (trong 7 đồng lực), bốn sát-na còn lại khó mà xác định.

Ta nên hiểu rằng: *Javana* thiện hay *javana* bất thiện là phần tích cực tạo thành nghiệp hữu (*kammabhava*), nó tạo điều kiện cho kiếp sống vị lai.

(1) Mahagatā, là những tâm thiện thiện hoặc tâm thiện của vị A-la-hán, gọi là tâm thiện Hạnh (*jhānakriyacitta*).

4. *Phân tích.*

Lộ nhãn môn cảnh rất lớn chót Na cảnh có đầy đủ mười bảy sát-na tâm, cảnh sắc vừa tròn tuổi thọ đồng diệt với sát-na tâm Na cảnh thứ hai.

Nên biết rằng: danh pháp chỉ tồn tại một sát-na, trái lại sắc pháp có tuổi thọ gấp 17 lần danh pháp, *Pāli* có dẫn giải:

Katham ? Uppādatṭhitibhaṅgavasena

Khaṇattayaṃ ekacittakkhaṇaṃ nāma

Tāni pana sattarasacittakkhaṇāni

Rūpadhammānāmāyu .

“Như thế nào? Một sát-na tâm gồm ba giai đoạn sinh, trụ và diệt. Mười bảy sát-na (tâm) như thế là tuổi thọ của một sắc pháp.”

Hỏi:

Khaṇa (sát-na) là gì ? Sự khác nhau giữa sát-na Trụ của danh và sắc ra sao?

Đáp:

“Sát-na (*khaṇa*) là một đơn vị cực ngắn, không thể dùng thí dụ hay hình ảnh nào có thể diễn đạt được. Các Giáo Thọ sư cổ xưa bảo rằng: “*Trong một cái tróc tay danh pháp sanh diệt một ngàn tỷ lần, tức là có một ngàn tỷ sát-na, còn sắc pháp sanh diệt 58 tỷ, 820 triệu lần (58.820.000.000)*”.

Tuy nhiên, không phải sắc pháp nào cũng có tuổi thọ là 17 sát-na cả, các Ngài bảo rằng:

“*Hai sắc Biểu tri (viññattirūpa) là Thân biểu tri (kāyaviññatti) và Ngữ biểu tri (vācāviññatti) cùng với bốn sắc Tướng trạng (Sinh - Tiến - Dị - Diệt) không tồn tại suốt 17 sát-na*”.

Hai sắc Biểu tri đồng sanh đồng diệt với tâm, gọi theo *Dukamātikā* và *Mahantaraduka* là: Pháp đồng hành với tâm (*Cittasahabhunodhammā*).

Còn sắc Tướng trạng chúng không phải là sắc pháp chân đế, chúng chỉ là biến trạng của sắc thành tựu (*nipphannarūpa*) mà thôi, nên không thể tính tuổi thọ như các sắc pháp khác.

Mỗi sát-na tâm có ba sát-na tiểu (sinh - trụ - diệt), nên đời sống sắc pháp là 51 sát-na tiểu (so với tâm), nên sát-na Trụ của sắc pháp có đến 49 sát-na tiểu, đây là sự khác biệt giữa sát-na Trụ của danh và sắc.”

Lộ nhãn môn cảnh rất lớn chót Na cảnh có được 46 tâm khách dục giới (là 54 tâm Dục giới trừ bốn đôi thức còn lại), hiện khởi cho 8 hạng người (4 phàm nhân và 4 Thánh Quả) ở trong 11 cõi Dục giới.

Cách phân loại người theo Siêu lý.

Theo Siêu lý, người được phân theo sát-na tâm, như sau:

- Chúng sanh tục sinh bằng tâm Quan sát thọ xả quả bất thiện (*akusalavipākāhetuka upekkhāsahagataṃ santīranacittaṃ*), gọi là người Khổ.

- Chúng sanh tục sinh bằng tâm Quan sát thọ xả quả thiện (*kusalavipākāhetuka upekkhāsahagataṃ santīranacittaṃ*), gọi là người Lạc vô nhân.

- Chúng sanh tục sinh bằng tâm quả thiện Dục giới hữu nhân không có trí (*kusalavipākāhetuka ñāṇavippayuttacittaṃ*), gọi là người Nhị nhân.

- Chúng sanh tục sinh bằng tâm quả thiện có trí (*kusalavipāka ñāṇasampayuttacittaṃ*), gọi là người Tam nhân.

Bốn hạng người này gọi chung là phàm nhân.

- Sát-na Sơ đạo được gọi là người Sơ đạo.
- Sát-na Nhị Đạo được gọi là người Nhị đạo.
- Sát-na Tam đạo được gọi là người Tam đạo.
- Sát-na Tứ đạo được gọi là người Tứ đạo.

Bốn người này gọi chung là người Đạo. Tuy gọi là người thật ra ám chỉ sát-na Đạo, nói cách khác “**người Đạo chỉ tồn tại 1 sát-na Đạo mà thôi**”.

- Bạc Tu-đà-huờn gọi là người Sơ quả.
- Bạc Tư-đà-hàm gọi là người Nhị quả.
- Bạc A-na-hàm gọi là người Tam quả.
- Bạc A-la-hán gọi là người Tứ quả.

Bốn người này gọi chung là người Quả.

Vì sao gọi là Chặng (*thāna*)?

Chặng là khoảng thời gian mà tâm khách làm xong phận sự riêng của mình đối với cảnh, khi “công tác hoàn thành” thì diệt đi, nhường cho loại tâm khác sanh lên làm phận sự riêng nối tiếp, ví như người cày xong, thì giao lại cho người bừa, khi bừa xong thì giao lại cho người gieo mạ . . .

Cứ mỗi loại tâm khách thực hiện một phận sự riêng, nên **mỗi loại** tâm khách là một chặng. Như tâm Hương ngũ môn có phận sự khai mở năm cửa, tâm Hương ý môn có phận sự khai mở cửa ý, hay làm phận sự “quyết định” cảnh trong lộ ngũ môn...

Như vậy, 7 sát-na đồng lực là chặng thứ 6, hai sát-na Na cảnh là chặng thứ 7, năm sát-na tâm khách đầu (từ tâm Hương ngũ môn đến sát-na tâm Đoán định), mỗi sát-na là một chặng.

Sát-na Đoán định chính là tâm Hưởng ý môn (*manodvāvajjanacitta*), chính tâm này là điều kiện chủ yếu khởi sanh luồng đồng lực thiện hay bất thiện.

Tác ý khéo (*yoniso manasikāra*) để tâm thiện khởi sanh hay tác ý không khéo (*ayoniso manasikāra*) làm cho bất thiện tâm sanh khởi là do tâm Hưởng Ý môn tạo tác vào thời điểm này.

Gọi là ***hữu phần Vừa qua*** (HPVQ), là tâm hữu phần trôi qua trong giai đoạn cảnh ngũ đã có nhưng chưa đối chiếu với năm môn.

Gọi là ***hữu phần Rúng động*** (*bhavaṅgacalana*) là tâm hữu phần bị dao động do hấp lực của cảnh ngũ, khi cảnh ngũ chiếu vào sắc thần kinh.

Gọi là ***hữu phần Dứt dòng*** (*bhavaṅgupaccheda*) là tâm hữu phần nhận cảnh Chủ lần cuối, nhường cho cảnh Khách chen vào “cắt đứt” cảnh Chủ trong một lộ trình tâm.

Hữu phần Dứt dòng cũng chính là tâm Hữu phần Rúng động lần thứ hai.

Ba sát-na: hữu phần Vừa qua, hữu phần Rúng động và hữu phần Dứt dòng là tâm Chủ, 14 sát-na còn lại trong tâm lộ gọi là tâm Khách

Nói về sắc pháp chúng cũng có ba giai đoạn là: sinh - trụ - diệt.

Sinh là tiểu sát-na đầu tiên, diệt là tiểu sát-na cuối cùng (là sát-na tiểu thứ 51), như vậy giai đoạn Trụ của chúng được kể từ sát-na tiểu thứ hai đến sát-na tiểu thứ 50 .

Vì sao đời sống sắc pháp dài hơn đời sống danh pháp?

Nói đến sắc pháp là nói đến thô thể, cho dù đó là sắc nương từ tứ đại (sắc y sinh - upādāyarūpa), cũng là tinh chất của tứ đại (đất, nước, lửa, gió), khi sắc tứ đại tồn tại thì chúng

tồn tại, khi sắc tứ đại diệt thì chúng diệt, tứ đại lại là một pháp chủng (*dhamma jāti*) thô.

Danh pháp lại là một tế thể, chúng có bản chất tinh tế lại cực kỳ phù du. Nên sắc pháp có tuổi thọ dài hơn danh pháp.

Ngay cả sắc pháp cũng vậy, nếu loại sắc nào có bản chất tinh tế hơn cũng có tuổi thọ ngắn hơn, như sắc Biểu tri, sắc Tướng trạng (*lakkaṇarūpa*).

Sắc Tướng trạng có bốn là: sắc Sinh có tuổi thọ là 1 sát-na tiểu, sắc Tiến có tuổi thọ là 24 sát-na tiểu (từ sát-na tiểu thứ 2 đến sát-na tiểu thứ 25), sắc Dị cũng có tuổi thọ như thế (từ sát-na tiểu thứ 27 đến sát-na tiểu thứ 50), sắc Diệt là sát-na tiểu 51.

Riêng sát-na tiểu thứ 26 là phi Tiến phi Dị, chính thức là sát-na Trụ, cũng là sát-na Quyền (*indriyakhana*).

Tóm lại, vì danh pháp là tế thể nên đời sống ngắn hơn sắc pháp (là thô thể) 17 lần, ví như hương hoa mau hoại hơn màu hoa, màu hoa mau hoại hơn cánh hoa.

Trợ sanh nhãn thức là sắc thần kinh nhãn ở giai đoạn trụ (*ṭhitipatta*), gọi là *Ṭhitipattanīpa* có 49 đoàn sắc thần kinh nhãn, 49 đoàn sắc thần kinh này được tính từ sát-na diệt của tâm Hương ngũ môn trở về trước đến sát-na Diệt của tâm hữu phần thứ 17 (xem hình vẽ).

b17 b16 b15 b14 b13 b12 b11 b10 b9 b8 b7 b6 b5 bV bR bD p
 000 000 000 000 000 000 000 000 000 000 000 000 000 000 000 000 000 000
 / sn 1 / sn 49

Ghi chú.

b : sát-na tâm hữu phần (*bhavaṅgacitta*).

bV : sát-na hữu phần Vừa qua (atītabhavaṅga).

bR : sát-na hữu phần Rúng động (bhavaṅgacalana).

bD : sát-na hữu phần Dứt dòng (bhavaṅgupaccheda).

P : Hưởng ngũ môn (pañcadvāravajjana)

Vì sao gọi là đoàn sắc thần kinh nhãn?

Vì rằng: Sắc thần kinh nhãn là tinh chất của tứ đại, nên không thể đơn độc hiện khởi, nó luôn luôn đi chung với 8 sắc là : tứ đại, sắc cảnh sắc, sắc cảnh mùi, sắc cảnh vị và sắc vật thực, gọi là đoàn bất ly. Như vậy, đoàn thần kinh nhãn gồm 9 sắc là 8 sắc bất ly với sắc thần kinh nhãn.

Trong 49 đoàn thần kinh nhãn ở giai đoạn trụ, có 1 đoàn sanh vào thời điểm tiểu sát-na Sinh của HPVQ, đoàn thần kinh nhãn này có tuổi thọ đồng với cảnh sắc, có tên là “*thần kinh nhãn có tuổi thọ vừa vắn (với cảnh sắc)*” (majjhimāyukacakkhupasāda).

Các Giáo Thọ sư tiền bối bảo rằng: “Trợ sanh nhãn thức chỉ có *Majjhimāyukacakkhupasāda*”, nhưng các Giáo Thọ sư đời sau cho rằng: “Cả 49 đoàn nhãn ở giai đoạn Trụ đều có thể làm duyên trợ sanh cho nhãn thức được cả”. Hàng học Phật nên ghi nhận cả hai ý kiến trên để nghiên cứu.

BÀI 4**B- LỘ NHÃN MÔN CẢNH RẤT LỚN*****Chót đồng lực***

Tiến trình sinh diệt của tâm lộ nhãn môn cảnh rất lớn **chót đồng lực** như sau:

1- Biểu đồ.**2- Ký hiệu.**

V : <i>Atītabhavaṅga</i> :	Hữu phần Vừa qua
R : <i>Bhavaṅgacalana</i> :	Hữu phần Rúng động
D : <i>Bhavaṅgupaccheda</i> :	Hữu phần Dứt dòng
K ₅ : <i>Pañcadvāravajjana</i> :	Hướng ngũ môn
N : <i>Cakkhuvīññāṇa</i> :	Nhãn thức
T : <i>Sampaṭicchana</i> :	Tiếp thu
Q : <i>Santīrana</i> :	Quan sát
P : <i>Votṭhapana</i> :	Phán đoán
C : <i>Javana</i> :	Đồng lực

3- Phân tích.

Tâm lộ này có được:

- Sát-na: 12 sát-na tâm khách.
- Chặng: 6 chặng tâm khách.
- Thứ tâm : 38 thứ tâm khách (12 tâm bất thiện +10 t. vô nhân (trừ 4 đôi thức ngoài ra) +8 tâm đại thiện + 8 tâm đại Hạnh).
- Người : 8 hạng người (4 phàm + 4 Thánh quả).
- Cõi : 26 cõi năm uẩn (trừ 4 cõi Vô sắc + cõi Vô tưởng).

4- Biện giải.

Lộ này tuy có cảnh rất lớn, nhưng không có tâm Na cảnh là vì:

Đối với chúng sanh nào có tâm không ái luyện cảnh sắc, tức là cảnh sắc dù có cực tốt nhưng không thể hấp lực được tâm, khi ấy tâm đồng lực không “núi kéo” cảnh sắc trở thành cảnh khẩn khít, như trường hợp người không thích màu hồng cho dù màu này có rực rỡ cũng không làm cho y dính mắc, hay như vị Phạm Thiên không đắm nhiễm trước cảnh sắc chẳng hạn.

Do đó, cảnh lực không đủ mạnh để ngăn cản cảnh Chủ sanh khởi, dù rằng nó còn tuổi thọ đến hai sát-na và sau khi đồng lực thứ bảy diệt đi, cảnh Chủ cắt đứt được cảnh sắc, làm sanh khởi tâm hữu phần cơ bản.

C- LỘ NHÃN MÔN CẢNH RẤT LỚN

Chót hữu phần Khách

1- ĐỊNH NGHĨA:

Hữu phần Khách dịch từ chữ *āgantukabhavaṅga*

Āgantuka là người mới đến, *bhavaṅga* là hữu phần.

Đây là loại tâm đặc biệt, không phải là loại hữu phần cơ bản trong tâm lộ.

Làm việc Tục sinh (*paṭisandhikiccaṃ*) có 19 tâm, nhưng mỗi chúng sanh chỉ có được một trong số 19 tâm Tục sinh mà thôi, sát-na kế tiếp tâm Tục sinh (cũng chính loại tâm này) sanh khởi để duy trì kiếp sống của chúng sanh, có tên gọi là *bhavaṅga* (hữu phần), vì có phận sự “duy trì đời sống của dòng tâm thức”.

Trong 19 tâm Tục sinh, có 9 tâm đưa tái sinh về cõi Đáo đại (là 5 tâm quả Sắc giới + 4 tâm quả Vô sắc giới), 10 tâm còn lại đưa tái sinh về cõi Dục.

Hữu phần Khách chính là 1 trong 10 tâm hữu phần Dục giới ấy, nhưng không phải là hữu phần cơ bản.

Tại sao ?

Vì hữu phần cơ bản nhận cảnh Chủ, còn hữu phần này lại nhận cảnh riêng (không là cảnh Khách cũng không là cảnh Chủ), có loại thọ riêng, nên gọi là hữu phần Khách.

Hữu phần Khách vừa đóng vai trò CHỦ lại vừa là người KHÁCH, có ví dụ như sau: có người đi đến thăm bạn, gặp lúc bạn vắng nhà, vừa lúc ấy lại có người khác đến tìm bạn của y, y đóng vai trò CHỦ để tiếp người khách mới, như vậy y vừa là CHỦ cũng vừa là KHÁCH.

2- BIỂU ĐỒ TÂM LỘ:



A: *āgantukabhavaṅga*: Hữu phần Khách.

Trong tâm lộ này có được:

- Sát-na: 12 sát-na tâm khách.
- Chặng: 6 chặng tâm khách (hữu phần Khách không được kể là một chặng).
- Thứ tâm : 11 thứ tâm khách (2 tâm Hương môn, 2 tâm Tiếp thân, 3 tâm Quan sát, 2 nhãn thức và 2 đồng lực sân).
- Cõi: 7 cõi vui Dục giới (cõi người + 6 cõi trời Dục),
- Người: 4 hạng người (người Nhị nhân, người Tam nhân, người Sơ quả và người Nhị quả. Tất cả 4 hạng người này đều tục sinh bằng tâm đại quả hỷ thọ và ở cõi Dục).

3- LUẬN VỀ HỮU PHẦN KHÁCH

a- *Nhân sanh hữu phần khách.*

Hữu phần khách sanh lên do đủ ba nhân:

- Người Dục giới tái tục bằng tâm đại quả hỷ thọ. (*vipākasomanassasahagatacittaṃ*)
- Bắt cảnh dục (*kāmārammaṇa*).
- Đồng lực trong tâm lộ là tâm sân (*mūladosa-citta*).

b- *Lý giải.*

Phận sự hữu phần khách.

Phận sự của hữu phần Khách là hóa giải hai xung lực của đồng lực và hữu phần cơ bản.

Cánh sắc chiếu vào dòng hữu phần, làm khởi sinh tâm lộ, tâm lộ có đồng lực sân.

Đồng lực sân có sức mạnh tác động đến dòng hữu phần tạo điều kiện cho tâm Na cảnh sanh khởi.

Đối với người tục sinh bằng tâm quả xả thọ thì điều này dễ dàng, nhưng đối với người tục sinh bằng tâm quả hỷ thọ lại không được, vì tâm Na cảnh chính là tâm hữu phần (hỷ thọ) nhận cảnh của đồng lực đồng thời có liên hệ với thọ (vedanā) đồng lực, mà đồng lực là thọ ưu. Hai loại thọ này đối nghịch nhau nên Na cảnh không thể sanh khởi.

Đối với đồng lực sân, nếu có Na cảnh thì Na cảnh phải là xả thọ. Vì trong ba loại thọ: ưu - hỷ - xả, thì xả thọ là loại xả quân bình, nghĩa là nó có thể nối tiếp theo ưu thọ hoặc hỷ thọ, nhưng giữa thọ ưu và thọ hỷ thì không có sự nối tiếp được.

Vào thời điểm này sức mạnh Ưu thọ tác động mạnh, nhưng tâm hữu phần cơ bản hỷ thọ không thể sanh lên. Một loại tâm khác sanh lên để “hòa giải” hai xung lực, đồng thời “bắt cầu” cho hữu phần cơ bản sanh khởi, sát-na này có tên gọi là *āgantuka* (người vừa đến), ví như hai người đang xung đột, chợt thấy người lạ đến lập tức im lặng. Thuật ngữ Siêu lý gọi sát-na này là *hữu phần Khách* (*āgantukabhavaṅga*), bản thân nó cũng là loại tâm hữu phần nhưng không phải hữu phần cơ bản trong tâm lộ.

Để thực hiện phận sự “hòa giải” nó phải là xả thọ (như đã trình bày ở trên).

Tóm lại loại tâm quả nào sinh lên để điều hòa ưu và hỷ thọ, đồng thời giúp cho hữu phần cơ bản hỷ thọ dễ dàng sinh lên nối tiếp, tâm ấy gọi là hữu phần Khách.

Nói cách khác, tâm hữu phần Khách chính là loại tâm Na cảnh xả thọ, chỉ khác là: “*Na cảnh hưởng cảnh của đồng*

lực”, còn “*hữu phần Khách nhận cảnh riêng của mình*”, cảnh ấy là 1 trong 3 cảnh Chủ ở những kiếp trước trước.

Bắt cảnh Dục ra sao?

Theo quy luật về tâm (*cittaniyāma*), khi có cảnh cực tốt thì sát-na Quan sát chính là tâm Quan sát thọ hỷ, khi tâm Quan sát là thọ hỷ thì Na cảnh cũng phải thọ hỷ.

Trường hợp cảnh **rất lớn** lại *cực tốt*, có đồng lực sân thì Na cảnh hỷ thọ không thể sanh lên, nên chỉ còn là tâm hữu phần Khách.

Đối với cảnh **rất lớn** nhận *cảnh tốt hay cảnh bất toại* thì tâm Quan sát sẽ là xả thọ (*upekkhāvedanā*). Trường hợp có đồng lực sân thì sẽ có tâm Na cảnh xả thọ, không có hữu phần Khách.

Đối với **cảnh lớn** dù bắt cảnh cực tốt, cảnh tốt hay cảnh cực xấu đều khởi lên hữu phần Khách được cả. Vì :

– Khi ấy cảnh sắc chỉ còn tuổi thọ là một sát-na hoặc vừa diệt đi (đối với cảnh lớn có 3 HPVQ).

– Cảnh lớn không thể có tâm Na cảnh, sẽ nói rõ trong phần lộ nhãn môn cảnh lớn chót hữu phần Khách.

Như vậy *đối với cảnh rất lớn phải là cực tốt*, còn cảnh lớn thì như thế nào cũng được.

Hữu phần Khách là loại tâm nào ?

Với phạm sự hòa giải hai đối lực Hỷ và Ưu thọ, đồng thời cũng là loại tâm hữu phần. Như vậy, hữu phần Khách chính là những tâm Tục sinh xả thọ.

Ngài Luận Sư *Anuruddha* có nêu trong bộ Thắng Pháp Tập Yếu Luận: “ *tâm hữu phần Khách chính là hai tâm Quan sát xả thọ*”. Những vị Giáo Thọ sư khác đề cập thêm bốn tâm đại quả xả thọ, cả hai ý kiến trên đều phù hợp nhau chứ không có gì sai khác.

Khi đề cập đến hai tâm Quan sát xả thọ, Ngài *Anuruddha* nêu lên phần cơ bản phổ thông, tức là thông thường hai tâm Quan sát xả thọ ở vị trí hữu phần Khách dễ dàng hơn, còn bốn tâm đại quả xả thọ chỉ xuất hiện trong những trường hợp đặc biệt.

Đồng lực sân là loại tâm bất thiện, nên chỉ có thể cho tâm quả vô nhân, hai tâm Quan sát xả thọ cũng là loại tâm quả vô nhân, chỉ khác nhau: tâm Quan sát xả thọ quả thiện thì nhận cảnh tốt, còn tâm Quan sát xả thọ quả bất thiện thì nhận cảnh bất toại.

Do đó, hai tâm Quan sát xả thọ sẽ dễ dàng sanh kế tục đồng lực sân hơn 4 tâm đại quả xả thọ, vì 4 tâm này là tâm quả hữu nhân do tâm thiện Dục giới tạo ra.

Lại nữa, người Khổ không có tâm đại quả.

Người Nhị nhân và người Lạc vô nhân chỉ có 2 tâm đại quả xả thọ không có trí. Người Tam nhân, người Sơ quả và người Nhị quả có đủ 4 tâm đại quả xả thọ (không đề cập đến người Tam quả cùng Tứ quả, vì hai bậc này đã trừ tuyệt tâm sân).

Cả 4 hạng người nêu trên đều có 2 tâm Quan sát xả thọ.

Mặt khác, hai tâm Quan sát xả thọ làm hữu phần Khách một cách phổ thông, nghĩa là đối với người tục sinh bằng tâm quả Hỷ thọ, khi có đồng lực sân thì dù ở cảnh nào (cảnh rất lớn, cảnh lớn, cực tốt, tốt hay bất toại) đều sanh khởi được cả. Riêng bốn tâm đại quả xả thọ làm hữu phần Khách chỉ sanh khởi trong những trường hợp đặc biệt, như:

- Đối với người Nhị nhân, nếu đồng lực sân quá mạnh, bấy giờ hai tâm đại quả xả thọ ly trí sanh khởi để đảm nhận vai trò này.

- Đối với người Tam nhân, khi sân lực mạnh tương đối thì sanh khởi một trong hai tâm đại quả xả thọ không có trí

làm hữu phần Khách, khi sân lực cực mạnh thì chính một trong hai tâm đại quá xả thọ có trí đảm trách.

Tóm lại, tâm hữu phần Khách là 6 tâm Tục sinh xả thọ.

Vì sao cảnh cực tốt hay tốt lại phát sanh đồng lực sân?

Đối với cảnh cực tốt hay tốt, thông thường phát sanh đồng lực hỷ thọ hoặc xả thọ, nhưng vẫn có thể khởi lên đồng lực sân là do:

i. Có “ấn tượng kinh hoàng”, giờ liên tưởng lại phát sanh kinh sợ. Như người trước đây suýt chết vì lửa, nay thấy người đốt pháo bông vui chơi trong lễ hội y phát sanh lo sợ.

ii. Do cảnh hiện khởi bất ngờ ngoài dự kiến, như có hành giả tu tiến thiền Chi tịnh (*samādhi bhāvanā*) chợt nhận thấy ánh sáng từ thân tỏa ra rực rỡ, cảm thấy khiếp đảm.

iii. Do “tưởng tượng phong phú”, như người đi lạc vào rừng ban đêm, chợt nghe tiếng hát du dương từ xa vọng lại, y kinh hoàng cho rằng “tiếng hát của loài yêu quái”.

iv. Do “pháp điên đảo” (*vipallāsadhamma*) chi phối, như khó chịu trước sự huy hoàng của kẻ thù.

Vì sao hữu phần Khách không được kể là tâm Khách?

Tuy cũng là hữu phần, nhưng tâm Na cảnh được kể là tâm Khách vì có liên hệ với cảnh, tức là có phận sự hưởng cảnh dư tàn của đồng lực.

Nói đến tâm lộ là nói đến hai loại cảnh: cảnh Chủ và cảnh Khách, tâm hữu phần Khách chẳng dính dấp chi đến 2 loại cảnh này. Tuy có phận sự hòa giải hai xung lực Ưu thọ và Hỷ thọ, nhưng sự hòa giải này như một sự tình cờ chứ không phải có chủ ý trước, giống như hai người đang tranh chấp,

chợt im lặng vì có người thứ ba tình cờ xuất hiện, rồi sau đó mỗi người đi theo hướng riêng của mình.

4- TỔNG KẾT

Lộ ngũ môn cảnh rất lớn với ba phương thức: chót Na cảnh, chót đồng lực và chót hữu phần Khách đã được trình bày.

Điều cần ghi nhận là: Đối với cảnh rất lớn, cho dù diễn biến theo phương thức nào cũng chỉ có một hữu phần vừa qua mà thôi và có 3 tâm lộ căn bản.

BÀI 5**TÂM NA CẢNH**
(*Tadāmbanacitta*)**I- ĐỊNH NGHĨA:**

Tadāmbana là một hợp từ ***tada*** + ***ārammana***, theo biến cách của *Pāli* ngữ trở thành *tadāmbana*.

Tada là chính cái đó, *ārammana* là cảnh.

Chữ *tadāmbana* nghĩa là “*chính cảnh cũ*”.

Vậy: “Tâm nào nhận lấy cảnh của đồng lực và sanh kế tiếp đồng lực, tâm ấy gọi là Na cảnh (*tadāmbanacitta*)”.

Phận sự của đồng lực là ứng xử và hưởng cảnh trọn vẹn, nên tâm nhận lấy cảnh từ đồng lực được xem như hưởng cảnh dư tàn, do đó chữ *tadāmbana* được dịch là **Na cảnh** (hay còn gọi là Thập di, hoặc Đồng sở duyên - sở duyên ở đây chỉ cho cảnh -).

Ví như người sau khi thường thức loại vật thực thượng vị, y còn chép miệng đôi lần để hưởng lại hương vị ấy.

II- ĐIỀU KIỆN KHỞI SINH TÂM NA CẢNH.

Chỉ có hai loại cảnh có thể khởi sanh tâm Na cảnh là: Cảnh rất lớn trong lộ ngũ môn và cảnh rất rõ trong lộ ý môn.

Tuy chỉ khởi sinh trong hai loại cảnh trên, nhưng không phải lộ tâm của hai cảnh trên đều có Na cảnh. Ví như ngọc

traai có từ con trai, nhưng không phải con trai nào cũng có ngọc.

Tâm Na cảnh có tính chất hưởng lại cảnh cũ của đồng lực, nên nằm kế tiếp sau đồng lực.

- Nếu ở thời bình nhật thì Na cảnh nằm ở giữa đồng lực và hữu phần.

- Vào thời Cận tử thì nó nằm ở giữa đồng lực và tâm Tử (*cuticitta*).

Tâm Na cảnh khởi lên do ba yếu tố:

- Đồng lực trong tâm lộ phải là đồng lực dục giới (*kāmajavanacitta*).

- Phải là người dục giới (*kāmapuggala*).

- Tâm lộ phải bắt cảnh dục (*kāmārammaṇa*).

Tuy nhiên, cho dù có đầy đủ ba yếu tố này, nhưng có một chướng ngại xen vào (như không đủ thời gian cho tâm Na cảnh tồn tại hai sát-na), tâm Na cảnh cũng không sanh lên..

Lý giải:

Khi tâm Khách (*vīthicitta*) chưa xuất hiện, dòng hữu phần trôi chảy êm ả, khi ngoại cảnh xuất hiện lấn chiếm vào dòng hữu phần, dòng tâm Chủ bị cắt đứt nhường cho tâm khách sinh khởi để ứng xử với cảnh mới, tâm lộ sinh lên đến sát-na đồng lực thứ 7 thay vì trở về dòng hữu phần như cũ, nhưng bấy giờ cảnh vẫn còn sức mạnh do nương vào đồng lực, ngăn cản không cho cảnh Chủ hiện khởi.

Chính do đồng lực quá mạnh nên tác động đến cảnh, đồng lực tuy diệt rồi nhưng ảnh hưởng vẫn còn, ví như đồng lửa lớn tuy đã tắt nhưng sức nóng vẫn còn.

Thế là hai sát-na Na cảnh phải sanh lên để “phù hợp với tình hình” và hưởng lại cảnh ấy.

Mặt khác, cảnh lực cũng góp phần tích cực vào sự hiện khởi tâm Na cảnh, như một hình ảnh dù chớp nhoáng vẫn đủ để hai mắt cùng nhìn thấy, một âm thanh dù sắc gọn cũng đủ để hai tai cùng nghe, chúng ta không thể bảo mắt này thấy mắt kia không hay tai này nghe tai kia không nghe, hoặc mắt này thấy trước mắt kia thấy sau Hai mắt hay hai tai ví như đồng lực và cảnh lực.

Thay vì khởi lên hữu phần tiếp theo sau đồng lực, do hai hấp lực: đồng lực và cảnh lực, cảnh Chủ không thể sinh khởi, tâm Na Cảnh có điều kiện sinh lên.

1- Vì sao tâm Na cảnh phải có đủ hai sát-na?

Cảnh Chủ là do hấp lực của nghiệp Cận tử tạo thành, chính cảnh này đã đưa chúng sanh tái sanh vào cảnh giới thích ứng với nghiệp cận tử và nó có một nội lực đáng kể để đối kháng với sức mạnh của ngoại cảnh.

Ngoại cảnh khi có sức mạnh cắt đứt cảnh Chủ phải trải qua hai sát-na hữu phần Dao động, ngược lại khi nội lực cảnh Chủ sung mãn, lực của ngoại cảnh yếu kém, cảnh Chủ muốn cắt đứt cảnh Khách cũng phải có ít nhất hai sát-na, chính hai sát-na này mang tên Na Cảnh.

Và cũng vì sự sanh diệt của tâm quá nhanh, muốn chuyển từ cảnh này sang cảnh khác, không thể chuyển ngay, phải chậm lại ít nhất hai sát-na mới được. Ví như người đang chạy nhanh không thể dừng ngay được, khi dừng lại cũng phải chú ý về phía trước ít nhất hai bước mới dừng hẳn.

Mặt khác, đồng lực dù có sức mạnh cũng không thể tác động đến dòng hữu phần quá 2 sát-na, vì tâm Chủ mang sức mạnh từ hấp lực của Nghiệp cận tử khi trước, sức mạnh này đối kháng với sức mạnh đồng lực. Ví như thuyền gặp nước

ngược, khi đã ngừng (đồng lực đã diệt) dù còn trốn cũng chỉ lướt thêm một khoảng ngắn mà thôi.

2- Vì sao phải là đồng lực Dục giới ?

Sự hưởng cảnh dư tàn là do dục ái (*kāmatanhā*) mạnh.

Những tâm bất thiện cũng như đại thiện (*mahākusalacitta*) có khuynh hướng thiên về dục ái nên sự “hưởng cảnh dư tàn” (Na cảnh) phải do tâm quả Dục giới (*vipākakāmavacanacitta*) đảm nhận, ví như cha mẹ khi dùng một loại vật thực ngon, còn dư thì dành cho con cháu của mình hưởng.

Tâm Na cảnh là tâm quả của hai loại tâm bất thiện và đại thiện, nên phải nối theo hai loại đồng lực trên.

Tâm Na cảnh cũng có thể theo sau đồng lực Hạnh hữu nhân dục giới (*hetukakriya kāmavacara citta*). Tuy tâm Hạnh (tâm của vị A-la-hán) có tính phi thiện phi bất thiện, nhưng vẫn có “gốc từ dục ái” cùng “họ dục giới”.

Như một đứa bé đi đâu cũng phải theo sau cha mẹ chúng, nếu không có cha mẹ thì chúng theo ông bà, cậu mợ, chú bác trong họ, không thể theo kẻ lạ được. Cũng vậy, tâm Na cảnh có thể sanh lên sau đồng lực Hạnh dục giới của vị A-la-hán

Điều này giải thích: Vì sao các tâm Na cảnh không hiện khởi sau các đồng lực An chỉ (*appanājavana*) (tâm Thiền và tâm Siêu thế).

3- Vì sao phải là người cõi dục ?

Đối với các vị Phạm thiên (*Brhmmā*) thì dục ái đã bị áp chế bởi thiên lực (*jhānabala*), nên dục ái không có sức mạnh hiển lộ như người cõi dục. Chư Phạm thiên tuy có mắt, có tai, nhưng không phải các Ngài vì ái cảnh sắc hay ái cảnh thính nên mong muốn có mắt, có tai để thụ hưởng sắc trần, thính trần.

Sở dĩ các Ngài có mắt, có tai là vì có ý muốn được gặp cao nhân (như Đức Phật chẳng hạn) và nghe Giáo pháp của vị ấy. Mặt khác, chư Phạm thiên tái tục bằng tâm quả Đáo đại (*mahaggataphalacitta*), đây là một thành tựu lớn từ năng lực thiên định, một năng lực áp chế được dục ái mà hình thành, nên các tâm quả Đáo đại không thể trợ giúp các tâm Na cảnh sanh khởi.

Tâm Na cảnh là sự biểu hiện của sức mạnh dục ái, nên chúng chỉ khởi hiện ở những điều kiện thích ứng với dục ái, tâm hữu phần ở cõi dục là do nghiệp lực dục ái tạo thành, nên tâm Na cảnh thích ứng với người cõi dục, ví như cá chỉ sanh trong môi trường nước, nơi ấm thấp là môi trường sanh khởi chúng sanh thấp sanh....

Vì vậy, chư Phạm thiên không hề có tâm Na cảnh, sở dĩ các Ngài vẫn có nhãn thức, nhĩ thức, tâm Tiếp thân, tâm Quan sát ... tuy chúng cũng là loại tâm quả dục giới (*kāmavipākacitta*), nhưng chúng sanh lên để làm phận sự độc lập riêng, không dính líu gì đến tâm hữu phần, trái lại tâm Na cảnh lại lệ thuộc vào tâm hữu phần.

Theo quy luật về Tâm (*cittaniyāma*), khi có **vật, cảnh** và **thức** hội tụ thì hiện khởi tâm lộ, nếu là cảnh sắc thì hiện khởi lộ nhãn môn và nhãn thức sẽ sanh khởi, tiếp theo lần lượt phải là Tiếp thân, Quan sát... theo trình tự, có thể thôi. Ví như Đức Vua (cảnh) đi du hành, Ngài đi đến địa phận (chặng) nào, thì quan sở tại (tâm khách tương ứng) phải ra đón tiếp (sanh lên) theo thứ tự để làm phận sự riêng đối với Đức vua.

Chỉ có tâm Tục sinh dục giới trợ tạo tâm Na cảnh. Mà đã tục sinh bằng tâm quả dục giới, dĩ nhiên phải là chúng sanh ở cõi Dục.

4- Vì sao tâm lộ phải bắt cảnh dục?

Vì cảnh dục là môi trường thích ứng để dục ái triển khai và hiển lộ sức mạnh, cũng vì thế mà cảnh dục được xem là cảnh nhỏ, cảnh thấp kém (*parittārammaṇa*).

Đối với cảnh Đáo đại (*mahaggatārammaṇa*) hay cảnh Chế định, dục ái không có môi trường hoạt động, nên không thể hiển lộ sức mạnh.

Đối với cảnh Siêu thế lại là “đất chết” của dục ái nên dục ái càng xa lánh. Cảnh Đáo đại được gọi là cảnh trung bình, cảnh Siêu thế gọi là cảnh Vô lượng (*appaṇārammaṇa*), chỉ có cảnh dục giới là sinh địa cho dục ái và cũng chỉ có cảnh này tâm Na cảnh mới có thể đi đến (*vacara*) mà thôi.

Tâm đồng lực dục giới có thể biết được ba cảnh trên, riêng tâm Na cảnh chỉ biết thuần cảnh dục. Ví như đứa bé chỉ có thể theo người thân đi đến nơi thích hợp với nó, không thể đến nơi hạp cao cấp, hay các công sở mà một đứa bé như nó không nên đến.

5- Tâm Na cảnh là loại tâm nào ?

Như đã lý giải, điều kiện tiên khởi giúp cho tâm Na cảnh sinh lên chính là tâm Tục sinh Dục giới, dĩ nhiên chúng thuộc “hệ hữu phần” Dục giới.

Tâm Na cảnh chính là hai tâm Quan sát xả thọ (*upekkhāsantīrana*) và 8 tâm Đại quả, nhưng tâm Quan sát xả thọ quả thiện có thể trở thành tâm Quan sát hỷ thọ quả thiện (*somanassasantīrana citta*) nên tâm Quan sát hỷ thọ cũng làm việc Na cảnh được.

Như thế có 11 tâm làm phận sự Na cảnh là 3 tâm Quan sát và 8 tâm đại quả.

Giữa tâm Quan sát xả thọ quả thiện và tâm Quan sát hỷ thọ quả thiện có sự chuyển thể qua ví dụ như sau:

Vào ngày lễ đặt tên cho Hoàng tử, theo thông lệ các quan mang tặng phẩm đến triều kiến và dâng lên Đức Vua. Tặng phẩm dĩ nhiên là vật tốt, nếu tặng phẩm bình thường như những tặng phẩm mà Đức vua thường nhận, Ngài vẫn thân nhiên, nhưng nếu tặng phẩm thuộc loại bảo vật hiếm có trên đời, Đức Vua nhìn thấy bảo vật phát sanh hoan hỷ đẹp dạ.

Cũng vậy, đối với quả thiện thường là cảnh tốt, nếu là tốt trung bình thì tâm Quan sát sẽ là xả thọ, nếu là cảnh cực tốt thì lại là tâm Quan sát hỷ thọ.

Có câu hỏi, vì sao tâm Quan sát hỷ thọ không làm việc Tục sinh như tâm Quan sát xả thọ quả thiện?

Khi cận tử tâm chúng sanh muội lược, cho dù cảnh cực tốt cũng không nhận thức rõ.

Mặt khác, tâm Quan sát hỷ thọ nảy sinh từ tâm Quan sát xả thọ quả thiện, nên tâm Quan sát hỷ thọ không thể xuất hiện vào thời điểm Tục sinh.

Lại nữa, trong lúc cận tử nếu đồng lực là tâm không có trí và không đủ ba Tư (*cetanā*) do thuần thực khi tạo nghiệp, khi ấy chỉ có thể sinh khởi tâm Quan sát xả thọ thiện để đảm nhận phận sự tái tục (*paṭisandhikiccam*), không thể khởi sanh được tâm Quan sát hỷ thọ để làm việc tục sinh (sẽ giải thích rõ ở phần tâm lộ thời cận tử).

Riêng về năm đôi thức và hai tâm Tiếp thân, tuy chúng cũng quả là tâm dục giới, nhưng chúng không thể đảm nhận phận sự Na cảnh, do chúng không bị hấp lực của đồng lực, sức mạnh của đồng lực chỉ có thể ảnh hưởng đến 2 sát-na sau nó mà thôi, nên sức mạnh đồng lực là yếu tố trợ sanh cho tâm Na cảnh.

Có 11 tâm làm phận sự Na cảnh là nói gọn, khi phân tích rộng thì: - Người Khổ chỉ có ba tâm Na cảnh là: ba tâm Quan sát.

- Người Lạc vô nhân và người Nhị nhân có được 7 tâm Na cảnh (thêm 4 tâm đại quả không có trí).

- Người Tam nhân và bốn người Quả ở cõi dục (bốn bậc Thánh) có được 11 tâm Na cảnh.

Kết luận: “ **Tâm Na cảnh chỉ có trong cõi Dục**”.

BÀI 6

LỘ NHÃN MÔN CẢNH LỚN

(Cakkhudvāramahantārammaṇavīthi)

I- ĐỊNH NGHĨA:

Gọi là **cảnh lớn**, vì 1 trong ba yếu tố trợ sanh lộ nhãn môn yếu kém, cảnh không đủ lực kích tác vào dòng hữu phần ngay, phải trải qua 2 hoặc 3 sát-na HPVQ, khi ấy cảnh sắc mới làm luồng hữu phần dao động được.

II- PHÂN TÍCH:

Lộ nhãn môn cảnh lớn diễn tiến theo hai 2 mô thức: **chót đồng lực** và **chót hữu phần Khách**.

Mỗi mô thức có hai tâm lộ: tâm lộ có 2 HPVQ và tâm lộ có 3 HPVQ. Như vậy có cả thảy là 4 tâm lộ.

Sở dĩ trong cảnh lớn không có Na cảnh là vì:

– Khi sát-na đồng lực thứ 7 diệt đi, cảnh sắc chỉ còn 1 sát-na tuổi thọ hoặc vừa diệt, không đủ thời gian 2 sát-na cho tâm Na cảnh sinh khởi.

– Đồng lực tuy có sức mạnh, nhưng bấy giờ cảnh sắc đã muội lược (vì chỉ còn 1 sát-na tuổi thọ) nên không đủ sức ngăn cản cảnh Chủ khởi lên, ví như cây đã lão hóa dù có bốn phân cũng chẳng tác dụng mạnh.

1- Biểu đồ.

a- Chót Đồng lực

Lộ nhãn môn cảnh lớn chót đồng lực có 2 sát-na HPVQ diễn tiến như sau:



Tâm Lộ này có được:

- Sát-na :12 sát-na tâm khách.
- Chặng: 6 chặng.
- Thứ tâm: 38 thứ tâm khách Dục giới (54 tâm Dục giới trừ 4 đôi thức ngoài ra và 8 tâm đại quả).
- Người : 8 hạng người (4 phàm + 4 Thánh quả).
- Cõi : 26 cõi năm uẩn.

Lộ tâm có 3 HPVQ cũng tương tự, chỉ khác là thêm một sát-na HPVQ.

Nên ghi nhận: Đối với những lộ tâm chót đồng lực, dù rằng đó là cảnh rất lớn hay Lớn, khi tính ở trong 26 cõi ngũ uẩn là tính chung, nếu phân tích chi tiết thì:

- Đối với nhãn thức và nhĩ thức thì có trong 26 cõi ngũ uẩn.

- Đối với tỷ thức, thiệt thức và thân thức chỉ có ở 11 cõi dục giới, chư Phạm thiên không có 3 loại thức trên.

b- Chót hữu phần Khách.

Lộ nhãn môn cảnh lớn chót hữu phần Khách.



Đây là biểu đồ tâm lộ có hai HPVQ.

Lộ tâm này có :

- Sát-na : 12 sát-na tâm khách.
- Chặng: 6 chặng tâm khách.
- Thứ tâm: 11 thứ tâm khách (2 tâm Khán môn, 2 nhãn thức, 2 t. Tiếp thu, 3 t. Quan sát và 2 đồng lực sân).
- Người: 4 hạng người (Nhị nhân, Tam nhân, Sơ quả và Nhị quả tục sinh bằng tâm quả Dục giới hỷ thọ).
- Cõi: ở 7 cõi vui Dục giới (cõi người + sáu cõi trời Dục).

Tâm lộ chót hữu phần Khách có 3 sát-na HPVQ cũng tương tự, chỉ thêm 1 sát-na HPVQ mà thôi.

Lý giải.

Tâm lộ ngũ môn cảnh lớn đôi khi cũng khởi lên 4 sát-na HPVQ là do cảnh yếu, trong trường hợp này đồng lực chỉ sanh khởi 6 sát-na, dứt sát-na đồng lực thứ sáu thì cảnh diệt đi. Như thế, dù trải qua 4 HPVQ tâm lộ vẫn đủ túc số là 17 sát-na, vẫn không choán mất thời gian trong tâm lộ vậy.

LỘ NHÃN MÔN CẢNH NHỎ

(Cakkhudvāraparittārammaṇavīthi)

Khi nhân trợ sanh tâm lộ nhãn môn yếu kém (nhất là nhãn vật và cảnh sắc). Cảnh sắc chiếu vào dòng hữu phần, phải trải qua từ 4 đến 9 sát-na HPVQ mới làm dao động được dòng hữu phần để khởi sanh tâm Khách.

Do yếu kém nên đến chặng Đoán định (*voṭṭhapanathāna*) cảnh sắc trở nên muội lược, vì thế tâm Đoán định không thể “xác định” rõ. Một hình ảnh rõ ràng sắc nét thoáng qua cũng dễ nhận định hơn là một hình ảnh mờ

mờ ảo ảo, thế là đồng lực không có điều kiện sanh khởi để ứng xử với cảnh sắc.

Mặt khác, nếu cảnh sắc trải qua 9 sát-na HPVQ sẽ không còn thời gian cho đồng lực sanh lên.

Và trong trường hợp cảnh yếu kém, muội lực như thế, tâm lộ chỉ hiện khởi lên 2 hay 3 chập Đoán định (*voṭṭhapana*) rồi trở về hữu phần cơ bản.

Lộ nhãn môn cảnh nhỏ có tất cả là 6 lộ, được tính theo sát-na HPVQ. Tâm lộ thứ nhất có 4 sát-na HPVQ . . . Tâm lộ thứ 6 có 9 sát-na HPVQ.

Biểu đồ:

Tâm lộ nhãn môn cảnh nhỏ diễn hoạt như sau:



Lộ này có được 5 chặng tâm khách.

- Có 9 thứ tâm khách (2 tâm Hương môn, 2 nhãn thức, 2 Tiếp thân và 3 Quan sát),

- Sinh khởi nơi 8 hạng người trong 26 cõi năm uẩn.

Năm lộ kế tương tự chỉ khác mỗi lộ có thêm một sát-na HPVQ.

GHI CHÚ:

Sở dĩ có tâm Quan sát hỷ thọ, vì đây là cảnh cực tốt. Theo sự vận hành của tâm pháp thì tâm Quan sát hỷ thọ sanh lên nhận cảnh cực tốt dù cảnh ấy là rất lớn, lớn hoặc nhỏ, ví như ngọc là vật quý, dù lớn hay nhỏ cũng là ngọc.

Nhãn thức, nhĩ thức thì có trong 26 cõi năm uẩn, nếu là tỷ thức, thiệt thức và thân thức thì chỉ có trong 11 cõi Dục giới.

LỘ NHÃN MÔN CẢNH RẤT NHỎ

(*Cakkhuvāratiparittārammaṇṇavīthi*)

Khi bốn yếu tố trợ sanh cho tâm lộ trong tình trạng muội lược, cảnh lực chỉ đủ sức làm dao động dòng hữu phần, nhưng không thể cắt đứt cảnh Chủ làm khởi sanh tâm khách, nên cảnh này được gọi là cảnh rất nhỏ (*atiparittārammaṇa*).

Vì không làm khởi sanh tâm Khách, nên những tâm lộ cảnh rất nhỏ được gọi là ngoại lộ (*vimuttivīthi*).

Tùy theo cường độ cảnh lực, tâm lộ cảnh rất nhỏ có từ 10 đến 16 HPVQ, hữu phần Rúng động khởi lên một hai chặng rồi trở về hữu phần cơ bản.

Tính theo sát-na HPVQ, tâm lộ cảnh rất nhỏ có được 7 lộ, lộ thứ nhất có 10 HPVQ ... lộ thứ 7 có 16 HPVQ.

Biểu đồ:

Lộ thứ nhất có 10 HPVQ.



Lộ này sinh khởi ở 8 hạng người trong 26 cõi ngũ uẩn, không chặng cũng không có tâm khách.

Sáu lộ sau cũng tương tự, chỉ thêm dần mỗi lộ một sát-na HPVQ.

TỔNG KẾT:

Lộ tâm ngũ môn thời bình nhật đã được trình bày qua lộ tiêu biểu là nhãn môn. Điều cần ghi nhớ là:

- Lộ cảnh rất lớn chỉ có **một** sát-na HPVQ.
- Lộ cảnh lớn chỉ có từ **2 đến 3** HPVQ qua, nếu có 4 HPVQ, thì có 6 sát-na Đồng lực.
- Chỉ đến sát-na Đoán định thì là cảnh nhỏ.
- Chỉ phát sanh đến hữu phần Rúng động thì là cảnh rất nhỏ.

Tổng cộng có 100 lộ ngũ môn thời bình nhật đã được trình bày.

BÀI 7**LÝ GIẢI LỘ NGŨ MÔN THỜI BÌNH NHẬT****1- TƯƠNG QUAN GIỮA VẬT VÀ TÂM:**

VẬT (*vatthu*) là chỗ trú của THỨC (*viññāna*), năm đôi thức trú ở năm vật theo tương ứng (nhãn thức trú ở nhãn vật, nhĩ thức trú nơi nhĩ vật...), còn Ý vật (*hadayavatthu*) là nơi trú của Ý thức.

Năm vật được định vị rõ ràng, riêng về Ý vật chưa có sự thống nhất rõ rệt. Theo các vị Luận sư như Ngài Anuruddha thì Ý vật là một số máu trong ngàn năm sâu ở chót trái tim, nên Ý vật có tên là *hadayavatthu* (*hadaya*: nghĩa là trái tim). Vị trí này gọi là Tiềm huyết chứa một số máu trong ngàn, số máu này rất ít và cũng luân lưu, rồi có số máu khác lấp vào. Theo các nhà khoa học thì sắc Ý vật chính là não bộ.

Đức Phật không định vị rõ ràng sắc Ý vật, Ngài chỉ dạy rằng: “*Yaṃ rūpaṃ nissayaṃ... tâm nương sắc nào, sắc ấy là Ý vật*” .

Trong bản Khái luận của ông Aung có nêu: “Đức Phật không nói gì về điểm này, Ngài không quả quyết sắc Ý vật là trái tim hay não bộ. Bộ *Dhammasaṅgani* (Pháp Tụ) danh từ *hadayavattu* cố tình không dùng đến, trong bộ *Paṭṭhāna* (Đại xứ), thay vì dùng *hadayavatthu* như là sắc Ý vật, Đức Phật chỉ dạy giản dị là “*Yaṃ rūpaṃ nissayā*” .

Nhưng dù là sắc trái tim hay não bộ, vẫn phát sanh vấn đề sau đây:

Các vị Luận sư bảo rằng: “*Khi cảnh ngũ như cảnh sắc chẳng hạn, hiện qua nhãn vật, khi ấy dòng hữu phần rung động tức khắc*”, nhưng rõ ràng Ý vật (*hadayavattu*) và nhãn vật (*cakkhupasāda*) không nằm gần nhau, thậm chí có chúng sanh như Thiên tử *Rāhu* thì từ mắt đến trái tim có khoảng cách hàng ngàn cây số, vậy làm sao có sự đồng bộ như trên được?

Thật vậy, khi cảnh sắc hiện rõ nơi sắc Ý vật, lập tức dòng hữu phần bị dao động ngay, tâm hữu phần ấy có tên gọi là *bhavaṅgacalana* (hữu phần Rúng động).

Ngài *Buddhaghosa* đã viết trong *Atthasālinī* như sau:

“Ekekaṃ ārammaṇaṃ dvāresu āpātamaṅgacchati, rūpārammaṇaṃ hi cakkhupasādaṃ ghaṭṭetvā taṃ khaṇaṅñeva manodvāre āpātamaṅgacchati, bhavaṅgacalanassa paccayo hotīti attho”.

“*Khi một cảnh hiện rõ trong môn, như cảnh sắc hiện rõ trong nhãn môn, làm rung động những sát-na (tâm) nơi ý môn, do duyên được hiện rõ này, gọi là hữu phần Rúng động*”.

Tuy vị trí giữa ý vật và nhãn vật có cách xa nhau, nhưng chúng và luồng hữu phần có thực tính pháp (*sabhāvadhamma*) tương quan mật thiết, ba pháp này có chung gốc là do nghiệp tục sinh tạo thành, ví như hương hoa, màu hoa, cánh hoa đều do cây hoa mà có. Việc tâm hữu phần bị dao động bởi cảnh sắc ở nhãn vật là điều hiển nhiên.

Các ngài dùng hình ảnh hai cục đường để minh họa cho vấn đề này như sau:

Trên mặt bàn có hai cục đường đặt cách nhau khá xa, một cục có ruồi bám, cục kia thì không, khi lấy tay chạm vào viên đường không có ruồi, ruồi ở viên kia hoảng hốt bay lên. Ruồi ví như dòng hữu phần, viên đường có ruồi ví như sắc Ý vật, viên đường không ruồi ví như nhãn vật, ngón tay chạm

vào viên đường (không có ruồi) ví như cảnh sắc hiện rõ vào nhãn vật.

Và đây là câu *Pāli* minh dẫn, trích từ *Saccasaṅkhepa-atthakathā*:

“*Ghaṭṭite aññavatthumhi.*

Aññanissitaṃ kampanaṃ.

Ekābandhena hotīti.

Sakkharo pamaya vade”.

Nhãn vật trợ sanh nhãn thức ra sao?

Trợ sanh cho nhãn thức chính là 49 đoàn nhãn vật ở giai đoạn Trụ (*ṭhitipatta*), để dễ hiểu chúng ta xác định 49 đoàn nhãn vật ấy, lấy cột mốc là tâm Hướng ngũ môn (*pañcadvāravajjanacitta*) (vì nhãn thức sanh kế tiếp tâm Hướng ngũ môn).

Như đã nói “sắc pháp có đời sống dài hơn danh pháp 17 lần”, tức là đời sống của sắc pháp có 51 sát-na tiểu

Theo quy luật của sắc pháp, mỗi sát-na tiểu có một đoàn sanh lên một đoàn diệt mất để có bình số là 51 đoàn. Chúng ta có thể hiểu điều này qua ví dụ sau : Có nhà máy sản xuất sản phẩm, sản phẩm được tạo ra sẽ rơi trên đường băng, đường băng dài 51 khoảng, sản phẩm thứ nhất (tiểu sát-na sinh) rơi trên đường băng, tiếp theo sản phẩm thứ hai lại rơi trên đường băng sẽ đẩy sản phẩm thứ nhất tiến lên phía trước, sản phẩm thứ hai là tiểu sát na sinh, sản phẩm thứ nhất là tiểu sát-na trụ thứ nhất. Cứ như thế cho đến khi sản phẩm thứ nhất đến vị trí thứ 51, khi có sản phẩm thứ 52 xuất hiện, sản phẩm thứ nhất bị rớt khỏi đường băng (ám chỉ bị diệt mất), bấy giờ trên đường băng luôn luôn có 51 sản phẩm, khi một sản phẩm mới xuất hiện, lập tức có một sản phẩm rớt khỏi đường băng và đường băng bình số là 51 sản phẩm.

Cảnh sắc và sắc thân kinh nhãn đều là sắc pháp nên chúng có tuổi thọ là 51 sát-na tiểu như nhau. Và như thế chúng có ba đối cách với nhau là:

- **Sắc thân kinh nhãn cùng diệt với cảnh sắc**, gọi là *majjhimāyukacakkhupasāda*, như vậy đối với cảnh rất lớn, hai loại sắc này phải đồng sanh vào tiểu sát-na Sinh của tâm HPVQ.

Đối với cảnh lớn, chúng phải đồng sanh vào sát-na HPVQ thứ nhất.

- **Sắc thân kinh nhãn diệt sau cảnh sắc**, gọi là *Amandāyukacakkhupasāda*, như vậy đối với cảnh rất lớn hay cảnh lớn, sắc thân kinh nhãn này sanh chậm hơn cảnh sắc ít nhất 1 sát-na tiểu, tức là sanh sớm nhất cũng phải vào tiểu sát-na Trụ của HPVQ thứ nhất, chậm nhất là vào tiểu sát-na Diệt của tâm Hướng ngũ môn, đến tiểu sát-na Sinh của nhãn thức, sát-na này trở thành tiểu sát-na trụ thứ nhất sẽ trợ nhãn thức sanh lên.

- **Sắc thân kinh nhãn diệt trước cảnh Sắc**, gọi là *Mandāyukacakkhupasāda*, như vậy đối với cảnh rất lớn hay cảnh lớn, sắc thân kinh nhãn này sanh trước cảnh sắc ít nhất 1 sát-na tiểu, tức là sanh chậm nhất cũng phải từ tiểu sát-na Diệt của tâm hữu phần trước sát-na tâm HPVQ, sanh sớm nhất là vào sát-na Diệt của tâm hữu phần thứ 17 kể từ sát-na Hướng ngũ môn trở về trước (xem đồ hình).

Tóm lại:

Đối với bất kỳ lộ nào, trước tiên phải tìm *Majjhimāyukacakkhupasāda*. Sắc thân kinh nhãn này luôn đồng sanh với cảnh sắc vào sát-na HPVQ đầu tiên (không thể sai khác được).

Sắc thân kinh Nhãn nào sanh sau cảnh Sắc một sát-na tiểu, đó là *Amandāyukacakkhupasāda*.

Sắc thần kinh Nhãn nào sanh trước cảnh sắc 1 sát-na tiểu, đó là *Mandāyukacakkhupasāda*.

Những sắc thần kinh nhãn nào đồng sanh với nhãn thức, không kể là sắc thần kinh nhãn trợ sanh nhãn thức.

Trước khi nhãn thức sanh lên là tâm Hưởng ngũ môn, vậy ta lấy tâm Hưởng ngũ môn làm cột mốc để tìm sắc thần kinh nhãn trợ sanh nhãn thức.

Ba loại sắc thần kinh nhãn *Majjhimāyuka* – *Amandāyuka* – *Mandāyuka* đều có thể trợ sanh nhãn thức. Và tổng số ba loại sắc thần kinh này là 49 sát-na tiểu.

Từ cột mốc Hưởng ngũ môn tính trở về trước thêm 15 sát-na đại với sát-na tâm Hưởng ngũ môn thành 16 sát-na đại ($3 \times 16 = 48$ tiểu) và một sắc thần kinh nhãn ở vào sát-na Diệt của tâm hữu phân trước đó (xem hình vẽ), như thế tổng cộng là 49 đoàn nhãn vật ở giai đoạn Trụ, gọi là *ṭhitipattacakkhupasāda*.

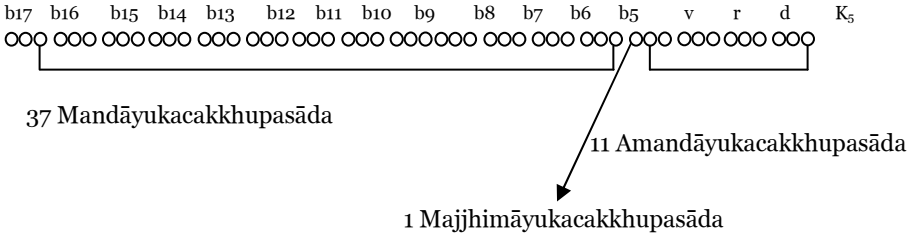
Chúng ta nêu 2 sơ đồ sắc thần kinh nhãn trợ sanh nhãn thức theo *Vatthupurejātapaccaya* (Vật tiền sanh duyên) làm tiêu biểu.

Trước tiên là sơ đồ sắc thần kinh nhãn trợ sanh nhãn thức ở ***cảnh rất lớn***.

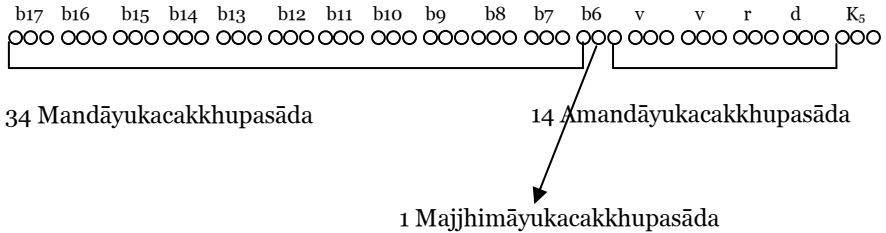
ĐỒ THỊ CỦA CẢNH RẤT LỚN

(*Atimahantārammaṇavīthi*)

Giai đoạn Trụ (*ṭhitipatta*) của sắc thần kinh nhãn gồm 49 sát-na tiểu.

Hình 1**ĐỒ THỊ CẢNH LỚN***(mahantārammaṇavīthi)***Cảnh lớn có 2 HPVQ**Hình 2

Giai đoạn Trụ của sắc thần kinh nhãn.



Theo đồ thị cảnh rất lớn ta thấy:

– *Mandāyukacakkhupasāda* có 37 sắc thần kinh nhãn, tức là lấy từ sắc nhãn vật sinh vào sát-na Diệt của tâm hữu phần thứ 13 (kể từ HPVQ tính ngược lại) cho đến sắc nhãn vật sinh vào sát-na Diệt của tâm hữu phần HPVQ (tức chỉ cho nhãn vật sinh và diệt trước cảnh sắc 1 sát-na tiểu).

– *Amandāyukacakkhupasāda* có 11 sắc nhãn vật, tính từ sát-na Trụ của HPVQ đến sát-na diệt của tâm Hương ngũ môn.

– *Majjhimāyukacakkhupasāda* có 1. Tổng cộng là 49 sắc thân kinh nhãn ở giai đoạn Trụ (*thitipatta*).

Theo đồ thị cảnh lớn, tâm lộ có 2 HPVQ thì:

– 34 *mandāyukacakkhupasāda* là tính từ sát-na Diệt của tâm hữu phần trước HPVQ đến sát-na Diệt của tâm hữu phần thứ 12, kể từ HPVQ tính ngược lại.

– 14 *Amandāyukacakkhupasāda*, là tính từ sát-na Trụ của HPVQ đến sát-na Diệt của tâm Hướng ngũ môn.

– 1 *Majjhimāyukacakkhupasāda*. Tổng cộng là 49 sắc thân kinh nhãn trợ sanh nhãn thức ở giai đoạn Trụ.

2- TƯƠNG QUAN GIỮA CẢNH VÀ TÂM

a- Tính chất của cảnh.

Cảnh có hai loại: cảnh tốt (*iṭṭhārammaṇa*) và cảnh xấu (*aniṭṭhārammaṇa*).

Tùy theo mức độ tốt hay xấu, cảnh được phân thành bốn loại: cảnh cực tốt, cảnh tốt, cảnh xấu và cảnh rất xấu.

Muốn nhận định cảnh tốt hay xấu phải dựa trên năm yếu tố:

1”- Người thường tình.

Đây là hạng người tiêu biểu cho đại chúng, là yếu tố đầu tiên để phân định tốt hay xấu.

Lẽ thường bậc cao nhân hay người có sự suy xét sâu, dù cảnh có như thế nào cũng ít bị dao động, hoặc áp chế được ngoại cảnh hoặc không bị cảnh tác động. Chỉ có thường nhân (*majjhima puggala*) mới có “cảm tính thiên lệch” đối với cảnh nhận biết.

Người bình thường hằng có khuynh hướng thiên về tình cảm hơn là lý trí, “thích thì cho là tốt, không thích thì bảo xấu”, màu trắng là “trinh nguyên” của người này, nhưng là “tang tóc” cho kẻ khác, y phục nhiều màu sẽ xinh đẹp đối với kẻ yêu thích nhưng lại diêm dúa với người không ưa. Cảnh yên tĩnh thích hợp đối với người sống về nội tâm, nhưng lại đáng sợ cho những tâm hồn háo động Do đó, người hưởng cảnh là một điều kiện không thể thiếu trong sự nhận định cảnh tốt hoặc xấu.

2 - Tâm Dị thực quả (vipākacitta)

Trước cảnh thực tính (*sabhāvārammaṇa*) tâm quả dị thực sanh khởi theo quy luật tự nhiên cho dù người hưởng cảnh thích hay không thích.

Tức là đối với cảnh tốt hay rất tốt (theo thực tính) thì tâm quả dị thực thiện sanh lên theo thứ tự năm thức quả thiện, Tiếp thu quả thiện, Quan sát quả thiện.

Trái lại cảnh xấu hoặc cực xấu thì tâm quả dị thực bất thiện sanh lên theo thứ tự năm thức quả bất thiện, Tiếp thu quả bất thiện, Quan sát quả bất thiện.

Ta không thể y cứ vào đồng lực để nhận định là tốt hay xấu được, có nhiều trường hợp đồng lực hưởng cảnh không tương xứng, cảnh tốt nhưng đồng lực lại bất thiện, như một ngoại giáo đồ nhìn thấy Đức Thế Tôn với 32 vẻ đẹp, anh ta đón nhận hình ảnh cao quý khả kính ấy bằng tâm quả dị thực thiện, nhưng đồng lực lại là tâm sân chẳng hạn.

Có khi cảnh xấu hoặc cực xấu, nhưng đồng lực lại là thiện, như vị Tỳ-kheo tu thiền đề mục tử thi, xác chết chường sinh là cảnh cực xấu, nhưng đồng lực lại là thiện thọ xả hoặc thiện thọ hỷ khi có ấn tướng (nimitta).

Do đó, ta phải dựa vào tâm quả dị thực để nhận định cảnh tốt hay xấu theo thực tính pháp (*sabhāvadhamma*).

3” - Môn (dvāra)

Môn cũng là một yếu tố để nhận định cảnh. Khi đối xúc với cảnh, mỗi môn nhận định cảnh theo tính cách riêng của chúng.

Cùng một cảnh, đối với môn này là tốt nhưng trở nên đáng ghét đối với môn kia, như cục phần chẳng hạn, khi áp vào Thân môn ta có thể có cảm giác lạc, khá êm ái (vừa ấm ấm, vừa mềm mềm), nhưng đối với mắt hay mũi thì đáng ghê tởm.

Như vậy, rõ ràng với Thân môn cục phần là tốt, với nhãn hay tỷ môn cục phần trở thành xấu.

Hoặc là một viên đá hoa văn xinh đẹp với mắt, nhưng khi chạm vào thân đau đớn, nó trở thành xấu.

Do vậy, môn cũng góp phần vào việc nhận định cảnh.

4”- Khía cạnh sai biệt của cảnh

Chính bản thân của cảnh cũng là 1 yếu tố trong sự nhận định cảnh, mà khía cạnh sai biệt của cảnh là chủ yếu. Như người có ngoại hình xinh đẹp nhưng tính tình độc ác, gian ngoa, là nỗi bất hạnh cho những ai gần gũi. Trái lại, người tuy có ngoại hình xấu xí khó coi nhưng tính tình hào sảng, nhân hậu, đó là niềm hạnh phúc cho những ai thân cận.

Hoặc giả, người có nhan sắc thiên kiều bá my, nhưng thân luôn toát ra mùi xú uế . . .

Vì thế ta phải lưu ý đến khía cạnh mâu thuẫn của chính đối tượng để nhận định cảnh tốt hay xấu.

5”- Thời điểm (kāla).

Thời điểm cũng có góp phần vào sự nhận định cảnh. Vào mùa hè nóng oi bức thì ngọn lửa là hung thần tàn bạo, trái lại mùa đông rét mướt ngọn lửa trở thành nàng tiên hiền dịu khả ái.

Ngọn gió là bạn hiền giữa trưa hè và trở thành gã tàn nhẫn trong đêm đông lạnh buốt...

Vậy muốn nhận định cảnh tốt hay xấu, ta phải lưu ý đến thời điểm chúng xuất hiện.

b- Tương quan giữa cảnh và tâm.

1”-Năm trần cảnh cùng hiện khởi.

Khi nói “năm trần cảnh cùng hiện khởi” là nhấn mạnh đến môi trường hưởng thụ ngũ dục, dĩ nhiên là đề cập đến nơi trú ngụ có đầy đủ tiện nghi vật chất.

Trong trường hợp này không xác định rõ tâm lộ của cảnh nào sanh khởi trước tiên được.

Thông thường khi nói đến sự diễn biến các tâm lộ vào thời điểm này, ta phải nhớ rằng: “*Mỗi tâm chỉ biết một cảnh ở mỗi thời điểm*”, đồng thời “*trong mỗi thời điểm chỉ có một cái tâm mà thôi*”. Với 1 cảnh sắc, 1 tâm lộ nhãn môn không thể ghi nhận cảnh sắc ấy đầy đủ được, việc ghi nhận đầy đủ chi tiết (như chi tiết một bức ảnh chẳng hạn) đòi hỏi rất nhiều tâm lộ nhãn môn kế tục nhau để đảm nhận.

Thấy được tổng thể là một lộ, nhận biết từng chi tiết, từng đường nét, màu sắc đậm nhạt . . . phải do nhiều tâm lộ nhãn môn khác nhau sanh khởi (dù cũng chỉ là lộ nhãn môn cơ bản). Nhưng do tốc độ diễn hoạt của tâm quá nhanh nên ta cứ ngỡ rằng: “*Chỉ một cái nhìn đơn giản là đã nắm bắt trọn vẹn 1 hình ảnh trước mắt*”.

Ở môi trường ngũ dục đã nêu, tùy theo Dục ái (sở thích) của người ấy đối với cảnh nào mạnh, y sẽ nhận lãnh cảnh ấy trước, nếu y có thị hiếu về cảnh sắc, cảnh sắc sẽ réo gọi trước tiên, thiên về âm thanh thì cảnh thính mời mọc, thích cảnh vị sẽ chú ý ngay đến vị dục, yêu hương thơm thì cảnh mùi chào đón, cần thân được an lạc thì chỗ ngồi hay chỗ nằm hấp dẫn y ngay.

Tâm lộ thích ứng với trần cảnh nổi bật ấy sẽ khởi lên trước tiên, sau đó các trần cảnh khác lần lượt tiếp nối theo sau khởi sinh.

Nếu đương sự là người không có sở thích gì đặc biệt, một trần cảnh nổi bật nhất trong năm trần cảnh tại hiện trường sẽ cuốn lấy anh ta, như một tiếng động lớn, 1 cánh hoa sặc sỡ, một mùi hương nồng nặc...

Tóm lại, vấn đề diễn biến tâm lộ trong môi trường ngũ dục tùy thuộc vào dục ái (thị hiếu) cá biệt đối với cảnh nhiều hay ít, hoặc do sức tác động của cảnh mạnh hay yếu.

2”- Hấp lực của cảnh đối với tâm Hương ngũ môn.

Trong lộ ngũ, tâm Hương ngũ môn (*pañcadvāravajjanacitta*) là tâm khách sinh trước tiên trong tâm lộ, có câu hỏi rằng:

Cảnh sắc và sắc thần kinh nhãn trợ sanh cho nhãn thức, vì sao tâm Hương ngũ môn lại sinh trước tiên?

Cảnh sắc hiện rõ nơi nhãn vật có sức mạnh cắt cảnh Chủ, khiến tâm hữu phần không thể sanh khởi. Tuy nhiên ảnh hưởng của hữu phần Dứt dòng đối với tâm sanh kế tiếp vẫn còn (*anantarapaccaya* - Vô gián duyên) vì hữu phần thuộc Ý quyền, nên tâm sanh kế tục vẫn trú tại ý vật.

Cảnh sắc chiếu vào hữu phần, nhưng tại Ý vật chỉ là phản ánh cảnh sắc đang có ở nhãn vật mà thôi, nhãn lộ khi ấy chưa khai mở, do đó tâm này phải nằm tại sắc Ý vật hướng về nhãn môn nhận cảnh sắc, đồng thời có phận sự khai mở nhãn lộ, vì thế tâm này còn có tên là *manasikāracittavīthi* (tác ý thành tâm lộ).

Tâm này có khả năng hướng về cả năm môn nên có tên gọi là *pañcadvāravajjanacitta* (tâm Hương ngũ môn).

Một điều nữa, sở dĩ tâm Hướng ngũ môn hướng về nhãn môn, là do hấp lực của cảnh sắc kích tác vào sát-na hữu phần Dứt dòng.

Ở sát-na tâm Hướng ngũ môn, cảnh sắc lại tác động một lần nữa cộng thêm sức mạnh của nhãn quyền (sát-na tiểu thứ 25 của giai đoạn trụ) và thế là nhãn thức sanh lên tại nhãn vật.

Có ví dụ sau đây để minh họa vấn đề này: một người đang đứng trong nhà, có tiếng động bên ngoài, y đưa mắt hướng về phía ấy, thấy bạn đang vẫy gọi, y bước ra tiếp bạn. Người đứng trong nhà ví như hữu phần, nhà ví như sắc Ý vật, tiếng động ví như hữu phần Rúng động bị kích tác, đưa mắt về phía ấy ví như tâm Hướng ngũ môn, người bạn ví như cảnh sắc, vẫy gọi ví như bị nhãn quyền tác động, bước ra ngoài tiếp bạn ví như nhãn thức sanh khởi tại nhãn vật.

Mặt khác, tuy cảnh sắc, ánh sáng và nhãn vật đã có sức mạnh đầy đủ, nhưng nhãn thức còn bị chướng ngại (*palibodha*), nên chưa thể sanh lên được, đó là:

Do vật.

Nhãn thức chi độc sanh nơi sắc nhãn vật và chỉ đảm trách nhiệm vụ khiếm tốn là THẤY mà thôi, những tâm còn lại xử lý cảnh sắc lại nằm ở sắc Ý vật, giữa nhãn vật và Ý vật lại cách xa, để cho nhãn thức sanh ở nhãn vật phải có “nhịp cầu”. Như ngọn lửa của cây đèn đang cháy, một mảnh giấy ở trên, để ngọn lửa hiện ra trên mảnh giấy, phải có hơi nóng từ ngọn lửa cây đèn tích tụ nơi mảnh giấy, hơi nóng là “nhịp cầu” giữa hai ngọn lửa, chính tâm Hướng ngũ môn là nhịp cầu giữa tâm hữu phần Dứt dòng nơi Ý vật và nhãn thức ở nhãn vật.

Do môn.

Tuy cảnh sắc đã rõ ràng, nhưng “ngõ vào” còn đóng kín, cần phải mở cửa để nhận cảnh sắc, khởi sanh tâm lộ. Đảm

trách vai trò này, ngoài tâm Hương ngũ môn (đối với lộ ngũ) không còn tâm nào khác, nên nó phải sinh trước tiên trong lộ tâm khách.

Có ví dụ sau đây: Căn phòng có treo bức tranh đẹp, nhưng căn phòng đóng kín, một đoàn 7 người đi đến, người thứ nhất mở cửa phòng, người thứ hai nhanh chân bước vào căn phòng, năm người còn lại đứng bên ngoài, ngắm bức tranh.

Người thứ nhất ví như tâm Hương ngũ môn, người thứ hai ví như nhãn thức, 5 người còn lại ví như 5 loại tâm khách sanh kế tiếp nhãn thức, căn phòng ví như nhãn vật, vị trí bên ngoài ví như sắc Ý vật, bức tranh ví như cảnh sắc.

Do nhân trợ sanh.

Ba nhân trợ sanh: cảnh sắc, nhãn vật và ánh sáng đã có nhưng *manasikāra* (sự chú ý đến cảnh) chưa hiện rõ, do vậy nhãn thức chưa sanh khởi được.

Trong 4 nhân trợ sanh nhãn thức, thì *manasikāra* (tác ý) là chủ yếu vì đó là loại danh pháp tương ứng với nhãn thức.

Tác ý là danh pháp, muốn có được Tác ý phải khởi từ danh pháp, ví như người muốn có gỗ quý phải tìm ở rừng, muốn có trang sức đẹp phải đến tiệm kim hoàn.

Theo quy luật: tâm sanh trước sẽ trợ tâm sanh sau bằng *Anantarapaccaya* (Vô gián duyên), như vậy, Tác ý trợ sanh cho nhãn thức chính là Tác ý trong tâm trước tâm nhãn thức.

Cảnh sắc làm dao động được hữu phần là do mãnh lực của nhãn quyền, nhưng *manasikāra* ở hữu phần Dứt dòng còn muội lực, chưa đủ sức trợ sanh cho nhãn thức, nhãn quyền lại tiếp tục tác động vào tâm kế tiếp (tức tâm Hương ngũ môn), bấy giờ Tác ý nơi tâm Hương ngũ môn có đủ sức mạnh trợ sanh cho nhãn thức.

Mặt khác, tâm Hưởng ngũ môn đang hướng về nhãn vật, nên việc trợ sanh này dễ dàng hơn so với tâm hữu phần Dứt dòng.

Tóm lại, sở dĩ tâm Hưởng ngũ môn phải sanh trước nhãn thức là vì:

- Bất nhip cầu cho nhãn thức sanh khởi tại nhãn vật.
- Do phận sự phải khai mở nhãn lộ để sanh khởi tâm lộ nhãn môn (phận sự này phải thực hiện trước).
- Khi tâm này hướng về nhãn môn, Tác ý có đủ sức mạnh giúp nhãn thức sanh khởi dễ dàng.

Cảnh ngũ đối với tâm quả Dục giới.

Tâm quả Dục giới đối với cảnh ngũ thực tính (*sabhāvapañcārammaṇa*) có 1 quy trình cố định là:

- Đối với cảnh thực tính cực tốt (*sabhāviññhārammaṇa*), thì từ Ngũ thức, Tiếp thu, Quan sát và Na cảnh đều là tâm Quả thiện Dục giới, trong đó tâm Quan sát và tâm Na cảnh đều là Hỷ thọ.

- Đối với cảnh thực tính tương đối tốt, cũng là những tâm Quả thiện Dục giới như trên, nhưng tất cả đều là xả thọ.

- Đối với cảnh thực tính bất toại (*sabhāvaniññhārammaṇa*) thì Ngũ thức, Tiếp thu, Quan sát và Na cảnh đều là tâm Quả bất thiện Dục giới.

Cảnh ngũ đối với đồng lực tâm.

Riêng về tâm đồng lực (*javānacitta*) các Ngài Giáo Thọ sư bảo rằng: “*Chúng sanh khởi bất định*”.

Có ba loại đồng lực Dục giới: đồng lực bất thiện, đồng lực thiện và đồng lực Hạnh (*kriyājavānacitta*).

Chỉ có đồng lực Hạnh của vị Thánh A-la-hán sanh khởi theo khuôn mẫu nhất định, vì các Ngài đã thành đạt niệm -

ting giác (*satisampajaññā*) viên mãn, các Ngài đã huân tập tâm trở nên thuần khiết, không còn bị cảnh tốt hay xấu làm xáo trộn đồng lực tâm. Ví như ngựa tốt đã khéo huấn luyện thiện xảo, con đường xanh mượt cỏ nhung hay gồ ghề lởm chởm đá, cũng không gây chướng ngại đến gió ngựa phi.

Vị A-la-hán khi nhận cảnh rất tốt thì đồng lực Hạnh hỷ thọ (*somanassasahagata kriyājavana citta*) khởi lên, nếu nhận cảnh tốt hay cảnh bất mỹ thì đồng lực Hạnh xả thọ (*upekkhāsahagata kriyājavana citta*) khởi lên. Đây là quy luật cố định hiện khởi đồng lực Hạnh của vị Thánh Lộ tận.

Từ khuôn mẫu này, ta suy ra nụ cười của vị A-la-hán.

Nụ cười của vị thánh Vô lậu

Đức Phật hay Vị A-la-hán khi thấy cảnh không tốt như Đức Phật thấy cảnh vua *Suppabuddha* sẽ bị đất rút sau 7 ngày, hay Đức *Mogallāna* (Mục-kiền-liên) thấy naga quý ở núi *Gijjhakūṭa* (Kỳ Xà Quật) các Ngài vẫn có thể mỉm cười. Phải chăng các Ngài dùng đồng lực Hạnh hỷ thọ để ghi nhận những hình ảnh ghê tởm, xấu xí ở trên ?

Thật ra, khi thấy cảnh bất mỹ, các Ngài khởi lên đồng lực Hạnh xả thọ, trải qua hàng trăm hàng ngàn lộ như thế, sau đó các Ngài quán xét về hạnh nghiệp đã huân tập của naga quý ấy cũng bằng đồng lực Hạnh xả thọ với hàng trăm hàng ngàn lộ quán xét.

Tiếp đến Ngài quán xét đến tình trạng an ổn tuyệt đối của mình, không còn bị luật sanh tử luân hồi chi phối qua **Thượng pháp tánh** đã thành tựu viên mãn, hàng trăm hàng ngàn lộ quán xét này cũng là đồng lực Hạnh xả thọ.

Khi nhận thấy **Thượng pháp tánh** đã viên mãn, các ngài mới hoan hỷ mỉm cười, bấy giờ mới là đồng lực Hạnh hỷ thọ sanh khởi.

Vì tốc lực tâm sanh diệt quá mau lẹ, tâm lộ biết cảnh ngã quý, tâm lộ quán xét hạnh nghiệp của ngã quý, tâm lộ quán xét tình trạng an ổn và biết cảnh Thượng pháp tánh nối đuôi nhau sanh khởi liên tục chặt chẽ, nên có sự lầm lẫn cho rằng vị Thánh Vô Lậu nhận cảnh bất mỹ bằng đồng lực Hạnh hỷ thọ.

Cảnh Thượng pháp tánh là cảnh cực tốt mới phát sanh đồng lực Hạnh hỷ thọ, từ đó phát sanh nụ cười của vị Thánh Vô lậu, còn những cảnh ngã quý . . . là do đồng lực Hạnh xả thọ ứng xử.

Đồng lực thiện, đồng lực bất thiện có tính bất định ra sao?

Đối với cảnh ngũ, đồng lực thiện và đồng lực bất thiện lại có tính bất định.

Có nhiều trường hợp cảnh rất tốt hay tốt, nhưng đồng lực lại bất thiện, như có người thấy người khác tổ chức Đại thí sự, khởi sanh tâm bất bình (vị quan đại thần của vua *Pasenadi* không hài lòng khi thấy Đức vua tổ chức Đại thí Vô song), hoặc thấy lâu đài mỹ lệ khả ái lại sanh tâm bất thiện tham, như Thái tử *Ajātasattu* (A-xà-thê) muốn chiếm đoạt lâu đài của Trưởng giả *Jotika*.

Trái lại, khi thấy cảnh xấu lại phát sanh tâm thiện, như thấy người ăn xin khốn khổ, thân thể đầy thương tật, phát sanh tâm từ bi ...

Nói chung, bất luận là cảnh tốt hay xấu, nếu khởi lên đồng lực bất thiện là do Tác ý không khéo (*ayoni so manasikāra*), còn khởi lên đồng lực thiện thì do có tác ý khéo (*yoni so manasikāra*), chính tâm Đoán định là chủ yếu trong giai đoạn này, tức là ngay vào sát-na tâm Đoán định, nếu có tác ý khéo thì đồng lực thiện sanh khởi, nếu là tác ý không khéo thì đồng lực bất thiện sanh khởi.

Tác ý khéo có được là do huân tập niệm - tinh giác (*satisampajaññā*), còn tác ý không khéo do thường thân cận với pháp điên đảo (*vipallāsa dhamma*).

Tâm Đoán định trong lộ ngũ chính là tâm Hướng ý môn (*manodvāravajjana citta*). Do mở cửa cho đồng lực sanh khởi, nên tâm Hướng ý môn còn có tên gọi là *manasikārajanavanīthi* (Tác ý thành đồng lực).

Tâm Đoán định đối với đồng lực giống như người đầu bếp đối với ông chủ, nếu y sắp đặt món vật thực tốt (tác ý khéo), người chủ sẽ dùng loại vật thực hữu ích (đồng lực thiện), nếu y sắp đặt loại vật thực có hại (tác ý không khéo), người chủ dùng vật thực ấy sẽ trở nên bệnh hoạn (đồng lực bất thiện) và người chủ chỉ dùng loại vật thực do y sắp đặt mà thôi (ám chỉ tâm đồng lực chỉ sinh khởi khi tâm Hướng ý môn đã sanh trước).

3- TƯƠNG QUAN GIỮA CẢNH VÀ THỌ

Theo lý Vô ngã, tâm sở Tư (*cetanācetasika*) là kẻ tạo tác, tâm sở Thọ (*vedanācetasika*) là kẻ hưởng quả.

Tuy bất tương ứng với cảnh qua khía cạnh thiện hay bất thiện, nhưng sự hưởng cảnh ở đây chính là vai trò của **Thọ** (*vedanā*).

Đối với cảnh cực tốt, phát sanh hỷ thọ (*somanassavedanā*) (dù đồng lực là thiện hay bất thiện).

Đối với cảnh tốt hoặc xấu, phát sanh xả thọ (*upekkhāvedanā*) (dù đồng lực là thiện hay bất thiện).

Đối với cảnh cực xấu phát sanh ưu thọ (*domanassavedanā*).

Cách lãnh nạp đối tượng của thọ như thế gọi là tương ứng với cảnh qua khía cạnh Thọ.

Còn sự bất tương ứng đối với cảnh qua khía cạnh thọ là:

- Đối với cảnh cực tốt thay vì hỷ thọ lại khởi lên xả hoặc ưu thọ.
- Đối với cảnh tốt hay xấu thay vì xả thọ, lại là hỷ thọ.
- Đối với cảnh cực xấu thay vì ưu thọ lại là hỷ thọ hay xả thọ.

Dĩ nhiên điều này hiện rõ nhất đối với phàm nhân, là người còn đầy đủ ba pháp điền đảo (*vipallāsadhamma*): Tướng điền đảo (*saññāvipallāsa*), Kiến điền đảo (*ditthivipallāsa*) và Tâm điền đảo (*cittavipallāsa*).

Pháp điền đảo là cơ sở sinh bất thiện tâm, niệm - tinh giác (*satisampajaññā*) là cơ sở sinh khởi thiện tâm, vì thế Thọ cũng mang tính thiện hay bất thiện.

Tướng điền đảo áp chế trí (*nāṇa*) hỗ trợ cho Kiến (*ditthi*) vững mạnh, kiến điền đảo đối lập với trí, giúp tâm điền đảo vững mạnh, ba pháp này lại trợ giúp cho Ái (*taṇhā*) và Si (*moha*) sanh khởi.

Trong 3 pháp điền đảo, Tướng điền đảo có ảnh hưởng rất lớn đối với thọ bất thiện.

1. Thọ bất thiện đối với cảnh,

Có 10 trường hợp thọ không tương ứng với cảnh như sau: 5 trường hợp do pháp điền đảo (*vipallāsa dhamma*), 3 trường hợp do Si, 1 do Mạn (*māna*), 1 do Sân.

Năm trường hợp do pháp điền đảo.

Đối với cảnh cực tốt.

a) Do kiến điền đảo khởi lên đồng lực sân đối với cảnh cực tốt, như trường hợp một Ngoại giáo đồ nhìn thấy Đức Phật với hào quang 6 màu, y khởi lên tâm bất bình.

b) Do pháp điền đảo (*vipallāsadhamma*) chi phối khởi lên xả thọ bất thiện đối với cảnh cực tốt, như trường hợp

Tăng tín đồ Phật giáo, không quan tâm đến tinh hoa Phật học như học Siêu Lý, hành Minh sát . . . họ cho đó là viễn vông, mơ hồ, không thiết thực, nên xao lãng trong pháp học lẫn pháp hành.

Khi gặp những cảnh này, họ khởi lên một thứ tâm thân nhiên nhẹ nhàng, hay một loại tâm si hoài nghi, hoặc tâm si phóng dật. Và họ thích thú say mê chạy theo thế học bên ngoài.

Đối với cảnh tốt.

c) *Do pháp điền đảo* chi phối, khởi lên hỷ thọ bất thiện đối với cảnh tốt, như người háu ăn đang cơn đói, gặp món vật thực tương đối ngon, y vui mừng ra mặt.

Đối với cảnh rất xấu.

d) *Do pháp điền đảo* chi phối, khởi lên hỷ thọ bất thiện với cảnh rất xấu, như vui mừng trước xác chết đầm máu của kẻ thù, hoặc thích thú trước cảnh oằn oại rên xiết của tội nhân đang bị hành hình.

e) *Do pháp điền đảo* chi phối, khởi lên xả thọ trong cảnh cực xấu, như Đạo phủ thủ thân nhiên chặt đầu tử tội, hoặc Đạo tỳ thân nhiên tẩn liệm xác chết.

f) *Do Si tác động* khởi lên ưu thọ trước cảnh cực tốt hay tương đối tốt, như có người không hiểu giá trị của việc học *Adhidhamma* hay tu tiến Chỉ - Quán, nên tỏ ra khó chịu, bất bình khi thấy người khác học Siêu lý, hành Minh sát, cho rằng: lập dị, hoài công . . .

g) *Do Si tác động* khởi lên xả thọ bất thiện đối với cảnh cực tốt, như người chưa từng thấy ngọc quý, tình cờ gặp ngọc cho là viên sỏi đẹp, khởi sanh 1 loại tâm tham thân nhiên nhẹ nhàng, anh nhặt về nhà chơi.

h) Do Si chi phôi khởi lên hỷ hoặc xả thọ bất thiện với cảnh cực xấu hoặc cảnh tương đối xấu, như trường hợp đứa bé vui đùa với phấn, hay vì không biết bọn cướp dữ, thân nhiên nhập đoàn với chúng.

i) Do Mạn (māna) chi phôi khởi lên xả thọ bất thiện trong cảnh cực tốt, như người có địa vị cao được mời dự tiệc, trên bàn đầy sơn hào hải vị thay vì thích thú như bao người, y tỏ ra lãnh đạm thờ ơ vì nghĩ rằng: Ta không nên làm giảm giá trị của mình.

j) Do Sân chi phôi, có đồng lực xả thọ bất thiện đối với cảnh cực tốt, như người đang có tâm sự buồn, trước cảnh lễ hội rực rỡ họ chẳng màng đến, đón nhận cảnh với tâm trạng thờ ơ.

2. Thọ thiện với cảnh.

Dù đối với cảnh nào, thọ thiện khởi lên luôn dựa vào nền tảng niệm - tỉnh giác . Có ba trường hợp như sau:

a) Do niệm - tỉnh giác khởi lên thiện xả thọ trong cảnh cực tốt. Như trường hợp vị Tỳ-kheo đang hành đề mục “vật thực bất tịnh”, cho dù đó là cao lương mỹ vị, vị ấy vẫn thân nhiên ghi nhận. Hoặc có hành giả đang tụ tập về “bất tịnh tướng”, trước những trần cảnh hấp dẫn, vị ấy vẫn thân nhiên.

b) Do Tín (saddhā) cường mạnh hay niệm - tỉnh giác khởi lên thiện thọ hỷ trong cảnh tương đối tốt. Như người dồi dào đức tin, trông thấy đoàn Chư Tăng, liên tưởng đến Đức Phật và chư Thánh Tăng thời xưa, phát tâm hoan hỷ, hay hoan hỷ với thí sự của người khác.

c) Do niệm - tỉnh giác khởi lên thiện xả thọ hoặc hỷ thọ trước cảnh cực xấu. Như vị Tỳ-kheo tu Quán về đề mục TỬ THI, sẽ vui mừng khi gặp xác chết hay thân nhiên quan sát xác chết.

4- TƯƠNG QUAN GIỮA THỌ NA CẢNH, THỌ ĐỒNG LỰC VÀ CẢNH.

Tâm Na cảnh thuộc tâm quả Dục giới, chúng phải sinh khởi tương ứng với cảnh thực tính (*sabhārammaṇa*), tức là:

- Cảnh cực tốt, Na cảnh là tâm quả thiện thọ hỷ.
- Cảnh tốt, Na cảnh là tâm quả thiện thọ xả.
- Cảnh bất toại, Na cảnh là tâm quả bất thiện thọ xả.

Các Ngài bảo rằng: **“đồng lực và Na cảnh có cùng một loại thọ (ngoại trừ đồng lực sân)”**

Như vậy, chúng ta nhận định sự tương quan như sau:

- Cảnh cực tốt, có tâm đồng lực hỷ thọ thì có tâm Na cảnh hỷ thọ, không có tâm đồng lực hỷ thọ thì không có tâm Na cảnh.
- Cảnh tốt và cảnh bất toại có tâm đồng lực hỷ thọ, sẽ không có tâm Na cảnh, tâm Na cảnh xả thọ sẽ có khi có tâm Đồng lực thọ xả, hoặc thọ ưu.

Tâm Na cảnh trong các cảnh

- Cảnh cực tốt, tâm Na cảnh là một trong năm tâm quả dục giới thọ hỷ.
- Cảnh tốt, tâm Na cảnh là một trong năm tâm quả dục giới thọ xả.
- Cảnh bất mỹ, tâm Na cảnh là tâm Quan sát bất thiện thọ xả.

GIẢI THÍCH:

Tâm quả dục giới là thành quả của tâm đồng lực bất thiện hay thiện dục giới, tâm quả thiện luôn luôn nhận cảnh tốt, ngược lại tâm quả bất thiện luôn luôn nhận cảnh xấu. Đây là quy luật của nghiệp quả (*kamavipākaniyāma*).

Khi cảnh cực tốt, cho dù có tâm đồng lực tham thọ hỷ, tâm Na cảnh vẫn là một trong năm tâm quả thiện hỷ thọ. Trong thời điểm này tính chất thiện hay bất thiện của đồng lực không ảnh hưởng đến tâm Na cảnh, tâm Na cảnh chỉ bị ảnh hưởng của thọ đồng lực chi phối mà thôi.

Tương tự đối với cảnh tốt, cho dù tâm đồng lực là bất thiện tham xả thọ, sân hay si hoặc là tâm đại thiện xả thọ, tâm Na cảnh vẫn là một trong 5 quả thiện xả thọ.

Đối với cảnh cực xấu hay xấu, cho dù có đồng lực là thiện xả thọ, tâm Na cảnh vẫn là tâm Quan sát thọ xả quả bất thiện.

CHƯƠNG II

BÀI 8

LỘ TÂM Ý MÔN (*Manodvāracittavīthi*)

I. ĐỊNH NGHĨA:

Lộ tâm Ý môn là quy trình diễn hoạt của ý thức.

Cảnh của lộ ý cũng là ngoại cảnh nhưng khởi lên từ bên trong, ví như sự chuyển động những lượn sóng ngầm trong biển.

II. NHÂN SINH LỘ Ý MÔN:

Lộ ý môn sanh lên do 14 nhân, nói rõ hơn là 14 nhân sanh cảnh nội phần (là cảnh khởi lên từ bên trong).

1. *Ditṭhato*: do từng thấy trước đây, nay trạo lại, như nhớ lại người đã gặp trong chuyến hành hương trước đây.

2. *Ditṭhasambandhato*: Do liên tưởng đến điều (cảnh) đã từng thấy, tức là cảnh đang thấy tương tự với cảnh từng thấy nên liên tưởng lại.

Như có người thấy 1 biệt thự xinh đẹp chợt nhớ lại biệt thự mà mình đã từng biết.

3. *Sutato*: Do từng nghe nói đến điều (cảnh) này, nay trạo lại.

4. *Sutasambandhana*: Do liên tưởng đến điều đã từng nghe, như nói đến Miến điện, chợt liên tưởng đến cuộc Kết tập Tam Tạng lần thứ sáu tại Rangoon (đã được nghe).

Cả bốn điều này do Tưởng tâm sở (*saññā cetasika*) điều hành.

5. *Saddhāya*: Do sức sáng tạo của đức tin, như người đang tạo phước, suy nghĩ đến những quả lành sau này.

6. *Rùciyā*: Do tác động của sự hoan hỷ, hưng phấn, tức là do Hỷ tâm sở (*pīticetasika*) tác động.

7. *Ākāraparapavitakkena*: Do sự suy nghiệm, tức là dựa vào kinh nghiệm đã có để nhận định.

8. *Diṭṭhinijjhānakhantiyā*: Do có nền tảng trí tuệ và chủ kiến đúng đắn tác động, như tiền thân Bồ tát là vị Đạo sĩ thờ thần lửa, một hôm Ngài xuống phố tìm muối và dấm. Khi trở về hang động, ngọn lửa bị gió thổi tắt, Ngài suy nghĩ “ngọn lửa này không thể tự bảo vệ được mình, thì bảo vệ được ai? Sự lễ bái lửa thật là vô ích”.

9. *Nānakammabalena*: Do sức mạnh của nghiệp tác động, tức là đằm nghiệp (như Hoàng Hậu Yasodharā nằm mộng thấy con bò chúa của hoàng cung bỏ đi, báo hiệu Bồ tát xuất gia) hay cảnh nghiệp, cảnh nghiệp tương lúc cận tử.

10. *Nānā iddhibalena*: Do sức mạnh của tha nhân tác động, như trường hợp thôi miên thuật chẳng hạn.

11. *Devatopasamhāravasena*: Do thần lực Thiên nhân kích động, như trường hợp ác ma Dūsī tác động đến hai dân làng trong kinh Hàng Ma.

12. *Dhātukhobhavasena*: Do rối loạn cơ thể, như bị lên cơn sốt, hay bị cảm mạo làm tứ đại trong thân bị rối loạn.

13. *Anubodhavasena*: Do có tri kiến đúng đắn về Tứ Đế, tức là dựa trên ba loại trí: trí văn, trí tư và trí tu.

14. *Paṭivedhavasena*: Do Thánh trí tác động.

III. CẢNH CỦA LỘ Ý MÔN.

Ngoại trừ năm cảnh (sắc, thanh, mùi, vị và xúc) trong thời **hiện tại** do lộ ngũ bắt lấy, tất cả những cảnh còn lại đều do lộ ý lãnh nạp.

Lộ Ngũ chỉ nhận cảnh thời hiện tại, riêng lộ Ý nhận cảnh cả **ba thời** (quá khứ, hiện tại, vị lai) lẫn cảnh ngoại thời.

Sở dĩ, lộ ý môn nhận cảnh đa dạng và phức tạp như thế là do ảnh hưởng của **môn** (*dvāra*).

Ý môn (*manodvāra*) là 19 tâm Tục sinh thuộc về danh pháp, nên có sức mạnh hơn ngũ môn thuộc về sắc pháp.

Cảnh của ngũ môn thuần sắc pháp hiện tại, trái lại cảnh của ý môn có thể là sắc pháp hiện tại (ngoại trừ 7 sắc cảnh), sắc pháp quá khứ, sắc pháp vị lai, danh pháp lẫn chế định.

Tuy nhiên, cho dù lộ ý môn bắt cảnh đa dạng, phức tạp cũng không vượt khỏi 2 mô thức là:

- Theo *Abhidhammatthasaṅgaha* (Thắng pháp tập yếu luận) cảnh của lộ ý có 2 là: cảnh rõ (*vibhūtārammaṇa*) và cảnh không rõ (*avibhūtārammaṇa*)

- Theo *Atthakathā* và *Tikā*, cảnh của lộ ý có bốn:

Cảnh rất rõ, cảnh rõ, cảnh không rõ và cảnh mơ hồ.

IV. HỮU PHẦN (BHAVANGA) CỦA LỘ Ý.

Trong lộ ngũ, bất kỳ cảnh nào cũng phải có hữu phần vừa qua (*atītabhavaṅga*), riêng trong lộ ý môn, có khi không có HPVQ điều này là do bản chất của cảnh.

Trong lộ ngũ, cảnh hoàn toàn là sắc pháp, đó là loại sắc *paccupannānipphannarūpa* (sắc thành tựu hiện tại), trong lộ ý khi nào nhận sắc pháp thành tựu hiện tại, khi ấy tâm lộ mới có HPVQ, còn nhận cảnh là danh pháp hoặc chế định (*paññatti*) thì không có HPVQ, sắc quá khứ hay sắc vị lai đều là loại sắc Tướng, sắc Tướng chính là Tướng tâm sở (*saññācetasika*) cũng là danh pháp.

Vì sắc thành tựu hiện tại là chướng ngại đối với danh pháp (ở đây là dòng tâm hữu phần), nên dòng tâm thức có sự chần chừ, cứng sượng khi đối xúc với cảnh, do đó nảy sinh sát-na HPVQ, sát-na này có công dụng “bào mòn cảnh cho trơn láng” để tâm nhận cảnh dễ dàng “trôi chảy”. Ví như nước đang chảy chạm vào đá sẽ khựng lên rồi trôi chảy tiếp.

Còn cảnh danh pháp hay cảnh chế định dễ dàng hòa nhập với hữu phần vì cùng “họ danh pháp”, như nước dễ hòa tan sữa bất cứ tỷ lệ nào, do đó không cần HPVQ để làm “trơn láng” cảnh.

BÀI 9**LỘ Ý MÔN THỜI BÌNH NHẬT****I. ĐỊNH NGHĨA.**

Lộ ý môn thời bình nhật là diễn hoạt của ý thức khi nhận cảnh qua lộ ý môn trong thời bình thường.

II. PHÂN TÍCH.

Quy trình diễn hoạt của ý thức được nêu bày theo 2 cách: lộ ý môn thông thường và lộ ý môn đặc biệt (*appanācittavīthi* - lộ tâm An chi).

Lộ ý môn thông thường là tâm lộ diễn hoạt phổ cập trong sinh hoạt tâm thức chúng sanh.

Còn lộ ý môn đặc biệt là tâm lộ diễn hoạt do sự tu tiến (*bhāvanā*) thành đạt được Thiền định (*samādhi*), Đạo quả (*Maggaphala*) hoặc chứng đạt Thông lực (*Iddhipāda*).

Lộ ý môn thông thường được phân chia theo hai thời: Thời bình nhật và thời cận tử.

Lộ ý môn thông thường thời bình nhật diễn hoạt theo bốn cảnh:

Cảnh cực rõ, cảnh rõ, cảnh không rõ và cảnh mơ hồ. Tổng cộng có tất cả là 41 lộ tâm, phân ra như sau:

- | | |
|--------------------|-------|
| – Cảnh cực rõ có | 22 lộ |
| – Cảnh rõ có | 16 lộ |
| – Cảnh không rõ có | 2 lộ |

– Cảnh mơ hồ có 1 lộ

A- LỘ Ý MÔN CẢNH RẤT RÕ

I. ĐỊNH NGHĨA.

Cảnh cực rõ là cảnh hiện bày rõ ràng những chi tiết nhỏ nhất sắc nét.

II. CÁC MÔ THỨC LỘ Ý MÔN CẢNH RẤT RÕ.

Tương tự như lộ ngũ môn cảnh rất lớn, dòng tâm thức diễn hoạt qua ý môn cảnh rất rõ cũng có ba mô thức: *chót Na cảnh*, *chót đồng lực* và *chót hữu phần Khách*.

a. Lộ ý môn cảnh cực rõ chót Na cảnh.

Khi sắc thành tựu hiện tại làm cảnh cho ý thức, đó là chương ngại cho dòng hữu phần. Tùy theo mức độ chương ngại và cảnh lực, dòng hữu phần khởi lên từ 1 đến 5 sát-na HPVQ, rồi hữu phần mới bị Rúng động.

Nếu cảnh là danh pháp hoặc chế định thì không có HPVQ.

Như vậy, mô thức này có được 6 lộ: 1 lộ không HPVQ và 5 lộ có HPVQ.

Biểu đồ

1”- Lộ ý môn cảnh rất rõ, chót Na cảnh không HPVQ.

Ký hiệu



Ky: Hướng ý môn (*manodvāravajjanacitta*)

Lộ này có được:

- Sát-na: 10 sát-na tâm khách (1 sát-na Hướng ý môn, 7 sát-na đồng lực, 2 sát-na Na cảnh).

- Ba chặng (thāna): khai môn, đồng lực và Na cảnh.
- Thứ tâm: 41 thứ tâm khách (54 tâm Dục giới trừ Ngũ song thức, 2 Tiếp thân và Hướng ngũ môn).
- Người: 8 hạng người (trừ 4 người Đạo).
- Cõi : 11 cõi dục giới.

2”- Lộ ý môn cảnh rất rõ, chót Na cảnh có 1 HPVQ diễn tiến như sau:



Lộ này có được:

- Sát-na: 10 sát-na tâm khách.
- Thứ tâm: 41 thứ tâm khách.
- Chặng: 3 chặng
- Người: 8 người
- Cõi: 11 cõi Dục

Bốn lộ còn lại tương tự như lộ trên, chỉ thêm dần mỗi lộ một sát-na HPVQ.

b. Lộ ý môn cảnh rất rõ, chót đồng lực.

Trong mô thức này, dòng tâm lộ diễn tiến đến sát-na đồng lực thứ 7 thì trở về hữu phần cơ bản.

Khi dòng tâm thức nhận danh pháp hoặc chế định làm cảnh thì không có HPVQ, khi nhận sắc pháp làm cảnh thì có từ 1 đến 7 sát-na HPVQ.

Như vậy mô thức này có được 8 lộ.

Biểu đồ.

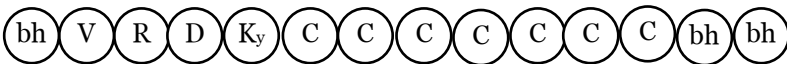
1”- Lộ ý môn cảnh rất rõ, chót đồng lực không HPVQ diễn tiến như sau :



Lộ này có được:

- 8 sát-na tâm khách: 1 sát-na Hướng ý môn, 7 sát-na đồng lực.
- Thứ tâm: 30 thứ tâm khách (tâm Hướng ý môn và 29 tâm đồng lực Dục giới).
- Chặng: 2 chặng (khai môn và đồng lực)
- Người: 8 hạng người.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm (trừ cõi Vô tướng)

2”- Lộ ý môn cảnh rất rõ chót, đồng lực có 1 HPVQ diễn tiến như sau:



Lộ này có được:

- Sát-na: 8 sát-na tâm khách
- Thứ tâm: 30 thứ tâm khách.
- Chặng: 2 chặng (khai môn và đồng lực)
- Người: 8 hạng người.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn (trừ 4 cõi Vô sắc và cõi Vô tướng).

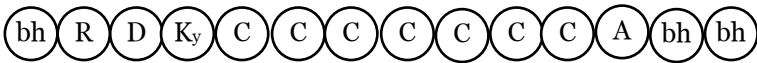
Sáu lộ còn lại tương tự, chỉ thêm dần mỗi lộ là một sát-na HPVQ.

c. Lộ ý môn cảnh rất rõ, chót hữu phần Khách.

Ở mô thức cảnh rất rõ chót hữu phần Khách, cũng có 8 lộ như mô thức chót đồng lực. Tức là có 1 lộ không HPVQ, 7 lộ có từ 1 đến 7 HPVQ.

Biểu đồ.

1”- Lộ ý môn cảnh rất rõ, chót hữu phần Khách không HPVQ diễn tiến như sau:



Ký hiệu.

A: hữu phần Khách.

Lộ này có được:

- Sát-na: 8 sát-na tâm khách (Hướng ý môn và 7 sát-na đồng lực).
- Thứ tâm: 3 thứ (tâm Hướng ý môn, 2 tâm sân).
- Chặng: 2 chặng (khai môn và đồng lực)
- Người: 4 người (người Nhị nhân, Tam nhân, Sơ quả, Nhị quả tục sinh bằng tâm quả Dục giới hỷ thọ)
- Cõi: 7 cõi vui Dục giới.

2”- Lộ ý môn cảnh rất rõ, chót hữu phần Khách, có 1 HPVQ diễn tiến như sau:



Lộ này có:

Tám sát-na tâm khách, 2 chặng, 3 thứ tâm khách, 4 hạng người, ở 7 cõi vui Dục giới.

Sáu lộ còn lại cũng tương tự, chỉ thêm dần mỗi lộ 1 sát-na HPVQ mà thôi.

TỔNG KẾT

Lộ ý môn ***cảnh cực rõ*** thời bình nhật có được 22 lộ:

- Chót Na cảnh có 6 lộ:
 - Không HPVQ: 1 Lộ
 - Có HPVQ: 5 Lộ
- Chót Đồng lực có 8 lộ:
 - Không HPVQ: 1 Lộ
 - Có HPVQ: 7 Lộ
- Chót hữu phần Khách có 8 lộ:
 - Không HPVQ: 1 lộ
 - Có HPVQ: 7 Lộ



BÀI 10

LỘ Ý MÔN CẢNH RÕ LỘ Ý MÔN CẢNH KHÔNG RÕ LỘ Ý MÔN CẢNH MƠ HỒ

A- LỘ Ý MÔN CẢNH RÕ.

I. ĐỊNH NGHĨA.

Gọi là cảnh rõ vì cảnh này nêu bày trọn vẹn những chi tiết của cảnh nhưng không sắc nét như cảnh cực rõ.

Cảnh cực rõ có tiềm lực mạnh hơn cảnh rõ, ví như sóng ngầm bình thường và sóng xoáy (ám chỉ cảnh cực rõ).

II. PHÂN TÍCH.

Cảnh rõ trong trong lộ ý môn mang hai mô thức: chót đồng lực và chót hữu phần Khách.

Mỗi mô thức có 8 Lộ: 1 lộ không HPVQ và 7 lộ có HPVQ theo thứ tự .

Tổng cộng hai mô thức có được 16 tâm lộ .

1. Biểu đồ.

a) *Mô thức chót đồng lực.*

1”- Tâm lộ cảnh rõ, chót đồng lực không HPVQ diễn tiến như sau:

(bh) (R) (D) (Ky) (C) (C) (C) (C) (C) (C) (C) (bh) (bh)

Lộ này có được:

- Chặng: 2 chặng (khai môn, đồng lực).
- Tám sát-na tâm khách (sát-na Hướng ý môn và 7 sát-na đồng lực)
- Thứ tâm: 30 thứ tâm khách là: tâm Hướng ý môn, 29 tâm đồng lực Dục giới.
- Người: 8 người (4 phàm + 4 quả).
- Cõi: 30 cõi hữu tâm (trừ cõi Vô tưởng)
- 2"- Tâm lộ chót đồng lực, có 1 HPVQ.

(bh) (V) (R) (D) (Ky) (C) (C) (C) (C) (C) (C) (C) (bh) (bh)

Lộ này giống như lộ trên, chỉ khác là có thêm 1 HPVQ.

Sáu lộ còn lại cũng tương tự, chỉ thêm dần mỗi lộ một sát-na HPVQ.

b) Mô thức chót hữu phần khách.

1"- Tâm lộ cảnh rõ, chót hữu phần Khách, không HPVQ diễn tiến như sau:

(bh) (R) (D) (Ky) (C) (C) (C) (C) (C) (C) (C) (A) (bh) (bh)

Lộ này có được:

- Chặng: 2 chặng (khai môn, đồng lực)

- Tám sát-na tâm khách: sát-na Hương ý môn và 7 sát-na đồng lực.

- Thứ tâm: 3 thứ tâm khách (tâm Hương ý môn và 2 tâm sân)

- Người: 4 người (2 phàm cao, 2 quả thấp tục sinh bằng tâm quả Dục giới hỷ thọ).

- Cõi: 7 cõi vui Dục giới.

2"-Tâm lộ cảnh rõ, chót hữu phần Khách có 1 HPVQ diễn tiến như sau:



Lộ này giống như trên, chỉ khác là có 1 HPVQ.

Sáu lộ còn lại cũng tương tự, chỉ thêm mỗi lộ 1 sát-na HPVQ .

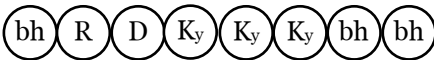
B- LỘ Ý MÔN CẢNH KHÔNG RÕ

Cảnh không rõ là loại cảnh thoáng hiện, thoáng mất, nên tâm khách không thể nhận rõ, để làm phát sanh đồng lực xử lý cảnh. Do đó, chỉ phát sanh tâm Hương ý môn mà thôi, cảnh này chỉ thuần là danh pháp hay chế định.

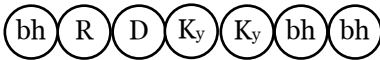
Cảnh không rõ có hai tâm lộ, 1 lộ có 3 sát-na Hương ý môn và 1 lộ có 2 sát-na Hương ý môn.

Biểu đồ như sau:

1- Tâm lộ có 3 sát-na Hương ý môn:



2- Tâm lộ có 2 sát-na Hương ý môn:



Hai lộ này có được 1 chặng (khai môn), 3 hay 2 sát-na tâm Khách là tâm Hướng ý môn, có cho 8 hạng người trong 30 cõi hữu tâm.

Nên ghi nhận rằng: Ở thời bình thường, lộ ý môn cảnh không rõ chỉ khởi lên khi người ta nhớ lại 6 cảnh 1 cách hồi hợt, khi ấy tâm tư vẫn hững hờ thờ ơ.

C- LỘ Ý MÔN CẢNH MƠ HỒ.

Cảnh mơ hồ thường chỉ khởi lên trong giấc ngủ.

Cảnh ở đây là 1 nét gợn (*nimitta*) của dòng ý thức đang tuôn chảy, nó chỉ đủ sức làm cho dòng hữu phần Rúng động mà thôi, vì thế đương sự đang nằm ngủ dường như không hề biết gì đến sự dao động ấy và chỉ khởi lên 2 hữu phần Rúng động rồi lại trở về hữu phần cơ bản.

Diễn tiến tâm lộ cảnh mơ hồ như sau:



Cảnh mơ hồ chỉ có 1 lộ, hiện khởi cho 8 hạng người trong 30 cõi hữu tâm, không tâm khách, không chặng.

TỔNG KẾT

Lộ ý môn thông thường có được 41 lộ như đã giải:

– Cảnh cực rõ có:	22 lộ
– Cảnh rõ có:	16 lộ
– Cảnh không rõ có:	2 lộ
– Cảnh mơ hồ:	<u>1 lộ</u>
Tổng Cộng:	41 Lộ

BÀI 11**GIẢI VỀ LỘ Ý MÔN THÔNG THƯỜNG****I. BÀN VỀ SỐ LƯỢNG HỮU PHẦN TRONG TÂM LỘ Ý MÔN.**

Đối với lộ ngũ môn, cảnh rất lớn chỉ có 1 HPVQ, cảnh lớn có 2 hay 3 HPVQ, trái lại trong Lộ ý cảnh cực rõ có đến 5 HPVQ, cảnh rõ có đến 7 HPVQ, vì sao vậy ?

Điều này là do bản chất loại sắc đang làm cảnh cho tâm.

Sắc pháp có 2 loại: sắc thô gồm 12 sắc là: Đất, lửa, gió, 4 sắc cảnh và 5 sắc thần kinh (*pasādarūpa*), sắc tế gồm 16 sắc pháp còn lại.

Bảy sắc thô: sắc cảnh Sắc, sắc cảnh Thinh, sắc cảnh Mùi (hương), sắc cảnh Vị (gọi chung là 4 sắc cảnh), đất+lửa+gió làm thành cảnh Xúc.

Tâm lộ ngũ môn chỉ nhận được 7 loại sắc này làm cảnh, tất cả những sắc còn lại làm cảnh, đều do lộ ý môn nhận bắt.

Trong vấn đề này phải kể đến vai trò của Tâm tâm sở (*vitakkacetasika*), đặc tánh chính của Tâm là đưa các pháp đồng sanh đến cảnh và được Tác ý tâm sở (*manasikāracetasika*) hỗ trợ.

Đặc tánh chính của Tác ý là **hướng** các pháp đồng sanh đến cảnh.

Khi cảnh đồng sanh vào sát-na HPVQ, cảnh Chủ bị hấp lực của cảnh mới làm dao động thì Tác ý tâm sở và Tâm tâm

sở **hướng** về đối tượng lạ đang xâm nhập vào luồng hữu phần.

Nếu là loại sắc thô làm cảnh thì cảnh dễ hiện bày hơn, do đó tâm sở Tâm nhanh chóng có sức mạnh để đưa các pháp đồng sanh đến đối tượng mới.

Tùy theo sức mạnh của cảnh, chỉ cần từ 1 đến 3 sát-na HPVQ cảnh đã hiện bày rõ ràng và 2 tâm sở trên đã áp đặt trọn vẹn các pháp đồng sanh lên đối tượng mới.

Khi sắc tế làm cảnh, vì bản chất sắc tế khó nhận hơn sắc thô, nên 2 sở hữu trên khó hiển lộ sức mạnh so với khi sắc thô làm cảnh, vì thế phải trải qua nhiều HPVQ, cảnh mới hiện bày rõ ràng và 2 sở hữu này mới có đủ sức mạnh đưa các pháp đồng sanh nhận lãnh đối tượng mới.

Ví như hố cạn người không cần nhiều sức mạnh cũng nhanh chóng lên được, trái lại hố càng sâu thì phải có nhiều sức mạnh và phải có thời gian lâu hơn.

Cũng vậy, khi sắc thô làm cảnh tâm sở Tâm chỉ cần có sức mạnh vừa đủ là tâm bắt được cảnh mới, trái lại khi sắc tế làm cảnh, tâm sở Tâm phải phát huy sức mạnh của mình mới đưa tâm lãnh nạp cảnh mới.

Trong lộ ý, sắc thô làm cảnh hiện tại cho tâm là 5 sắc thân kinh. Như tự nhận biết mắt mình tinh hay mờ, tai thính hay lãng, mũi nhạy hay không...

Ở đây, cũng nên ghi nhận rằng: cảnh của lộ ngũ mang tính **rộng**, còn cảnh của lộ ý mang tính **sâu**, ví như có hai người đi xem vải, một người quan sát khổ vải rộng hẹp (ví như cảnh của lộ ngũ), một người xem chất liệu của vải tốt hay xấu, độ dày - mỏng của vải (ví như cảnh của lộ ý).

Mặt khác, trong lộ ý nếu sắc pháp làm cảnh cho tâm lộ, cũng không thể trải qua quá 7 sát-na HPVQ, nếu sắc pháp trải

qua 8 sát-na HPVQ thì không đủ thời gian cho đồng lực sanh khởi.

Lại nữa, sắc pháp hiển lộ sức mạnh rõ nhất ở sát-na Quyền (sát-na thứ 26), nếu trải qua 8 sát-na HPVQ, đến sát-na Hương ý môn đã có tuổi thọ 30 sát-na tiểu, cảnh không còn rõ nét vì đã muội lược không còn là cảnh cực rõ hay rõ nữa.

Chúng ta nhận thấy rõ rằng: Đối với cảnh cực rõ chót Na cảnh, chỉ có nhiều nhất 5 HPVQ. Khi vượt qua giới hạn này, tâm lộ không có Na cảnh, vì không đủ thời gian cho 2 sát-na Na cảnh.

II. CHẶNG (t̄hāna) CỦA LỘ NGŨ VÀ LỘ Ý.

Trong lộ ý có nhiều nhất là 3 chặng tâm khách: khai môn, đồng lực và Na cảnh. Trái lại trong lộ ngũ đôi khi có đến 7 chặng. Vì sao thế?

Vì lộ ngũ không có sức mạnh bằng lộ ý, đồng thời đồng lực trong lộ ngũ phải nương vào cảnh lực để sanh lên, các tâm khách sanh lên trước đó sàng lọc cảnh kỹ lưỡng, tạo điều kiện cho đồng lực sanh lên.

Đồng lực trong lộ ý không cần phải nương dựa vào sức mạnh của cảnh, chủ yếu nương dựa vào sức mạnh của tâm, dĩ nhiên danh lực mạnh hơn sắc lực, nên đồng lực ở đây không cần phải nhờ vả nhiều đến cảnh Khách, chỉ cần tâm Hương ý môn sanh khởi làm nhiệm vụ “ mở cửa ” là chúng có thể sinh lên ngay.

Do đó, lộ ý có nhiều lắm là 3 chặng thôi. Có kệ *pāli* như sau:

"*Vithicittāni tīṇeva.*
Cittuppādā daseritā
Vitthārena panetthekha
Cattālīsa vibhāvaye.

"Trong lộ ý môn có 3 thứ tâm khách

Có 10 sát-na tâm khách sanh lên

Tổng cộng có 41 tâm Dục giới"

- 3 thứ tâm khách là: Hướng ý môn, đồng lực và Na cảnh.
- 10 sát-na tâm khách: 1 Hướng ý môn, 7 sát-na đồng lực, 2 sát-na Na cảnh
- 41 tâm Dục giới là : 54 tâm Dục giới trừ đi ngũ song thức, 2 tâm Tiếp thân và tâm Hướng ngũ môn.

Mỗi thứ tâm khách là một chặng, nên lộ ý môn có nhiều nhất là 3 chặng.

III. TÂM LỘ KHÔNG SANH TÂM KHÁCH.

Trong lộ ngũ có cảnh cực tiểu, trong lộ ý có cảnh mơ hồ. Hai phần này đều không sinh khởi tâm khách, vì sao cũng được xếp vào hệ thống tâm lộ (*cittavīthi*) ?

Tuy chúng không làm khởi sanh tâm khách, các Ngài gọi là "ngoại lộ" (*vimutticittavīthi*) nhưng vẫn được xếp vào hệ thống tâm lộ, là vì:

Tuy cảnh không có khả năng làm tâm khách sanh khởi, nhưng vẫn làm "ảnh hưởng" đến dòng tâm thức đang trôi chảy, phát sanh **rúng động** nơi dòng hữu phần.

Sự rúng động ấy báo hiệu có cảnh lạ sắp hiện ra trong hữu phần. Ví như con ruồi bay đến lưới nhện, tuy chưa chạm vào lưới, nhưng gió từ cánh của nó làm lay động mạng nhện,

báo hiệu cho nhận biết: “*Con mời sắp lao vào*”, nhưng sau đó con ruồi chuyển hướng khác thì thôi vậy.

IV. ĐỒNG LỰC CỦA HAI TÂM LỘ.

Đồng lực nơi lộ ý có sức mạnh hơn lộ ngũ, tuy nhiên trong thời điểm thông thường, đồng lực trong lộ ý bị chướng ngại nên sức mạnh ấy không hiển lộ, nhưng tiềm tàng một năng lực lớn. Những năng lực đặc biệt đều được thành tựu trong lộ ý như: chứng Thiên, đạt Đạo, nhập Thiên, thành tựu Thắng trí (*abhiññāna*).

Đồng lực nơi lộ ngũ tuy không có sức mạnh bằng trong lộ ý nhưng lại cho quả nhanh hơn. Chúng ta thấy rõ điều này là: khi mắng chửi ai, đánh đập ai, lập tức bị mắng hay bị đánh lại ngay, hoặc là khi vị Thánh xả thiền Diệt thọ tướng định, để tế độ người có duyên, các Ngài thường quán xét rằng: “Thiện gia tử này có đức tin nơi ta không?”, khi thấy người ấy có đức tin nơi Ngài, Ngài lại quán xét tiếp: “Người này có cúng dường chi đến ta không?”. Nếu thấy có, Ngài đi đến tế độ, nếu thấy không có, Ngài lại tìm đến người khác, vì năng lực của thiền này sẽ cho quả trong vòng 7 ngày, nếu không tạo phước cúng dường sẽ không có kết quả.

Tuy vậy, lộ ngũ cho quả nhanh thì hoại nhanh so với lộ ý, lộ ý tuy chậm cho quả nhưng lại "dai dẳng" hơn.

Trong lộ ngũ, đồng lực Sinh tiểu của vị A-la-hán phát sinh ngay nụ cười máy móc, trái lại trong lộ ý chỉ là thoáng nét vui tươi trên gương mặt hiền thiện của Ngài mà thôi.

Những đồng lực hỷ thọ khác trong lộ ý tạo thành sự hoan hỷ biểu hiện trên gương mặt, đôi khi tạo nụ cười thành tiếng, còn trong lộ ngũ, chúng tạo ngay nụ cười thoải mái.

Sở dĩ đồng lực lộ ngũ yếu hơn đồng lực lộ ý, vì trú ở sắc ý vật phải hướng về 5 môn nhận cảnh, còn đồng lực lộ ý trú tại sắc ý vật, nhận cảnh tại sắc ý vật.

BÀI 12**LỘ Ý NỐI LỘ NGŨ**

Các Luận Sư A-tỳ-đàm có dạy rằng: Lộ ý môn đồng lực dục giới (*kāmajavanamanodvāravīthi*) có hai loại là:

- *Suddhamanodvāravīthi*: Lộ ý môn thuần túy
- *Tadānuvattikamanodvāravīthi*: Lộ ý thành tựu tiếp nối. Nghĩa là lộ ý nối tiếp theo lộ ngũ môn.

I. ĐỊNH NGHĨA:**1. Lộ ý thuần túy:**

Là những loại lộ ý phát sanh độc lập, tự sinh khởi không có giai đoạn nối tiếp.

Lộ ý này có hai trường hợp :

a) Chuyên bắt cảnh sắc thành tựu hiện tại (*paccuppanānipphannarūpa*), nên tâm lộ có HPVQ.

b) Nhận cảnh là sắc thành tựu quá khứ (*atītanipphannarūpa*) hoặc sắc thành tựu vị lai (*anāgatanipphannarūpa*), cảnh danh pháp, cảnh chế định và Níp-bàn. Những tâm lộ ý môn này không có HPVQ.

2. Lộ ý nối tiếp lộ ngũ:

Là lộ ý môn bắt nguồn từ lộ ngũ.

Phần này nói về lộ ý nối tiếp lộ ngũ.

II. PHÂN TÍCH.

Lộ ý bắt nguồn từ lộ ngũ có tất cả là năm loại: Lộ ý nối tiếp lộ nhãn môn, lộ ý nối tiếp lộ nhĩ môn, lộ ý nối tiếp lộ tỷ môn, lộ ý nối tiếp lộ thiệt môn và lộ ý nối tiếp lộ thân môn.

Ở đây trình bày sự diễn hoạt của hai lộ ý nối tiếp : Lộ ý nối tiếp lộ nhãn môn và Lộ ý nối tiếp lộ nhĩ môn.

Lộ ý nối tiếp từ tỷ môn, thiệt môn và thân môn cũng tương tự.

A - Lộ ý nối tiếp lộ nhãn môn.

Lộ ý môn nối tiếp theo lộ nhãn môn, có được bốn lộ cơ bản là:

- *Atitagahaṇavīthi*: Lộ chuyển tiếp theo lộ trước
- *Samūhaggahaṇavīthi*: Lộ kế tiếp gom gọn.
- *Atthagahaṇavīthi*: Lộ định nghĩa.
- *Nāmagahaṇavīthi*: Lộ định danh.

*** Atitagahaṇavīthi (lộ nối tiếp).**

Atīta là phía trước, *gahaṇa* là bám lấy, nên *atitagahaṇavīthi* là lộ bám theo lộ trước.

Khi lộ nhãn môn diệt đi, trải qua hàng ngàn sát-na hữu phần cơ bản, cảnh sắc trong lộ nhãn môn đã diệt, trở thành cảnh sắc quá khứ khởi lên qua ý môn, nên tâm lộ nối tiếp này không có HPVQ, dòng hữu phần khởi lên Rúng động, rồi Dứt dòng, tiếp theo là sát-na tâm Hướng ý môn sanh lên, khi tâm Hướng ý môn diệt, thì 7 sát-na tâm đồng lực dục giới sanh lên.

Nếu lộ nhãn môn có Na cảnh thì lộ ý nối tiếp cũng có Na cảnh và cảnh sắc quá khứ ở lộ này là cảnh cực rõ.

Nếu lộ nhãn môn không có Na cảnh thì lộ mỗi tiếp chỉ đến đồng lực rồi trở về hữu phần căn bản và cảnh sắc quá khứ ở lộ này là cảnh rõ.

* **Samūhaggahaṇavīthi** (*lộ thu vén*). *Samūha* là gom góp lại, nên dịch là lộ gom gọn cảnh.

Khi lộ nối tiếp (*atītagahaṇavīthi*) diệt đi, trải qua hàng trăm hàng ngàn hữu phần cơ bản, một tâm lộ ý môn khác sanh lên để thu vén cảnh sắc quá khứ.

Diễn tiến tâm lộ như sau: Rúng động, Dứt dòng, Hướng ý môn, 7 sát-na đồng lực.

Nếu cảnh cực rõ thì có Na cảnh, rồi tâm lộ trở về hữu phần cơ bản.

* **Atthaggaṇavīthi** (*lộ định nghĩa*).

Khi lộ gom gọn cảnh diệt đi, trải qua hàng ngàn hữu phần cơ bản, tiếp theo là lộ định nghĩa cảnh sắc. Sự định nghĩa này theo chế định (*atthapaññatti*).

Dòng tâm diễn ra như sau: Rúng động, Dứt dòng, Hướng ý môn, 7 sát-na đồng lực, sau đó trở về hữu phần cơ bản.

Ở tâm lộ này dù cảnh cực rõ hay cảnh rõ cũng không có Na cảnh, cảnh ở đây là *Paññatti* (chế định) nên không có thực tính cảnh, do đó tâm đồng lực không “ níu kéo ” cảnh.

* **Nāmaggaṇavīthi** (*Lộ định danh*).

Tiếp theo lộ định nghĩa, trải qua hàng ngàn hữu phần cơ bản, một tâm lộ khác khởi lên để **định danh** cảnh sắc, tức là nó có phận sự đặt cho cảnh sắc một cái tên thích ứng theo ngoại hình (*saṅghāna*), cái tên này đã từng biết, nên lộ này có tên *lộ định danh*.

Diễn tiến tâm lộ như sau: Rúng động, Dứt dòng, Hương ý môn, 7 sát-na đồng lực rồi trở về hữu phần cơ bản, lộ này bắt cảnh Danh chế định nên không có Na cảnh.

Đến đây chấm dứt một quy trình lộ ý môn nối từ nhãn môn.

B - Lộ ý nối tiếp từ lộ nhĩ môn.

Tiếp theo lộ nhĩ thức là tâm lộ ý thức nối tiếp. Tùy theo tính cách của cảnh thính mà lộ ý môn nối tiếp lộ nhĩ có 4 lộ hoặc 3 lộ.

Nếu bốn lộ sẽ tuần tự như sau:

*** Atītagahaṇavīthi (lộ nối tiếp).**

Sau khi tâm hữu phần kế tục lộ nhĩ thức diệt, âm hưởng cảnh thính quá khứ lại tiếp tục xâm nhập vào ý thức. Ở đây, nói rõ hơn là những tiếng động có âm hưởng “di truyền” như tiếng chuông ngân, tiếng tụng kinh khi ấy lộ *nối tiếp* khởi lên.

Diễn tiến tâm lộ nối tiếp như sau: Rúng động, Dứt dòng, Hương ý môn. 7 sát-na đồng lực, 2 sát-na Na cảnh (nếu tâm lộ nhĩ môn có Na cảnh và cảnh trong lộ này là cảnh cực rõ) rồi trở về hữu phần cơ bản.

*** Samūhaggahaṇavīthi (Lộ thu vén).**

Trải qua hằng trăm hằng ngàn sát-na hữu phần cơ bản sau lộ nối tiếp, kế đến là *lộ thu vén cảnh thính*.

Lộ này có phận sự thu vén cảnh thính quá khứ qua âm hưởng di truyền của cảnh thính.

Diễn tiến tâm lộ như sau: Rúng động, Dứt dòng, Hương ý môn, 7 sát-na đồng lực và 2 sát-na Na cảnh (nếu 2 lộ trước có Na cảnh và cảnh ở lộ này là cảnh rất rõ), rồi trở về hữu phần cơ bản.

★ **Atthaggaṇavīthi** (*Lộ định danh*).

Khác với lộ ý nổi lộ nhãn môn, ở đây lộ định danh lại xuất hiện trước lộ định nghĩa.

Sau khi lộ thu vén cảnh thính quá khứ diệt đi, trải qua hàng ngàn sát-na hữu phần cơ bản, tiếp theo 1 tâm lộ sanh lên có phận sự đặt cho âm thanh quá khứ 1 tên gọi thích ứng theo tính cách thế tục, như tiếng người, tiếng thú, tiếng gió, tiếng gào thét nên lộ này có tên gọi lộ định danh.

Diễn tiến cũng giống như lộ thu vén và không có Na cảnh vì nhận chế định làm cảnh.

★ **Atthaggaṇavīthi** (*Lộ định nghĩa*).

Kế tiếp lộ định danh cảnh thính là lộ định đặt ý nghĩa cảnh thính ấy. Lộ này có phận sự nhận diện ý nghĩa của cảnh thính như sự van nài, sự ra lệnh, sự hờn dỗi

Diễn tiến tâm lộ này hoàn toàn giống lộ định danh vì cũng nhận cảnh là chế định.

Thế là dứt 1 quy trình tâm lộ ý thức nối tiếp từ nhĩ môn.

“Lộ ý nối tiếp từ nhĩ môn có ba lộ nối tiếp” là trừ đi lộ thu vén cảnh thính, vì cảnh thính ở đây chỉ là những tiếng quá ngắn gọn như: A, Á dòng tâm thức nối tiếp sau chúng sẽ đơn giản hơn, do đó lộ thu vén không cần thiết phải hiện khởi.

Có kệ ngôn như sau:

“Saddaṃ paṭhamacittaṃ

Tītaṃ duttiyacetasā

Nāmaṃ tatiyacittena

Atthaṃ catutthacetāsā

“Trong quá trình tiếp nhận cảnh thính đầy đủ, tâm lộ đầu tiên là lộ nhĩ môn, tâm lộ thứ hai là lộ nổi tiếp (*atītagaḥaṇa*) khởi lên bắt cảnh thính quá khứ. Thứ ba là lộ định danh cảnh thính, thứ tư là lộ định nghĩa”.

III. THÍCH GIẢI.

Trên đây là trình bày diễn tiến theo mô thức cơ bản, thực ra tâm lộ diễn ra phức tạp hơn, chúng không tuần tự diễn tiến theo thứ tự đơn thuần như thế.

Đối với cảnh ngũ mà chúng nhận được, tùy theo cường lực của cảnh mà số lượng mỗi tâm lộ nổi tiếp nhiều hay ít.

Đối với cảnh sắc, lộ nhãn môn và lộ nổi tiếp (*atītagaḥaṇavīthi*) sinh diễn nối tiếp nhau liên tục hàng mấy trăm mấy ngàn lượt, sau đó là lộ thu vén (*samūhaggahaṇavīthi*) khởi lên, lộ này cũng lập đi lập lại hàng trăm hàng ngàn lần, mới đến lộ định danh, lộ này cũng sinh diễn hàng trăm hàng ngàn lần, sau cùng là lộ định nghĩa.

Còn đối với lộ nhĩ môn, khi lộ thu vén (*samūhaggahaṇavīthi*) xuất hiện, lộ này diễn tiến nhiều hay ít là tùy thuộc vào cảnh thính ấy. Cảnh thính càng có nhiều âm thì lộ thu vén càng sinh khởi nhiều để làm phận sự gom góp, thậm chí có thể đếm không xiết, hoặc không có lộ thu vén nào đối với những cảnh thính có đơn âm.

Các Ngài dạy rằng: “*khi cảnh ngũ xuất hiện rõ ràng nơi năm vật, lập tức chúng cũng xâm nhập vào ý môn*”. Giống như con chim khi đậu ở cành cây, lập tức bóng của nó cũng chiếu ngay xuống đất (con chim ví như cảnh, cành cây ví như năm vật, mặt đất ví như ý môn).

Vậy tại sao lộ ngũ môn và lộ ý môn nối tiếp không cùng khởi lên, mà lộ ngũ khởi lên trước?”.

Lộ ý tùy thuộc không thể đồng sanh cùng lộ ngũ cũng không thể sanh trước lộ ngũ, vì lộ ý tùy thuộc là quả của lộ ngũ.

Đành rằng: cảnh ngũ cùng xuất hiện ở ngũ môn lẫn ý môn, nhưng cảnh ngũ là nhân, cảnh ngũ tùy thuộc (bóng dội xuống ý môn) là quả, quả không thể nào có trước nhân.

Vì sao không có lộ ngũ tùy thuộc lộ ý?

Cảnh của lộ ngũ là cảnh thô thuộc bên ngoài (ngoại phần) trong thời hiện tại, là cảnh có thật, trái lại cảnh của ý môn đa dạng, có cả thô cảnh lẫn tế cảnh, có đủ cả ba thời, nhưng đều là cảnh ở bên trong (nội phần).

Hơn nữa, ý thức luôn trú ở bên trong nên ngoại cảnh đi vào bên trong là tất yếu, không có trường hợp cảnh từ bên trong thoát ra ngoài trở thành cảnh ngũ được, không thể có trường hợp người nhớ đến cha mẹ đã mất (cảnh ngũ quá khứ) thì cha mẹ trở thành hiện thực (cảnh ngũ hiện tại), hay ví như đá từ bờ vực (ngoại phần) rơi xuống vực (nội phần) thì dễ dàng, không thể có trường hợp đá từ vực sâu lăn lên bờ vực.

Do vậy, không có trường hợp lộ ngũ nối tiếp theo lộ ý.

Bốn lộ ý nối tiếp lộ ngũ là những lộ cơ bản, nhưng không phải hoàn toàn lúc nào cũng có bốn lộ (hay ba lộ đối với cảnh thính), đôi khi chúng phát sanh 5 hay 6 lộ ý tùy thuộc như:

a- *Trường hợp thấy người vẫy tay gọi mình.*

Trước tiên là lộ nhãn môn khởi lên để thấy được cái vẫy tay, chỉ là thấy thôi chưa có ý niệm gì ở đây.

Tiếp theo có 5 lộ ý tùy thuộc lộ nhãn môn như sau:

1”- Lộ nối tiếp (*atītaggaṇavīthi*) sanh khởi nhận cảnh sắc quá khứ (là “cái vẫy tay” đã diệt mất).

2”- Lộ thu vén (*samūhaggahaṇavīthi*), thu vén cái vấy tay quá khứ.

3”- Lộ định nghĩa (*atthaggaṇavīthi*) khởi lên theo sau lộ thu vén cảnh sắc, để biết được ý nghĩa cái vấy tay.

4”- *Kāyaviññattigahaṇavīthi* (lộ thân bày tỏ) khởi lên tiếp theo sau lộ định nghĩa, để biết sự kiện (cái vấy tay).

5”- *Adhippāyaggahaṇavīthi* (lộ hiểu nghĩa cao nhất) sanh khởi kế tục lộ thân biểu tri, để hiểu ý của đối tượng (nhân vật vấy tay).

b- Trường hợp nghe người khác kêu tên, biết họ gọi mình.

Có 6 lộ ý tùy thuộc diễn tiến như sau:

Trước tiên là lộ nhĩ môn (*sotadvāravīthi*), chỉ nghe một cách đơn thuần, chưa có ý niệm về danh hay nghĩa chế định.

1”- Lộ nối tiếp lộ nhĩ, để nắm bắt cảnh thính quá khứ.

Cả hai tâm lộ này nối tiếp nhau lập đi lập lại hàng trăm hàng ngàn lần.

2”- Lộ thu vén kế tục lộ nối tiếp để thu vén những âm hưởng “di truyền”. Tâm lộ này cũng sinh diệt hàng trăm hàng ngàn lần tùy theo âm hưởng cảnh thính nhiều hay ít.

3”- Lộ định danh kế tục lộ thu vén, có phận sự định danh cảnh thính theo danh chế định.

4”- Lộ định nghĩa khởi lên sau lộ định danh, để hiểu cảnh thính theo nghĩa chế định.

5”. Lộ ngữ bày tỏ (*vacīviññattigahaṇavīthi*) khởi lên tiếp theo lộ định nghĩa, để ý thức được “ý nghĩa” tiếng gọi.

6”- Lộ “hiểu nghĩa cao nhất”, nối đuôi theo lộ ngữ bày tỏ, để nhận biết ý muốn của nhân vật, ý nghĩa hay mục đích tiếng gọi.

BÀI 13

LỘ CHIÊM BAO **(*Supinacittavīthi*).**

I. ĐỊNH NGHĨA:

Tâm lộ chiêm bao là sự diễn tiến tâm khách nơi ý môn trong lúc chúng sanh ấy đang ngủ.

Thông thường chúng sanh đi vào giấc ngủ, dòng hữu phần trôi chảy bình thường.

Khi cơ thể có biến động, khiến dòng hữu phần bị dao động làm sanh khởi một quy trình sinh diệt của một số tâm khách và sự kiện này lại xảy ra khi ngủ nên gọi là tâm lộ chiêm bao (*supinacittavīthi*).

II. NHÂN SINH LỘ CHIÊM BAO:

Có bốn nhân phát sanh tâm lộ chiêm bao:

1. *Do rối loạn tiêu hóa vật thực.*

Chính sự rối loạn tiêu hóa vật thực làm tứ đại trong thân bất hòa, khiến người ta mộng thấy những cảnh tượng hải hùng như : bị rơi từ trên núi xuống, bị rượt đuổi bởi thú dữ, người dữ...

Cũng do rối loạn tiêu hóa vật thực, chiêm bao phát sanh lên:

- Do **gió** kích thích.

Ở đây là sáu loại gió trong cơ thể (gió thổi từ trước ra sau - từ sau ra trước, gió thổi từ trên xuống - từ dưới lên, gió thổi từ trái qua phải - từ phải qua trái) .

Máu lưu thông dễ dàng là do gió đưa đi, khi gió bị rối loạn, khiến máu bị nghẽn hay dồn dập, kích thích mạnh đến sắc ý vật, phát sanh cảnh lạ trong giấc ngủ, tạo thành sự diễn hoạt tâm lộ.

- Do **mật** kích thích.

Mật là một chất nước được tích trữ trong cơ thể, nhằm điều hòa tính chất của máu.

Khi mật quá ít hay dư thừa làm thay đổi cơ chế của máu và nó kích thích đến sắc ý vật, tạo thành cảnh lạ trong giấc ngủ.

- Do **đàm** kích thích.

Đàm cũng là một chất nước trong cơ thể, có phận sự làm trôi tuột những chướng ngại, nhưng khi chúng quá ít thì chướng ngại khó tuôn, hoặc quá nhiều thì chúng lại là chướng ngại ngăn cản gió làm máu khó lưu thông, kích thích đến sắc Ý vật, nảy sinh sự diễn tiến tâm khách trong giấc ngủ.

Ba nhân này gọi chung là *cittāvaraṇa* (tâm bị chướng ngại).

(*Cittāvaraṇa* = *citta* + *āvaraṇa*, chữ *āvaraṇa* nghĩa là bị ngăn cản).

- Do **bệnh** kích thích.

Sự rối loạn tiêu hóa đôi khi tạo ra bệnh hoạn trong cơ thể, ngoài ra bệnh cũng có thể phát sanh do thời tiết nóng-lạnh...

Bấy giờ chất lửa trong cơ thể không được điều hòa, khiến bị sốt cao hoặc bị rét lạnh, kích thích đến sắc Ý vật

trong lúc ngủ, khiến dòng tâm thức bị xáo trộn bởi cảnh lạ, sanh khởi một quy trình diễn hoạt mới.

Tóm lại, rối loạn tiêu hóa vật thực làm tứ đại bất hòa, từ đó sanh khởi cảnh lạ trong khi ngủ, gọi là chiêm bao.

2- Do những kinh nghiệm quá khứ trạng lại.

Người nằm mộng thấy những gì đã từng thấy, nghe những gì đã từng nghe, hoặc đang sử dụng những gì đã từng sử dụng...

3- Do thần lực chư Thiên (*devasamharana*).

Nói rõ hơn loại chiêm bao này phát sanh là do tha lực tác động, tha lực này có thể là chư thiên như vị chư thiên báo mộng cho Hoàng hậu Asandhimittā (vợ vua Ađục), hay vua trời Đế Thích báo mộng... hoặc do thần lực của người tác động như trường hợp thôi miên thuật, hay do ngạ quỷ kích động như giấc mộng của vua Bình sa vương....

4- Do Nghiệp tác động (còn gọi là điềm nghiệp).

Tức là quả tốt hay quả xấu sắp trở cho chúng sanh ấy, nghiệp lực tác động đến như điềm báo trước, ví như mây đen kéo đến báo hiệu sắp có mưa. Sự báo hiệu này xảy ra trong thời điểm chúng sanh ấy ngủ, phát sinh lộ chiêm bao.

Trong bốn loại mộng này:

- Mộng do rối loạn vật thực, mộng do kinh nghiệm quá khứ trạo lại thường không đúng.

- Mộng do tha lực có khi đúng có khi không, chư thiên khi phần nộ, thường cho thấy những cảnh sai sự thật như một mưu mẹo gây tai họa cho người nằm mộng.

- Mộng do điềm nghiệp báo, sẽ diễn ra sau này y như giấc mộng.

III- SỐ LƯỢNG TÂM LỘ CHIÊM BAO:

Tâm lộ chiêm bao có được 12 lộ như sau:

Cảnh cực rõ có 6 lộ:

- Chót Na cảnh có 2 lộ: Không HPVQ và có 1 HPVQ.
- Chót đồng lực có 2 lộ: Không HPVQ và có 1 HPVQ.
- Chót hữu phần Khách có 2 lộ: Không HPVQ và có 1 HPVQ.

Cảnh rõ có 4 lộ:

- Chót đồng lực có 2 lộ: Không HPVQ và có 1 HPVQ.
- Chót hữu phần Khách có 2 lộ: Không HPVQ và có 1 HPVQ.

Cảnh không rõ: có 1 lộ (có 2 sát-na Hướng ý môn).

Cảnh mơ hồ: có 1 lộ.

Tổng cộng có 12 lộ tâm chiêm bao.

IV- THÍCH GIẢI.

1. Thời điểm nào có tâm lộ chiêm bao?

Dĩ nhiên đối với những người đang tỉnh táo sẽ không có tâm lộ chiêm bao, đối với người ngủ say lộ chiêm bao cũng không khởi lên.

Lộ chiêm bao chỉ khởi lên trong thời điểm gián đoạn giữa hai giấc ngủ, tức là vào lúc giấc ngủ chập chờn.

2. Có cho hạng người nào ?

Lộ chiêm bao chỉ cho có 4 phàm nhân và 3 quả Hữu học. Vị Thánh A-la-hán không bao giờ có trạng thái mộng mị, cho dù Ngài có bị dị ứng vật thực làm rối loạn cơ thể sinh bệnh hoạn, nhưng tâm các Ngài đã tận diệt mọi phiền não, không có lực nào có thể làm rối loạn tâm các Ngài được.

Chúng sanh khi ngủ là do tác động của tâm sở hôn trầm và tâm sở thụy miên, vị A-la-hán tuy cũng nghỉ ngơi, nhưng không do 2 tâm sở này chi phối. Sau thời gian hoạt động, sắc pháp là cơ thể của Ngài cần nghỉ ngơi, bấy giờ tâm vị A-la-hán đi vào hữu phần ngay có thể thôi. Một số cây cũng biểu lộ sự nghỉ ngơi của sắc pháp như co cụp lá lại... sắc thân của vị A-la-hán cũng thế.

Vị Thánh Tam quả đã viên mãn **Định**, lẽ ra các Ngài cũng không có lộ chiêm bao, nhưng vì các Ngài còn bị chi phối bởi phiền não vô minh và phiền não ái nên vẫn có thể phát sinh lộ chiêm bao.

Mặt khác, chúng sanh ở địa ngục không nằm mộng bao giờ, vì lửa địa ngục đốt thiêu suốt đêm ngày. Chư Thiên cũng không nằm mơ được, vì sắc nghiệp (*kammajarūpa*) của họ quá vi tế, và lại trên Thiên giới không bao giờ có một trong 4 nhân trợ sanh chiêm bao: chướng ngại tâm (*cittavarāṇa*), do tha lực (*devasaṃharaṇa*), dị ứng vật thực và do nghiệp tác động.

Vật thực của Chư Thiên là loại tịnh thực, khi vào cơ thể sẽ tan biến tất cả rồi lan khắp cơ thể, không lưu cặn bã như người địa cầu và không hề bị bệnh như nhân loại.

Nói về điem nghiệp, tuy cõi chư Thiên vẫn có hiện tượng báo tử của vị chư Thiên như: Vòng hoa trang điểm héo úa, Y phục bị bạc màu thành cũ, hào quang từ thân bị phai nhạt, mồ hôi từ nách chảy ra, tâm đã dượt sâu muện.

Điem nghiệp báo tử này khởi lên lúc thường nhật, không phải trong giấc ngủ.

3. Tâm lộ có hữu phần Vừa qua

Những tâm lộ chiêm bao có HPVQ chỉ khởi lên khi sắc thành tựu hiện tại làm cảnh.

Trường hợp đang ngủ có người kêu hoặc lay động thân, khi ấy chỉ khởi lên lộ nhĩ môn hoặc lộ thân môn, tiếp theo là lộ nối tiếp (*atītaggaṇavīthi*) rồi dứt, không có những tâm lộ khác nối tiếp, bấy giờ mới có lộ chiêm bao và tâm nhận cảnh thanh hoặc cảnh xúc, đó cũng là loại sắc thành tựu hiện tại, nên có HPVQ.

4. Vì sao chỉ có 1 mà không có 2 hay 3 HPVQ

Vì sắc thành tựu làm cảnh trong lộ chiêm bao là loại sắc thô. Trong trạng thái chấp chờn, chúng tác động đến dòng hữu phần đang muội lược, nên chỉ cần 1 sát-na HPVQ thì tâm hữu phần bị Rúng động ngay.

Mặt khác sắc tế không thể hiển lộ sức mạnh để làm cảnh cho dòng tâm thức đang trong trạng thái muội lược.

Khi nào sắc tế làm cảnh cho tâm khi ấy mới có nhiều HPVQ.

Điều nên ghi nhận rằng: Tuy tâm lộ chiêm bao vẫn có đồng lực sanh khởi, nhưng chúng không tạo thành quả dị thực, vì khi ấy tâm có trạng thái muội lược, bị xáo động nên Tư tâm sở (*cetanācetasika*) không có sức mạnh lưu giữ chủng tử (*bija*) tạo thành nghiệp dị thời.

CHƯƠNG III

BÀI 14

TÂM LỘ AN CHỈ (*Appanācittavīthi*)

I. ĐỊNH NGHĨA.

Gọi là tâm lộ **An chỉ** (*appanācittavīthi*), vì vào thời điểm này, tâm an trụ vào cảnh (*ārammaṇa*) thành một điểm (*ekaggam*).

Phân tích từ ngữ **appanā** là:

Ngữ căn I + tiếp đầu ngữ **ape** + *anā*.

Ngữ căn I là ĐI cộng, tiếp đầu ngữ Ape là “nguyên nhân”.

Khi nối liền (*sandhi*) thì xóa I, P thành PP

I + APE = APPE

E gặp A thành Ā, Ā gặp PP trở thành A, lại xóa A, trở thành Appanā.

APPE + ANĀ = APPĀ + ANĀ = APPA + ANĀ

APPA + ANĀ = APPANĀ.

Trưởng lão *Buddhaghosa* (Phật Âm) định nghĩa từ *Appanā* là “Hướng về hay khấn khít thành một”. Như sau:

- *Ekaggam cittam ārammaṇe appenti.*

“Tâm và đối tượng gom thành một điểm”

Appanā (an chi) là một hình thức của Tâm tâm sở (*vitakkacetasika*) đã phát triển cao độ, trở thành chi Thiền.

Vậy: Lộ tâm An chi là tiến trình diễn hoạt của tâm khi chi thiền đã phát triển cao độ.

II. KHÁI LƯỢC VỀ THIỀN:

Thiền (*jhāna*) xuất nguyên từ Ngữ căn **Jhe** nghĩa là SUY GẤM.

Ngài *Buddhaghosa* giải thích chữ *Jhāna* như sau:

Ārammaṇa upanijjhānato paccanīka jhāpanato vā jhānaṃ.

“Gọi là Thiền vì suy gắm chính chắn trên đối tượng”.

hay “vì thiêu đốt nghịch pháp (*nīvaraṇa* - chướng ngại) nên gọi là Thiền.

Thiền có hai loại: *Samathakamaṭṭhāna* (Chi tịnh nghiệp xứ) và *vipassanākammaṭṭhāna* (Quán nghiệp xứ).

A. Chi tịnh nghiệp xứ:

Hành giả khi tu tập Chi tịnh sẽ chọn lấy 1 trong 40 đề mục của pháp Chánh Định làm đề mục chính để tu tập. Bốn mươi đề mục đó là:

- 10 đề mục Hoàn tịnh (*Kasina*)
- 10 đề mục Từ thi
- 10 đề mục Tùy niệm (*anusati*)

- 4 đề mục Tứ vô lượng: Từ (*mettā*), Bi (*karunā*), Hỷ (*muditā*), Xả (*upekkhā*)
- 1 đề mục hơi thở ra - vào (*ānāpanā*)
- Đề mục thể trước (*asubha* - bất mỹ)
- 4 đề mục vô sắc (*arūpa*)

1- Đề mục đưa đến chứng đắc Thiên.

- 10 đề mục Tùy niệm (*anusati*) là: Niệm ân đức Phật, niệm ân đức Pháp, niệm ân đức Tăng, niệm ân đức Giới, niệm ân đức (bố) Thí, niệm ân đức (chư) Thiên, niệm Tịch tịnh (tức là Níp-bàn), niệm sự chết, quán tưởng vật thực và phân tích tứ đại chỉ đưa hành giả đến Cận Định (*upacārasamādhi*), không thể tiến xa hơn được. Tức là không thể hiển lộ sức mạnh để nhập vào thiên cảnh (*jhānārammaṇa*), chỉ có thể tiếp cận với thiên cảnh mà thôi.

- 30 đề mục còn lại đưa Hành giả chứng đắc thiên An chi (*appanāsamādhi*) hay gọi là đắc Định.

Tùy theo tính chất của đề mục, sự tiến đạt của thiên định có cao, thấp khác nhau.

Trong 30 đề mục này:

- Mười đề mục tứ thi, đề mục thể trước (*asubha*) chỉ đưa đến tầng Sơ thiên.

- Ba đề mục Từ (*mettā*), Bi (*karunā*) và Hỷ (*muditā*) đắc được Sơ, Nhị, Tam thiên (thiên bốn bậc).

- Đề mục Xả (*upekkhā*) chỉ chứng đắc Tứ thiên Sắc giới (thiên bốn bậc).

- 11 đề mục đạt từ Sơ thiên đến Tứ thiên sắc giới là 10 đề mục *kasaina* và đề mục hơi thở.

– 4 đề mục Vô sắc giới: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ và Phi tướng phi phi tướng xứ không đặc thiên Sắc giới mà chỉ đặc thiên Vô sắc (*arūpajhāna*).

Đề mục thiên thích hợp với cơ tánh (carita).

Mỗi hành giả đều tìm ẩn 6 tánh là: tánh tham, tánh sân, tánh si, tánh tín, tánh giác và tánh tâm.

Trong đời sống bình nhật, 1 trong 6 tánh này nổi bật được gọi là người có tánh ấy, như người có tánh tham, người có tánh sân...

Đề mục từ thi, thể trước, niệm sự chết thích hợp với người có tánh tham mạnh.

Sáu đề mục tùy niệm ân đức Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí, Thiên thích hợp với người có tánh tín mạnh.

Bốn đề mục Tứ Vô Lượng tâm thích hợp với người có tánh sân nặng.

Người thiên về tánh Giác thì thích hợp với đề mục niệm Tịch tịnh, phân tích tứ đại, quán tướng vật thực và hơi thở.

Mười đề mục *Kasina* thích hợp cho mọi cơ tánh.

2- Lý giải.

Hành giả tu tập Chỉ tịnh cần hiểu rằng: “sự tu tiến (*bhāvanā*) này, lấy Niệm (*sati*) và Tưởng (*saññā*) làm Chủ”.

Tuy lấy chân đế (*paramattha*) làm phương tiện, nhưng lại định đặt danh xưng như: Đất, lửa, gió ... nên cảnh thiên của án xứ chỉ là 1 khái niệm, tức cảnh chế định, không phải là một thực thể.

Quá trình tu tập Chỉ tịnh của hành giả, được diễn tiến như sau:

Trước tiên hành giả chọn một đề mục thích hợp với cơ tánh của mình để kiến tạo án xứ.

Ví dụ như lấy đất làm đẽ mục, hành giả tạo một vòng tròn *Kasina* có đường kính khoảng 3 tấc, dùng đất sét có màu hồng như màu mặt trời lúc bình minh, tô trét cho kín *kasina*, cạo gọt cho trơn láng án xứ. Vòng *kasina* này được gọi là Sơ tướng (*parikamanimitta*).

Hành giả chú niệm “*pathavī, pathavī (đất, đất)*” ghi nhận vòng tròn *Kasina* ấy, cố gắng gạt bỏ những tạp niệm, tâm hoàn toàn chú mục vào án xứ, một thời gian sau chi Tâm hiển lộ sức mạnh, Hành giả nhắm mắt vẫn thấy được Sơ tướng trong tâm, khi ấy được gọi là Tợ tướng.

Vì Sơ tướng này khi mờ khi tỏ, lúc hiện lúc mất, hành giả cố gắng chú niệm để giữ lấy nên còn gọi là Trì tướng (*uggahanimitta*).

Hành giả kiên trì gom tâm chú niệm, bấy giờ Trì tướng (*uggahanimitta*) được vững mạnh, nghĩa là khi ấy chi Tứ của Thiền được hiển lộ. Hành giả lại gia công chú niệm vào Trì tướng liên tục, phát sanh chi Hỷ.

Khi chi Hỷ hiển lộ sức mạnh (tức là đạt đến sung mãn hỷ) phát sanh ấn tướng mới, có tên gọi là *Paṭibhāganimitta* (Quang tướng hay Tịnh tướng).

Quang tướng khác với Trì tướng ở điểm: Trì tướng vẫn giữ nguyên hình ảnh của án xứ ban đầu (*parikamanimitta*), nghĩa là án xứ *kasina* ban đầu có lỗi lõm, có vết nứt rạn của đất sét khi bị khô.... thì Trì tướng vẫn như thế ấy. Trái lại Quang tướng thì hoàn chỉnh những khuyết điểm ấy, vòng án xứ bây giờ được chiếu sáng, trơn láng như vỏ ốc xà cừ được đánh bóng, những vết nứt cũng liền lạc tròn bích, vòng án xứ khi ấy như 1 viên Hồng ngọc lớn được treo lơ lửng giữa hư không.

Khi chi Lạc hiển lộ sức mạnh trọn vẹn thì Quang Tướng càng vững vàng và Hành giả đạt đến Cận định (*upacārasamādhi*).

Hành giả lại kiên trì chú niệm *pathivī, pathivī ...* vào Quang tướng, vào 1 thời điểm nào đó bất thần phá vỡ được “hàng rào ngăn” là chướng ngại cuối cùng, tâm thể nhập vào thiền cảnh trọn vẹn trở thành nhất điểm, gọi là đắc Định.

Sở dĩ 10 đề mục Tùy niệm (*anusati*) không đắc định là vì:

Sáu đề mục tùy niệm Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí và Thiên có ân đức rất sâu thẳm, hành giả không thể vượt qua chướng ngại sau cùng là “hàng rào cản” để tiến vào định vực, tức là tâm không thể hòa nhập với ân đức sâu rộng ấy được. không thể hòa nhập vào ấn tướng (*nimitta*) để trở hành **nhất điểm**, do đó chỉ đạt cận định thôi.

Đề mục Tịch tịnh chính là ân đức sâu rộng của Níp-bàn (*nibbāna*), hành giả cũng không thể phá vỡ “hàng rào cản” nên cũng chỉ đạt đến Cận định.

Quán sự chết, ấn tướng *Patibhāga* lại là sự diệt mất, nên chi Định cũng không thể an trú vào “diệt” (vì khi ấy cả tâm lẫn cảnh đều mất).

Quán tướng vật thực và phân tích tứ đại, tâm Hành giả mãi phân tích thiền cảnh của án xứ, nên không đình trụ vào một điểm.

Mười đề mục tử thi và đề mục thể trước vì sao chỉ đạt đến Sơ định mà không thể tiến xa hơn?

Quang tướng của những đề mục này được hiện khởi và vững mạnh là do nương vào sức mạnh của chi Tâm. Khi chi Tâm mất thì Quang tướng của các đề mục này không thể hiện khởi được, mà muốn đạt được Nhị thiền phải mất Tâm - Tứ, thế là thiền cảnh không có. Ví như nước (chi tâm) là nơi nương nhờ cho cá (thiền cảnh), nước mất thì cá chết.

Các đề mục khác tuy ấn tướng (*nimitta*) hiển lộ là do sức mạnh của chi Tâm, nhưng khi ấn tướng vững mạnh rồi có thể

không cần đến chi Tâm vẫn hiển lộ được. Ví như người học trò nương vào người thầy để trở nên tài giỏi, khi giỏi rồi có thể không nhờ đến thầy vẫn phát huy được tài năng của mình.

Ở giai đoạn Sơ thiên, ba đề mục Từ - Bi - Hỷ muốn phá vỡ hàng rào ngăn để nhập vào thiên cảnh, phải có trạng thái **đồng nhất đối tượng**.

Như đề mục Từ chẳng hạn, khi *Quang tướng* sanh khởi, hành giả phải có tâm lý hòa nhập không còn phân biệt mình với đối tượng.

Ngài *Buddhaghosa* có cho một ví dụ như sau: Có bọn cướp bắt được 4 người, bọn cướp bảo 1 người trong nhóm rằng “Chúng ta cần máu của 1 người để tế thần lửa, vậy người hãy chọn một người để hy sinh”.

Trong ba người đó, có kẻ thù, người thân và người không thân không thù. Vì có tâm từ nên người ấy không chọn 1 trong ba người kia, nhưng nếu chọn ngay chính mình, cũng không thể gọi là đồng nhất vì còn phân biệt ta và người.

Người ấy sẽ suy nghĩ rằng: “Mỗi chúng sanh sẽ duyên theo nghiệp của mình, hãy để bọn cướp chọn lấy”, khi ấy gọi là đồng nhất đối tượng.

Khi chưa đồng nhất đối tượng thì chưa phá vỡ hàng rào ngăn của định, khi phá vỡ hàng rào của định thì thể nhập vào Định xứ.

Do từ Sơ, Nhị, Tam thiên, hành giả đã huân tập như thế, khi tu tiến muốn đạt đến Tứ thiên, hành giả phải hướng tâm xả bỏ chi lạc của thiên, điều này thích hợp với trạng thái của *Upekkhā* (xả), do đó đề mục Xả chỉ đạt được duy nhất là Tứ thiên và trạng thái thản nhiên trước đối tượng chỉ có cho Xả mà thôi, Từ - Bi - Hỷ mà thản nhiên trước đối tượng thì không còn là Từ - Bi - Hỷ.

Vê cơ tánh (*carita*) của hành giả.

Một số Giáo Thọ sư cho là “*do nhân cảnh giới ở đời trước*”.

Như một số chúng sanh từ cõi Rồng, cõi *Asuradeva* (A-tu-la thiên), cõi địa ngục sinh lại cõi người, sẽ là người có tánh sân nặng,

Cõi nạ quý (*petabhūmi*) sanh lại làm người, sẽ nặng về tham tánh. Cõi bàng sanh sanh lại làm người sẽ nặng về si tánh.

Ở cõi chư Thiên hay Phạm thiên sanh làm người, sẽ là người có tánh Tín hay tánh Giác. Chúng ta ghi nhận ý kiến này.

Các Giáo Thọ Luận Sư bảo rằng “*do lúc lâm chung của chúng sanh ấy*”.

Khi lâm chung có nhân (*hetu*) nào mạnh sẽ ảnh hưởng đến cơ tánh của chúng sanh ấy ở kiếp sau.

Nhân có sáu là : tham, sân, si, vô tham, vô sân và vô si.

Nếu người sắp lâm chung có nhân tham mạnh, sân yếu, si yếu, vô tham yếu, vô sân mạnh, vô si mạnh, khi tục sinh làm người sẽ là người vui vẻ (do nhân sân yếu - vô sân mạnh), có trí (do nhân si yếu – nhân vô si mạnh) nhưng lại đa tham (vì nhân tham mạnh – nhân vô tham yếu).

Người sắp lâm chung có nhân vô tham mạnh, nhân vô si yếu, nhân sân mạnh, khi tái sinh làm người sẽ là người ít tham, kém trí và dễ nổi nóng .

Người sắp lâm chung có nhân sân mạnh, nhân vô tham mạnh, nhân vô si mạnh, khi tái sinh làm người sẽ là người có tánh đa sân, đa trí, ít tham ...

B- Quán mình nghiệp xứ.

Hành giả tu tập Quán nghiệp xứ, tức là tu tập pháp môn Tứ Niệm xứ (*satipaṭṭhāna*). Đó là:

- Quán thân trong thân.
- Quán thọ trong thọ.
- Quán tâm trong tâm.
- Quán pháp trong pháp.

Khi tu tập *Vipassanākammaṭṭhāna* (Quán nghiệp xứ), chủ yếu là phát huy sức mạnh của niệm (*sati*) và trí (*ñāṇa*).

Muốn tiến đạt pháp hành *vipassanā*, hành giả phải y cứ vào hai nền tảng thiền Chi, đó là Cận định (*upacārasamādhi*) và An chi định (*appanā samādhi*), sát-na định (*khaṇasamādhi*) được quy vào Cận định.

1. Lý giải

Sở dĩ Tứ Niệm xứ có bốn phần như vậy, nhằm mục đích trừ diệt những pháp điên đảo (*vipallāsadhamma*).

Quán thân để diệt trừ Tịnh tưởng (*subhasaññā*).

Quán thọ để trừ diệt Lạc tưởng (*sukhasaññā*).

Quán tâm để diệt trừ Thường tưởng (*niccasaññā*).

Quán pháp để diệt trừ Ngã tưởng (*attasaññā*).

Đối với người có ái dục thô, tức nặng về tham dục, Đức Phật dạy niệm thân để diệt trừ ái dục thô.

Đối với người ái dục vi tế, tức là những chúng sanh thích thú sự an lạc của pháp hữu vi, Đức Phật dạy niệm Thọ để trừ ái dục vi tế.

Đối với người có tà kiến nặng, chấp vào “thường hằng bất biến” Đức Thế Tôn dạy niệm tâm để thấy rõ tính vô thường của pháp hữu vi.

Đối với người có tà kiến vi tế, Đức Phật dạy niệm pháp để trừ tư tưởng chấp vào 1 thực ngã.

Tóm lại, pháp Tứ Niệm xứ có mục đích ngăn trừ và diệt tận ái (*tañhā*).

Hành giả cần hiểu rõ rằng: Trong bốn pháp Niệm xứ ấy, hai pháp niệm thân - niệm thọ được thành tựu từ sức mạnh của **vô tham** (*alobha*) và **vô sân** (*adosa*), niệm tâm - niệm pháp thành tựu nhờ sức mạnh của **vô si** (*amoha*). Do đó, người có tánh tham mạnh sẽ quán thân trong thân, người có tánh sân mạnh sẽ quán thọ trong thọ, người có tánh Giác mạnh sẽ dễ dàng trong pháp niệm Tâm và niệm Pháp.

Cũng nên ghi nhận rằng: Đối với pháp Chi tịnh, thì Trí hỗ trợ cho Định hiển lộ sức mạnh, trái lại trong pháp Quán thì Định lại hỗ trợ cho Trí tiến đặc Thánh Đạo. Vì thế, hành giả khi tu tập thiền Quán cũng phải nương vào Định, tối thiểu cũng phải là cận định.

2. Lợi ích của Định Chi tịnh.

Vị thánh đặc quả Siêu thế, nhưng chưa đắc được An chi định, được gọi là bậc Lạc quán (*sukhavipassanā*). Vị Thánh Lạc quán không thể an trú vào lộ tâm nhập thiền Quả để hưởng Níp-bàn lạc.

Vị Thánh trước khi đắc Đạo, có chứng đạt An chi định, có thể an trú vào tầng thiền đã đắc (trước khi đắc Đạo) nhận Níp-bàn làm cảnh để hưởng Níp-bàn lạc.

Ngoài ra còn có 5 lợi ích do thiền Chi tịnh mang lại là:

a) *Hiện tại lạc trú.*

Đối với phàm nhân hay vị Thánh Hữu học, khi cảm thấy khó chịu do 5 trần cảnh quấy nhiễu, sẽ an trú vào thiền Chỉ tịnh để được an lạc.

Vị Thánh A-la-hán tuy đã phá hủy xong các lậu hoặc (āsava) vẫn tu tập thiền Chỉ tịnh vì nghĩ rằng: Ta sẽ chứng và an trú nhất tâm một ngày ... giúp cho thân tứ đại không bị quấy nhiễu bởi thời tiết.

b) *Là nền tảng tiền đến sự giải thoát.*

Là phàm phu hay vị Thánh Hữu học khi tu tập Quán Minh, phải cần phải có **định**, ít nhất là định Cận hành (*upacārasamādhī*), vì định này mang lại lợi ích cho **tuệ**, giúp hành giả chứng đạt Đạo - quả Siêu thế.

Như lời dạy của Đức Phật: -"Này các Tỳ-kheo, hãy tu tập Định, một vị Tỳ-kheo định tĩnh thì biết đúng." (Tiểu Bộ Kinh).

c) *Chứng đắc các thắng trí (abhinñāna).*

Thắng trí ở đây là tên gọi của các loại thần thông như: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Túc mạng thông, Thần túc thông và Tha tâm thông.

d) *Sinh về Phạm Thiên giới.*

Khi phàm nhân chứng đắc Định, không làm hoại Định ấy, khi mệnh chung sẽ sinh vào cõi thiền (jhānabhūmi) mà mình đã chứng đắc.

Mặt khác, nếu hành giả chưa chứng đắc được định An chỉ, chỉ đạt đến Cận định khi mệnh chung cũng được tái sinh về cõi trời Dục giới.

e) Hưởng trạng thái Vô dư Níp-bàn tạm thời.

Đối với các vị Thánh Tam quả, hay vị Thánh Vô Lậu, có nền tảng thiền Định là Phi tướng phi phi tướng xứ, sẽ dễ dàng đạt đến định Diệt Thọ Tướng hưởng Vô dư Níp-bàn lạc tạm thời trong hiện tại.

BÀI 15**TÂM LỘ CHỨNG THIÊN VÀ NHẬP ĐỊNH**
(*Ādikammikajhānavithī ca Jhānasamāpattivithī*)

Tâm lộ An chỉ (*appanācittavithī*) gồm có 7 phần:

1. Tâm lộ chứng thiên (*ādikammikajhāna vithī*), có 36 lộ.

2. Tâm lộ nhập Định (*jhānasamāpattivithī*) để hưởng Thiên lạc, có 36 lộ.

3. Tâm lộ nhập thiên Cơ (*Pādakajhānavithī*) là lộ nhập thiên để chuẩn bị hiện thông, có 4 lộ.

Pādakajhāna là danh từ chuyên môn để gọi Ngũ thiên (*pañcakajhāna*) hay Tứ thiên (thiên bốn bậc).

4. Tâm lộ Đắc Thánh Đạo (*Maggavithī*) có 40 lộ.

5. Tâm lộ hiện Thông (*Abhiññāvithī*) là tâm lộ hóa hiện thần thông, có 4 lộ.

6. Tâm lộ nhập Quả định (*phalasangāpatti vithī*) là tâm lộ nhập Định để hưởng Níp-bàn lạc, có được 40 lộ.

7. Tâm lộ nhập Thiên Diệt (*Nirodhasamāpatti vithī*) là tâm lộ nhập Định để tạm thời giải thoát khỏi danh uẩn, có 4 lộ.

Tổng cộng lộ tâm An chỉ thời bình nhật có 164 lộ.

Cảnh trong tâm lộ An chỉ là cảnh cực rõ hoặc rõ và chót Đồng lực.

Ở đây trình bày tâm lộ Chứng thiên và tâm lộ nhập Định.

I. ĐỊNH NGHĨA.

1. Thế nào là Chứng thiên?

Hành giả sau một thời gian tu tập Chi tịnh với một trong 30 đề mục chứng đạt định An chi (*appanāsamādhī*) áp chế được 5 triền cái, tâm an trú vào Thiên cảnh thành một điểm (*ekaggam*), gọi là **Chứng thiên**.

2. Thế nào là nhập Định?

Tuy chứng đắc được thiên Định, nhưng hành giả không có khả năng an trú lâu trong Thiên cảnh. Hành giả lại tiếp tục tinh cần, thời gian sau tâm hành giả thuần phục an trú trong Thiên cảnh (*jhānārammaṇa*) bao lâu tùy theo ý, khi ấy gọi là **nhập Định**.

Theo Kinh tạng, thiên Sắc giới có bốn bậc, theo Luận tạng các ngài chia tầng Nhị thiên của Kinh tạng thành hai bậc: Khi mất chi Tâm gọi là Nhị thiên, khi mất cả chi Tứ thì gọi là Tam thiên.

Sở dĩ gọi thiên năm bậc là chia theo thời sát-na (*khaṇakāla*). Thật ra khi chi Tâm diệt đi, tiếp theo (vài trăm hay vài ngàn lộ tâm sau) chi Tứ cũng diệt, khoảng thời gian chênh lệch này diễn ra rất nhanh gần như không có, nên Kinh văn ghi: “*Vị Tỳ-kheo ly Tâm - Tứ, chứng và trú Nhị thiên, một trạng thái hỷ lạc do Định sanh*”.

Từ đây trở về sau xin dùng thiên năm bậc để tiện trình bày tâm lộ.

II. TÂM LỘ ĐẮC ĐỊNH.

Hành giả tu tập Chi tịnh, khi gần đắc định, một Quang tướng chế định (*paññattipatiḥhāga nimitta*) nào đó của Ân

xứ mà Hành giả chọn để tu tập, sẽ phát triển rực rỡ đưa tâm hành giả thể nhập vào Định vực.

Diễn tiến như sau:

1- *Lộ tâm người độn căn khi đắc Định.*

(b) (R) (D) (K) (ã) (â) (U) (G) (ê) (b) (b) (b) (R) (D) (K) (C) (C) (C) (C) (C) (C) (C) (b) (b)

2- *Lộ tâm người lợi căn khi đắc Định.*

(bh) (R) (D) (K_y) (â) (U) (G) (ê) (bh) (bh) (bh) (K_y) (C) (C) (C) (C) (C) (C) (C) (C) (bh) (bh)

Ký hiệu:

Ã: sát-na Chuẩn bị (*parikamma*)

Â: sát-na Cận hành (*upacāra*)

U: sát-na Thuận thứ (*anuloma*)

G: sát-na Chuyển tánh (*gotrabhū*)

Ê: sát-na tâm Thiền (*Jhāna*)

Lộ tâm đắc Định có được:

– Sát-na: 6 sát-na tâm khách (người độn căn) hay 5 sát-na tâm khách (người lợi căn)

– Chặng: 2 chặng (khai môn và đồng lực)

– Thứ tâm: 27 thứ tâm khách (Hướng ý môn, 8 đồng lực dục giới có trí và 18 đồng lực thiền).

– Người: 5 hạng người (phàm Tam nhân và 4 Thánh quả).

– Cõi: 26 cõi vui hữu tâm (trừ 4 cõi Khố và cõi Vô tưởng).

III. TÂM LỘ NHẬP ĐỊNH

Sau khi đắc Định, hành giả tinh cần tu tập, thời gian sau sẽ an trú vào thiền cảnh bao lâu tùy ý, tâm lộ diễn ra trong thời điểm này gọi là lộ nhập Định.

Diễn tiến như sau:

1- Lộ tâm người độn căn.

(bh) (R) (D) (Ky) (ấ) (ậ) (U) (G) (ề) bđs (ề) (bh) (bh) (R) (D) (Ky) (7c) (bh) (bh)

2- Lộ tâm người lợi căn.

(bh) (R) (D) (Ky) (ậ) (U) (G) (ề) (ề) bđs (ề) (bh) (bh) (R) (D) (Ky) (7c) (bh)

Lộ tâm nhập định cũng giống như lộ tâm đắc định, chỉ khác là sát-na tâm thiền bất định số, vì tâm thiền (*jhānacitta*) sanh khởi nhiều hay ít là do thời gian hành giả an trú trong Định vức lâu hay mau.

Lộ này có được: 2 chặng: khai môn, đồng lực.

- Khởi sanh cho 5 hạng người : phạm Tam nhân + 4 Thánh quả.

- Có trong 26 cõi vui hữu tâm.

IV. THÍCH GIẢI.

1- Sự đắc định.

Hành giả tu tập Chỉ tịnh, khi phát sanh *Paṭibhāganimitta* (Quang tướng), muốn chứng đắc định, cần phải quân bình năm quyền: tín, tấn, niệm, định và tuệ quyền.

Trước tiên là quân bình tín quyền với tuệ quyền, tấn quyền với định quyền. Tiếp đến quân bình tín, định và tuệ quyền.

Vì hành giả tu tiến (*bhāvanā*) định An chi cần có Tín quyền mạnh làm nền sanh khởi Định, Định được vững vàng tăng trưởng là do Trí hỗ trợ. Niệm vẫn là chủ yếu trong mọi trường hợp, Niệm giúp tâm không rơi vào phóng dật, Niệm giống như vị Tướng quốc của Đức vua trông nom mọi việc cần yếu.

Khi năm quyền đã quân bình, Hành giả hướng tâm đến sự ly dục, ly bất thiện pháp. Như Kinh Văn đã ghi: “**Vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Sơ thiên, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh**”.

Dục ở đây ám chỉ cho Dục tham (*kāmacchanda*), tức là những khoái lạc của giác quan.

Bất thiện pháp ở đây ám chỉ năm chướng ngại (*nīvaraṇa*) của thiên là: hôn trầm, hoài nghi, sân, phóng dật và tham dục.

Sơ thiên sanh khởi khi hội đủ năm chi: tâm, tứ, hỷ, lạc và định. Năm chi này phát triển vững mạnh, trở thành năm chi thiên. Hành giả an trú vào Thiên cảnh lân đầu, gọi là đắc thiên hay đắc định.

Diễn tiến như sau: Hữu phần Rúng động, hữu phần Dứt dòng, Hướng ý môn, bốn sát-na Đại thiện hợp trí (cùng một loại tâm) lần lượt xuất hiện với các tên gọi theo thuật ngữ như sau: *Parikamma* (Chuẩn bị), *Upacāra* (Cận hành), *Anuloma* (Thuận thứ) và *Gotrabhū* (Chuyển tánh) tiếp theo là tâm Thiên khởi hiện để thể nhập nhất điểm với cảnh Quang tướng chế định. Sát-na tâm thiên này có tên là *đồng lực An chi* (*appanāsamādhijavana*), sau đó hữu phần cơ bản lại tái hiện.

Kế tục giai đoạn hữu phần sẽ là một tâm lộ ý môn có đồng lực là đại thiện có trí khởi lên để làm phận sự xem xét lại chi thiền, ta gọi tâm lộ này là lộ Phản khán (*paccavekkhanavīthi*), tâm lộ này tái hiện nhiều lần một cách thích ứng rồi diệt đi.

Thế nào là người độn căn?

Người có trí tuệ yếu gọi là người **độn căn**.

Thế nào là người lợi căn?

Người có trí tuệ mạnh là người **lợi căn**.

Nguyên nhân lợi căn hay độn căn là do:

- *Tục sinh*: Thông thường người tục sinh bằng tâm đại quả có trí vô trợ, sẽ có trí nhanh nhẹn hơn người tục sinh bằng tâm đại quả có trí hữu trợ.

- Sự tu tiến có thuần thực hay không? Tức là hành giả tu tiến thuần thực, tâm lộ không cần phải có sát-na Chuẩn bị.

Trong hai yếu tố ấy, yếu tố tu tập là chủ yếu để thành tựu tuệ mạnh hay yếu.

Người *lợi căn* thì tâm lộ không có sát-na Chuẩn bị (*parikamma*).

Nếu là vị Thánh A-la-hán, bốn sát-na Chuẩn bị, Cận hành, Thuận thứ và Chuyển tánh là tâm đại Hạnh có trí, tâm thiền là tâm thiền Hạnh (*kriyājhānavanacitta*) và đồng lực phản khán chi thiền cũng là đại Hạnh có trí.

Từ Sơ thiền đến Tứ thiền (thiền năm bậc) thì các đồng lực là thọ hỷ.

Từ Ngũ thiền sắc giới đến thiền Vô sắc giới thì đồng lực là thọ xả.

Vì sao người Nhị nhân không chứng đắc thiên?

Vì thiếu căn bản trí trong cơ tánh, trong thiên Chi tịnh thì Trí hỗ trợ cho Định tăng trưởng và hiển lộ sức mạnh. Đây là loại trí “tự có” không phải là trí “vay mượn”, người Nhị nhân không có loại trí “tự có”, nên Định không đủ sức mạnh áp chế Dục dục cái (*kāmacchanda nīvaraṇa*), một chướng ngại lớn nhất ngăn cản tâm không cho tâm thể nhập vào Thiên cảnh. Định có sức mạnh áp chế được dục dục cái, phải do trí “tự có” hỗ trợ.

Vì sao trong tâm lộ thông thường có đến bảy sát-na đồng lực, trong tâm lộ đặc thiên chỉ có năm sát-na đồng lực?

Theo thông lệ những lộ ý môn thông thường, có 7 sát-na đồng lực, có 3 trường hợp có 5 sát-na đồng lực là: Người bị hôn mê bất tỉnh và người sắp lâm chung, khi ấy triều tâm yếu ớt, nên chỉ có 5 sát-na đồng lực.

Đức Thế Tôn khi thể hiện Song thông lực, vì quá gấp rút, nên cũng chỉ có 5 sát-na đồng lực.

Trong lộ tâm đặc định cũng có 5 sát-na đồng lực, việc này chẳng liên quan gì đến 3 trường hợp trên.

Sở dĩ tâm lộ đặc định có 5 sát-na đồng lực là vì:

Dục giới vực và Thiên vực là 2 lãnh vực cách biệt, lần đầu Hành giả nhờ sức mạnh của Chuyển tánh (*gottrabhū*) nâng tâm thể nhập vào thiên cảnh, nhưng không thể trú lâu được, khi tâm thiên diệt đi, tâm rơi vào hữu phần ngay. Có ví dụ như sau: Một người có sức mạnh, nhảy vọt lên bám vào cành cây cao, nhưng lần đầu chưa thuần thục, khi vừa chạm vào cành cây thì lại rơi xuống đất ngay. Cũng vậy, tâm hành giả lần đầu thể nhập thiên cảnh, nhưng vì chưa thuần thục do đó khi tâm thiên diệt đi, tâm rơi vào hữu phần cơ bản.

Nhưng tại sao không rơi trở về tâm đồng lực Dục giới?

Là do phận sự của **Chuyên tánh**, Chuyển tánh cắt đứt dục giới chúng để thể nhập vào thiên chúng. Khi tâm không bám được thiên cảnh thì rơi vào hữu phần cơ bản chứ không thể trở lại đồng lực dục giới. Các Ngài Giáo thọ Luận sư có cho ví dụ: “ Sát-na Chuyển tánh ví như người nhảy từ bờ vực này sang bờ vực kia, khi sang bên kia bờ, không trú vững thì rơi xuống vực chứ không thể trở lại bờ bên này”.

Lộ tâm đặc thiên có tên gọi là *Ādikammikajhānavīthi*. Chữ *Ādi* nghĩa là khởi lên đầu tiên, tức là tâm lộ nhập thiên cảnh lần đầu.

Nên ghi nhận rằng: Mỗi tầng thiên đều có thiên cảnh riêng, tuy cùng có tên gọi là Quang tướng nhưng mỗi Thiên cảnh đều có sự sai biệt nhau, như Quang tướng của cận định không sánh bằng Quang tướng của Sơ thiên, vì còn chướng ngại là Dục dục cái, Quang tướng của Sơ thiên không bằng Quang tướng Nhị thiên, vì còn chướng ngại là Tâm ... Quang tướng của Tứ thiên không tinh anh bằng Quang tướng Ngũ thiên vì còn chướng ngại là Lạc ...

Tóm lại, tâm nhập thiên cảnh của tầng thiên nào đó lần đầu, tâm lộ ấy có tên gọi là *Ādikammikajhānavīthi*.

2- Sự nhập định.

Sau khi đặc định, hành giả cần quán sát kỹ phương thức mang lại sự đặc định.

Như người thợ bắn tên, khi đã bắn được mũi tên trúng mục tiêu lần đầu, người bắn tên sẽ quán sát kỹ lưỡng: Vị trí đặt chân như thế này, vị trí cây cung như vậy, dây cung căng với mức độ này, mũi tên đặt trên dây cung ở vị trí như vậy ...

Cũng vậy, hành giả sau khi đặc định cần quán sát kỹ những yếu tố sau:

- Trú xứ đang ngụ như thế nào ?
- Thời tiết khi ấy ra sao?

- Loại vật thực đã dùng ra sao?
- Sự đặc định khởi lên trong oai nghi nào?.
- Trạng thái tâm khi ấy ra sao?.

Sự quán sát kỹ giúp hành giả khi mất Định tướng sẽ tìm lại được dễ dàng và đặc định trở lại.

Sau khi thành công trong sự đặc định thuần thực, hành giả muốn an trú trong định lâu dài, phải tu tiến thuần thực 5 pháp *vāsī* (trú ngụ) đó là:

- Làm chủ sự tác ý.
- Làm chủ sự đặc định.
- Làm chủ sự nhập định (bao lâu tùy ý).
- Làm chủ sự xuất định.
- Làm chủ trong sự phân khán chi thiên.

***Làm chủ tác ý.**

Là khi hành giả tác ý đến chi thiên nào, chi thiên ấy sanh khởi lên theo ý muốn lâu hay mau tùy ý.

*** Làm chủ sự đặc định.**

Là hành giả muốn đặc định trong bất cứ hành oai nghi nào, hay bất luận thời điểm nào cũng đều được, không còn bị lệ thuộc vào trú xứ, thời tiết hay vật thực.

*** Làm chủ sự nhập định.**

Là hành giả muốn nhập định trong oai nghi nào, bất cứ thời điểm nào, bất cứ nơi đâu đều được như ý. Như Ngài *Subhūti* an trú trong định tâm từ khi đi khất thực, bà *Uppalavaṇṇā* nhập định trong oai nghi đứng khi bị thanh niên *Nanda* làm hại...

* **Làm chủ sự trú định.**

Hành giả an trú trong thiền cảnh bất cứ lúc nào, sự an trú lâu mau không bị xáo trộn, như muốn an trú 5 phút sẽ kéo dài 5 phút, không là 4 hay 6 phút ...

* **Làm chủ phản khán chi thiền.**

Hành giả muốn xem xét chi thiền nào, chi thiền ấy hiện bày rõ ràng cho vị ấy, lâu mau tùy theo ý.

Hành giả cần phân biệt rõ các trạng thái của chi thiền để không bị nhầm lẫn. Vì người vừa đắc thiền, các chi thiền còn yếu và sống sót quyện vào nhau rất khó quan sát rõ ràng.

Thiền giả (*jhānalābhī*) muốn nhập định, chú nguyện rằng: “Mong rằng tâm...(sơ thiền ... ngũ thiền) mà tôi đã đắc, hãy khởi lên trong thời gian ... (tùy theo ý hành giả)”. Rồi tập trung tâm lực vào Quang tướng mà mình đã đắc định, niệm đề mục của Quang tướng ấy như *pathavī ... pathavī...*

Trước khi tâm thiền sanh khởi, tâm lộ diễn tiến như sau: Rúng động, Dứt dòng, Hướng ý môn, bốn hay ba đồng lực dục giới có trí (tùy theo người) sanh lên với tư cách là Chuẩn bị (Ā) (*parikamma*), Cận hành (Ā) (*upacāra*), Thuận thứ (U) (*anuloma*) và Chuyển tánh (G) (*gotrabhū*).

Người lợi căn không có sát-na Chuẩn bị, khi sát-na Chuyển tánh diệt, tâm Thiền sanh lên bất định số lượng trong khoảng thời gian hành giả chú nguyện.

Điều cần lưu ý là: Định nhập lâu hay mau là do sự thanh lọc chướng ngại, nếu chướng ngại chưa thanh lọc hoàn toàn, định nhập sẽ không kéo dài.

Năm triền cái là chướng ngại của sơ thiền, Tâm là chướng ngại của Nhị thiền, Tứ là chướng ngại của Tam thiền, Hỷ là chướng ngại của Tứ thiền và Lạc là chướng ngại của Ngũ thiền.

Ví như con ong đi vào tổ, nếu tổ không sạch thì nó sẽ không ở lâu, hay ví như Đức Vua đi vào vườn Thượng Uyển, nếu vườn hoa dơ bẩn Đức Vua sẽ quay ra nhanh chóng. Cũng vậy, hành giả khi chưa làm chủ được Định trú, là do các pháp chướng ngại chưa được thanh lọc hoàn toàn.

3- Đồng lực trong lộ phản khán chi thiên (paccavekkhana jhānavīthi)

Tuy chủ yếu là đồng lực Dục giới có trí, nhưng khi hành giả đã thuần thục sự phản khán, thì đồng lực dục giới ly trí cũng có thể sanh khởi để xem xét chi thiên.

v- SỐ LƯỢNG TÂM LỘ.

Có 72 lộ tâm thiên (jhānacittavīthi) như sau:

Lộ đặc thiên có 36 lộ là: 9 tầng thiên Thiện với 9 tầng thiên Hạnh thành ra 18 lộ, nhân với 2 hạng người (độn và lợi căn) thành 36 lộ.

Lộ nhập Định cũng tương tự, thành ra lộ thiên tâm (jhānavīthi) có 72 lộ.

Ghi chú:

Tâm thiên của vị Thánh A-la-hán gọi là thiên Hạnh hay thiên Tố.

Tâm lộ phản khán chi thiên có đến 1536 lộ, cách tính như sau:

Trước tiên nói về tầng Sơ thiên.

Lấy tâm Sơ thiên thiện và tâm Sơ thiên Tố nhân với 2 hạng người, nhân với 2 lộ (đặc thiên và nhập định) thành 8 (số cơ bản), nhân với 5 chi thiên (tâm, tứ, hỷ, lạc và định) dùng để phản khán thành 40 lộ.

Trong 40 lộ ấy có 20 lộ thiên Thiện và 20 lộ thiên Hạnh (của vị A-la-hán).

Nếu thiền thiện thì phản khán bằng đồng lực đại thiện, nếu là thiền Hạnh thì phản khán bằng đồng lực đại Hạnh . Như vậy đem 40 lộ nhân với 8 đồng lực phản khán thành ra 320 lộ.

- Tầng nhị thiền (*dutiyañhāna*):

Ta lấy số 8 cơ bản nhân với 4 chi thiền làm cảnh để phản khán (tứ, hỷ, lạc và định), thành ra 32 lộ, mỗi lộ có 8 đồng lực phản khán, thành ra 256 lộ.

- Tầng Tam thiền (*tatiyañhāna*):

Dùng số 8 cơ bản nhân với 3 chi thiền (hỷ, lạc và định), nhân với 8 đồng lực phản khán thành ra 192 lộ phản khán ($8 \times 3 \times 8$).

- Tầng Tứ thiền (*catutthañhāna*):

Dem số 8 cơ bản nhân cho 2 chi thiền (lạc và định) thành 16 lộ, nhân với 8 đồng lực phản khán thành ra 128 lộ phản khán.

- Tầng Ngũ thiền (*pañcamañhāna*):

Có tất cả là 5 tầng Ngũ thiền (Ngũ thiền Sắc giới và 4 tầng thiền Vô sắc).

Lấy số 8 cơ bản nhân với 2 chi thiền (Xả và Định), nhân với 8 đồng lực phản khán thành 128 lộ phản khán, nhân 5 tầng Ngũ thiền thành ra 640 lộ ($8 \times 2 \times 8 \times 5$).

Tổng cộng có 1.536 lộ phản khán chi thiền.

BÀI 16**TÂM LỘ ĐẮC ĐẠO****(Maggavīthi)****I. ĐỊNH NGHĨA.**

Tâm lộ đắc Đạo là quy trình sinh diễn của tâm thức khi nhận Níp-bàn làm cảnh để sát trừ phiền não, diệt trừ kiết sử trói buộc trong luân hồi.

Tâm có năng lực sát trừ phiền não gọi là tâm Đạo (*maggacitta*).

II. PHÂN TÍCH

Bậc Thánh chia làm 4 bậc, phạm nhân chứng Đạo lần đầu tiên gọi là Sơ Đạo (*pathamamagga*), sau sát-na Sơ Đạo là sát-na Sơ Quả, kể từ khi ấy trở đi vị này đã nhập vào Thánh tộc, không còn lui sụt xuống làm phạm nhân, cho đến khi nào Vô dư Níp-bàn (*parinibbāna*) thì giải thoát hoàn toàn.

Vị ấy tu tiến Minh sát lần lượt chứng Đạo lần thứ 2 gọi là Nhị Đạo (*dutiyamagga*), chứng đạo lần thứ 3 gọi là Tam Đạo (*tatiyamagga*). Ba bậc Thánh đạo này tuy sát trừ phần lớn những phiền não, nhưng chưa trọn vẹn nên 3 bậc Thánh này gọi là Thánh Hữu học (*sekkhaka*).

Khi nhận Níp-bàn làm cảnh thứ 4 sát trừ mọi kiết sử và phiền não gọi là đạt Tứ Đạo (*catutthamagga*) trở thành vị Thánh Vô lậu hay vị A-la-hán (*arahanta*), tâm Tứ Đạo có tên gọi là *Arahattamagga*, vị ấy trở thành Thánh Vô học (*asekkhaka*).

Tâm Sơ Đạo có tên là Đạo Dự Lưu (hay Nhập Lưu) (*sotāpattimaggā*), nghĩa là nhập vào dòng Thánh vực, sẽ xuôi chảy chắc chắn đến Vô dư Níp-bàn.

Như vậy lộ Đạo (*maggavīthi*) có 2 cách:

- Lộ đặc Sơ Đạo, chỉ cho từ phạm chúng sang Thánh chủng.

- Lộ đặc 3 Đạo sau chỉ cho Vị Thánh tiến lên cao đạt được sự giải thoát hoàn toàn khỏi luân hồi.

1. Lộ đặc Sơ Đạo.

Lộ này diễn tiến như sau:

Người độn căn:

(bh) (bh) (R) (D) (Ky) (ã) (ậ) (U) (G) (ạ) (ả) (ả) (bh) (bh) (R) (D) (Ky) (7c) (bh)

Người lợi căn:

(bh) (bh) (R) (D) (Ky) (ậ) (U) (G) (ạ) (ả) (ả) (ả) (bh) (bh) (R) (D) (Ky) (7c) (bh)

Ký hiệu :

Ã: Chuẩn bị (*parikamma*)

Ậ: Cận hành (*Upacāra*)

U: Thuận thứ (*Anuloma*)

G: Chuyển tánh (*Gotrabhū*).

Ạ: Đạo (*Maggā*)

Ả: Quả (*Phala*)

Lộ này có được:

– 8 sát-na tâm khách: Hướng ý môn, 4 (hay 3) sát-na đồng lực dục giới có trí, sát-na tâm Sơ Đạo và 2 (hay 3) sát-na tâm Sơ Quả.

– Chặng: 2 chặng (khai môn - đồng lực)

– Thứ tâm: Có 15 thứ tâm khách (Hướng ý môn + 4 đại thiện dục giới có trí + 5 tâm Sơ đạo + 5 tâm Sơ quả).

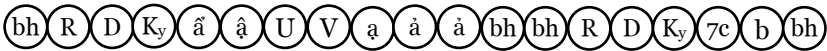
– Người: 3 người (phàm Tam nhân, người Sơ Đạo và người Sơ Quả)

– Cõi: 17 cõi phàm Vui (trừ 4 cõi khổ, cõi Vô tướng, 5 cõi Tịnh cư và 4 cõi Vô sắc).

2. Lộ đăc ba Đạo cao:

Diễn tiến dòng tâm thức như sau:

- Người độn căn:



- Người lợi căn:



Ký hiệu :

V: Tiến bậc (*vodāna*)

Lộ này có được:

– Sát-na: có 8 sát-na tâm khách

– Chặng: 2 chặng (khai môn và đồng lực)

– Thứ tâm: 35 thứ tâm khách (Hướng ý môn, 4 đại thiện hợp trí, 5 tâm Nhị Đạo, 5 tâm Tam đạo, 5 tâm Tứ đạo, 5 tâm Nhị quả, 5 tam quả, 5 tâm Tứ quả).

– Người: 7 bậc Thánh (trừ Thánh Sơ đạo).

– Cõi: 26 cõi vui hữu tâm (trừ 4 cõi khổ và cõi Vô tướng).

III. LÝ GIẢI.

1. Giải về các đồng lực thiện hợp trí trong lộ đặc Đạo.

Trong lộ đặc Đạo, đồng lực thiện hợp trí xuất hiện 4 hay 3 sát-na (tùy theo người), có tên gọi theo thuật ngữ Siêu lý là: Chuẩn bị (Ã) (*parikamma*), Cận hành (Ậ) (*upacāra*), Thuận thứ (U) (*anuloma*), Chuyển tánh (G) (*gotrabhū*), hay Tiến bậc (V) (*vodāna*).

Luồng đồng lực trong lộ đặc Đạo luôn có túc số là 7 sát-na, người độn căn có 2 sát-na Quả sanh kế tiếp sát-na tâm Đạo, người lợi căn có đến 3 sát-na tâm Quả sanh kế tục sát-na tâm Đạo.

Thế nào là tâm Chuẩn bị?

Vì có phận sự bố trí, sắp xếp môi trường cho đồng lực An chỉ thuận tiện sanh khởi, như tâm thiền (*jhānacitta*), tâm Đạo (*maggacitta*), tâm Quả Siêu thế (*lokuttaraphalacittia*), tâm Thông (*abhiññācitta*). Đồng lực dục giới có trí ấy gọi là *parikammacitta* (tâm Chuẩn bị).

Các Ngài đã giải tự như sau:

– *Indriyasamatādīhi paritobhāgehi appanā kriyāti sajjīyati etenāti parikammaṃ*

“Tâm bố trí môi trường cho tâm An chỉ sanh khởi, bằng các phận sự như quân bình hóa các quyền, thanh lọc cảnh thêm trong sạch... Gọi là **Chuẩn bị**” .

Hay là giải tự cách khác:

– *Parikaroti appaṇaṃ abhisāṅkhāroti parikammaṃ*

“Tâm đồng lực hỗ trợ giúp tâm An chỉ sanh lên, gọi là **Chuân bị**”.

* **Thế nào là tâm Cận hành ?**

Đồng lực nào sanh khởi gần giới tuyến của đồng lực An chỉ, gọi là Cận hành.

Các Ngài giải tự như sau:

– *Appanāya upaccaratīti upacāro*

“*Sanh khởi gần tâm An chỉ, gọi là Cận hành (upacāra)*”.

Hay:

- *Samīpe carātīti upacāro* (nghĩa như trên).

* **Thế nào là tâm Thuận thứ ?**

Đồng lực Dục giới tương hợp với tâm An chỉ trên khía cạnh, đào thải các pháp đối lập (*patipakkhadhamma* hay *paccanīkadhamma*) (như năm triền cái ở Sơ Thiền... đào thải Nghi và Kiến ở Sơ đạo, loại trừ dục tham và sân thô thiển ở Nhị Đạo...). Tâm đồng lực ấy có tên là Thuận Thứ (*anulomacitta*).

Các Ngài giải thích như sau:

- *Paccanīkadhammavidhamanena appanāya anukulanti anuloma*

“*Đào thải pháp đối lập của tâm An chỉ, gọi là **thuận thứ***”.

Hay cách giải thích khác:

- *Pubbàparānaṃ anulometīti anulomaṃ*:

“*Sanh lên hòa nhịp với đồng lực phía trước (parikammajavana) lẫn đồng lực An chỉ ở sau, gọi là tâm **thuận thứ** (anulomacitta)*”.

*** Thế nào là tâm Chuyển tánh?**

Chữ *Gotrabhū* chỉ cho “**đang** vượt qua ranh”.

Gọi là Chuyển tánh là chỉ cho đồng lực nào sanh lên cắt đứt tánh cũ (hay lãnh vực cũ) trở thành tánh mới (hay lãnh vực mới), như từ lãnh vực Dục giới lên lãnh vực thiên, từ Phàm chủng sang Thánh chủng, hoặc từ lãnh vực cũ sang lãnh vực mới như từ Sơ thiên sang Nhị thiên....

Các Ngài có giải tự tiếng *Gotrabhū* như sau:

- *Gottaṃ bhāveti vaḍḍhetīti gotrabhū*

“*Có nhiệm vụ nâng cao (vaḍḍha) chủng tánh (gotta) (từ Phàm sang Thánh, từ dục giới sang thiên giới...) gọi là tâm **Chuyển tánh** (gotrabhūcitta)*”

Hay là :

- *Gottaṃ abhivhuyyati chijjati etthāti gotrabhū*

“*Có đặc tánh chấm dứt phàm tánh hay dục giới tánh, gọi là **Chuyển tánh** (gotrabhū)*”.

*** Thế nào là Tiến bậc ?**

Là tâm đồng lực Dục giới sanh lên để tịnh khiết hóa nội tâm của các bậc Thánh Hữu học, bằng cách tiến đạt những tầng Thánh cao hơn.

Có lời giải tự như sau:

- *Vodānetīti vodānaṃ:*

“*Thanh khiết hóa (nội tâm vị Thánh Hữu học), gọi là tâm **Tiến bậc** (vodānacitta)*”.

2. Cảnh của đồng lực Dục giới trong lộ đấng Đạo.

Trong lộ thiền tâm (*jhānacittavīthi*) cảnh của 4 sát-na Chuẩn bị, Cận hành, Thuận thứ, Chuyển tánh là Quang tướng chế định, trong lộ đặc Đạo cảnh của chúng là một trong ba tướng hữu vi: Vô thường tướng (*aniccālakkhaṇa*), Khổ tướng (*dukkhalakkhaṇā*) và Vô ngã tướng (*anattālakkhaṇa*). Tức là nhận tướng hữu vi pháp làm cảnh.

Riêng về sát-na Chuyển tánh hay Tiến bậc thì thì nhận cảnh là Níp-bàn nhưng **chưa sát trừ** được phiền não.

3. Giải về **Chuyển tánh** và **Tiến bậc**.

Trong lộ thiền tâm, mỗi khi chúng đạt Thiền đều có Chuyển tánh, trái lại trong lộ đặc Đạo, Chuyển tánh chỉ xuất hiện một lần, 3 lộ đặc Đạo sau do Tiến bậc (*vodāna*) đảm trách là vì:

- Nói về lãnh vực có 2 loại: lãnh vực hiện thể (*vatthabhūmi*) và lãnh vực trừu tượng (*avatthabhūmi*).

Trong lộ thiền, hành giả Chỉ tịnh có mục đích tiến đạt lên lãnh vực thiền theo tầng cấp bậc, mà thiền vực là *lãnh vực hiện thể*, mỗi thiền vực có cảnh khác nhau, do đó tâm Chuyển tánh phải xuất hiện để làm phận sự này.

Trong lộ đặc Đạo, hành giả Quán minh có mục đích đạt Níp-bàn cảnh để sát trừ phiền não, phiền não thuộc lãnh vực trừu tượng, còn Níp-bàn không trừu tượng cũng không hiện thể.

Ông Visākha có hỏi bà Dhammadinnā ;

- Thưa Ni cô, Níp-bàn lấy gì làm tương đương?
- Hiền giả Visākha, câu hỏi đã đi quá xa, vượt qua giới hạn câu trả lời....

(Kinh Cūlavedalla – Trung Bộ I).

Lần đầu tâm Chuyển tánh xuất hiện nhận cảnh Níp-bàn cắt đứt phàm tánh trở thành bậc Thánh, những lộ sau không

cần tâm Chuyển tánh làm phận sự “cắt đứt” này nữa, vì Thánh chủng là chủng tánh Siêu việt vượt ngoài Tam giới, không còn một chủng tánh nào cao thượng hơn.

Tuy bậc thánh có cao thấp khác nhau như: Bậc Dự lưu thấp hơn bậc Nhất Lai.. nhưng bậc Dự Lưu cũng vẫn thuộc về Thánh chủng, ví như tân Tỳ-kheo, trung Tỳ-kheo, thượng Tỳ-kheo, tất cả đều là Tỳ-kheo chỉ khác nhau qua hạ lạp. Cũng vậy, các bậc Thánh cao thấp khác nhau do thanh lọc được phiền não nhiều hay ít, nhưng tất cả đều là bậc Thánh.

Vì lý do này, những tâm Đạo và tâm Quả Siêu thế gọi chung là tâm Siêu thế (*lokuttaracitta*). Và cũng không có tâm nào trong Tam giới có năng lực cắt đứt được Thánh chủng.

Mặt khác, Níp-bàn cảnh không hề thay đổi cho dù tầng đắc Đạo có thay đổi, khác với thiên cảnh là cảnh thay đổi tùy theo từng bậc thiên, nên trong 3 lộ đắc Đạo cao thay vào sát-na Chuyển tánh là sát-na Tiến bậc. Sát-na này có công năng thanh khiết hóa nội tâm của vị Thánh ấy.

Ví như nước bùn đưa vào bình lọc trở thành trong sạch nhưng còn vương mùi bùn, người lọc nước không còn dùng bình lọc nữa, chỉ cần dùng những phương tiện khác làm mất mùi bùn, để nước hoàn toàn thanh khiết.

Bình lọc ví như sát-na tâm Chuyển tánh, những phương tiện khác ví như sát-na tâm Tiến bậc trong 3 lộ đắc Đạo sau.

4. Sự sát trừ phiền não của tâm Đạo và tâm Quả Siêu thế trong lộ đắc Đạo.

Tâm Sơ Đạo sát trừ tuyệt hai phiền não nghi (*vicikicchā*) và kiến (*ditṭhi*) cùng những loại phiền não thô thiển đưa chúng sanh rơi vào 4 khổ cảnh (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và atula). Vị ấy được gọi là bậc Dự lưu đạo (*sotāpatti*) hay Dự Lưu Quả (*sotapannā*).

Trí nhận cảnh Níp-bàn **đang** sát trừ phiền não trong tâm Sơ đạo được gọi là **Vị tri quyền** (*anaññātanassāmīndriya*) (tức là biết rõ cái chưa từng biết, ở đây ám chỉ Níp-bàn cảnh).

Tâm Nhị đạo sát trừ phần lớn tham dục và sân cùng với các phiền não tùy tùng, tuy chưa dứt tuyệt được tham dục và sân nhưng chúng không thể hồi phục sức mạnh được. Ví như rễ cây bị chặt đi phần lớn, tuy còn nhưng không thể tái phát triển vững mạnh.

Vị Thánh này gọi là bậc Nhất lai đạo (*sakadāgāmi magga*) hay bậc Nhất lai.

Tâm Tam đạo sát tuyệt mọi phiền não thô và phiền não trung bình, chỉ còn lại những phiền não vi tế, nhất là sát tuyệt tham dục và sân. Vị thánh này gọi là bậc Bất lai đạo (*anāgāmi magga*) hay bậc Bất Lai.

Tâm Tứ đạo sát tuyệt mọi phiền não còn dư sót, đạt đến trạng thái giải thoát hoàn toàn mọi phiền não, trở thành bậc A-la-hán đạo (*arahantamagga*) hay bậc A-la-hán..

Trí sát phiền não từ Sơ quả đến A-la-hán đạo, gọi là **Dĩ tri quyền** (*aññīndriya*) (tức biết Níp-bàn, cảnh đã từng biết).

Trí trong A-la-hán quả được gọi là **Cụ tri quyền** (*aññātāvīndriya*) (tức là biết trọn vẹn Níp-bàn cảnh).

Như vậy : Tâm Chuyển tánh, tâm Tiến bậc nhận Níp-bàn làm cảnh nhưng **chưa** sát trừ phiền não.

- Tâm Đạo nhận Níp-bàn làm cảnh **đang** sát trừ phiền não

- Tâm Quả Siêu thế nhận Níp-bàn làm cảnh **đã** sát trừ phiền não.

Cũng nên ghi nhận rằng : 4 tâm Đạo (Sơ, Nhị, Tam và Tứ đạo) mỗi tâm chỉ sinh lên một lần mà thôi, sau tâm Đạo là

sát-na tâm quả Siêu thế tương ứng ngay, tức là khi đắc Đạo thì đắc Quả ngay không gián đoạn.

Tâm Quả Siêu thế trong lộ đắc Đạo có sát trừ phiền não không ?

Tâm Quả Siêu thế là kết quả từ tâm Đạo, tuy không trực tiếp sát trừ phiền não như tâm Đạo, nhưng tâm Quả Siêu thế trong lộ đắc Đạo gián tiếp góp phần vào việc **tận trừ** phiền não, bằng cách làm tắt lịm “hơi tàn” của phiền não đã bị sát trừ.

Có ví dụ như sau: Có một đồng lửa đang cháy, một người mang một thùng nước lớn đến tạt vào đồng lửa, lửa tắt nhưng vẫn còn bốc khói và còn hơi nóng âm ỉ. Người ấy mang thêm 2 hay 3 thùng nước nữa tạt vào, hơi khói và sức nóng nguội lạnh hoàn toàn.

Thùng nước đầu ví như tâm Sơ đạo, 2 hay 3 thùng sau ví như 2 hay 3 sát-na tâm Quả Siêu thế trong lộ đắc Đạo.

5. *Tương quan giữa các quyền nơi vị Thánh.*

Ngài *Buddhaghosa* có giải rằng:

Hành giả có Tín quyền mạnh, tướng Vô thường hiện rõ hơn, hành giả này quán tướng Vô thường chứng đắc Sơ đạo, gọi là bậc Tùy tín hành, từ Sơ quả đến A-la-hán quả gọi là bậc Tín giải.

Hành giả có Định quyền mạnh, Khổ tướng hiện rõ hơn, hành giả quán Khổ tướng chứng đắc Đạo - Quả Siêu thế (4 Đạo lần 4 Quả Siêu thế), gọi là bậc Thân chứng.

Hành giả có Tuệ quyền mạnh, tướng Vô ngã tướng hiện rõ hơn, quán tướng vô ngã chứng Sơ Đạo gọi là bậc Tùy pháp hành, chứng đắc 7 bậc cao kế tiếp là bậc Kiến đắc.

Vị Thánh Sơ quả có tuệ quyền mạnh chỉ trở lại cõi dục 1 lần, gọi là bậc Nhất sanh Dự lưu.

Vị Thánh Sơ quả có tuệ quyền ngang với định quyền, sẽ trở lại cõi dục từ 2 – 6 lần, gọi là bậc Lục sanh Dự lưu.

Vị thánh Sơ quả có tuệ quyền yếu, sẽ trở lại cõi dục 7 lần, gọi là bậc Thất sanh Dự lưu.

6. Lộ phản khán trong tâm lộ đặc Đạo.

Tiếp theo tâm lộ đặc Đạo là hữu phần cơ bản sanh khởi hàng trăm hàng ngàn sát-na, rồi một tâm lộ ý môn khởi lên có phận sự xem xét (phản khán) lại lộ đặc Đạo, gọi là tâm lộ phản khán Đạo (*paccavekkhanamaggacittavīthi*).

Đối với 3 lộ đặc Đạo đầu thì do một trong bốn đại thiện có trí làm đồng lực phản khán.

Đối với lộ đặc Tứ đạo thì 1 trong 4 tâm đại Hạnh có trí đảm trách.

Diễn tiến như sau: Rúng động, Dứt dòng, Hướng ý môn, 7 sát-na đồng lực rồi trở về hữu phần cơ bản, tâm lộ này tái hiện nhiều lần theo thích ứng rồi diệt đi.

Trong giai đoạn tái hiện lộ phản khán, nếu hành giả tu tiến thuần thực, đồng lực ly trí cũng có thể phản khán được.

Phản khán lộ đạo có 5 cách:

- Phản khán Đạo vừa chứng đắc.
- Phản khán Quả vừa đạt thành.
- Phản khán Níp-bàn được chứng ngộ.
- Phản khán phiền não đã sát trừ.
- Phản khán phiền não còn dư sót.

Trong 5 cách phản khán, phản khán Đạo, Quả và Níp-bàn do tâm đồng lực có trí đảm nhận.

Vị Thánh Tứ Quả không còn phiền não dư sót nên chỉ có 4 cách phản khán.

Các Ngài bảo rằng: Tuệ phản khán có 19 thứ, tức là: 3 lộ Đạo của vị Thánh Hữu học có 15 tuệ phản khán, lộ Tứ Đạo có 4 tuệ phản khán, thành ra 19 tuệ phản khán.

Số lượng tâm lộ phản khán:

Tất cả có 368 lộ phản khán Đạo, cách tính như sau:

Lấy Đạo, Quả và Níp-bàn làm cảnh để phản khán, nhân với 4 đồng lực có trí thành 12 lộ.

Tổng cộng 2 loại phiền não: đã sát trừ và còn dư sót là 10 loại, nhân với 8 đồng lực phản khán thành 80 lộ (đồng lực thiện cho ba lộ đặc Đạo đầu, đồng lực đại Hạnh cho lộ đặc tứ Đạo).

Tổng cộng là 92 lộ phản khán cho mỗi lộ đặc Đạo.

Nhân cho 4 lộ đặc Đạo thành 368 tâm lộ phản khán Đạo.

BÀI 17

TÂM LỘ THIỀN CƠ VÀ LỘ HIỆN THÔNG

(*Pādakajhānavīthi ca abhiññāvīthi ca*)

I. ĐỊNH NGHĨA:

Pādakajhāna là một thuật ngữ dùng để chỉ Ngũ thiền Sắc giới (*pañcamajhāna*), **pāda** nghĩa là nền tảng, ở đây có nghĩa là **cơ bản**. Đây là tâm lộ chuẩn bị cho những năng lực thần thông sắp xuất hiện theo ý muốn của hành giả.

Lộ tâm hiện Thông (*abhiññāvīthi*) là tâm lộ diễn hoạt khi vị ấy thi triển những năng lực thần thông (*iddhividha*).

Chữ *abhiññā* là hợp từ **abhi** + ngữ căn **ñā**, tiếp đầu ngữ *abhi* là cao tột, *abhiññā* là Thăng trí.

II. DẪN GIẢI:

Vị muốn hiện thông lực phải nhập vào tâm lộ thiền Cơ (*pādakajhānavīthi*), đây là tâm lộ làm nền tảng cho việc thực hiện thông lực, lộ tâm thiền Cơ bắt buộc phải có trước khi những năng lực phi thường hiện khởi.

Lộ này cũng giống như lộ nhập Ngũ thiền Sắc giới, nhưng tiếp theo sau là lộ hiện năng lực thần thông chứ không phải là lộ phản khán Thiền.

Diễn tiến của lộ tâm thiền Cơ như sau:

Người độn căn:

(bh) (R) (D) (K_v) (ã) (â) (U) (G) (ề) (ề) bds (ề) (bh) (bh)

Người lợi căn:

(bh) (R) (D) (Ky) (ậ) (U) (G) (ề) (ề) bds (ề) (bh) (bh)

Tiếp theo lộ Thiền Cơ là lộ hiện Thông, diễn tiến như sau:

Người độn căn:

(bh) (R) (D) (Ky) (ã) (ậ) (U) (G) (Ô) (bh)

Người lợi căn:

(bh) (R) (D) (Ky) (ậ) (U) (G) (Ô) (bh) (bh)

Ký hiệu:

Ô: Thông lực (abhinññā).

Lộ hiện Thông có được:

- Sát-na: 6 sát-na tâm khách (hoặc 5 sát-na với người lợi căn)
- Thứ tâm: 7 thứ tâm khách (Hướng ý môn + 2 đồng lực thiện dục giới xả thọ có trí + 2 đồng lực Hạnh dục giới xả thọ có trí + 2 tâm Thông).
- Chặng: 2 chặng (khai môn + đồng lực).
- Người: 5 hạng người (phàm Tam nhân + 4 Thánh quả).
- Cõi: 22 cõi vui ngũ uẩn (trừ 4 cõi khổ, cõi Vô tướng và 4 cõi Vô sắc).

III. LÝ GIẢI:

1. Trước khi hiện thông.

Vị Thiền giả muốn hóa hiện thông lực, trước hết phải nhập thiền Cơ, chú nguyện rằng: “Ngũ thiên Sắc giới mà tôi đã chứng đạt, hãy khởi lên nơi tôi”. Rồi vị ấy chú niệm vào án xứ *Kasina* (không thể dùng án xứ khác để hiện thông).

Quy trình diễn hoạt của tâm lộ này như sau: Rúng động, Dứt lòng, Hướng ý môn, Chuẩn bị, Cận hành, Thuận thứ, Chuyển tánh rồi tâm Ngũ thiên Sắc giới sanh khởi liên tục suốt thời gian 1 sao hay 1 giây (*vinādi – nādi*) rồi trở về hữu phần cơ bản.

Vị Thiền giả sau khi xuất Ngũ thiên sẽ chú nguyện điều mình cần hóa thông, như độn thổ, đằng vân, hóa thân thành nhiều người khác hoặc biến ra dạng khác... Nói chung, muốn thực hiện cái gì thì chú nguyện điều đó.

Tâm lộ diễn tiến trong lúc chú nguyện là lộ ý môn thông thường nhưng vào thời điểm này có tên là “Lộ chuẩn bị” (*parikammavīthi*).

Diễn tiến như sau: Rúng động, Dứt dòng, Hướng ý môn, 7 sát-na đồng lực Dục giới có trí, rồi trở về hữu phần cơ bản, cứ như thế *lộ chuẩn bị* này tái hiện nhiều lần trong suốt thời gian chú nguyện.

Sau khi chú nguyện xong, vị Thiền giả lại nhập thiền Cơ 1 lần nữa. Tức là lúc các tâm *lộ chuẩn bị* diệt đi, một tâm lộ thiên Cơ lại sanh lên, tâm lộ thiên cơ này có tên là “lộ thuận thứ” (*anulomavīthi*).

Khi vừa xuất khỏi lộ thiên Cơ lần này, lộ hiện Thông khởi lên và những gì vị Thiền giả ước nguyện sẽ thành tựu.

Diễn tiến tâm lộ hiện Thông (*abhiññāvīthi*) như sau: Rúng động, Dứt dòng, Hướng ý môn, Chuẩn bị, Cận hành,

Thuận thứ, Chuyển tánh (bốn sát-na đồng lực này là xả thọ), một sát-na tâm **Thông** (*abhiññācitta*) khởi lên và chỉ một sát-na mà thôi, tâm trở về hữu phần cơ bản (người lợi căn không có sát-na Chuẩn bị).

2. Các loại thần thông.

Iddhividha (thần thông), theo nghĩa đen là sự thành tựu những năng lực đặc biệt.

Trong *Patisambhidāmagga* (Vô ngại giải đạo) có giải rộng về 10 loại thần thông là:

a. Thành tựu thần thông do quyết định

Tức là với 1 thân, vị ấy muốn hóa thành trăm, thành ngàn thân, vị ấy quyết định: “Ta hãy hóa thành nhiều thân”, trí lực này nương vào Tư tâm sở (*cetanācetasika*), như trường hợp Ngài *Cūlapanthaka*.

b. Thành tựu thần thông do biến hóa

Tức là từ bỏ thân bình thường để hóa thành một thân khác, do năng lực Định. Như trường hợp Đề bà đạt đa (*Devadatta*) hóa thân thành một thanh niên để mê hoặc Thái tử A Xà Thế (*Ajātasattu*).

c. Thành tựu thần thông do trí đạo A-la-hán

Như mọi phiền não được sát tuyệt trong tâm Tứ Đạo, đây là thành tựu của trí đạo A-la-hán. Trường hợp Ngài *Bakula* bị cá nuốt không chết, hay Ngài *Saṅkicca* bị thiêu không chết khi còn trong thai bào người mẹ, đây là năng lực thần thông được thành tựu do trí Tứ Đạo **sẽ sanh**.

d. Thành tựu thần thông do ý

Tức là tạo ra từ thân vị ấy 1 thân sắc khác y như vậy, do ý sanh. Như trường hợp Đức Phật hóa hiện vị Hóa Phật thay Ngài thuyết *Abhidhamma* tại cõi *Tāvātimsa* (Đạo lợi) trong khi Ngài đi khất thực tại *Uttarakuru* (Bắc Cưu Lô Châu)

e. Thành tựu thần thông do Định tướng

Như thành tựu Sơ thiên do mục đích từ bỏ năm triền cái, đây là sự thành tựu do định tướng **sẽ sanh**.

Trường hợp Ngài *Sāriputta* an trú trong định Diệt thọ tướng, bị Dạ xoa *Nanda* đánh chùy vào đầu vẫn vô sự, đây là sự thành tựu do định tướng **đang sanh**.

Trường hợp nàng *Uttāra* rải tâm từ (*mettā*) đến nàng *Sirimā*, khi nàng *Sirimā* tạt đầu nóng vào nàng, nàng vẫn vô sự. Hay như nàng *Sāmāvatī* làm quay ngược mũi tên của Vua *Udena* do năng lực Từ tâm, đây là sự thành tựu do định tướng **đã sanh**.

f. Thành tựu thần thông do xả niệm

Tức là hành giả không ghê tởm đối với những vật đáng ghê tởm, do nhờ xả niệm được vững mạnh, như trường hợp Ngài *Mahā Kassapa* (Đại Ca-diếp) dùng vật thực do một người cùi dăng, Ngài vẫn không thấy nhơm gớm loại thực vật ấy.

g. Thành tựu thần thông do quả nghiệp.

Như trường hợp chim bay giữa hư không thoải mái, hoặc một số loài Ngạ quỷ du hành giữa không trung, đây là năng lực thần thông do quả của nghiệp.

h. Thành tựu thần thông do phước.

Như Vua Chuyển Luân du hành khắp bốn Châu cùng với 4 binh chủng, hay Trưởng giả *Jotika* không bị cướp tài sản nếu như Ngài không muốn, hoặc như gia đình Trưởng giả *Mendaka*, đây là thần thông thành tựu do phước.

i. Thành tựu thần thông do năng lực chú thuật (mantā)

Như các Chú thuật gia phi hành giữa hư không.

k. Thành tựu năng lực thần thông do tinh tấn

Như các môn nghệ thuật được thiện xảo do tinh cần rèn luyện.

Thần thông trong tâm lộ hiện thông ám chỉ : 3 loại thành tựu là : Thành tựu do quyết định, do biến hóa và do ý.

Trong phần tâm lộ hiện Thông này, đề cập đến 5 loại thông lực thế gian (*loka iddhi*), tức là nói đến:

- *Iddhi* (Thần thông)
- *Dibbasota* (Thiên nhĩ thông)
- *Cetopariññāṇa* (Tha tâm thông)
- *Pubbenivāsānussati* (Túc mạng thông)
- *Dibbakku* (Thiên nhãn thông).

BÀI 18

LỘ NHẬP THIỀN QUẢ
(Phalasangāpatticittavīthi)

I. ĐỊNH NGHĨA

Vị Thánh muốn hưởng Níp-bàn lạc đã chứng được, an trú vào định nhập để hưởng giải thoát lạc (*vimuttisukha*) ấy.

Tiến trình diễn hoạt của tâm thức trong thời gian này, gọi là tâm lộ nhập Thiền quả (tức là thiền Siêu thế).

II. PHÂN TÍCH

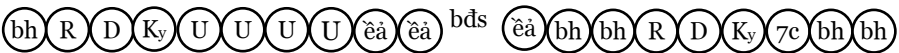
Về hình thức thì thiền Chỉ tịnh và thiền Quả giống nhau, tức là Thiền giả (*jhānalābhī*) đều an trú trong định nhập với thời gian mà mình muốn, nhưng về nội dung thì sai biệt.

Thiền giả Chỉ tịnh an trú với tâm thiền mà mình đã chứng với cảnh Quang tướng chế định, trái lại bậc Thánh an trú trong Níp-bàn cảnh với tâm Quả Siêu thế.

Thiền Chỉ tịnh là thiền hiệp thế (*lokiyajhāna*), còn thiền Quả là thiền Siêu thế (*lokuttarajhāna*).

Biểu đồ tâm lộ an trú trong thiền Quả như sau:

Người độn căn



Người lợi căn



Ký hiệu :

êả : thiền Quả (*phalajhāna*).

U : *Thuận thứ* (*anuloma*).

Lộ này có được:

- Sát-na: Vô số sát-na tâm khách.
- Chặng : 2 chặng (khai môn + đồng lực).
- Thứ tâm: 29 thứ tâm khách (Hương ý, môn, 8 đồng lực dục giới có trí, 20 tâm Quả Siêu thế).
- Người: 4 người Quả.
- Cõi: 26 cõi hữu tâm (trừ 4 cõi khổ, cõi Vô tướng).

III. LÝ GIẢI.

1. *Diễn tiến.*

Trước khi nhập Quả định, vị Thánh phải chú nguyện: “Siêu thế pháp nào mà tôi đã chứng đắc, hãy khởi lên trong tôi trong suốt thời gian... Trong suốt thời gian đó, xin cho hữu vi cảnh vắng mặt.”

Đây là việc phải làm trước tiên của vị Thánh.

Sau khi chú nguyện xong, vị Thánh tác ý quán Tứ Niệm xứ để ghi nhận danh sắc nội thân, tuần tự tiến lên đến Hành xả tuệ (*saṅkhārupekkhāñāṇa*) khi nắm quyền đồng đẳng, phát sanh Thuận thứ tuệ (*anulomañāṇa*), dứt tuệ Thuận thứ vị nhập vào Quả Định.

Vài vị Giáo Thọ sư bảo rằng: “Chỉ có bậc Tam quả và bậc Tứ quả mới nhập Quả định, còn bậc Dự lưu và bậc Nhất lai không thể an trú trong Quả định”.

Bậc Sơ và Nhị quả chỉ viên mãn **Giới**, nhưng Định còn khiếm khuyết.

Bậc Tam quả thì **Giới** và **Định** đã viên mãn, tuệ còn khiếm khuyết.

Bậc Tứ quả thì **Giới - Định - Tuệ** đều viên mãn.

Do định viên mãn nên bậc Tam - Tứ quả nhập được quả Định, do định còn khiếm khuyết nên bậc Sơ - Nhị quả không thể nhập Quả định.

Đây là ý kiến của những vị Giáo Thọ sư ấy, nhưng luận cứ này đã bị các vị A Xà Lê khác bác bỏ, rằng:

“Chúng ta đều biết ngay cả phàm phu cũng an trú được trong định thế gian (*lokiyasamādhī*) khi họ làm chủ được loại định ấy. Vậy vì sao vị Thánh không an trú được trong định Siêu thế khi vị ấy làm chủ được loại định này?”.

Vì mục đích nào các bậc Thánh an trú vào Quả Định?

Để được hiện tại lạc trú, như Đức vua hưởng Vương lạc mà mình có, chư thiên hưởng thiên lạc, các bậc Thánh cũng nghĩ rằng: Ta sẽ an hưởng Thánh lạc Siêu thế.

2. Về bốn sát-na Thuận thứ trong lộ nhập Quả Định.

Khác với lộ phạm định (*lokiyasamāpatti vīthi*) lộ nhập Quả Định (*phalasangāpattivīthi*) bốn sát-na đồng lực Dục giới đều chỉ mang 1 tên là Thuận thứ. Có hai lý do:

a- Mục đích của Thiên giả.

Đối với phạm định Thiên giả có mục đích an trú trong phạm lạc, nhận cảnh là chế định, nên tâm có sự “vướng mắc” với phạm lạc, do đó để đạt được mục đích này, những tâm đồng lực dục giới phải thực thi phận sự riêng để đạt đến mục đích, thế là phải có Chuẩn bị, Cận hành, Thuận thứ và phải Chuyển tánh (như đã giải ở lộ nhập thiên).

Đối với Thánh định, vị Thánh muốn hưởng lạc Siêu thế, không “vướng mắc” lạc thế gian, nên chỉ cần Thuận thứ dẫn nhập theo phận sự “thuận theo” đạt đến Níp-bàn cảnh là đủ.

b- Loại tâm.

Các đồng lực Chuẩn bị, Cận hành và Chuyển tánh chỉ khởi lên khi có đồng lực An chi cùng giống. Vì sao vậy? Vì đó là “ngõ ra” của các đồng lực này.

Các tâm thiên hiệp thế hoặc giống thiện (kusalajāti) hoặc giống Hạnh (kriyājāti) nên trong lộ đặc hay nhập thiên hiệp thế thì tâm thiên là “ngõ ra” vì cùng giống, trong lộ đặc Đạo thì tâm Đạo là “ngõ ra” vì cùng giống.

Tâm thiên Quả là loại tâm Quả Siêu thế, thuộc giống quả (*vipākajāti*), nên các sát-na Chuẩn bị, Cận hành, Chuyển tánh không thể sanh lên vì không có “ngõ ra” (khác giống), chỉ có sát-na Thuận thứ là phù hợp, vì sát-na này có phận sự “chịu theo” cảnh hữu vi (danh - sắc) lẫn cảnh vô vi (Níp-bàn), để dẫn nhập tâm nhận Níp-bàn làm cảnh.

Mặt khác, vì Thuận thứ hòa đồng với sát-na trước và đồng lực An chi phía sau kế tiếp, bất luận là thiện, Hạnh hay Quả Siêu thế. Do vậy cả bốn sát-na này đều có tên là Thuận thứ.

3. Điều kiện để nhập thiên Quả.

Vị Thánh muốn nhập Quả Định, vị ấy phải chứng đạt định Chỉ tịnh trước khi đắc Đạo.

Nếu đạt được Sơ thiên rồi sau đó chứng Đạo, như Sơ Đạo chẳng hạn, vị ấy sẽ nhập Sơ Quả Sơ thiên, tức là tâm vị Thánh này an trú trong tầng Sơ thiên với tâm Sơ Quả sanh khởi liên tục trong thời gian nhập định.

Giả như sau này, vị Thánh ấy tu tập Chỉ tịnh đắc được Nhị thiên mà chưa chứng đắc Đạo cao hơn, khi nhập thiên Quả cũng chỉ nhập được Sơ Quả Sơ thiên mà thôi, không thể an trú trong Sơ quả Nhị thiên được. Do đó mới nói rằng “*phải chứng đạt định Chỉ tịnh trước khi chứng Đạo*”.

Tương tự như thế với các tầng thiên và tầng Thánh đạo.

Vì sao phải chứng thiền Chỉ tịnh trước khi chứng Đạo, mới nhập được thiền Quả?

Vì thiếu **duyên cận hành**.

Chúng ta biết rằng “ tâm Quả Siêu thế là kết quả của tâm Đạo, tâm Đạo như thế nào tâm Quả Siêu thế cũng như thế ấy, tâm Quả Siêu thế không thể thay đổi thành phần tâm sở (cetasika) hòa hợp được.”

Chúng ta hãy lấy hình ảnh tâm Quả Siêu thế Sơ thiền để xem xét.

Tâm Quả Siêu thế Sơ thiền có năm chi thiền, nếu vị Thánh nhập Nhị thiền Quả định thì tâm Quả Siêu thế này chỉ có 4 chi thiền, điều này không thể xảy ra, còn như tâm Quả Siêu thế vẫn tròn đủ năm chi thiền thì tầng thiền này phải là tầng Sơ thiền.

Có câu hỏi rằng: Vị Thánh Lạc quán (*sukhavipassanā*) có được tâm Quả Siêu thế với 5 chi thiền, vì sao lại không nhập được định Sơ quả Sơ thiền?

Do tác ý của hành giả và duyên cận hành.

- **Do tác ý.**

Hành giả hành *vipassanā* với mục đích chứng đạt Níp-bàn sát trừ phiền não, không phải an trú trong thiền lạc, trái lại mục đích của hành giả Chỉ tịnh là an trú trong thiền lạc.

Do tác ý của hai cách tu tiến (Chỉ hoặc Quán) mà kết quả khác nhau. Tu tiến Chỉ tịnh, định tâm sở (ekaggatācetasika) được trí hỗ trợ nên có sức mạnh áp chế được tham dục, phá vỡ “hàng rào cản” thể nhập vào thiền cảnh trọn vẹn, sau đó vị này chứng đắc Đạo, sức mạnh của định rất vững mạnh.

Trái lại, hành giả tu Quán, định chỉ ở giai đoạn Cận định, lại phải hỗ trợ cho trí sát trừ phiền não nên càng giảm

sức mạnh trước “hàng rào cản”, khi hành giả đắc Đạo, loại định này lại trở thành Quả trong tâm quả Siêu thế. Trước chưa phá vỡ “hàng rào cản” để an trú trong định thế gian, tất nhiên nay cũng không thể phá vỡ “hàng rào cản” để an trú trong định Siêu thế.

Như vậy: định trong tâm quả Siêu thế lạc quán không có sức mạnh bằng định An chỉ trong tâm quả Siêu thế Sơ thiên và dĩ nhiên vị Thánh lạc quán không thể nhập thiên Quả định.

- Do duyên cận hành.

Tức là Cận y duyên (*upanissayapaccaya*), hành giả đắc thiên Chỉ tịnh trước, sau khi an trú trong thiên lạc, xuất thiên dùng An chỉ định làm nền tảng để quán Danh - sắc, khi đạt Đạo, Cận y duyên này có đủ sức mạnh giúp vị Thánh an trú trong Quả định, trái lại vị Lạc quán chỉ dùng Cận định (*upacārasamādhi*) làm nền tảng để quán sát danh sắc nội thân, khi đạt Đạo, Cận y duyên này chỉ đủ sức đưa tâm vị Thánh đến Cận định.

Do đó vị Thánh Lạc quán không thể an trú trong Định quả Siêu Thế, mặc dù tâm Sơ quả có đủ năm chi thiên (tuy nhiên, ở trường hợp đặc biệt do trí quá mạnh vị ấy vẫn có thể nhập được thiên Quả Sơ định).

Mặt khác, đối với lộ nhập định Quả Siêu thế, Vị Thánh chỉ an trú trong Định Siêu thế với Quả cao nhất mình có, không an trú trong Quả thấp hơn. Như vị Tam quả chẳng hạn chỉ có lộ nhập thiên Tam quả, không thể có lộ thiên Sơ quả hay Nhị quả.

Tóm lại: tâm lộ nhập thiên Quả có 2 điều:

- Tầng thiên an trú là tầng thiên đạt được trước khi chứng Đạo Siêu thế.

– Tâm Quả Siêu thế là quả cao nhất trong tầng thiên đó.

4. Số lượng tâm lộ.

Có tất cả 40 lộ tâm nhập Quả định, cách tính như sau:

Bốn tầng Thánh Quả nhân với 5 bậc thiên nhân với 2 hạng người (độn căn + lợi căn) thành 40 lộ.

Sở dĩ nhân 5 bậc Thiên, vì vị Thánh nhập Quả định, phải lấy danh sắc làm cảnh trong tiến trình đạt đến Định quả. Do đó, tuy chứng đạt 4 thiên Vô Sắc, nhưng vị Thánh cũng phải dùng 2 chi thiên là Xả và Định để dẫn nhập vào Quả định, nên chỉ tính 5 bậc thiên mà thôi.



BÀI 19

**LỘ NHẬP THIỀN DIỆT THỌ TƯỚNG
(*Nirodhasamāpattivīthi*)**

I. ĐỊNH NGHĨA

Vị Thánh A-la-hán hay Tam Quả muốn tịnh chỉ các danh uẩn, hưởng Vô dư Níp-bàn (parinibbāna) tạm thời.

Tâm lộ diễn ra trước khi danh uẩn diệt gọi là tâm lộ nhập thiền Diệt (*nirodhasamāpatti*).

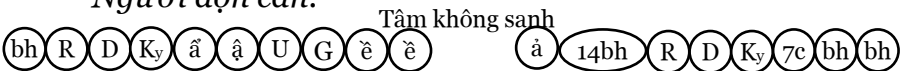
II. NGUYÊN NHÂN NHẬP ĐỊNH DIỆT

Vị Thánh Tam quả hay Tứ quả chán nản sự sinh diệt của pháp hành, nên tu tiến để đạt đến Định Diệt, với ý nghĩ rằng: “Ta tạm thời hưởng hưởng vị Vô dư Níp-bàn, bằng cách nhập vào Định **không tâm**”.

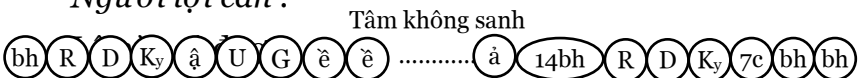
Biểu đồ tâm lộ.

Tâm lộ nhập Diệt thọ tướng định diễn tiến như sau:

Người độn căn.



Người lợi căn .



– Sát-na: 8 hay 7 sát-na tâm khách

- Thứ tâm: 9 thứ tâm khách (Hương ý môn, 4 đồng lực dục giới xả thọ có trí, 2 đồng lực thiền Phi tướng phi phi tướng xứ, tâm Tam Quả Ngũ thiền và tâm Tứ Quả Ngũ thiền).
- Chặng: 2 chặng (khai môn, đồng lực).
- Người: 2 bậc Thánh (Tam quả và Tứ quả).
- Cõi: 22 cõi vui ngũ uẩn (trừ 4 cõi Vô sắc, 4 cõi khổ và cõi Vô tướng).

III. LÝ GIẢI .

1. Những việc làm trước khi nhập định Diệt.

Vị Thánh Tam quả hay Tứ quả trước khi muốn nhập thiền Diệt, phải làm 4 phận sự trước tiên (*pubbakicca*) như sau:

a) *Nānabaddha- avikopana*: Chú nguyện cho các vật dụng (*parikkhāra*) ngoại thân của mình không vì một lý do nào bị hư hoại.

b) *Saṅghapaṭimānana*: Chú nguyện tự xuất khỏi thiền Diệt khi chư Tăng muốn triệu tập.

c) *Satthupakkosana*: Chú nguyện tự xuất khỏi thiền Diệt khi Bậc Đạo sư muốn gặp mặt.

d) *Addhānapariccheda*: Quán xét tuổi thọ của mình, có sống được tối thiểu 7 ngày hay không? Khi quán xét thấy tuổi thọ mình không thể sống đến 1 tuần lễ nữa, vị Thánh Bất lai sẽ không nhập thiền Diệt, dành thời gian đó để tu tiến thành đạt A-la-hán. Còn vị Thánh A La Hán sẽ:

– Hoặc chú nguyện xuất khỏi thiền Diệt trước ngày viên tịch, để giáo giới các đệ tử hay từ giả các bậc đồng phạm hạnh.

– Hoặc không nhập thiền Diệt.

Trong bốn việc tiên quyết ấy, ba điều đầu có thể không chú nguyện cũng được, nhưng điều thứ tư bắt buộc phải làm nếu vị ấy ở cõi người. Nếu ở cõi chư Thiên hay Phạm thiên giới có thể không làm điều gì cả (nếu có cũng chỉ là điều thứ tư). Trong lúc nhập thiên Diệt, không một tai hại nào xảy ra đến tính mạng cũng như những vật tùy thuộc của vị ấy. Như Tôn giả *Saṅgha* đang nhập Diệt định, một nhóm mục đồng thấy thế tưởng Ngài đã chết, chúng đem cỏ khô phân bò chất lên người Ngài để hỏa táng, nhưng ngay cả một chéo y của Ngài cũng không bị cháy.

Cho dù Ngài không chú nguyện, nhưng khi Đức Đạo sư hay chư Tăng muốn gặp mặt, cử một vị Tỳ-kheo sứ giả đến đứng vừa tầm nghe của vị ấy bảo rằng: “Thưa Tôn giả, Đức Đạo sư (hay chư tăng) muốn gặp Ngài, xin Ngài hãy lập tức xả Thiên diệt ngay bây giờ”. Chỉ vậy thôi, vị Thánh đang nhập thiên Diệt, lập tức xuất định ngay.

Tuy nhiên, vị Thánh có chú nguyện 3 điều trên, khi Đức thế Tôn giảng pháp hoặc chế định học giới hay chư Tăng nhóm họp, không cần phải cử Sứ giả đến, tự khắc vị ấy xuất định đi đến gặp Đức Phật hay chư Tăng, nếu không chú nguyện và không có Sứ giả thông báo, vị Thánh không xuất định. Như trường hợp Ngài *Rohāna* nhập thiên Diệt, trong khi chư Tăng đang hội nhau tìm vị có nhân duyên nhiếp phục vua *Milanda*, Ngài *Rohāna* vắng mặt nên bị chư Tăng phạt.

2. Diển tiến.

Vị Thánh muốn nhập thiên Diệt, tìm 1 trú xứ thanh vắng, lần lượt an trú vào thiên tịnh theo thứ tự từ Sơ thiên đến Vô sở hữu xứ thiên, khi xả thiên Vô sở hữu xứ, Ngài thực hiện 4 việc cần làm trước ở trên rồi nhập vào thiên Diệt.

Diển tiến tâm lộ như sau: Rúng động, Dứt dòng, Hương ý môn, Chuẩn bị, Cận hành, Thuận thứ, Chuyển tánh, 2 sát-na thiên Phi tướng phi phi tướng, dứt sát-na thứ 2 thiên Phi

tướng phi phi tướng xứ, danh uẩn diệt mất trong vòng 7 ngày. Khi xuất định Diệt, tâm Thánh quả mà vị ấy có (Tam Quả hay Tứ Quả) sanh khởi trước tiên, tiếp theo là 14 hữu phần cơ bản, tiếp theo là lộ ý môn bình nhật sanh khởi.

Nên ghi nhận rằng : Đối với cõi người tâm không sanh trong vòng 7 ngày, riêng cõi chư Thiên, Phạm Thiên thời gian tâm không sanh bao lâu là theo ý vị ấy.

Tăng thiên vị Thánh nhập định Diệt phải có trước khi đắc Tam hay Tứ Đạo.

Vị Thánh Tam quả và Tứ quả muốn an trú vào định Diệt, phải là vị có được Ngũ thiên trước khi chứng đắc Tam Đạo hay Tứ Đạo.

Theo quy luật, thọ (vedanā) đồng lực phải cùng một loại, từ sát-na Chuẩn bị cho đến hai sát-na tâm thiên Phi tướng phi phi tướng xứ đều là xả thọ, như vậy tâm Quả Siêu thế sanh khởi trước tiên trong lộ xuất Định cũng phải câu hành với Xả thọ.

Điều này đưa đến hệ luận: *“không phải vị Thánh Tam Quả hay Tứ Quả nào cũng nhập định Diệt được, vị Thánh Tam hay Tứ Quả muốn nhập định Diệt, phải đắc Ngũ thiên trước khi chứng Tam Đạo hay Tứ Đạo”*.

Lại nữa, vị Thánh Tam Quả hay Tứ Quả phải làm chủ được các tầng thiên, tức là phải an trú trong thiên Chi tịnh từ Sơ thiên cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ thiên theo như ý.

Vì sao tâm thiên Phi tướng phi phi tướng xứ chỉ có 2 sát-na, không ít hay nhiều hơn?

Đáp: Do tác ý của vị Thánh.

Vị Thánh có tác ý “đạt được trạng thái **không tâm**, hưởng Vô dư Níp-bàn tạm thời”, không có tác ý an trú trong thiên Phi tướng phi phi tướng xứ. Nói cách khác vị Thánh chỉ

mượn 9 bậc thiên để đi đến trạng thái **không tâm**, chứ không trú lại bất cứ tầng thiên nào.

Ví như Đức vua đi từ *Sāvathī* đến *Sāketa*, con đường từ *Sāvathī* đến *Sāketa* có thù diệu tốt đẹp, Đức vua tỏ lời khen ngợi “con đường này thật tốt đẹp” nhưng Đức vua không có ý trú lại bất cứ nơi nào trên con đường ấy.

Cũng vậy, vị Thánh tuy nhận biết rằng thiên Phi tướng phi phi tướng là an tịnh thù thắng hơn tất cả các tầng thiên, nhưng Ngài chỉ mượn “đường”, để đến trạng thái Vô dư Níp-bàn tạm thời, chứ không an trú trong bất cứ tầng thiên nào.

- Về 2 sát-na tâm thiên.

Tâm sinh diệt rất nhanh, để cắt đứt cảnh đang có không thể làm ngay được, phải có ít nhất 2 sát-na (như 2 Hữu phần Rúng động- Dứt dòng hay 2 sát-na Na cảnh) thì cảnh Khách mới chấm dứt.

Đối với lộ ý thông thường sau sát-na đồng lực thứ 7, tâm trở lại hữu phần là do cảnh đã muội lược nên tự diệt, còn cảnh thiên trong lộ đặc thiên cũng tự diệt, sự diệt này không do tác ý của hành giả. Còn lộ nhập thiên thì đã trải qua nhiều sát-na tâm thiên.

Trong lộ nhập thiên Diệt, tác ý của vị Thánh là “cắt đứt mọi cảnh, cho dù đó là cảnh chế định, hữu vi hay vô vi, để đạt đến trạng thái **không tâm**”.

Lại nữa, phải là 2 sát-na Phi tướng phi phi tướng để tịnh chỉ tâm hành (Thọ và Tướng), vì Phi tướng phi phi tướng xứ thiên là trạng thái dường như có (thọ) **Tướng** dường như không có (thọ) **Tướng**, rất thuận lợi trong việc tịnh chỉ tâm hành, các sát-na thiên khác không có tiêu chuẩn này vì các danh pháp hiện rõ.

Có ví dụ về thiền Phi tướng phi phi tướng xứ như sau: Vị trưởng lão cùng với đệ tử đi khát thực, gặp một vũng nước trên đường, vị đệ tử nói: “Bạch Ngài có nước”

- Vậy hãy mang nước đến cho ta tắm rửa.

- Bạch Ngài! Không có nước.

Ý nghĩa này như thế nào? Tuy có nước nhưng không đủ để rửa mặt, tắm . . . Cũng vậy tầng thiền Phi tướng phi phi tướng xứ tuy các danh pháp có nhưng “không đủ” sức hiện bày, tức là ở trạng thái cực kỳ vi tế, dường như có dường như không.

3. Ở cõi nào?.

Lộ tâm này chỉ có ở cõi ngũ uẩn đặc thiên, vì ở cõi Vô Sắc không thể tuần tự nhập từ Sơ thiên đến Phi tướng phi phi tướng thiên đạt đến định Diệt.

Có 4 lộ tâm Diệt thọ tướng định là: 2 bậc Thánh nhân (Tam, Tứ Quả) với 2 hạng người (độn căn lợi căn), thành ra bốn lộ.

BÀI 20**GIẢI VỀ TÂM LỘ AN CHỈ****I. LÝ GIẢI SỐ LƯỢNG SÁT-NA ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI VÀ ĐỒNG LỰC AN CHỈ.**

Đồng lực An chỉ xuất hiện chớp nhoáng chỉ có 1 sát-na, khi tối đa thì vô số. Trái lại đồng lực Dục giới (thiện hay Hạng) ít nhất cũng là 3 sát-na còn nhiều nhất cũng chỉ 7 sát-na mà thôi.

Đồng lực bất thiện không thể hiện khởi dưới 5 sát-na (chúng chỉ có 5 sát-na trong trường hợp bị bất tỉnh hay lúc cận tử), vì chúng không thể nào hiện chung với đồng lực An chỉ.

Nghĩa là đồng lực An chỉ không bao giờ kế tục tâm bất thiện, vì cảnh của bất thiện tâm là cảnh không trong sạch nhỏ hẹp, đồng lực An chỉ không bao giờ xuất hiện trong cảnh như thế, ví như con ong không bao giờ đi đến nơi xú uế.

Mặt khác, cũng vì tính chất bất thiện nên đối với những cảnh trung bình, cảnh vô lượng, tâm bất thiện không thể sanh khởi được, nên đồng lực bất thiện không thể xuất hiện trong những tâm lộ phản khán (*paccavekkhaṇavīthi*). Ví như dinh thự của các vị Thượng Quan là nơi nghiêm tịnh, những kẻ thô tháo không hề dám đến.

Đối với đồng lực đại thiện hay đại Hạng ít nhất cũng phải có 3 sát-na, như trong lộ An chỉ của người lợi căn. Chúng xuất hiện để thực thi phận sự: thanh lọc cảnh và tạo điều kiện cho đồng lực An chỉ sanh khởi.

Đồng lực Dục giới có năng lực kém cõi, muốn hoàn thành nhiệm vụ phải có ít nhất là 3 sát-na.

Trong trường hợp xuất hiện tối đa cũng chỉ có 7 sát-na, vì năng lực (*ānubhāva*) yếu kém so với đồng lực An chi, nên không thể bắt cảnh liên tục trong thời gian lâu hơn. Ví như giống cây nhỏ dù có gieo trồng ở đất nào chẳng nữa, cũng chỉ phát triển đến một mức độ đó mà thôi, không thể phát triển hơn nữa.

Đồng lực An chi sở dĩ có 1 sát-na, vì với thời gian có mặt chúng đã hoàn thành phận sự, không cần có thời gian lâu hơn.

Chẳng hạn như tâm lộ đặc thiên, chỉ cần một sát-na tâm Thiên là đủ thanh lọc cảnh, chấm dứt Dục chùng (*kāmagotta*) tiến sang Đáo đại chùng (*mahaggatagotta*).

Hoặc trong lộ đặc Đạo, chỉ cần một sát-na Thánh đạo là sát trừ phiền não, vượt qua phạm chùng đạt đến Thánh chùng hay trong tâm lộ hiện Thông, tâm Thông chỉ khởi lên 1 sát-na cũng đủ cho vị Thiên giả thị hiện những gì mình muốn. Trong trường hợp đặc biệt ở tâm lộ nhập thiên Diệt bấy giờ mới có hai sát-na đồng lực thiên Phi tướng phi phi tướng xứ, vì diệt tâm hành (*manosaṅkhāra*) là điều khó khăn nhất, nên tâm thiên Phi tướng phi phi tướng xứ phải sanh lên 2 sát-na mới hoàn thành nhiệm vụ.

Nhưng nếu chúng xuất hiện trong trường hợp tối đa thì vô số, đó là do Hành giả có ý muốn an hưởng Thiên lạc hoặc Thánh lạc trong thời gian dài, chúng sẽ sanh khởi theo đúng ý lực (*manobala*) của vị ấy.

Có kệ ngôn *Pāli* minh dẫn như sau:

Sattakkhattuṃ parittāni

Maggabhiññā sakiṃ matā

Avasesāni labbanti

Javanāni bahūnipi

“Đồng lực Dục giới (chữ *parittāni* ở đây ám chỉ Dục giới) nhiều nhất là 7 sát-na. Tâm Đạo và tâm Thông chỉ xuất hiện 1 sát-na, các đồng lực còn lại (tâm Thiên và tâm Quả Siêu thế) có thể hiện khởi vô số”.

II- VAI TRÒ CỦA TÂM HƯỚNG Ý MÔN VỚI ĐỒNG LỰC.

Các vị A Xà Lê uyên thâm về tâm pháp dạy rằng: “*Tâm đồng lực khách quan (vīthicitta) phải nhờ tâm Hướng ý môn tiến dẫn cảnh sở tri, chúng mới có thể sanh lên để nhận biết*”.

Câu nói của các Ngài, chúng ta phải hiểu là trường hợp phổ thông của lộ ngũ môn và lộ ý đồng lực Dục giới (*kāmajavanamanodvāravīthi*) khi không có hữu phần Khách (*āgantukacitta*).

Khi nói như thế, các Ngài ám chỉ 2 trường hợp này thôi, bởi vì nếu lộ ngũ hay lộ ý môn có hữu phần Khách, thì hữu phần Khách là tâm tự khởi lên không cần có sự trợ giúp của tâm Hướng ý môn tiến dẫn cảnh.

Hoặc trong những tâm lộ An chỉ, có những tâm tự khởi lên mà không cần tâm Hướng ý môn tiến dẫn, như trong lộ đặc Đạo chẳng hạn, tâm Chuyển tánh, tâm Tiến bậc, tâm Đạo, tâm Quả Siêu thế, khởi lên đâu cần tâm Hướng ý môn tiến dẫn cảnh, hoặc tâm Quả Siêu thế trong lộ nhập Quả định, tâm Tam Quả, tâm Tứ Quả trong thời điểm xuất khỏi thiền Diệt.

Những tâm ấy không cần Hướng ý môn dẫn nhập, vì có cảnh khác với cảnh của tâm Hướng ý môn, như trong lộ Đạo, cảnh của tâm Hướng ý môn và 3 sát-na Chuẩn bị, Cận hành và Thuận thứ là cảnh Hữu vi tướng, tâm Chuyển tánh, tâm Tiến bậc hay tâm Đạo, tâm quả Siêu thế là cảnh Níp-bàn.

Trong lộ nhập Quả định, tâm Hướng ý môn và 4 sát-na Thuận thứ nhận cảnh danh- sắc thực tính, trái lại tâm Quả Siêu thế nhận cảnh Níp-bàn.

Có kệ ngôn bài *Pāli* minh dẫn như sau:

Nirāvajjaṃ kathaṃ cittaṃ?

Hoti nettaṃ hi samattaṃ.

Niyamo na vināvajjā.

Nirodhā phaladassanā

“*Tâm Khách có thể xuất hiện không cần đến tâm Hướng ý môn chăng? Các vị A Xà Lê tiên bối không nói rõ. Không có quy luật nào rõ ràng, đều thấy rõ là khi xuất khỏi thiền Diệt tâm Quả không cần đến (tâm Hướng ý môn)*”.

III. CẢNH VÀ CÁC ĐỒNG LỰC TRONG TÂM LỘ AN CHỈ

Đồng lực đại thiện hay đại Hạnh cùng sanh chung với đồng lực An chỉ trong một tâm lộ, cảnh và các đồng lực ấy có 3 trường hợp là:

1. Tương ngộ, nhưng cảnh bất đồng.

Tuy cùng chung trong 1 tâm lộ nhập Quả định (*palasamāpattivithi*) nhưng cảnh của đồng lực thiện dục giới hay đồng lực Hạnh dục giới và đồng lực Quả Siêu thế khác nhau.

Đồng lực Dục giới biết cảnh danh sắc hữu vi, còn đồng lực An chỉ biết cảnh Vô vi (tức là Níp-bàn).

2. Tương ngộ, cảnh cũng tương đồng:

Trong các tâm lộ sau đây, các đồng lực Dục giới và đồng lực An chỉ cùng biết 1 cảnh như nhau (về chân đế lần chế định) là:

– Lộ đặc thiên hiệp thế, lộ nhập thiên hiệp thế. Hai lộ này nhận cảnh là chế định.

– Lộ thiên Cơ, lộ hiện Thông. Cả hai lộ này nhận cảnh là danh sắc hữu vi.

– Lộ thiên Diệt nhận cảnh là danh pháp hữu vi.

3- Tương ngộ, cảnh vừa tương đồng vừa dị biệt.

Trong lộ đặc Đạo, các sát-na Chuẩn bị, Cận hành và Thuận thứ nhận cảnh là hữu vi tướng, sát-na Chuyển tánh, sát-na Tiến bậc, Đạo và Quả Siêu thế nhận cảnh Níp-bàn.

Chú ý:

Trong lộ thiên Diệt, mặc dù có sát-na Quả Siêu thế (Tam Quả hay Tứ Quả) xuất hiện sau khi vừa xả thiên Diệt, tuy có cảnh là Níp-bàn, khác với các đồng lực dục giới nhận cảnh danh pháp hữu vi. nhưng sát-na Quả Siêu thế này không liên hệ gì đến các đồng lực Dục giới ấy, vì đây là thời điểm vừa xuất khỏi thiên Diệt.

Nên ghi nhận rằng vị Thánh muốn nhập thiên Diệt, trong giai đoạn chuẩn bị vị ấy nhập từ Sơ thiên đến Vô sở hữu xứ thiên, khi xuất ra mỗi tầng thiên, vị ấy đều quán danh sắc.

Trong khi thực hiện “việc làm trước” (*pubbakicca*) thì lộ ý môn thông thường xuất hiện trong khoảng thời gian ấy. Sau khi nguyện xong lộ thiên Diệt xuất hiện nhận danh pháp làm cảnh, dứt 2 sát-na Phi tướng phi phi tướng xứ, thì tâm không sanh.

- Giác ngũ say có thể gọi là hữu phần định không?

Chắc chắn là không, chúng chỉ có thể gọi là *bhavaṅgapatti* hay *bhavaṅgapatta* (hữu phần có được).

Bởi vì loại lạc trong giấc ngũ say, hầu hết chúng sanh ai cũng có thể nhận, còn Định lạc không phải là loại lạc phổ biến cho tất cả, Định lạc (*sāmapattisukha*) chỉ có cho những Hành giả tinh tấn tu tiến.

Chi riêng danh từ để gọi cũng nêu rõ điều khác biệt rồi, chữ *sāmapatti* nghĩa là tham dự một cách đúng đắn. *Tham dự vào cái gì ?* Tham dự vào cảnh ưu việt.

IV. LỘ TÂM SIÊU THỂ Ở CÁC CỖI.

1- Lộ đặc Đạo

Lộ đặc Sơ Đạo không xuất hiện ở 4 cõi Vô sắc.

Lẽ thường, vị Thánh Thinh văn là đệ tử của Đức Chánh Đẳng Giác, vị ấy hấp thụ Giáo pháp từ Đức Phật để tiến tu qua nhiều hình thức như nghe pháp trực tiếp từ Đức Thế Tôn hoặc thông qua vị Thánh Thinh văn (các đệ tử của vị Thánh) hay học hỏi Kinh điển Giáo pháp ... rồi tiến tu. Khi đắc Thánh Đạo vẫn là đệ tử Đức Phật.

Hành giả này sau khi thọ trì Tam quy nơi vị Tỳ-kheo (hoặc Sa di), sau đó dựa vào Pháp - Luật hành Minh sát chứng Đạo - Quả đều nương vào Giáo pháp của Đức Chánh Đẳng Giác.

Những điều này chỉ có ở cõi năm uẩn, không thể xảy ra ở cõi Vô sắc, nên lộ Sơ Đạo không có ở 4 cõi Vô sắc.

Trường hợp người phạm Tam nhân ở 7 cõi vui Dục giới hoặc ở 10 cõi Sắc giới hữu tâm (trừ 5 cõi Tịnh cư), vị ấy chứng đắc được Sơ quả, khi mệnh chung tái sanh về cõi Vô sắc, vị ấy tiếp tục tu tiến Minh sát, quán danh uẩn chứng đắc tiếp các Đạo cao, nên những lộ đặc Đạo cao xuất hiện tại 4 cõi Vô sắc.

Cũng nên ghi nhận rằng: vị Thánh vào lúc Tục sinh luôn có được niệm - tinh giác, biết rõ mình, nên dù tục sinh ở cõi người cũng thuộc gia tộc cao sang và có chánh kiến (tức là gia tộc đã quy ngưỡng tam bảo). Như Kinh văn có ghi "*Vị thánh*

không sanh trong gia đình thấp hèn, chỉ sanh trong gia đình tốt đẹp, có nhiều tài sản”.

(Thanh Tịnh Đạo).

Mặt khác, vị Thánh khi tái sanh về cõi Sắc hay cõi Vô sắc, sẽ không tái sanh vào cõi thấp hơn, nếu không tái sanh đến cõi cao hơn thì tái sanh lại chính cõi ấy, nên vị Thánh Sơ quả tái sanh vào cõi Vô sắc sẽ không rơi xuống cõi Sắc hay cõi Dục nữa, chẳng lẽ mãi mãi là bậc Dự Lưu?.

– Lộ đặc Sơ Đạo, Nhị Đạo và Tam Đạo không xuất hiện ở 5 cõi Tịnh Cư (*Suddhāvāsa*), vì 5 cõi này dành riêng cho Bậc Tam Quả chứng đạt Ngũ thiền Sắc giới.

– Lộ đặc Đạo tăng thiền thấp không xuất hiện ở cõi Thiền cao, như trường hợp ở cõi Nhị Thiền sẽ không có tâm Đạo Sơ thiền, ở cõi Tam thiền không có tâm Đạo Sơ thiền hay tâm Đạo Nhị thiền . . . cõi Tứ thiền không có tâm Đạo sơ, nhị, tam, tứ thiền. Vì sao thế ?

Chúng ta biết rằng: Những tâm quả thiền hiệp thế sẽ đưa chúng sanh tục sinh về cõi ấy, sau đó trở thành hữu phần cơ bản của chúng sanh này.

Nếu vị Phạm thiên ở cõi Nhị thiền chẳng hạn, thì hữu phần cơ bản sẽ không có 2 tâm sở Tầm (*vitakkacetasika*) và Tứ (*vicāracetasika*).

Vị ấy hành Minh sát sẽ tuần tự tiến từ Sanh diệt trí (*udayabbayañāṇa*) cho đến khi đắc Thánh Đạo. Vào tuệ Minh sát thứ sáu là Dục thoát tuệ (*muñcītukamyatāñāṇa*) tâm Hành giả nhằm chán pháp hữu vi, vì đã có tuệ Minh sát già mạnh thấy các pháp hành sanh diệt mau chóng, nên có tâm kinh cảm pháp hữu vi, thấy trong Tam hữu không một hữu nào là an ổn, nên muốn thoát ly khỏi pháp hữu vi.

Tiếp theo là Tuệ Quyết ly, nghĩa, là hành giả suy tư tìm phương pháp thoát ly khỏi pháp Hữu vi, khi trí già mạnh phát

sanh tuệ Hành xả (*saṅkhārupekkhāñāṇa*), khi tuệ Hành xả vững mạnh, tâm Hành giả càng co rút đối với các pháp hữu vi, ví như lông gà chạm vào hơi nóng của lửa. Cũng vậy, vào thời điểm này tâm hành giả càng co rút đối với các pháp hữu vi, không tha thiết pháp hữu vi. Do ý lực này cho dù vị Phạm thiên có chứng đạt Sơ thiên, nhưng khi tuệ Xuất khởi đạo (*vuttthānagāminīvipassanā*) tức là Tuệ Hành xả cao tột và tuệ Thuận thứ sanh khởi thì 2 tâm sở Tầm - Tứ là pháp hữu vi “ngoại nhập” này không thể có mặt, vị Phạm thiên chứng đắc Đạo với trạng thái **không tâm không tứ**. Do vậy tâm Đạo Sơ thiên, tâm Đạo nhị thiên không sanh khởi, chỉ sanh khởi sát-na tâm Đạo tam thiên (thiên năm bậc).

2- Lộ nhập thiên quả

Vì sao cõi thiên cao không có tâm Đạo tầng thiên thấp nhưng lại có tâm Quả Siêu thế thiên thấp?. Như cõi Nhị thiên không có tâm Đạo sơ thiên sao lại có tâm Quả Siêu thế Sơ thiên?

Đây là do mãnh lực của lộ nhập Quả định.

Cõi Thiên cao không có tâm Đạo thiên thấp, nhưng lại có tâm Quả Siêu thế thiên thấp là vì:

Vị Thánh Hữu học cõi cõi nhân loại chẳng hạn, đắc Sơ thiên trước khi đắc Đạo nên có được tâm Quả Siêu thế Sơ thiên, khi mệnh chung tái sanh về cõi Nhị thiên do chứng Nhị thiên hiệp thế mà không chứng Đạo cao hơn, ở cõi này vị ấy nhập lại thiên Quả mà mình có trước đây (tức là Sơ Quả Sơ thiên). Do đó, tâm Quả Siêu thế sơ thiên có ở cõi Nhị thiên.

Tương tự như vậy, ở cõi Vô sắc không có tâm Sơ đạo nhưng lại có tâm Sơ Quả Ngũ thiên Vô sắc, đây là trường hợp vị Thánh tu tập chứng đạt Ngũ thiên Vô sắc giới rồi chứng Sơ Đạo, sau đó tái sanh về cõi Vô sắc sẽ nhập Sơ Quả Định của tầng thiên ấy.

Có bao nhiêu loại thiên Quả?

Có tất cả 3 loại thiên Quả:

a- Vị Thánh trước khi chứng Đạo, đã chứng thiên Chi tịnh, gọi là *Santajhāna*, đây là trường hợp phổ thông cho tâm lộ thiên Quả.

b- Vị Thánh tuy chưa chứng đạt thiên An chỉ nhưng ngay khi tâm Đạo sanh khởi, thì thiên chứng cũng đồng sanh. Như trường hợp Ngài *Sāriputta* nghe Đức Phật thuyết bài Kinh **Đa thọ** cho Du sĩ Trường Trảo (*Dīghānakha*) nghe, Ngài đưa tâm quán xét và chứng đạt quả A-la-hán, về sau Ngài thường nhập thiên Diệt Thọ Tướng định. (Tâm Quả xuất khởi trong lộ thiên Diệt là tâm Tứ Quả ngũ thiên), trường hợp này các Ngài gọi là *sammasatijhāna* (thiên bám theo). Đây là do Định quyền mạnh.

c- Vị Thánh không có thiên Chi tịnh trước, hoặc thiên không phát sanh trong lúc chứng Đạo, nhưng vị Thánh này có trí tuệ già mạnh, tu tập tầng thiên tương ứng với Quả Siêu thế đã đạt, sẽ nhập được thiên Quả (tâm Quả Siêu thế có 5 chi thiên, vị ấy đắc Sơ thiên sẽ nhập được Sơ Quả Sơ thiên), trường hợp này các Ngài gọi là *pādakañña* (thiên có nền tảng từ Trí).

Như vậy, nếu tính lộ thiên Quả thì có 120 lộ, như sau:

Bốn bậc Thánh Quả nhân với 5 tầng thiên nhân với hai hạng người độn căn (*maṇḍapaññā*) và lợi căn (*tikkhapaññā*) thành 40 lộ, nhân với 3 phương thức ở trên thành ra 120 lộ Thiên quả.

Có câu hỏi rằng: Tâm làm việc Tục sinh về cõi Sắc là những tâm quả thiên Sắc giới. Vị Thánh Tam Quả không chứng thiên Sắc làm sao có thể sanh về cõi Sắc giới được?

Tuy vị Thánh Tam Quả là bậc Lạc quán (*sukhavipassanā*), khi sắp mệnh chung thì tâm *Maggasiddhijhāna* (thiên thành

tự từ Đạo) thường sanh khởi làm duyên, giúp vị ấy tái sanh về cõi Sơ thiên.

Nếu như tâm Thiên tương ưng Đạo chưa sanh khởi thì vị Tam Quả chưa mệnh chung, dù vị ấy đang ngủ bị giết bất ngờ, trong giây phút cận tử, tâm thiên thành tựu từ Đạo (*maggasiddhijhāna*) vẫn sanh lên trước khi xuất hiện tâm Tử (*cuticitta*).

Vị Thánh Tam Quả sanh về cõi Ngũ tịnh cư (*Suddhāvāsa*) là do chúng đắc Ngũ thiên, nhưng cũng có những vị sanh vào cõi Quảng Quả (*vehapphalabhumi*) là do ý muốn, hay do năm quyền yếu (cả năm quyền không có quyền nào vượt trội).

3-Lộ hiện Thông.

Lộ hiện Thông với lộ nhập thiên Diệt đều không có ở cõi Vô sắc.

Đối với lộ hiện Thông là hiển nhiên vì cõi Vô sắc không có đề mục *Kasina*.

Riêng lộ nhập thiên Diệt cũng không, các Ngài bảo rằng “*vì ở cõi Vô sắc không có sắc ý vật hay nhục thân*”.

Mặt khác, muốn nhập Thiên Diệt vị Thánh phải đi từ Sơ thiên cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ thiên, cõi Vô Sắc không thể có thiên Sắc giới. Ngay chính tại cõi Vô sắc, tầng thiên Vô sắc thấp không có ở cõi thiên cao.

Nói về lộ hiện Thông, thông thường hành giả phải tu tập đến thiên Phi tướng phi phi tướng xứ rồi mới quay lại Ngũ thiên Sắc giới tu tập Thần thông (*iddhipāda*), cũng có trường hợp Hành giả đắc Ngũ thiên Sắc giới tu tập ngay thần thông vẫn thành tựu, vì trong quá khứ đã từng tu tiến thành tựu thông lực rồi.

Có trường hợp, do phước độ trong quá khứ tích lũy, khi tâm Đạo sanh lên thì thần thông cũng sanh lên, gọi là “Thông

đồng sanh với Đạo” (*abhiññāsahagatamagga*), như trường hợp Ngài *Cūla Panthaka* chẳng hạn.

Nên ghi nhận rằng: Thiên đồng sanh với Đạo hay Thông đồng sanh với Đạo chỉ có cho bậc A-la-hán mà thôi, vì khi đó Giới - Định - Tuệ của các Ngài đã viên mãn, nếu Định quyền mạnh thì thiên đồng sanh, nếu Tuệ mạnh thì Thông đồng sanh.

Có câu hỏi rằng: khi thực hiện được Thông lục, có liên hệ đến 4 tầng thiên thấp không?

Điều này phải có. Trong Vô ngại giải đạo (*paṭisambhidāmagga*) có ghi rằng : “Cái gì là cận hành của thần thông? Đó là Sơ thiên phát sanh do viễn ly, Nhị thiên là lãnh vực của hỷ - lạc, Tam thiên là lãnh vực của xả - lạc, Tứ thiên là lãnh vực của phi khổ phi lạc”.

Như vậy, sơ nhị, tam và tứ thiên (thiên năm bậc) là cận hành của lộ hiện Thông và lộ thiên Cơ là lộ Thuận thứ cho lộ hiện Thông.

Lộ thiên Cơ (*pāḍakajhāna*) khác với lộ Ngũ thiên (*pañcamajhāna*) ở điểm: Lộ Ngũ thiên nhận cảnh là Quang tướng chế định, trong khi lộ thiên Cơ hay lộ hiện Thông nhận cảnh danh pháp thực tính.

Và tâm Thông (*abhiññācitta*) chính là tâm Ngũ thiên nhận cảnh danh pháp.

4-Lộ nhập thiên Diệt.

a- Vì sao vị Sơ quả và Nhị quả gọi là bậc có Định chưa viên mãn?

- Vì hai bậc này chưa diệt trừ được Tham dục.

Vị Thánh Tam Quả và Tứ Quả muốn an trú trong thiên Diệt, vị ấy phải làm chủ được 2 lực là: Chi lực và Quán lực.

Gọi là lực (*bala*) vì có ý nghĩa là không rung động: Sơ thiên không dao động bởi năm triền cái nên gọi là Chi lực, nhị thiên tâm không rung động bởi tâm - tứ nên gọi là Chi lực. . . Do quán Vô thường, tuệ không bị rung động bởi Thường tướng, nên gọi là Quán lực. Do quán khổ nên không bị dao động bởi Lạc tướng, nên gọi là Quán lực, do quán Vô ngã nên không bị dao động bởi Ngã tướng, nên gọi là Quán lực.....

Vị Thánh an trú trong thiền Diệt phải làm chủ được hai loại lực này.

Nên ghi nhận rằng: Vị A-la-hán lạc quán hay vị A-na-hàm lạc quán không làm chủ được Chi lực, nhưng về Quán lực các Ngài đã thành tựu viên mãn.

Trong bốn điều làm trước (*pubbakicca*), ở cõi nhân loại của vị Thánh nhập thiền Diệt, nếu các Ngài chỉ thực hiện điều thứ tư là quan sát tuổi thọ, các vật dụng liên hệ của các Ngài vẫn không bị hư hại, nhưng các vật dụng khác ngoài ra có thể bị hư hoại, như Trưởng lão *Mahānāga* gặp phải,

Được nghe rằng: Trưởng lão đi vào làng của mẫu thân để khát thực. Mẹ Ngài cung thỉnh Ngài ngồi vào phòng ăn cúng dường cháo, khi dùng cháo xong, Trưởng lão nhập vào định Diệt. Bỗng nhiên phòng bị cháy, chư Tỳ-kheo cầm lấy tọa cụ của mình đi ra ngoài.

Dân làng tập trung lại để chữa cháy thấy Ngài vẫn ngồi im bất động, nói rằng: "Vị sa môn này lười quá".

Khi chữa cháy xong, thấy Ngài vẫn ngồi yên lặng, y bát không hề suy suyển, dân làng cung kính đứng chấp tay đánh lễ, mang bông hoa đến cúng dường.

Trưởng lão xuất định theo thời gian đã ấn định, nhìn thấy như thế nghĩ rằng: "Ôi ! Họ đã biết ta rồi", Ngài liền bay lên hư không đi đến đảo *Piyanagu*.

Mặt khác, nếu như vị Thánh ở cõi nhân loại, sau khi xuất khỏi thiên Vô sở hữu xứ, không làm bốn điều làm trước (chủ yếu là quán tuối thọ), khi nhập thiên Phi tướng phi phi tướng xứ đôi khi không đến định Diệt, lại tự an trú vào thiên Vô sở hữu xứ.

Ngài *Buddhaghosa* có cho một ví dụ như sau: Có 1 người chưa đi đến 1 hang động đầy nước, nhưng biết được con đường dẫn đến hang động đó. Người ấy không sắp xếp gọng gàng y phục, khi đến hang động, vì sợ ướt y phục nên trở lại bờ đứng. Như thế nào, cũng vậy, Vị Thánh muốn nhập định Diệt, vì không làm tiền phạm sự (*pubbakicca*), khi nhập vào Phi tướng phi phi tướng xứ thiên, sẽ trở lại an trú trong thiên Vô sở hữu xứ. Vì sao thế? Vì Chỉ lực chưa đủ sức mạnh.

Có lời hỏi rằng: Người chết và người nhập định Diệt khác nhau ra sao?

Trong *Mahāṭikā* có giải rằng: Người chết và vị nhập định Diệt, cả ba hành (thân hành, ngữ hành và tâm hành) đều tịnh chỉ. Nhưng người chết thì tuổi thọ dứt, hơi nóng diệt, các căn quyền (như mắt, tai, mũi . . .) bị hoại, trái lại vị nhập định Diệt thì tuổi thọ, hơi nóng và các căn quyền vẫn còn.

b- Vì sao khi xuất định Diệt lại là 1 trong 2 Thánh quả sanh khởi mà không có loại tâm nào khác?

Là do tác ý trước đây của vị Thánh Tam Quả hay Tứ Quả. Tức là các Ngài muốn an hưởng Vô dư Níp-bàn tạm thời, nên khi xuất khỏi định Diệt, tâm cũng hướng về Níp-bàn giới, do đó tâm Quả Siêu Thế sanh khởi trước tiên.

Như Trưởng lão Ni *Dhammadinnā* dạy rằng: “Này hiền giả *Visākha*, vị Tỳ-kheo khi xuất khỏi định Diệt, tâm vị ấy thiên về viễn ly....”

(*Trung Bộ Kinh*).

c- Định Diệt là hữu vi hay vô vi? Là hiệp thế hay Siêu thế?

Nên biết rằng: Pháp nào có đặc tánh chơn để rõ ràng đó là pháp hữu vi (*saṅkhāra* hay *saṅkhata*) hoặc vô vi (*asaṅkhāra* hay *asaṅkhata*).

Riêng thiên Diệt không có đặc tánh chơn để như thế, nói hữu vi hay vô vi đều không được, cũng không xếp vào hiệp thế hay Siêu thế, vì không có tự tánh riêng.

Nhưng nếu nói theo tính cách thành tựu (*nipphanna*) hay phi thành tựu (*anipphanna*) thì thiên Diệt được xem là pháp thành tựu, vì vị Thánh muốn nhập định Diệt phải tu tiến thành tựu 2 lực là Chí lực và Quán lực theo tuần tự mới có thể nhập định Diệt.

Trong bộ Thanh Tịnh Đạo phần Tuệ, Ngài *Buddhaghosa* có giải rằng: “*Thiên Diệt là hữu vi hay vô vi, là hiệp thế hay siêu thế đều không được, vì không có đặc tướng chơn để. Nhưng vị Thánh nhập được Thiên Diệt phải tu tiến nhiều về Chí lực và Quán lực, nên Thiên Diệt được gọi là nipphannadhamma (pháp thành tựu) không phải là anipphannadhamma (pháp phi thành tựu)*”.

d- Vì sao vị thánh nhập định Diệt ở cõi dục có 7 ngày ?

Đức Thế Tôn có thuyết rằng: “*Tất cả chúng sanh duy tồn do vật thực. Một bữa ăn có thể duy trì mạng sống 7 ngày*”. (*Tương ưng kinh*).

Vì thế, ở cõi Dục chỉ nhập được thiên Diệt 7 ngày, đây là nói về cõi người, riêng chư Thiên dục giới khó có cơ hội nhập định Diệt vì có quá nhiều thiên dục nên không tìm được sự an tịnh.

Đối với vị Thánh Phạm thiên nhập định Diệt bao lâu cũng được, nhưng khi gần mệnh chung, phải xuất thiên Diệt

sau đó mới chết, vì không có trường hợp mệnh chung trong lúc nhập định Diệt .

e- Khi nhập định Diệt, tâm không sanh, cảnh không có, vì sao gọi là an lạc ?

Vị Thánh an trú trong định Diệt là muốn tạm thời buông bỏ danh sắc.

Lẽ thường bậc Bất Lai và bậc Vô Lậu hằng nhằm chán danh sắc có trạng thái sanh diệt. Việc phải mang danh sắc này là một gánh nặng trên vai trong thời gian dài đã qua, nay vị ấy muốn tạm thời đặt gánh nặng xuống, muốn tạm ngưng sự tạo tác của danh sắc trong khoảng thời gian nào đó, tức là tạm thời xa lánh sự nguy hiểm để có sự an lạc trong chốc lát. Ví như người đi đường xa mệt nhọc với gánh nặng trên vai, nay tạm đặt gánh nặng xuống để có được sự an lạc.

CHƯƠNG IV

BÀI 21

TÂM LỘ CẬN TỬ (*Maraṇāsannacittavīthi*)

I. ĐỊNH NGHĨA

Maraṇāsanna là hợp từ của *Maraṇa* là chết và *āsanna* là gần.

Lộ tâm cận tử là tiến trình sinh diệt của tâm thức khi sắp kết thúc một cuộc sống.

II. Ý NGHĨA SỰ CHẾT

Chết ở đây là tạm thời chuyển từ một ngũ uẩn này sang một ngũ uẩn khác, nghĩa là còn tái sinh trong Tam giới.

Trái lại sự CHẾT VĨNH HẰNG là sự viên tịch (*parinibāna*) của vị Thánh Vô lậu (Đức Chánh Giác, Đức Độc Giác và Đức A-la-hán), tức là không còn sanh trở lại trong tam giới.

Chết là sự diệt tận Mạng quyền (*jīvitindriya*), hơi nóng (*usuṇa* đồng nghĩa với *tejodhātu*) và tâm thức (*viññāṇa*), tức là cả ba pháp này đều hoại.

Sự chết (*cuti*) khởi lên do một trong bốn nguyên nhân: Do tuổi thọ hết (*āyukkhaya*), do nghiệp diệt (*kammakkhaya*), do cả hai cùng diệt và do bị đoạn nghiệp (*upacchedakamma*).

Như *Pāli* có dẫn giải:

Āyukkhayena kammakkhayena ubhayakkhayena upacchedakkammunā ceti catudhā maraṇuppatti nāma.

“Chết có bốn nhân: Thọ diệt, nghiệp diệt, cả hai diệt và sát nghiệp”.

Thọ diệt (*āyukkhaya*) là sao ?

Như người chết vì tuổi già, hay như vị chư Thiên cõi Đạo Lợi, với tuổi thọ là 36 triệu năm tính theo cõi người, tuy còn phước nhưng chết vì hết tuổi thọ.

Nghiệp diệt (*kammakkhaya*) là sao? .

Là tuy còn tuổi thọ, nhưng phước đã hết nên chúng sanh này chết đi.

Như trong thời chúng sanh có tuổi thọ là 100 tuổi, chúng sanh này vì thiếu phước nên sống trong cảnh đói khổ, vất vả và chết trước tuổi thọ,

Nên hiểu rằng: Khi tái sanh năng lực Tư tâm sở (*cetanācetasika*) là Sanh nghiệp rất mạnh, tạo danh uẩn cùng sắc uẩn mới, khi Sanh nghiệp bị tàn diệt (phước sanh làm người hoặc chư Thiên đã hết), năng lực Tư tâm sở của Sanh nghiệp trở nên yếu ớt, đình chỉ mọi hoạt động của danh sắc. Tuy còn tuổi thọ nhưng chúng sanh này chết đi.

Hoặc như vị chư Thiên do tham dục nên mệnh chung trong khi còn tuổi thọ.

Cả hai diệt (*ubhayakkhaya*) là sao?

Một người sinh ra vào thời có tuổi thọ là 80 chẳng hạn, khi tròn đủ 80 tuổi bấy giờ Sanh nghiệp cũng vừa diệt, người

này mệnh chung. Đây là sự chết do tuổi thọ diệt và Sanh nghiệp diệt.

Do Sát nghiệp (*upacchedakakamma*)

Là có một loại ác trọng nghiệp cắt đứt mạng sống thành linh, đoạn tận sanh nghiệp của người đó, ví như mũi tên đang lao về phía trước, bỗng có một trận gió mạnh nổi lên có sức mạnh chặn đứng mũi tên, làm mũi tên rơi xuống đất. Cũng vậy, sức mạnh của một ác nghiệp nào trở sanh, cắt đứt đi Sanh nghiệp khiến hữu tình ấy bị chết. Như thanh niên *Nanda* hay nàng *Ciñcā* chẳng hạn.

Ba cách chết trên gọi là chết hợp thời (*kālamaraṇa*), còn chết do Sát nghiệp gọi là chết phi thời (*akālamaraṇa*).

Ví như cây đèn tắt do một trong bốn nhân: Do hết tim, do hết dầu, do hết cả hai hay do bất ngờ gió thổi mạnh tắt. Sự chết của chúng sanh cũng do bốn nhân như vậy.

III- PHÂN TÍCH.

Sự chết có hai phương thức: Từ còn tục sinh và Viên tịch.

Như thế chúng ta có hai loại tâm lộ cận tử là: lộ cận tử còn tục sinh và lộ Viên tịch.

Lộ cận tử còn Tục sinh có hai mô thức là lộ Ngũ môn cận tử và lộ Ý môn cận tử.

Riêng lộ Viên Tịch chỉ khởi lên qua ý môn mà thôi.

Tuy nhiên đối với các vị Thánh A-la-hán tùy theo tác ý mà khởi lên theo hai cách: Viên tịch thông thường và Viên tịch đặc biệt.

Đối với tâm lộ cận tử còn tục sinh, khi tâm Tục sinh sanh lên sẽ nhận một trong ba cảnh: cảnh nghiệp, cảnh nghiệp tướng và cảnh sanh thú tướng.

Đây là 3 loại cảnh đặc biệt chỉ xuất hiện rõ ràng trong lúc cận tử, tạo duyên cho tâm Tục sinh (*paṭisandhivīñṇāna*) sanh khởi, bắt đầu một kiếp sống mới, đồng thời cũng là cảnh Chủ cho tâm hữu phần ở kiếp sống ấy.

IV- LÝ GIẢI BA CẢNH THỜI CẬN TỬ.

Ở thời Cận tử do sức mạnh của nghiệp, một trong ba cảnh sau đây sẽ khởi lên ở một trong sáu môn đó là:

1. Cảnh nghiệp (*kammārammaṇa*)

Người sắp lâm chung, một nghiệp thiện hay nghiệp bất thiện nào đó khởi lên cho người ấy. Nghiệp này có thể là một trọng nghiệp (*garuka kamma*) như thiên (*jhāna*) hay năm tội đại nghịch: giết cha, giết mẹ. . . Những trọng nghiệp này rất mạnh, lấn át tất cả mọi loại nghiệp khác để hiện khởi thành cảnh rõ rệt cho tâm vào thời điểm cận tử.

Nếu không có trọng nghiệp, một loại nghiệp khác khởi lên, nghiệp này có thể ở kiếp quá khứ, hoặc trong kiếp hiện tại.

Nếu trong kiếp hiện tại là nghiệp thường làm , gọi là Thường nghiệp (*āciṇṇakamma*). Nghiệp này trở thành cảnh cho tâm trong lúc lâm chung.

2. Cảnh nghiệp tướng.

Là những vật có liên quan đến nghiệp đã tạo.

Những vật này có thể là sắc, thính, hương, vị, xúc mà chúng sanh ấy đã dùng đến khi tạo nghiệp, như con dao đối với người đồ tể, bệnh nhân đối với vị lương y, hương hoa đối với người Phật tử giàu đức tin . . .

3. Cảnh sanh thú Tướng.

Gatinimitta là dấu hiệu của cảnh giới, nơi mà người sắp chết sẽ tái sanh vào.

Những dấu hiệu này có thể là lửa địa ngục, rừng, núi, thai bào người mẹ, cung điện của Đức Vua hay vườn hoa trên Thiên giới . . .

Đã là dấu hiệu của cảnh giới thì chúng sanh không hoàn toàn bị lệ thuộc, tuy *gatinimitta* là dấu hiệu xấu, nhưng người ấy kịp thời chuyển đổi tâm bất thiện thành tâm thiện, có thể thoát khỏi sanh thú xấu.

Như trường hợp một bà lão, thời bình nhật có dâng đến vị Tỳ-kheo bộ y vàng, khi sắp lâm chung bà thấy *gatinimitta* là lửa địa ngục, màu lửa giống màu y vàng mà bà đã cúng dường, một thiện tâm hỷ thọ khởi lên ngay thời điểm ấy, trở thành một cận tử nghiệp tốt đẹp, đưa bà sanh về Thiên giới.

Cảnh nghiệp hiện khởi trong ý môn, cảnh Nghiệp tướng thì khởi lên qua sáu môn tùy theo trường hợp, như người sắp lâm chung chợt thấy chư Tăng, hay nghe tiếng tụng Kinh, hoặc ngửi được mùi hương của loại hoa thường cúng dường Tam bảo . . .

Riêng về cảnh Sanh thú tướng chỉ khởi lên dưới hình thức chiêm bao, nghĩa là lúc chúng sanh ấy ở vào trạng thái hôn mê. Và cảnh Sanh thú tướng luôn luôn là sắc tướng.

Nói cách khác, khi tâm thức đã muội lược, nghiệp hay nghiệp tướng không có khả năng làm cảnh cho tâm, bấy giờ cảnh Sanh thú tướng sẽ sanh lên.

BÀI 22**LỘ CẬN TỬ THÔNG THƯỜNG****I. ĐỊNH NGHĨA**

Lộ cận tử thông thường là lộ tâm khởi lên cho người sắp mệnh chung còn Tục sinh, theo cách thức phổ biến cho mọi chúng sanh.

II. PHÂN TÍCH

Tâm lộ cận tử thông thường có hai phương thức:

- Lộ cận tử khởi lên qua năm môn, gọi là lộ ngũ môn cận tử.
- Lộ cận tử khởi lên qua ý môn, gọi là lộ Ý môn cận tử.

A- LỘ NGŨ MÔN CẬN TỬ

(*Pañcadvāramaraṇāsannavīthi*)

1. Mô thức

Khi năm cảnh xuyên qua ngũ môn đối với người sắp mệnh chung, làm khởi sanh cảnh Nghiệp tướng, tạo điều kiện cho tâm Tục sinh sanh lên, khởi đầu một kiếp sống mới, lộ tâm khởi lên trong điều kiện như thế gọi là lộ ngũ môn cận tử.

Lộ ngũ môn cận tử có bốn trường hợp:

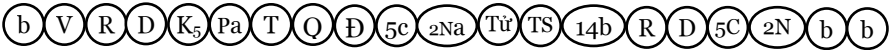
- Đồng lực, Na cảnh, hữu phần và Tử tâm (*cuticitta*).
- Đồng lực, Na cảnh và Tử tâm.

- Đồng lực, hữu phần và Tử tâm.
- Đồng lực và Tử tâm.

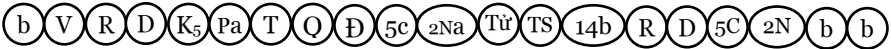
Mỗi môn có bốn trường hợp, như vậy có tất cả là 20 tâm lộ cận tử (4 lộ x 5 môn).

2. Biểu đồ

a-Đồng lực, Na cảnh, hữu phần và tử tâm



b-Đồng lực, Na cảnh và Tử tâm



Ký hiệu:

Pa: *Pañcaviññāṇa* (năm thức).

Đ: *manodvāravajjana* (Đoán định hay phán đoán) là tâm Hướng ý môn.

TS: *paṭisandhiviññāṇa* (Thức tục sinh).

Tử: *Cuticitta* (tâm tử).

Hai tâm lộ này có được:

- Sát-na: 12 sát-na tâm khách.
- Thứ tâm: 45 thứ tâm khách (54 tâm Dục giới trừ 9 đồng lực đại Hạnh).
- Chặng: 7 chặng tâm khách.
- Người: 6 hạng người (trừ người Tam quả và Tứ quả).
- Cõi: 11 cõi Dục giới.

c-Đồng lực, hữu phần và Tử tâm.

(bh) (V) (R) (D) (K₅) (Pa) (T) (Q) (Đ) (5c) (bh) (Tứ) (TS) (14b) (R) (D) (K) (5c) (bh) (bh)

d- Đồng lực và Tứ tâm.

(bh) (V) (R) (D) (K₅) (Pa) (T) (Q) (Đ) (5c) (Tứ) (TS) (14b) (R) (D) (K) (5c) (bh) (bh)

Hai lộ này có được:

- Sát-na: 10 sát-na tâm khách.
- Thứ tâm: 37 thứ tâm khách.
- Chặng: 6 chặng tâm khách.
- Người: 6 hạng người (trừ Tam Quả và Tứ quả).
- Cõi: lộ nhãn môn, lộ nhĩ môn có trong 26 cõi ngũ uẩn. Lộ tỷ môn, lộ thiệt môn và lộ thân môn có trong 11 cõi Dục.

3- Biện giải.

Hai lộ cận tử không có sát-na Na cảnh có được 37 tâm khách là lấy 54 tâm Dục giới trừ đi 9 đồng lực Hạnh Dục giới, trừ thêm 8 đại quả.

Bậc Thánh Tam Quả do diệt trừ được tham dục, đồng thời khi sắp lâm chung các Ngài hướng về các pháp đã chứng đắc như thiên hoặc quả Siêu thế, nên năm trần cảnh không thể xâm nhập vào dòng ý thức của các Ngài, khi mệnh chung các Ngài sẽ sanh về cõi Thiên đã chứng đạt hay sanh về cõi Tịnh cư (*suddhāvāsa*), hoặc sanh về cõi Sơ thiên (bậc Tam quả lạc quán).

Vị Thánh Tứ quả khi sắp lâm chung, Ngài hướng về sự Viên tịch (*parinibbāna*) và điều này cũng chỉ khởi lên trong ý môn chứ không thể qua năm môn được.

Nên tâm lộ ngũ môn cận tử không có đối với hai bậc Thánh trên.

Đối với phàm nhân, Thánh Sơ Quả, Thánh Nhị Quả vì chưa sát tuyệt được tham dục, do đó các trần cảnh còn chi phối tâm các Ngài và chúng có thể hiện khởi qua năm môn trong thời cận tử.

Vị Thánh Tam quả Lạc quán, tuy không chứng đạt thiền Chi Tịnh, nhưng khi sắp xuất hiện tâm Tử thì tâm *Maggasiddhijhāna* (tâm thiền sanh từ Đạo) sanh lên cho vị ấy (tâm này chỉ có riêng cho vị Tam quả Lạc quán vào thời điểm cận tử, tâm này phát sanh lên do năng lực sát tuyệt tham dục của Đạo thứ ba), rồi Tử tâm xuất hiện vị ấy tái sanh về cõi Sơ thiền (*pathamajhānabhūmi*).

B- LỘ Ý MÔN CẬN TỬ

(*manodvāramaraṇāsannavīthi*).

1. Mô thức.

Tương tự như lộ ngũ môn cận tử, lộ ý môn cận tử cũng có 4 trường hợp:

- Đồng lực, Na cảnh, hữu phần và Tử tâm.
- Đồng lực, Na cảnh và Tử tâm.
- Đồng lực, hữu phần và Tử tâm.
- Đồng lực và Tử tâm.

Như vậy có 4 lộ ý môn cận tử căn bản.

2- Biểu đồ.

a) Đồng lực, Na cảnh, hữu phần và Tử tâm.

(bh) (R) (D) (Ky) (5C) (2Na) (bh) (Tử) (TS) (14b) (R) (D) (5C) (2Na) (bh) (bh)

b) Đồng lực, Na cảnh và Tử tâm.

(bh) (R) (D) (Ky) (5C) (2Na) (Tử) (TS) (14b) (R) (D) (5C) (2Na) (bh) (bh)

Hai lộ này có được:

- Sát-na: 8 sát-na tâm khách (sát-na Hướng ý môn, 5 sát-na đồng lực, 2 sát-na Na cảnh)
- Thứ tâm: 32 thứ tâm khách (20 đồng lực Dục giới (trừ 9 tâm Hạnh) + 11 tâm Na cảnh + tâm Hướng ý môn)
- Chặng: 3 chặng (khai môn, đồng lực và Na cảnh)
- Người: 7 hạng người (4 phàm và 3 quả Hữu học).
- Cõi: 11 cõi Dục giới.

c) *Đồng lực, hữu phần và Tử tâm.*



d) *Đồng lực và Tử tâm.*



Hai lộ này có được:

- Sát-na: 6 sát-na tâm khách (sát-na Hướng ý môn, 5 sát-na đồng lực).
- Thứ tâm: 21 thứ tâm khách (Hướng ý môn và 20 đồng lực Dục giới (trừ 9 đồng lực Hạnh Dục giới),
- Chặng: 2 chặng (khai môn và đồng lực)
- Người: 7 hạng người (trừ bậc Tứ quả)
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

2. Biện giải

Trong lộ cận tử ngũ môn và lộ cận tử ý môn, đúng ra cũng có sát-na hữu phần Khách, nhưng không cần thiết phải nêu ra.

a) Vì sao có xen hữu phần rồi đến Tử tâm?

Đời sống chúng sanh được duy trì bởi danh mạng quyền (*jīvitindriyanāma*) và sắc mạng quyền (*jīvitindriyarūpa*), hai loại mạng quyền này gọi chung là **jīvitindriya** .

Khi tuổi thọ diệt thì hai loại mạng quyền cùng diệt, nói cách khác khi Sanh nghiệp diệt thì hai loại mạng quyền trên cùng diệt.

Sắc mạng quyền là loại sắc do nghiệp tạo, sắc nghiệp (*kammajarūpa*) gồm có 9 đoàn: Đoàn nhãn, đoàn nhĩ, đoàn tỷ, đoàn thiệt, đoàn thân, đoàn ý vật, đoàn nam tính, đoàn nữ tính, đoàn mạng quyền, 8 đoàn kia (ngoại trừ đoàn mạng quyền) bị hoại, chúng sanh vẫn tồn tại, nhưng khi đoàn mạng quyền diệt thì chúng sanh ấy chết.

Theo quy luật, khi tâm Tử diệt bấy giờ sắc mạng quyền cũng phải diệt.

Đời sống sắc mạng quyền dài hơn đời sống tâm pháp 17 lần, do đó khi Sanh nghiệp bắt đầu muội lược, không còn khả năng trợ sanh cho sắc mạng quyền, sắc mạng quyền cứ mỗi sát-na tiểu diệt đi một đoàn mà không sanh, cho đến khi Tử tâm xuất hiện, chúng chỉ còn ba đoàn và diệt đồng thời với tâm Tử.

Như vậy, kể từ tâm Tử trở về trước 17 sát-na (kể luôn tâm Tử) thì sắc mạng quyền phải diệt mà không sanh. Khi sát-na đồng lực thứ năm (hay sát-na Na cảnh thứ hai) diệt mà sắc mạng quyền còn đến 6 bợn, bấy giờ một hữu phần cơ bản sanh khởi giúp cho danh mạng quyền kéo dài tuổi thọ thêm 3 sát-na tiểu để cùng với sắc mạng quyền đồng diệt với tâm Tử.

Vào sát-na đồng lực thứ 5 hay sát-na Na cảnh thứ 2, sắc mạng quyền chỉ còn ba bợn, thì sát-na hữu phần cơ bản không cần phải sanh lên.

b) Tâm Tử là loại tâm nào?

Tâm Tử chính là loại tâm hữu phần cơ bản, sanh lên lần cuối cùng rồi chấm dứt, nên gọi là tâm Tử.

Có quan điểm sai lầm cho rằng: Chính Tử tâm này là tâm Tục sanh trong kiếp kế đó.

Thật ra, Tử tâm chỉ là loại hữu phần cơ bản xuất hiện vào thời điểm cuối cùng của kiếp sống cũ, còn tâm Tục sinh là tâm khởi đầu kiếp sống mới, chúng chẳng liên quan gì nhau cả.

Điều rõ ràng nhất là : ba cảnh Chủ ở kiếp sống ấy với ba cảnh trong thời cận tử, thông thường chúng không giống nhau. Do đó, không thể bảo “tâm Tử ở kiếp này chính là tâm Tục sinh ở kiếp sau”.

Chính những sát-na đồng lực trong thời cận tử là yếu tố quyết định cho kiếp sống mới.

Khi tâm Tử diệt sự chết mới thật sự xảy ra, khi ấy 3 loại sắc: sắc tâm (*cittajarūpa*), sắc vật thực (*āhārajarūpa*) và sắc nghiệp (*kammajarūpa*), chậm lắm là sau 17 sát-na tâm sẽ diệt hoàn toàn. Riêng sắc âm dương (*utujarūpa*) vẫn tiếp tục sanh diệt cho đến khi thân xác trở thành cát bụi.

c) Đồng lực trong lộ cận tử.

Giai đoạn đồng lực trong thời điểm này vô cùng quan trọng, tuy chúng yếu ớt chỉ có 5 sát-na .

Chính vì yếu ớt nên chúng rất dễ chuyển đổi từ thiện sang bất thiện, hay từ bất thiện sang thiện như bà lão ở câu chuyện nêu phần trước. Tuy nhiên đây chỉ là những trường hợp đặc biệt ngoại lệ.

Đồng lực trong lộ cận tử có tầm quan trọng, vì nhiệm vụ chủ yếu của chúng là tạo duyên cho kiếp sống mới (*abhinavakaraṇa*) qua Thường nghiệp được tạo trử trong thời bình nhật.

Chúng ta hãy lấy hình ảnh người Phật tử nhiệt tâm, thường tạo phước với tâm có trí không có sự trợ giúp đồng sanh với thọ hỷ (tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ) để minh họa.

Khi sắp lâm chung một đối tượng tốt đẹp liên hệ với nghiệp tốt khởi lên qua 5 môn (cảnh nghiệp tướng) hay là một việc làm tốt đẹp thường ngày khởi lên qua ý môn (cảnh nghiệp), bấy giờ luồng đồng lực sanh khởi là tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ khởi lên một cách tự nhiên vì khi ấy triều tâm yếu ớt, nó không có khả năng chọn lựa, suy xét như trong thời bình nhật.

Vua *Duṭṭhagāmini* xứ Tích Lan, thường đặt bát cho chư Tăng trước khi dùng bữa, chính loại Thường nghiệp này trở sanh lúc vua sắp băng hà, giúp Đức vua tái sanh về cõi Đâu suất (*Tusita*).

Còn loại ác thường nghiệp được tạo bằng đồng lực bất thiện, vào lúc cận tử đồng lực bất thiện này cũng khởi lên một cách máy móc, để đưa chúng sanh ấy rơi xuống khổ cảnh.

Sự “trôi dạt” của loại Thường nghiệp, tạo điều kiện cho sanh thú tốt hay xấu trong thời cận tử, nên luồng đồng lực trong lộ cận tử vô cùng quan trọng.

Nên ghi nhận rằng: Lộ cận tử này chẳng phải là một lộ, mà trải qua hàng trăm hàng ngàn lộ, lộ cận tử cuối cùng xuất hiện Từ tâm quyết định đến cảnh giới tái sanh của chúng sanh ấy.

d) Cận tử nghiệp là loại nghiệp nào?

Trước tiên nên hiểu khái lược về Nghiệp .

Chữ *Kamma* của *Pāli* hay chữ *Karma* của Phạn ngữ là “hành động hay việc làm”. Nói chính xác hơn, nghiệp là “**ý muốn làm**”.

Theo *Abhidhamma*, có 29 tâm tạo nghiệp cho quả khác thời gian (*vipāka*) đó là 12 tâm bất thiện, 8 tâm thiện dục giới và 9 tâm thiền thiện.

Các vị Thánh Vô lậu như Đức Phật, Phật Độc giác hay vị A-la-hán không còn tạo nghiệp để có hậu quả (*vipāka*), loại nghiệp mà các Ngài làm là nghiệp đồng sanh (*sahagatakamma*), tức là khi việc làm chấm dứt thì quả cũng chấm dứt, không lưu lại chủng tử cho quả về sau. Chỉ có bậc Thánh Hữu học và phàm nhân bị chi phối bởi nghiệp khác thời kỳ (*kammavipāka*).

Những tâm Siêu thế như tâm Đạo không được xem là *kammavipāka*, bởi vì loại tâm này có khuynh hướng tận diệt nghiệp.

Trong tâm Siêu thế, trí tuệ (*paññā*) là chủ yếu trái lại trong những tâm bất thiện hay thiện hợp thế thì *cetanā* (Tư tâm sở) là yếu tố chánh.

Nghiệp được phân tích theo ba khía cạnh: Sức mạnh, phạm sự và thời gian.

*** Nghiệp theo sức mạnh.**

Tùy theo sự cố ý (*cetanā*) trong tâm thiện hay tâm bất thiện mà sức mạnh của nghiệp mạnh yếu khác nhau. Có 4 loại nghiệp phân theo sức mạnh:

- Trọng nghiệp (*garukakamma*)

Là loại nghiệp nặng nhất, dù thiện hay bất thiện chắc chắn sẽ trở sanh quả trong hiện tại hoặc ngay trong kiếp kế.

Trọng nghiệp này, nếu là thiện thì thuộc về ý nghiệp như các tâm Thiên (*jhānacitta*), nếu là bất thiện thì đó là

năm tội đại nghịch: giết cha, giết mẹ, giết vị A-la-hán, phá hòa hợp Tăng và làm thân Phật chảy máu. Phạm vào 1 trong 5 điều trên là phạm vào Vô gián nghiệp (*ānantarakamma*), nhất định phải rơi vào địa ngục, như trong Nhị Đề Kinh có ghi “*Tất cả pháp tà cho quả nhất định*” là nói đến 5 ác trọng nghiệp này.

Một hành giả chứng đắc Thiên định, nhưng về sau tạo một nghiệp Vô gián. thiên định ấy bị hoại ngay, đồng thời y phải nhận lấy quả rơi vào địa ngục. Như Đề bà đạt đa (*Devadatta*) chứng đạt 5 Thông phạm, chỉ vì có ý nghĩ “Ta hãy là người lãnh đạo tăng chúng”, năm thần thông bị hoại tiêu, về sau lại phạm Vô gián nghiệp, mệnh chung rơi vào địa ngục Vô gián. Đức vua *Ajātasattu* (A Xà Thế) phạm vào tội giết cha, nên không thể chứng Sơ quả, mệnh chung rơi vào địa ngục Đồng sôi.

Có câu hỏi rằng: Một người không biết đó là cha, mẹ hay vị A-la-hán, giết chết những vị ấy có phạm Vô gián nghiệp không?

Vẫn phạm vào Vô Gián nghiệp, vì sao? Vì đó là những đối tượng bất khả xâm phạm, ví như chất độc cực mạnh, dù biết đó là chất độc hay không biết, uống vào vẫn chết như nhau.

Trong *Samantapasādikā* (Sớ giải về luật) có giải rằng: Một người đặt bẫy thú, chẳng may cha mẹ y rơi vào bẫy ấy chết, y phạm vào Vô gián nghiệp.

- **Cận Tử nghiệp** (*āsannakamma*).

Là nghiệp được tạo thành khi sắp mệnh chung. Vì nghiệp này rất quan trọng nên nhiều nghi thức được tổ chức giúp người sắp chết có được hay nhớ lại các nghiệp lành để tái sanh vào nhân cảnh (*sugati*).

- **Thường nghiệp** (*āciṇṇakamma*).

Còn gọi là Tập quán nghiệp, đây là nghiệp thường làm và thường nhớ đến khi sắp lâm chung.

Chính những hành động thường làm ấy trở thành một tập quán, tác thành cá tánh riêng cho mỗi chúng sanh. Điều này đã giải thích vì sao trong một gia đình đạo đức lại có người con hư hỏng, trái lại trong một gia tộc suy đồi lại có người lương thiện.

- **Tích lũy nghiệp** (*kaṭattākamma*).

Còn gọi là nghiệp Vô ý, tức là những loại nghiệp tạo ra trong lúc vô tình, hay những nghiệp nhỏ nhoi chút ít.

Loại nghiệp nhỏ nhoi này tích lũy lâu ngày cũng trở thành nhiều và có kết quả lớn.

Đức Phật dạy trong Pháp cú Kinh rằng:

*Pāpañ ce puriso kayirā
Na taṃ kayirā punappaṇaṃ
Na taṃhi chandaṃ kayirātha
Dukkho pāpassa uccayo.*

“ Nếu người kia làm điều ác, người ấy không nên lập đi lập lại, không nên thỏa thích trong việc ác, tích ác tức thọ khổ.”

(PC 117)

*Puññaṃ ce puriso kayirā.
Kayirāth' etaṃ punappaṇaṃ
Taṃhi chandaṃ kayirātha
Sukho puññaṃ uccayo.*

“Nếu người tạo phước báu, phải lập đi lập lại, phải thỏa thích trong điều thiện ấy, tích trữ nghiệp lành là hạnh phúc”

(PC 118)

Như vậy, loại cận tử nghiệp là: Khi tạo ra 1 trọng nghiệp thì vào lúc sắp lâm chung loại nghiệp này trở thành cảnh nghiệp cho chúng sanh ấy (hành giả đắc thiền mà không hoại thiền thì cảnh nghiệp này sanh khởi, nếu hoại thiền thì xem như trọng nghiệp này không trở quả).

Nếu không có loại trọng nghiệp thì khi ấy Tập Quán nghiệp sẽ tạo thành cảnh nghiệp hoặc cảnh nghiệp tương trong thời cận tử.

Nếu cả hai không có, bấy giờ nghiệp Tích lũy nghiệp sẽ đảm nhận vậy.

★ *Nghiệp trả quả theo phận sự.*

- **Sanh nghiệp** (*janakakamma*)

Khi tâm Từ vừa diệt, một thức Tục sinh sanh khởi, tạo một đời sống mới, tâm này là 1 loại tâm quả có từ tâm thiện hay tâm bất thiện, nghiệp tạo thành tâm Tục sinh ấy có tên gọi là **Sanh nghiệp** hay gọi là nghiệp Tái Tục.

Theo bản Sớ giải, nghiệp Tái tục là nghiệp tạo nên danh uẩn và sắc uẩn mới, khởi đầu một kiếp sống khác.

Ở cõi người, có ba đoàn sắc đồng sanh với thức Tục sinh sanh, gọi là sắc Tục sinh, đó là đoàn thân (*kāyadasaka*), đoàn tính (nam hay nữ) (*bhāvadasaka*) và đoàn ý vật (*vatthudasaka*).

Nếu ở cõi trời Dục giới hay 1 số chúng sanh đọa xứ (nga quý, A Tu La), đồng thời với thức Tục sinh thì các bợn sắc nghiệp đều sanh khởi (vì đây là những chúng sanh hóa sanh).

Ở cõi Phạm Thiên giới, đồng sanh với thức Tục sinh là 3 đoàn: Đoàn ý vật, đoàn nhãn và đoàn nhĩ.

Sanh nghiệp có mặt cả thời tục sinh lẫn thời bình nhật, nhưng quan trọng nhất là vào thời tục sinh.

Công tử Soreyya phạm lỗi với Ngài Mahā Kaccāyana, từ nam nhân chuyển thành nữ nhân, sau đó Công tử sám hối Trưởng lão thì thân nữ nhân lại trở thành nam nhân. Đây là Sanh nghiệp thời bình nhật.

- Trì nghiệp (*upatthambhakakamma*),

Còn gọi là nghiệp nuôi dưỡng, là loại nghiệp nối tiếp theo Sanh nghiệp, có phận sự cấp dưỡng, gìn giữ Sanh nghiệp cho đến khi mệnh chung.

Nếu Sanh nghiệp là thiện thì Trì nghiệp cũng là thiện, Trì nghiệp này làm cho Sanh nghiệp càng tốt đẹp thêm, trái lại nếu Sanh nghiệp là bất thiện thì Trì nghiệp cũng là bất thiện, sẽ làm cho Sanh nghiệp đã xấu càng xấu hơn.

- Chướng nghiệp (*upapīladakakamma*)

Nghiệp này trái lại với Trì nghiệp, nó có khuynh hướng làm giảm năng lực của Sanh nghiệp.

Một người sanh ra với Sanh nghiệp tốt, Chướng nghiệp xen vào, làm giảm sự tốt của Sanh nghiệp, khiến người ấy có thể bị đau đớn, bệnh hoạn. Hoặc một người sanh ra bởi Sanh nghiệp xấu, Chướng nghiệp xen vào khiến cho sự xấu ấy giảm thiểu.

Tóm lại, Chướng nghiệp là một loại nghiệp nghịch với loại nghiệp đang có, nó chen vào để trả quả, nếu nghiệp đang có là thiện thì Chướng nghiệp là bất thiện và ngược lại.

Điều này đã giải thích vì sao 1 người đang sung mãn tài sản, dần dần bị lụn bại và ngược lại.

- **Đoạn nghiệp** (*upaghātakakamma*).

Là nghiệp cắt đứt Sanh nghiệp.

Theo Định luật nghiệp báo, tiềm năng của Sanh nghiệp có thể bị tiêu diệt bởi một năng lực mạnh hơn. Nghiệp này có năng lực mạnh hơn Chướng nghiệp, chẳng những chống lại mà còn cắt đứt cả Sanh nghiệp.

Trường hợp Đê Bà Đạt Đa (*Devadatta*) là một minh chứng cho cả bốn loại nghiệp trên. Nhờ thiện Sanh nghiệp nên ông tái sinh vào dòng Hoàng tộc Thích Ca (*sakya*), Trì nghiệp là thiện nên ông sống đời sống Vương giả an lạc nơi cung điện, Chướng nghiệp xuất hiện là bất thiện nên khiến ông chịu bị nhục nhã, bị trục xuất ra khỏi Tăng đoàn. Và Đoạn nghiệp chấm dứt kiếp sống của ông một cách bi thảm.

* *Nghiệp trả quả theo thứ tự.*

- **Hiện nghiệp.**

Là loại nghiệp cho quả ngay trong kiếp sống hiện tại.

Theo *Abhidhamma* chính luồng đồng lực là tác năng quyết định trong việc nghiệp trả quả theo thứ tự thời gian.

Trong luồng đồng lực có 7 sát-na, thì sát-na đầu tiên tuy yếu nhất nhưng lại cho quả trong hiện tại.

Các Giáo thọ sư đã cho 1 ví dụ như sau: Trong một chuồng bò có những con bò mạnh, yếu khác nhau. Một con bò tuy yếu nhất nhưng lại đứng gần cửa chuồng, khi cửa chuồng mở thì nó xông ra trước tiên. Cũng vậy, tuy sát-na đồng lực thứ nhất yếu nhất nhưng là sát-na đầu tiên trong luồng đồng lực nên khi có duyên hội tụ để trở quả thì nó cho quả trước tiên ngay trong hiện kiếp ấy.

Hiện nghiệp được hiện khởi có hai loại: Từ 1 trong 7 ngày, tức là khi tạo nghiệp thì trong vòng 7 ngày sẽ trở quả, như trường hợp nông dân *Puṇṇa*, bà Hoàng *Mallikā*, Bà la

môn *Cūlekasātaka*, đây là những quả thiện. Còn quả ác xấu như thanh niên *Nanda*, nàng *Ciñcā*, Dạ xoa *Nanda* . . .

Các Ngài bảo rằng: Đối với quả thiện được trở sanh trong vòng 7 ngày, đó là do tâm thiện cao thượng có 3 nhân thù thắng (*tihetukamukkatṭha citta*). Đó là tâm thiện có trí đầy đủ ba Tư (*cetanā*)

Chữ *Ukkatṭha* là do U + với ngữ căn KAS, U là ở trên, ngữ căn KAS là kéo lên.

Đối tượng tạo phước là bậc đáng cúng dường, vật cúng dường phát sanh đúng pháp.

Một nghiệp thiện đầy đủ 3 pháp này, gọi là nghiệp cao thượng sẽ cho quả trong vòng 7 ngày, như bà *Mallikā* cúng dường bánh đậu đến Đức Phật, chiều hôm ấy được làm Hoàng Hậu của vua *Pasenadi* (*Ba Tư Nặc*).

Còn ác nghiệp trở quả trong vòng 7 ngày vì có ác tâm quá mạnh đối với bậc Thánh Vô Lậu có ân đức lớn.

Hiện nghiệp trở quả từ ngày thứ 8 trở đi là do thiện nghiệp được tạo bởi tâm thiện có ba nhân kém hơn (*tihetukamomakacitta*). Trường hợp kém hơn này có hai loại:

- Tuy tâm thiện có 3 nhân thiện, nhưng lại thiếu một trong ba Tư, hoặc đối tượng không trong sạch, hoặc vật cúng dường không phát sanh đúng pháp.

- Là tâm thiện Nhị nhân thù thắng.

Nếu trong hiện kiếp, Hiện nghiệp không trở quả thì sẽ trở thành Vô hiệu nghiệp (*ahosikamma*).

- **Sanh báo nghiệp** (*upapajjavedanīya kamma*).

Chập sát-na yếu ớt thứ 2 là sát-na đồng lực thứ 7, sẽ cho quả ở kiếp kế tiếp.

Nếu trong đời sau kế đó không trở quả được thì sẽ trở thành Vô hiệu nghiệp (*ahosikamma*).

- **Hậu báo nghiệp** (*aparāpariya vedanīya kamma*).

Năm sát-na đồng lực ở giữa sẽ cho quả bất kỳ lúc nào cho đến khi chứng đạt Vô dư Níp-bàn.

Không một ai, ngay cả Đức Chánh Đẳng Giác, khi còn Hữu dư Níp-bàn cũng không tránh khỏi loại nghiệp này.

- **Vô hiệu nghiệp** (*ahosikamma*).

Không có một loại nghiệp nào nhất định cho nghiệp này, gọi là Vô hiệu vì khi đến thời trở quả mà không trở quả được thì trở thành vô hiệu. Hoặc đã trả quả xong rồi, không còn cho quả nữa.

e) Vì sao lộ ý cận tử không có HPVQ?

Thông thường, trong lộ ý cận tử cảnh nghiệp, cảnh nghiệp tướng và cảnh thú tướng thuộc về danh pháp.

Sắc thành tựu hiện tại không có cơ hội làm cảnh trong lộ ý cận tử, chỉ có sắc ý vật có thể làm cảnh được mà thôi (Vật cảnh tiền sanh y duyên-*Vatthārammaṇapurejātanissaya paccaya*) nhưng trường hợp này không phổ thông, là trường hợp cá biệt ngoại lệ và khi ấy sẽ có HPVQ trong tâm lộ cận tử.

BÀI 23

TÂM LỘ TỤC SINH
(Paṭisandhiviññānavīthi)

I. ĐỊNH NGHĨA

Paṭisandhi là **nối liền**, tức là nối tiếp giữa kiếp sống cũ và kiếp sống mới.

Vào thời điểm tâm Tử diệt đi, một sát-na tâm mới sanh khởi nối liền giữa hai kiếp sống, thời điểm này gọi là **thời tục sinh**, tâm làm phận sự nối liền ấy có tên gọi là **thức Tục sinh**.

II. GIẢI VỀ TÂM LỘ TỤC SINH**1. Lộ tục sinh****Biểu đồ**

Sau khi tâm Tục sinh diệt đi trải qua 14 sát-na hữu phần, bảy giờ lộ tâm Khách đầu tiên sanh lên, gồm có Hương ý môn, 5 sát-na đồng lực, 2 sát-na Na cảnh rời dòng hữu phần lại sinh diệt trôi chảy.

Tại sao phải có 14 sát-na hữu phần?

Theo quy luật, Sanh nghiệp là nghiệp tạo tác danh uẩn và sắc uẩn. Danh uẩn có đủ sức mạnh mới có thể dung nạp, nhận lãnh cảnh mới.

Ở cõi năm uẩn, khi khởi đầu một kiếp sống, thời gian để danh uẩn vững mạnh phải trải qua 14 sát-na tâm, đồng thời khi ấy sắc ý vật (*hadayavathu*) cũng vững vàng.

Theo lộ sắc (*rūpavīthi*), khởi đầu tâm Tục sinh có đoàn ý vật sanh lên, cứ mỗi sát-na tiểu của tâm, sắc ý vật sanh lên 1 đoàn, đến sát-na tâm thứ 17 thì bình số là 51 đoàn. Như vậy phải trải qua 1 sát-na tâm Tục sinh, 16 sát-na tâm hữu phần, khi ấy sắc ý vật đã vững mạnh, giúp cho tâm nhận lãnh cảnh mới, làm sanh khởi lộ tâm khách đầu tiên trong cuộc sống mới.

Vì sao tâm đồng lực trong lộ Tục sinh chỉ có 5 sát-na? Tâm đồng lực đó là tâm gì?

Sở dĩ, đồng lực trong lộ Tục sinh chỉ có 5 sát-na, vì các danh uẩn vừa vững mạnh tuy lãnh nạp được cảnh mới nhưng không thể kéo dài thời gian lâu, ví như đứa bé vừa biết đi, tuy đi được nhưng không thể đi lâu

Và đồng lực trong lộ Tục sinh phải là tâm tham đồng sanh với hỷ thọ, nó sanh lên để làm phạm sự “ưa thích” với kiếp sống mới (*bhava-nikānti javana*), cho dù là Bồ Tát Chánh Đẳng Giác tái sanh trong kiếp chót, đồng lực này cũng phải là tâm tham, vì nó chịu ảnh hưởng từ tâm Tục sinh, tâm Tục sinh bị thúc đẩy bởi Vô minh tùy miên (*avijjānusaya*) và Ái tùy miên (*tanhānusaya*).

Chính Ái tùy miên tạo thành sanh hữu (*Jātibhava*) và nghiệp hữu (*kammabhava*), do đó đồng lực trong tâm lộ Tục Sinh chính là loại tâm tham để hòa nhập với kiếp sống mới.

Vì sao có tâm Na cảnh trong lộ Tục Sinh?

Trong cõi Dục giới, tất cả những tâm lộ Tục Sinh đều phát sanh Na cảnh vì ảnh hưởng của tâm tham đối với cảnh dục giới quá mạnh.

Còn ở cõi Sắc và Vô Sắc thì Na cảnh không xuất hiện, tuy đồng lực là tham nhưng nhiệm vụ chính của đồng lực trong lộ Tục Sinh là “bám” vào cõi mới, nếu sanh hữu thích hợp với nó, nó sẽ “bám cứng” do đó có Na cảnh, bằng không thì chỉ “bám” mà thôi.

Và cảnh trong lộ Tục Sinh này phải là cảnh cực rõ hoặc rõ.

2. Cảnh theo thời của tâm Tục sinh.

Dĩ nhiên tâm Tục sinh có cảnh là 1 trong 3 cảnh: Cảnh nghiệp, cảnh nghiệp tướng và cảnh Thú tướng, đây là do ảnh hưởng của đồng lực trong lộ cận tử, nhưng ba cảnh này được quy theo thời (kāla) như thế nào ?

Tùy theo sự hiện bày của cảnh, các vị Luận sư A-tỳ-đàm phân ra:

- Cảnh đã sinh, đã hiện bày nay trạng lại, gọi là *cảnh quá khứ*. Tức là vào thời điểm (kāla) hiện tại nhận lấy cảnh đã hiện bày được trạng lại, như người nhớ lại thời thơ ấu của mình.

- Cảnh đang sinh, đang hiện bày gọi là *cảnh hiện tại*. Tức là vào thời hiện tại nhận cảnh đang hiện bày, như đang giao tiếp với người chưa từng biết, chưa từng nghe...

- Cảnh sẽ sinh, sẽ hiện bày gọi là *cảnh vị lai*. Tức là vào thời hiện tại nhận cảnh vị lai, như đang mơ mộng đến một tương lai tốt đẹp.

Như vậy, cảnh nghiệp - cảnh nghiệp tướng có thể là cảnh quá khứ, có thể là cảnh hiện tại. Cảnh thú tướng có thể là cảnh hiện tại, có thể là cảnh “khó định” (navattabbārammaṇa) (*na* là không, *vattabba* là nói đến – navattabba là cảnh thiên tướng đưa tái sanh về cõi Đáo đại).

Chúng ta có những trường hợp như sau:

b- Từ nhân cảnh (*sugati*) tái sanh về khổ cảnh (*dugati*).

Từ nhân cảnh tái sanh về khổ cảnh chỉ có ở 7 cõi vui Dục giới, chư Phạm thiên ở cõi Sắc hay cõi Vô sắc, khi hết phước nếu có tái sanh về Dục giới, thấp nhất cũng là cõi người và là người tam nhân.

Một chúng sanh tạo ác nghiệp, khi vào lúc sắp lâm chung ác nghiệp hoặc ác nghiệp tướng bao quanh, xuất hiện ở ý môn. Lộ cận tử trong trường hợp này có 3 loại tâm khách là: Hướng ý môn, đồng lực bất thiện và Na cảnh, tiếp theo là Từ tâm sanh khởi rồi diệt. Tâm tục sinh sanh lên nhận lấy cảnh nghiệp hay Cảnh nghiệp tướng, trường hợp này cả Từ tâm lẫn thức Tái tục có cảnh là **cảnh quá khứ**.

Trường hợp tạo ác nghiệp, khi cận tử xuất hiện cảnh *dugatinimittārammāna* (khổ thú tướng), như lửa địa ngục . . . đi vào lãnh vực ý môn, lộ cận tử sanh khởi nhận cảnh khổ thú tướng với ba loại tâm khách: Hướng ý môn, 5 sát-na đồng lực bất thiện, 2 sát-na Na cảnh rồi Từ tâm. Như vậy cảnh này đã trải qua 11 sát-na tâm (kể cả 2 sát-na hữu phần Rúng động và hữu phần Dứt dòng). Kể đến thức Tục sinh sanh lên, cũng nhận cảnh Khổ thú tướng . Đây là trường hợp tâm Từ lẫn tâm Tục sinh có **cảnh hiện tại**.

Với trường hợp khác như sau, khi cảnh nghiệp tướng xuất hiện qua 5 môn, cảnh xấu này là nguyên nhân của tham dục, sân hận hiện vào 1 trong 5 môn, trải qua 16 sát-na tâm của lộ cận tử (3sát-na hữu phần, Hướng ngũ môn, 1 thức như Nhân thức chẳng hạn, 1 Tiếp thân, 1 Quan sát, 1 Đoán định, 5 đồng lực, 2 Na cảnh và 1 Từ tâm). Cảnh khi ấy còn tuổi thọ 1 sát-na tâm, tâm Tái tục sanh lên nhận lấy cảnh khổ nghiệp tướng này. Đây là Từ cảnh hiện tại, Tục sinh **cảnh hiện tại**.

Cũng trong trường hợp này, nếu có xen hữu phần rời Tử, thì Tử cảnh hiện tại, Tục sinh **cảnh quá khứ**.

b- Từ khổ cảnh sanh về khổ cảnh

Chúng sanh ở trong khổ cảnh, hoặc vì ác quả còn nặng, hoặc tích trữ nhiều ác nghiệp. Khi chết ở khổ cảnh lại phải tái sanh về khổ cảnh, như trường hợp thoát khỏi Địa ngục giới, nhưng do ác quả còn dư sót lại sanh về Ngạ quỷ giới hay như con cá vàng Aciravati (hậu thân của Tỳ-kheo Kapila) sau khi chết lại rơi xuống địa ngục

Nếu là cảnh nghiệp, cảnh nghiệp tướng, xuất hiện ở ý môn trong thời cận tử, chúng sanh này Tử cảnh quá khứ, Tục sinh cảnh quá khứ.

Nếu cảnh nghiệp tướng xuất hiện ở 1 trong 5 môn của lộ cận tử thì sẽ Tử cảnh hiện tại Tục sinh cảnh hiện tại (hay Tục sinh cảnh quá khứ nếu cảnh đồng diệt với tâm Tử).

Nếu cảnh Thú tướng xuất hiện ở ý môn của lộ cận tử, sẽ Tử cảnh hiện tại, Tục sinh cảnh hiện tại.

c- Từ khổ cảnh sanh về nhàn cảnh

Với 1 chúng sanh đang ở khổ cảnh (như súc sanh chẳng hạn) đã tích lũy những nghiệp vô tội, thì thiện nghiệp hoặc thiện nghiệp tướng hay thiện thú tướng (*sugatinimitta*) làm cảnh trong lộ cận tử cho chúng sanh ấy, tương tự như mô thức đã giải ở trên, chỉ khác cảnh nghiệp, cảnh nghiệp tướng và cảnh thú tướng tốt đẹp và đồng lực trong lộ cận tử là thiện Dục giới.

c- Từ nhàn cảnh sanh về nhàn cảnh.

Ở đây, nên ghi nhận có 2 loại thiện nghiệp được tích trữ: thiện nghiệp Dục giới và thiện nghiệp Đáo Đại (tức là loại nghiệp cho quả Tục sinh về cõi Sắc hay cõi Vô sắc).

Đối với người tích lũy thiện nghiệp Dục giới, khi cận tử có thể có 1 trong 3 cảnh: Cảnh nghiệp, cảnh nghiệp tướng và cảnh thú tướng.

Riêng chúng sanh tích lũy thiện nghiệp Đáo Đại thì chỉ có 1 cảnh trong thời cận tử, đó là cảnh Nghiệp tướng mà thôi.

*** Người có thiện nghiệp Dục giới**

- Khi sắp lâm chung, nếu có cảnh là cảnh nghiệp hoặc cảnh Nghiệp tướng nơi ý môn, tâm Tử sanh lên rồi diệt đi, tâm Tục sinh hiện khởi nhận lấy cảnh Nghiệp hoặc cảnh nghiệp tướng, tái sanh về nhân cảnh Dục giới, vì bị dẫn dắt bởi sức mạnh của phiền não cấu uế chưa sát trừ. Đây là Tử cảnh quá khứ, Tục sinh *cảnh Quá khứ*.

- Khi cảnh nghiệp tướng phát sanh tại 1 trong 5 môn, chúng sanh ấy từ cảnh hiện tại và tâm Tục sinh có *cảnh Hiện tại*.

- Khi cảnh thú tướng nhân cảnh như thai bào người mẹ, hay hoa viên nơi Thiên cung, cung điện, cây Như ý . . . xuất hiện nơi ý môn làm cảnh cho lộ cận tử, chúng sanh này Từ cảnh hiện tại, Tục sinh *cảnh Hiện tại*.

*** Người có Thiện nghiệp Đáo Đại.**

Người tích lũy thiện nghiệp Đáo đại, lộ cận tử không có Na cảnh. Trong lộ cận tử chỉ có cảnh *nghiệp tướng* liên quan đến Thiên án xứ như đất, nước, lửa, gió . . . Có 2 loại cảnh *nghiệp tướng* trong trường hợp này:

- Cảnh nghiệp tướng là Quang tướng Chế định đối với thiện Sắc giới, và 2 loại thiện Vô sắc giới là: thiện Không vô biên xứ, thiện Vô sở hữu xứ chúng sanh này Từ cảnh quá khứ, Tục sinh cảnh “khó định rõ” (*navattabbārammaṇa*), (có thể gọi là cảnh chế định của thiên) .

- Cảnh nghiệp tướng là Quang tướng chân đế (*paramatthapaṭibhāga*), đối với thiện Thức vô biên xứ và

thiện Phi tướng phi phi tướng xứ. Chúng sanh này có Tử cảnh quá khứ, Tục sinh **cảnh quá khứ**.

Như *Pāli* đã dẫn giải:

“*Rūpāvacarapaṭisandhiyā*

panapaññattibhūtaṃ kammanimittamevārammaṇa hoti.

Tathā āruppapaṭisandhiyā ca mahaggatabhūtaṃ paññattibhūtaṃ ca kammanimittameva yathārahaṃ ārammaṇaṃ hoti”.

“Khi Tục sinh ở Sắc giới, cảnh nghiệp tướng là Chế định. Khi Tục sinh ở Vô sắc giới, cảnh nghiệp tướng thuộc về Đáo đại (*mahaggata*) hay thuộc về Chế định tùy theo trường hợp.”

3. Bao nhiêu cách Tục sanh?

Có tất cả 20 cách Tục sinh, đó là 19 tâm Tục sinh và Tục sinh về cõi Vô Tướng (*asaññābhūta*).

Nói về cách tục sinh nơi cõi Vô tướng, khi tâm tử diệt đi, chúng sanh này do nghiệp Vô tướng dẫn dắt đưa tái sanh về cõi Vô Tướng, phận sự tái sanh này không do danh pháp đảm nhận, mà do đoàn Mạng quyền đảm trách.

Chúng sanh này vì không chấp trước danh uẩn, khi chúng đắc Ngũ thiên sắc giới, có tâm niệm “*không muốn có tâm thức*”, do năng lực Thiên được huân tập, nên khi sắp mệnh chung, Nghiệp tướng liên quan với tác ý “không muốn có tâm” làm cảnh trong lộ cận tử, nghĩa là trong lộ cận tử vẫn có cảnh là Nghiệp tướng, khi tâm Tử diệt, tâm Tục sinh cũng không sanh, chỉ có đoàn Sắc mạng quyền sanh khởi giúp chúng sanh này tái sanh về cõi Vô tướng, có tuổi thọ là 500 kiếp trái đất ở trong trạng thái Vô tâm.

Mười chín tâm Tục sinh sẽ đưa chúng sanh về sanh vức thích hợp với chúng như:

- Bốn tâm quả Vô sắc giới cho tái sanh về bốn cõi Vô sắc tương ứng.

- Tâm quả Ngũ thiên sắc giới cho tái sanh về 6 cõi Sắc giới là: Cõi Quảng Quả và 5 cõi Tịnh cư của Bậc Bất Lai.

Bậc Sơ Quả , Nhị Quả và phàm Tam nhân khi chứng đạt Ngũ thiên sắc giới, sẽ sanh về cõi Quảng Quả.

Bậc Bất Lai, khi chứng Ngũ thiên sắc giới, nếu năm quyền đồng đẳng cũng sanh về cõi Quảng Quả, nếu 1 trong năm quyền mạnh sanh về cõi Tịnh Cư như:

Vị có Tín quyền mạnh sẽ sanh về cõi Vô phiền thiên (*Avihā*).

Vị có Tấn quyền mạnh sẽ sanh về cõi Vô Nhiệt thiên (*Atappa*).

Vị có Niệm quyền mạnh sẽ sanh về cõi Thiện Hiện thiên (*Sudassa*).

Vị có Định quyền sẽ sanh về cõi Thiện Kiến thiên (*Sudassī*).

Vị có Tuệ quyền mạnh sẽ sanh về cõi sắc Cứu cánh (*Akaniṭṭha*).

Vị Bất lai không chứng thiên sẽ sanh về cõi Sơ thiên .

Các Ngài nói rằng: “ Vị Bất Lai không có quy luật tái sanh nhất định, không thể nói vị ấy chỉ sanh vào cõi này mà không sanh vào cõi khác“ (*Te pana aññattha na nibbantāntī niyamonaṭṭhi*).

Tâm quả Tứ thiên cho tái sanh về 3 cõi Tam thiên.

Tâm quả Tam thiên và Nhị thiên cho tái sanh về 3 cõi Nhị thiên

Tâm quả Sơ thiền cho tái sinh về 3 cõi Sơ thiền.

Tâm quả Dục giới có 2 nhân (vô tham, vô sân) hay 3 nhân (vô tham, vô sân, vô si) cho tái sinh vào 7 cõi vui Dục giới.

Tâm Quan sát xả thọ quả thiện, cho tái sinh làm người Lạc vô nhân ở cõi người, Phi hảo lạc A-tu-la ở cõi Tứ đại vương (mārājabhūmi).

Tâm Quan sát xả thọ quả bất thiện cho tái sinh về 4 khổ cảnh (*dugati*).

4. Cách cho quả của đồng lực bất thiện và thiện Dục giới

Trong 12 tâm bất thiện, mỗi tâm cho 7 quả bất thiện, riêng tâm Si hợp phóng dật (*uddhacca sampayutta mohamūlacitta*), không đủ sức mạnh cho quả Tục sinh, như *Pāli* rằng:

“Etthākusalakammamuddhaccarahitaṃ apāyabhūmiyaṃ paṭisandhiṃ janeti”.

“Ở đây, trừ phóng dật (uddhacca) các bất thiện nghiệp còn lại khiến sanh vào (4) cõi khổ (apāyabhūmi)”.

Riêng các tâm thiện Dục giới cho quả như sau:

Tâm thiện có trí đủ ba Tư (*cetanā*) cho 16 tâm quả dị thực thiện Dục giới.

Tâm thiện có trí thiếu 1 hay 2 trong ba Tư và tâm thiện không có trí đủ ba Tư cho 12 tâm quả dị thực thiện (trừ 4 tâm quả dị thực có ba nhân).

Tâm thiện không có trí thiếu 1 hay 2 trong ba Tư cho 8 tâm quả dị thực thiện vô nhân.

Nhưng có những vị Luận sư thuộc bộ phái của Đại đức *Mahādhammarakkhita* ở chùa *Moravapi* tại Tích Lan cho

rằng: Những tâm Vô trợ (*asaṅkhāra*) không thể cho tâm quả dị thực hữu trợ (*sa saṅkhāra*) và ngược lại tâm thiện hữu trợ không thể cho tâm quả dị thực vô trợ.

Theo các vị này thì: 1 tâm thiện có trí vô trợ đủ ba Tư có thể sanh 12 tâm quả dị thực thiện, là 8 tâm quả thiện vô nhân và 4 tâm quả thiện vô trợ.

Tương tự, 1 tâm thiện có trí hữu trợ đủ ba Tư cho 12 tâm quả: 8 tâm quả thiện vô nhân, 4 tâm quả thiện có trợ giúp.

Một tâm thiện có trí vô trợ, không đủ ba Tư và một tâm thiện không trí vô trợ đủ ba Tư, cho 10 tâm quả dị thực là: 8 tâm quả thiện vô nhân và 2 tâm quả thiện không trí vô trợ.

Hai tâm thiện không trí hữu trợ đủ ba Tư cũng cho 10 tâm quả dị thực là: 8 tâm quả thiện vô nhân và 2 tâm quả thiện không trí hữu trợ.

Một tâm thiện không trí hữu trợ, không đủ ba Tư chỉ cho 8 tâm quả dị thực thiện vô nhân.

CHƯƠNG V

BÀI 24

TÂM LỘ VIÊN TỊCH (*Parinibānacittavīthi*)

I. ĐỊNH NGHĨA

Viên tịch (*parinibbāna*) là sự chấm dứt thân ngũ uẩn không còn sanh khởi danh uẩn cùng sắc uẩn mới.

Parinibbāna là hợp từ của pari + nibbāna, Pari nghĩa là viên mãn, trọn vẹn. Nibbāna (Níp-bàn) được phân tích thành Ni + vāna, Ni là không, vāna là ham muốn hay sự kết dện (ám chỉ cho ái vọng), I gặp V biến thành BB nên Ni + vana thành Nibbāna (Níp-bàn) nghĩa là không còn bị vướng vào vọng ái, không còn liên hệ với ái dục.

Níp-bàn có 2 loại:

- *Phiên não Níp-bàn* (còn gọi là Hữu dư Níp-bàn). Vị Thánh Tứ Quả đoạn trừ tất cả phiền não không còn dư sót nhưng còn thân ngũ uẩn, gọi là Hữu dư Níp-bàn (Níp-bàn còn dư sót). Vì thân năm uẩn là kết quả của Vô minh và ái dục quá khứ.

- Ngũ uẩn Níp-bàn (còn gọi là Vô dư Níp-bàn). Vị Thánh diệt trừ luôn cả ngũ uẩn, gọi là **Viên tịch** hay Vô dư Níp-bàn (Níp-bàn không còn dư sót).

II. PHÂN TÍCH

Vị Thánh Tứ Quả không bao giờ tịch diệt trong lộ ngũ môn, chỉ tịch diệt trong lộ ý môn. Viên tịch ở đây là sự Tử của vị thánh Tứ Quả.

Nếu tâm Viên tịch sanh lên tiếp theo 1 loạt đồng lực Dục giới, thì tâm lộ Viên tịch này gọi là tâm lộ Viên tịch thông thường, nếu tâm Viên Tịch sanh lên kế tiếp một đồng lực An chỉ thì gọi là tâm lộ Viên tịch đặc biệt.

A- TÂM LỘ VIÊN TỊCH THÔNG THƯỜNG

1. Biểu đồ

Giống như phạm phu hay vị Thánh hữu học, lộ cận tử của vị thánh Tứ Quả cũng có 4 trường hợp:

- Đồng lực, Na Cảnh, hữu phần và Viên Tịch.
- Đồng lực, Na cảnh và Viên Tịch
- Đồng lực, hữu phần và viên Tịch
- Đồng lực, Viên Tịch

Mỗi trường hợp có một lộ, như vậy mô thức Viên Tịch thông thường có được 4 lộ.

* *Đồng lực, Na cảnh, hữu phần và Viên tịch.*

(bh) (R) (D) (Ky) (C) (C) (C) (C) (C) (Na) (N) (bh) (PN)

* *Đồng lực, Na cảnh và Viên tịch.*

(bh) (R) (D) (Ky) (C) (C) (C) (C) (C) (Na) (Na) (PN)

Ký hiệu:PN: Viên Tịch (*Parinibbāna*)

Hai lộ này, mỗi lộ có được:

- Sát-na: 8 sát-na tâm khách (sát-na Hướng ý môn, 5 sát-na đồng lực, 2 sát-na Na Cảnh)
- Tâm khách: 21 tâm (tâm Hướng ý môn + 8 tâm đạiHạnh + Sinh tiểu + 11 tâm Na cảnh)
- Chặng: 3 chặng (khai môn, đồng lực và Na cảnh).
- Người: Bạc Tứ Quả.
- Cõi: 7 cõi vui Dục giới

* *Đồng lực, hữu phần và Viên Tịch.*

(bh) (R) (D) (Ky) (C) (C) (C) (C) (C) (C) (bh) (PN)

* *Đồng lực và Viên Tịch:*

(bh) (R) (D) (Ky) (C) (C) (C) (C) (C) (C) (PN)

Hai lộ này, mỗi lộ có được:

- Sát-na: 6 sát-na tâm khách (Hướng ý môn và 5 sát-na đồng lực)
- Thức tâm: 10 thứ tâm khách (tâm Hướng ý môn + 8 tâm đại Hạnh + tâm Sinh tiểu)
- Chặng: 2 chặng (khai môn và đồng lực).
- Người: Bạc Tứ quả
- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm.

2. Lý giải

a) Cảnh trong lộ cận tử của vị A-la-hán.

Trong lộ cận tử của vị Thánh Tứ Quả, ba loại cảnh nghiệp, cảnh nghiệp tướng hay cảnh thú tướng đều vắng mặt, vì vị Tứ quả đã tận diệt nghiệp luân hồi.

Vào thời điểm cận tử, các Ngài hướng đến sự Viên tịch bằng Thượng Pháp Tánh đã đắc, khi ấy cảnh án xứ Minh sát mà các Ngài đã tu tập hiện ra trong lộ cận tử do năng lực Thường cận y duyên (pakatupanissayapaccaya).

b) Na cảnh trong lộ cận tử của vị A-la-hán.

Sở dĩ có 11 tâm Na cảnh trong lộ này là vì: Đối với những án xứ Minh sát là bất mỹ tướng (asubhanimita), như trường hợp vị Thánh Tứ Quả quán thể trước hay quán tử thi chứng đắc Thánh quả. Bấy giờ những sắc tướng bất mỹ ấy làm cảnh trong thời cận tử, do vậy Na cảnh sẽ là tâm Quan sát xả thọ quả bất thiện.

Trái lại các án xứ là thuần tịnh tốt đẹp, như các chi thiên... bấy giờ Na cảnh là những tâm quả thiện.

Hoặc vị Thánh thuần quán về khổ thì có Na cảnh là tâm Quan sát quả bất thiện. Thuần quán về vô thường hay vô ngã thì Na cảnh là tâm quả thiện...

B- LỘ VIÊN TỊCH ĐẶC BIỆT

1- Định nghĩa.

Tâm Viên tịch sanh kế tiếp một đồng lực An chỉ gọi là Viên tịch đặc biệt. Và lộ cận tử này gọi là tâm lộ Viên tịch đặc biệt.

2- Phân tích.

Có cả thảy 4 tâm lộ Viên tịch đặc biệt, đó là:

- Lộ Viên tịch liên thiên (*jhānasamanantaravīthi*)

– Lộ Viên tịch liên phản khán
(*paccavekkhanasamanantaravīthi*)

– Lộ Viên tịch liên thông (*abhiññāsamanantaravīthi*)

– Lộ Đặc Đạo chí mạng (*jīvitasamasīvīthi*)

Biểu đồ.

a- Tâm lộ Viên tịch liên Thiên.

Trong mô thức này có hai trường hợp:

– Tâm thiên, hữu phần, Viên tịch.

– Tâm thiên, Viên tịch.

Diễn tiến từng lộ như sau:

LỘ 1: Người độn căn.

(bh) (R) (D) (Ky) (ã) (ậ) (U) (G) (ề) bds (bh) (PN)

Người lợi căn

(bh) (R) (D) (Ky) (ậ) (U) (G) (ề) bds (bh) (PN)

LỘ 2: Người độn căn:

(bh) (R) (D) (Ky) (ã) (ậ) (U) (G) (ề) bds (PN)

Người lợi căn:

(bh) (R) (D) (Ky) (ậ) (U) (G) (ề) bds (PN)

Tâm lộ này có được:

Sát-na: bất định số

Thứ tâm: 14 thứ tâm khách (Hướng ý môn, 4 tâm đại Hạnh có trí, 9 tâm Thiền Hạnh).

Chặng: 2 chặng (khai môn và đồng lực)

Người: Bạc Tứ quả

Cõi: 26 cõi vui hữu tâm.

b- Tâm lộ Viên tịch liên phần khán.

Tâm lộ này cũng có 2 trường hợp:

- Đồng lực, hữu phần rồi Viên tịch .
- Đồng lực, rồi Viên tịch.

LỘ 1: Có xen hữu phần rồi Viên tịch

(bh) (R) (D) (Ky) (ậ) (U) (G) (ề) bds (bh) (bh) (R) (D) (Ky) (7c) (bh) (PN)

LỘ 2: Không xen hữu phần rồi Viên Tịch

(bh) (R) (D) (Ky) (ậ) (U) (G) (ề) bds (bh) (bh) (R) (D) (Ky) (7c) (PN)

Hai lộ này, mỗi lộ có được:

- Sát-na: 8 sát-na tâm khách
- Thứ tâm: 5 thứ (Hướng ý môn, 4 đại Hạnh có trí)
- Chặng : 2 chặng (khai môn và đồng lực)
- Người : Bạc Tứ quả.
- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm.

c- Tâm lộ Viên tịch liên thông.

Tâm lộ này cũng có hai trường hợp:

- Tâm Thông, hữu phần, Viên tịch.
- Tâm thông, rồi Viên tịch.

LỘ 1:

Người độn căn,

(bh) (R) (D) (Ky) (ã) (ậ) (U) (G) (Ô) (bh) (PN)

Người lợi căn

(bh) (R) (D) (Ky) (ậ) (U) (G) (Ô) (bh) (PN)

LỘ 2:

Người độn căn:

(bh) (R) (D) (Ky) (ã) (ậ) (U) (G) (Ô) (PN)

Người lợi căn:

(bh) (R) (D) (Ky) (ậ) (U) (G) (Ô) (PN)

Hai lộ này, mỗi lộ này có được:

Sát-na: 6 hoặc 5 sát-na tâm khách

– Thứ tâm: 4 thứ tâm khách (Hướng ý môn, 2 đại Hạnh xả thọ có trí, 1 tâm Thông Hạnh).

– Chặng : 2 chặng. (khai môn, đồng lực)

– Người : Tứ quả

– Cõi : 22 cõi vui ngũ uẩn.

d- Tâm lộ Viên tịch Chí mạng.

Lộ này có 2 trường hợp xen hữu phần rời Viên tịch và không xen hữu phần rời Viên tịch.

- Có hữu phần rời viên tịch.

(bh) (R) (D) (Ky) (ậ) (U) (V) (ạ) (ả) (ả) (ả) (ả) (bh) (bh) (R) (D) (Ky) (7c) (bh) (P)

Đồng lực rời Viên tịch.

(bh) (R) (D) (Ky) (ậ) (U) (V) (ạ) (ả) (ả) (ả) (ả) (bh) (bh) (R) (D) (Ky) (7c) (P)

Mỗi lộ có được:

- Sát-na: 6 và 8 (lộ Đắc Đạo chí mạng có 6 sát-na, lộ phản khán có 8 sát-na)
- Thứ tâm: 5 thứ tâm khách (Hướng ý môn, 4 đại Hạnh có trí).
- Chặng: 2 chặng (khai môn và đồng lực).
- Người: Tứ Quả.
- Cõi : 7 cõi vui Dục giới

3- Biện giải

a- Vì sao có lộ Viên tịch đặc biệt?

Vị Thánh A-la-hán đã tận diệt mọi phiền não, dù Viên tịch với lộ tâm nào cũng vậy thôi, nhưng sở dĩ các Ngài tịch diệt với lộ đặc biệt là muốn chúng sanh thấu rõ ân đức các Thượng Pháp Tánh, nhằm khích lệ và sách tấn chúng sanh tu tiến theo đạo lộ giải thoát, một đạo lộ có nhiều ân đức siêu việt, ngay cả khi sắp lâm chung những ân đức Thượng Pháp Tánh vẫn có thể hiển lộ được.

Riêng tâm lộ Viên tịch chí mạng, nói lên ân đức Thượng Pháp Tánh là *akālika* (phi thời gian), ân đức Pháp này không chờ ngày giờ, khi chứng Tứ Đạo thì sanh khởi quả Vô Lậu ngay.

2- Số lượng tâm lộ Viên tịch đặc biệt.

- **Có 36 tâm lộ Viên tịch liên Thiên**, như sau: 2 trường hợp Viên tịch (có xen hữu phần và không xen hữu phần) nhân với 2 hạng người: độn căn và lợi căn thành 4, nhân với 9 tầng thiên Hạnh thành ra 36 lộ.

- **Có 48 lộ Viên tịch phản khán chi thiên** như sau:

Có 10 lộ Viên tịch sanh kế tục lộ phản khán sơ thiên, là lấy 5 chi thiên dùng để phản khán, nhân với 2 hạng người: độn căn và lợi căn.

Có 8 lộ Viên tịch sanh kế tục lộ phản khán nhị thiên (có 4 chi thiên để phản khán)

Có 6 lộ Viên tịch sanh kế tục lộ phản khán tam thiên (có 3 chi thiên).

Có 4 lộ sanh kế tục lộ phản khán Tứ thiên (có 2 chi thiên là chi lạc và chi định).

Có 5 tầng ngũ thiên, mỗi tầng ngũ thiên có 4 lộ Viên tịch sanh kế tục lộ phản khán chi thiên (chi xả và chi định) thành ra 20 lộ.

Tổng cộng có 48 tâm lộ Viên tịch phản khán chi thiên.

- **Có 4 tâm lộ Viên tịch liên Thông**, là lấy 2 trường hợp Viên tịch: Thông Hạnh, hữu phần rồi Viên tịch và Thông Hạnh rồi Viên tịch.

Nhân với 2 hạng người: độn căn và lợi căn, thành ra 4 lộ.

- **Có 22 tâm lộ Viên tịch chí mạng**, phân thành 2 trường hợp như sau:

a- Quán xét Đạo, Quả, Níp-bàn rồi Viên tịch chỉ có 2 lộ theo 2 mô thức: đồng lực rồi Viên tịch, đồng lực, hữu phần, rồi Viên tịch.

Một trong hai tâm lộ này chắc chắn sẽ khởi lên cho vị Đắc Đạo chí mạng.

b- Quán xét phiền não đã sát trừ rồi Viên tịch có 20 lộ. Cách tính là lấy 10 phiền não đã sát trừ nhân với 2 mô thức Viên tịch thành 20 lộ.

Một trong 20 tâm lộ này sẽ khởi lên cho vị Thánh Vô Lậu chí mạng, nhưng không chắc chắn.

Tổng kết có 110 tâm lộ Viên tịch đặc biệt.

3- Giải thích từng tâm lộ Viên tịch đặc biệt.

a) **Tâm lộ Viên tịch liên Thiên.**

Tâm lộ Viên tịch nối liền trực tiếp với lộ nhập thiền, không có tâm khách quan nào xen giữa, gọi là tâm lộ Viên tịch liên Thiên.

Vị A-la-hán muốn Viên tịch bằng lộ tâm này, trước tiên an trú vào định nhập làm tịnh chỉ các khổ thọ nơi thân, khổ thọ này do quả dư sót của nghiệp quá khứ, như Đức Thế Tôn sắp Viên tịch bị bệnh kiệt lực chẳng hạn. Rồi lần lượt xuất nhập các tầng thiền mà vị ấy chứng đắc được, đến lộ cận tử cũng an trú vào tầng thiền nào đó theo ý muốn khi xuất ra khỏi thiền trú thì tâm Viên tịch xuất hiện (có xen hữu phần hoặc không xen hữu phần).

Sự tịnh chỉ khổ thọ chỉ có nơi cõi người, các chư Thiên, Phạm thiên không có điều này vì thân các vị ấy là sắc tế hóa sanh.

Riêng ở cõi Phi tướng phi phi tướng, tuy vị Thánh Tứ Quả chỉ chứng đạt thiền Phi tướng phi phi tướng xứ, nhưng xuất nhập thiền này nhiều lần cũng được kể vào tâm lộ Viên tịch liên Thiên.

Diễn tiến tâm lộ này như sau:

Rúng động, Dứt dòng, Hướng ý môn, Chuẩn bị, Cận hành, Thuận khứ, Chuyển tánh (4 sát-na này do 1 trong 4 đại Hạnh có trí đảm nhận) tiếp theo là tâm thiên (1 trong 9 tâm thiên Hạnh) sanh khởi nhiều ít là do ý của vị ấy, sau cùng là tâm Viên tịch sanh khởi (có xen hữu phần hoặc không). Vị lợi căn không có sát-na Chuẩn bị trong lộ nhập định.

b- Tâm lộ Viên tịch liên phản khán chi thiên.

Tâm lộ này nối liền với tâm lộ phản khán chi thiên, không có tâm khách quan nào xen vào giữa.

Muốn Viên tịch bằng tâm lộ này, vị Thánh Tứ Quả phải là bậc có trí già mạnh (bậc lợi căn), vì khi ấy thời gian rất gấp rút, lại phải quán xét chi thiên. Trước tiên vị Thánh Tứ Quả an trú vào Định nhập làm tịnh chỉ các khổ thọ có nơi thân, xuất thiên rồi phản khán chi thiên, tâm lộ phản khán này có hàng trăm hàng ngàn lộ theo thích ứng, rồi tâm Viên tịch sanh khởi (không xen hoặc có xen hữu phần cơ bản), dứt sát-na Viên tịch vị A-la-hán Vô dư Níp-bàn.

Diễn tiến như sau: Rúng động, Dứt dòng, Hướng ý môn, Cận hành, Thuận thứ, Chuyển tánh, thiên Hạnh, khi xuất khỏi Định nhập lộ phản khán sanh khởi nhiều hoặc ít tùy theo ý, kế tiếp đồng lực phản khán là tâm Viên tịch.

c- Tâm lộ Viên tịch liên Thông.

Là tâm Viên tịch nối tiếp với tâm Thông, không xen lẫn một tâm khách nào khác.

Abhiññā trong hợp từ *abhiññāsamanantara* chỉ cho thuần túc thông (*iddhividha*).

Muốn hóa hiện thông lực trước khi Viên tịch, vị A-la-hán phải nhập thiên Cơ, xuất khỏi thiên Cơ chú nguyện phép lạ nào mà mình muốn thị hiện rồi nhập lại thiên Cơ lần nữa, khi xuất khỏi thiên Cơ lần thứ nhì, lộ tâm Thông Hạnh xuất hiện.

Diễn tiến như sau: Rúng động, Dứt dòng, Hương ý môn, Chuẩn bị, Cận hành, Thuận thứ, Chuyển tánh, Thông Hạnh (một sát-na duy nhất).

Khi tâm Thông Hạnh thị hiện thông lực xong diệt đi, thì tâm Viên tịch hiện khởi hoặc có xen một hữu phần hoặc kế tiếp theo tâm Thông Hạnh.

Bậc Thánh Tứ quả lợi căn thì không có sát-na Chuẩn bị.

d- Tâm lộ Viên tịch chí mạng.

Để hiểu rõ thuật ngữ *jīvitasamasī*, ta cần biết rằng ngũ uẩn có 2 cái đầu (*sīsī*) là:

– *Vaṭṭasīsī* (đầu luân hồi), chỉ cho tâm sở Mạng quyền và sắc Mạng quyền, vì chúng là cái đầu của khổ luân hồi.

– *Kilesasīsī* (đầu của phiền não) chỉ cho tâm sở Si, vì nó là đầu của tất cả phiền não.

Khi tâm sở Mạng quyền cùng sắc Mạng quyền chưa trọn vẹn trừ diệt thì chúng sanh ấy chưa mệnh chung hẳn, còn chuyển biến từ thân ngũ uẩn này sang thân ngũ uẩn khác, chỉ khi nào 2 loại mạng quyền này dứt trừ trọn vẹn, khi ấy chúng sanh thật sự **CHẾT**.

Do đó, danh Mạng quyền và sắc Mạng quyền được gọi là *vaṭṭasīsī* (đầu luân hồi).

Khi tâm sở Si chưa được sát trừ trọn vẹn thì các phiền não vẫn còn hiện hữu, khi nào tâm sở Si được đoạn trừ hẳn, khi ấy các loại phiền não hoàn toàn vỡ vụn.

Người đắc Đạo chí mạng (*jīvitasamasī*) là người biết tranh thủ giây phút ngắn ngủi còn lại của đời sống, triển khai tâm yếm ly thế gian, tu tiến cấp tốc Tứ Niệm xứ (hay quán Minh) chứng đạt đến Tứ Quả.

Nghĩa là ngay giây phút cận kề với sự chết đã chứng đạt Quả Lộ tận (*khīṇāsava*), khiến 2 cái đầu *vaṭṭasīsī* cùng *kilesasīsī* đồng bể tan cùng lúc với tâm lộ chứng Tứ Đạo.

Các Ngài đã giải tự thuật ngữ *Jīvitasamasīsī* như sau:

- *Jīvitena samaṃ avijjāsisaṃS assāti jīvitasamasīsī*

“Người đắc Đạo chí mạng là người chấm dứt đầu Vô minh cùng với 2 thứ Mạng quyền”.

Cũng nên hiểu rằng: Tuy nói phiền não cùng với 2 thứ mạng quyền đồng chấm dứt, nhưng không phải dựa vào đó mà hiểu rằng: Chúng cùng diệt vào 1 sát-na tâm, vì khi chứng đạt Tứ Đạo, theo quy luật phải có lộ phản khán Đạo, mà tâm lộ này sanh khởi rất nhiều lần, sau đó mới đến lộ cận tử và tâm Viên tịch mới sanh lên.

Khi tâm Viên tịch diệt thì 2 loại Mạng quyền (đầu luân hồi) đồng diệt. Phân tích rõ như thế, thì rõ ràng “2 cái đầu” không đồng diệt như danh từ *jīvitasamasīsī*, nhưng nói theo phương diện thời gian thông thường (*velā*), không y cứ vào thời gian chơn đế (*khaṇakāla*) thì không có gì sai cả.

Như trường hợp Đại Thần *Santati* vừa chứng đạt Tứ Quả xong quán xét tuổi thọ còn sót chút ít, nên đành lễ Đức Thế Tôn xin Viên tịch ngay sau đó và cũng không phải chỉ có bậc A Na Hàm mới có lộ Đắc Đạo chí mạng, ngay cả phàm Tam nhân cũng có được lộ Viên tịch chí mạng này.

Trường hợp của phàm Tam nhân thì trong giây phút ngắn ngủi còn lại của đời sống, vị ấy lần lượt chứng đạt 4 lộ Đắc Đạo liên tục cùng với mỗi mỗi tâm lộ phản khán nối tiếp theo lộ Đạo tương ứng thích hợp, sau cùng tâm Viên tịch sanh khởi, bậc Dự Lưu thì lần lượt chứng 3 lộ Đạo cao cùng 3 tâm lộ phản khán tương ứng, bậc Nhất Lai thì chứng đạt 2 lộ Đạo cao cùng 2 lộ tâm phản khán tương ứng.

Ở đây, nêu rõ sự diễn tiến tâm lộ đặc Đạo chí mạng sau cùng (tâm lộ chứng đạt A-la-hán) sau đó Viên tịch, như sau: Rúng động, Dứt dòng, Hướng ý môn, Cận hành, Thuận thứ, Tiến bậc, sát-na Tứ Đạo, rồi 3 sát-na Tứ quả.

Khi sát-na thứ 3 tâm Tứ Quả diệt đi, lộ phản khán sanh khởi để quán xét lại Đạo, Quả, Níp-bàn và Phiền não đã sát tuyệt, lộ phản khán này tái diễn hàng trăm hàng ngàn lần thích ứng.

Lúc tâm đồng lực phản khán cuối cùng diệt đi tâm Viên tịch sanh lên (hoặc có xen hữu phần giữa đồng lực và tâm Viên tịch).

Tâm lộ Viên tịch chí mạng chỉ có ở 7 cõi vui Dục giới, không thể có ở cõi Phạm thiên Sắc giới, vì cõi này không có cái chết đau đớn, thậm chí không có sự chán nản trong tư tưởng (*dukkhavedanācetasika*).

Ở 7 cõi vui Dục giới, lộ đặc Đạo chí mạng thường khởi sanh ở cõi người hơn vì có những cái chết đau đớn, còn 6 cõi trời Dục tuy không có cái chết đau đớn, nhưng khi vị chư Thiên nhận được 5 điềm báo tử, tâm kinh cảm, vị ấy triển khai quán Minh và chứng đắc lộ Viên tịch chí mạng.

Trong thời điểm cận tử nhất sanh ấy, muốn chứng đạt lộ đặc Đạo chí mạng, chúng sanh này phải có trí tuệ già mạnh, trí tuệ nhanh lẹ mới có thể thành đạt kết quả hi hữu thù diệu này.

Do đó, trong tâm lộ chỉ có sát-na Cận hành (người lợi căn) Thuận thứ và Tiến bậc, không có sát-na Chuẩn bị của người độn căn.

Mặt khác, tuy lộ đặc Đạo chí mạng chủ yếu nói về 2 cái đầu (*sīsī*) cùng bề, nhưng các pháp khác cũng “vỡ vụn” đồng thời với phiền não. Các Ngài đã liệt kê vào lộ đặc Đạo chí mạng như sau:

– Quyền (*indriya*) cũng diệt với phiền não không hề sanh khởi lại, như trường hợp Trưởng lão Cakkhupāla nhận quyền (*cakkhindriya*) đồng diệt với phiền não Si và Trưởng lão mù kể từ khi ấy cho đến khi Vô dư Níp-bàn (nghĩa là nhãn quyền kể từ khi đó không còn sanh lên nữa).

– Thọ (*vedāna*) đồng diệt với *kilesasīsī*, như trường hợp trưởng lão *Pūtigatta Tissa* (Trưởng lão *Tissa* có thân hôi thối), khổ thọ đồng diệt với phiền não và Ngài Vô dư Níp-bàn ngay sau đó. Hay như vị Tỳ khưu bị cọp vồ và ngay trong miệng cọp Ngài quán xét khổ thọ chứng đạt Quả Vô Lậu rồi Viên tịch.

– Oai nghi đồng diệt với phiền não và không hề sanh khởi lại, như trường hợp Trưởng lão *Ānanda*, chứng đắc Tứ Đạo trong oai nghi không phải nằm cũng không phải ngồi. Từ đó về sau Ngài *Ānanda* ngăn oai nghi nằm, trọn 40 năm sau cùng của tuổi thọ, oai nghi “không phải nằm cũng không phải ngồi” không hề sanh khởi cho Trưởng lão *Ānanda*.

----(/o\)\----

TỔNG KẾT

Quy trình tâm pháp có tất cả là 455 lộ cơ bản như sau:

- **Lộ ngũ môn có được :** 120 lộ, trong đó
 - Lộ ngũ môn bình nhật: 100 lộ
 - Lộ ngũ môn cận tử: 20 lộ
- **Lộ ý môn có được:** 335 lộ, trong đó

Lộ thông thường có 53 lộ.

- Lộ ý môn thông thường: 41 lộ
- Lộ chiêm bao: 12 lộ

Lộ ý môn đặc biệt có 164 lộ.

- Lộ Đắc Thiên: 36 lộ
- Lộ Nhập Thiên: 36 lộ
- Lộ Thiên Cơ: 4 lộ
- Lộ Đắc Sơ Đạo: 10 lộ
- Lộ Đắc 3 Đạo Cao: 30 lộ
- Lộ Hiện Thông: 4 lộ
- Lộ Nhập Thiên Quả: 40 lộ
- Lộ Nhập Thiên Diệt: 4 lộ

Lộ cận tử có 118 lộ.

- Lộ ý Môn Cận Tử: 4 lộ
- Lộ Viên tịch thông thường: 4 lộ
- Lộ Viên tịch liên Thiên: 36 lộ
- Lộ Viên tịch liên phản khán: 48 lộ

- Lộ Viên tịch liên Thông: 4 lộ
- Lộ Viên tịch chí mạng: 22 lộ

BÀI 25

LINH TINH VẤN ĐÁP
(Pucchaka pakiñṇaka)

1- Hỏi: Hãy dịch câu kệ *Pāli* sau đây:

“*Kāme Javanoasattālam-
 banānaṃ niyame sati
 vibhūte – timahante ca
 Tadārammaṇamīritam*”

Đáp: Kệ môn này có nghĩa là : “Khi hội đủ 3 pháp: Đồng lực, chúng sanh và cảnh rất rõ hay rất lớn liên hệ với Dục giới (*kāmabhūmi*), Na cảnh mới hiện khởi được”.

2- Hỏi: Có bao nhiêu tâm khách quan (*vīthicitta*) và tâm chủ quan (*vīthimuttacitta*)? Hãy phân định chúng theo người và cõi?

Đáp: Tâm khách quan (tính hẹp) có 80 tâm (t), đó là: 54 t. Dục giới (*kāmāvacaracitta*), 9 t. thiện Đáo đại, 9 t. Hạnh Đáo đại và 8 t. Siêu thế.

Tâm chủ quan có 19 tâm đó là: 2 t. Quan sát (suy đạc) xả thọ, 8 t. Đại quả và 9 t. quả Đáo đại.

Thuần tâm chủ là 9 t. quả Đáo Đại còn 2 tâm Quan sát xả thọ và 8 t. đại Quả đôi khi trở thành tâm khách.

* **Tâm khách quan phân bố theo 12 hạng người như sau:**

- Người Khổ có được 37 tâm là: 12 t. bất thiện, 8 t. đại thiện và 17 t. Vô nhân (trừ t. Sinh tiểu).

* Người Lạc vô nhân và người Nhị nhân có 41 tâm: có 37 tâm như người Khổ và thêm 4 t. đại quả không có trí.

* Người Tam nhân không chứng thiên có được 45 tâm: có 41 tâm như người nhị nhân thêm 4 t. đại quả có trí. Nếu đắc thiên thì tính thêm.

Người Tam nhân nếu đắc thiên có thể được 54 tâm là: 45 tâm cơ bản cộng với 9 t. thiện Đáo đại.

* Người Sơ quả và Nhị quả (không đắc thiên) có được 41 tâm là: 45 tâm cơ bản của người phạm Tam nhân trừ đi 4 t. tham hợp tà kiến và t. Si hợp hoài nghi. Cộng thêm tâm Sơ quả hoặc Nhị quả tùy bậc, nếu đắc thiên có thể được 50 tâm là thêm 9 t. thiện Đáo Đại.

* Bậc Tam Quả không chứng thiên, có được 39 tâm là: 41 tâm cơ bản của bậc Nhị quả trừ đi hai t. sân và t. Nhị quả, thêm vào t. Tam Quả.

Nếu đắc thiên có thể có được 48 tâm, tức là cộng thêm 9 t. thiện Đáo Đại.

* Bậc Tứ Quả không đắc thiên có được 35 tâm là: 18 t. Vô nhân, 8 t. đại Hạnh, 8 t. đại quả, và tâm Tứ Quả. Nếu đắc thiên có thể được 44 tâm, là cộng thêm 9 t. thiện Hạnh.

* 4 người Đạo, mỗi người chỉ có một tâm khách quan duy nhất, đó là tâm Đạo. Nói cách khác, người Đạo là tính theo sát-na Đạo và người Đạo chỉ tồn tại 1 sát-na mà thôi.

Tâm chủ quan phân bố theo người.

- Người Khổ chỉ có một tâm chủ quan là tâm Quan sát xả thọ quả bất thiện.

- Người Lạc vô nhân có một tâm chủ quan là tâm Quan sát xả thọ quả thiện.

- Người Nhị nhân có 4 tâm chủ quan là 4 t. đại quả không có trí, nhưng nên nhớ mỗi người chỉ có một tâm chủ quan mà thôi.

- Người Tam nhân và 4 bậc Thánh Quả trong cõi Dục có được 4 tâm chủ quan là 4 t. đại quả có trí (mỗi người chỉ có 1 tâm chủ quan thôi).

- Người Tam nhân và 4 Thánh Quả trong 15 cõi Sắc giới có 5 t. chủ quan là 5 t. quả Sắc giới, tức là mỗi người chỉ có một tâm quả Sắc giới ứng với cõi mà vị ấy sanh vào.

- Người Tam nhân và 4 Thánh Quả ở cõi Vô sắc có được 4 t. chủ quan là 4 t. quả Vô sắc giới, mỗi người chỉ có 1 tâm ứng theo cõi đã sanh vào.

Tâm phân bố theo cõi:

Tâm khách quan:

- Ở 11 cõi dục có đủ 80 tâm khách quan.

- Ở 15 cõi Sắc giới (trừ cõi Vô tưởng) có được 64 tâm khách quan là: 38 t. Dục giới (54 t. Dục giới trừ đi 2 t. Sân, ba đôi thức Tỷ, Thiệt, Thân thức và 8 t. đại quả), 9 t. thiện Đáo đại, 9 t. Tố Đáo đại, 8 t. Siêu thế.

- Ở cõi Vô sắc giới có được 42 tâm khách quan là: 10 t. bất thiện (trừ 2 t. Sân), tâm Hưởng ý môn, 8 t. đại thiện, 8 t. đại Hạnh, 4 t. thiện Vô sắc, 4 t. Hạnh Vô sắc giới và 7 t. Siêu thế (trừ t. Sơ đạo).

Tâm chủ quan:

- 4 cõi đạo xứ (apāyabhūmi) có 1 tâm chủ quan là tâm Quan sát xả thọ quả bất thiện.

- Cõi người và cõi Tứ Đại vương có 9 tâm chủ quan là: 8 t. đại quả và t. Quan sát xả thọ quả thiện.

- 5 cõi Dục giới thiên (trừ cõi Tứ Đại vương) có 8 tâm chủ quan là 8 t.đại quả.

- 3 tầng Sơ thiên có 1 tâm chủ quan là tâm quả Sơ thiên.

- 3 tầng Nhị thiên có 2 tâm chủ quan là: tâm quả Nhị thiên và tâm quả Tam thiên.

- 3 tầng Tam thiên có 1 tâm chủ quan là tâm quả Tứ thiên.

- Cõi Quảng quả và 5 cõi Tịnh cư có một tâm chủ quan là tâm quả Ngũ thiên.

- 4 Cõi Vô Sắc, mỗi cõi có một tâm chủ quan tương ứng với cõi ấy.

Có kệ ngôn *Pāli* như sau:

“*Asekkhānaṃ catucattā*

Ḭise sekkhānamudise

Cha pannāsāvasesānaṃ

Catupaññāsa sambhavā.

“Bậc Thánh Vô học có tối đa là 44 tâm khách quan, chư Thánh Hữu học có tối đa là 50 tâm khách quan, tất cả phàm phu có tối đa là 54 tâm khách quan”.

Và:

“*Asīti vīthīcittāni*

Kāme rūpe yathārahaṃ

Catusatṭhi tathārūpe

Dvecattāḷisa labbhare”.

“Ở 11 cõi Dục có 80 tâm khách, ở 15 cõi Sắc giới hữu tướng có 64 tâm khách. Ở cõi Vô sắc giới có 42 tâm khách (dĩ nhiên tất cả phải được phân bố theo hạng người)”.

3- Hỏi: - 64 tâm khách quan cõi Sắc giới phân bố ra sao?.

- 42 tâm khách quan cõi Vô sắc giới phân bố ra sao?.

Đáp:

a- 64 tâm khách quan cõi Sắc giới phân bố trong 15 cõi Sắc hữu tướng như sau :

- 10 cõi sắc giới phàm hữu tướng có cả 64 t.

- 5 cõi Tịnh cư có 54 t. khách quan là trừ đi 10 tâm: 4 t. tham có tà kiến, t. si có hoài nghi, 3 t. Đạo hữu học, t. Sơ Quả, t. Nhị quả.

b- 42 tâm khách cõi Vô sắc phân bố như sau:

- Cõi Không vô biên xứ có đủ 42 t. khách.

- Cõi Thức vô biên xứ có 40 t. khách, là trừ đi tâm thiện và t. Hạnh Không vô biên xứ.

- Cõi Vô sở hữu xứ có 38 t. khách, là trừ thêm tâm thiện và t. Hạnh Thức vô biên xứ.

- Cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ có 36 t. khách, là trừ thêm t. thiện và t. Hạnh Vô sở hữu xứ.

4- Hỏi: Tâm nào có ở cõi Sắc giới mà không có ở cõi Vô sắc ?

- Tâm nào có ở cõi Vô sắc giới mà không có ở cõi Sắc?

- Tâm nào có cả ở hai cõi ấy?

- Tâm nào không có ở cả hai cõi ấy?

Đáp: Có 27 tâm chỉ có ở cõi Sắc giới mà không có trong cõi Vô sắc, đó là: 11 t. vô nhân (là 18 t. vô nhân trừ đi 3 đôi Tỷ, Thiệt, Thân thức và t. Sinh tiểu), 15 tâm Sắc giới và tâm Sơ đạo.

- Có 4 tâm chi có ở cõi Vô sắc giới, không có ở cõi Sắc, đó là 4 t. quả Vô sắc giới.

- Có 42 tâm sanh khởi trong cả 2 cõi ấy là: 10 t. bất thiện (trừ 2 t. sân), tâm Hướng ý môn, 8 t. đại thiện, 8 t. đại Hạnh, 8 t. đồng lực Vô sắc giới và 7 tâm Siêu thế (trừ t. Sơ đạo).

- có 16 tâm không có ở cả 2 cõi là: 2 t. Sân, 3 đôi thức (Tỷ, Thiệt và Thân thức) và 8 t. đại quả.

4- Hỏi:

- Có bao nhiêu tâm lộ Ngũ môn chi sanh ở cõi Dục?

- Có bao nhiêu tâm lộ Ý môn chi sanh ở cõi Dục?

Đáp:

Có tất cả 68 tâm lộ Ngũ môn chi sanh ở cõi Dục là:

- 20 tâm lộ Tỷ môn: 3 lộ biết cảnh rất lớn, 4 lộ biết cảnh lớn, 6 lộ biết cảnh nhỏ và 7 lộ biết cảnh cực tiểu.

20 tâm Thiệt môn cũng như trên.

20 tâm Thân môn cũng tương tự.

4 tâm lộ nhãn môn là: 1 lộ biết cảnh cực đại chót Na cảnh, 1 lộ biết cảnh cực đại chót hữu phần Khách. Cảnh lớn có 2 lộ: 1 lộ chót hữu phần Khách có 2 sát-na hữu phần Vừa qua, 1 lộ chót hữu phần khách có 3 sát-na hữu phần Vừa qua.

4 tâm lộ Nhĩ môn cũng tương tự như 4 tâm lộ Nhãn môn.

❖ Có tất cả 46 tâm lộ Ý môn chi sanh khởi ở dục giới là:

- Cảnh rất rõ có 14 lộ: là 6 lộ chót Na cảnh và 8 lộ chót hữu phần Khách.

- Cảnh rõ có 8 lộ: là 8 lộ chót hữu phần Khách

- 12 lộ Ý tùy thuộc, bắt nguồn từ tâm lộ Tỷ môn, Thiệt môn và Thân môn.

- 12 lộ chiêm bao

5- Hỏi:

- Có bao nhiêu tâm đồng lực (*javanacitta*) ? Hãy phân định theo người và cõi?

Đáp:

Có tất cả là 55 t. đồng lực: 12 t. bất thiện, 8 t. đại thiện, 8 t. đại Hạnh, t. Sinh tiểu, 9 t. thiện Đáo đại, 9 t. Hạnh đáo đại và 8 t. Siêu thế.

a- Phân bố theo cõi:

- 4 cõi khổ có 20 t. đồng lực là: 12 t. bất thiện, 8 t. đại thiện.

- 7 cõi vui Dục giới (*kāmasugatibhūmi*) có đủ 55 t. đồng lực.

- 10 cõi phạm Sắc giới hữu tâm (là 3 cõi Sơ thiên, 3 cõi Nhị thiên, 3 cõi tam thiên và cõi Quảng quả) có 53 t. đồng lực (là 55 t. đồng lực trừ 2 t. sân)

- 5 cõi Tịnh cư có 43 t. đồng lực là : 4 t. tham không tà kiến, t. si hợp phóng dật, t. Sinh tiểu, 8 t. đại thiện, 8 t. đại Hạnh, 9 t. thiện Đáo đại, 9 t. Hạnh Đáo đại, 3 t. đồng lực Siêu thế là: t. Tam Quả, t. Tứ Đạo, t. Tứ Quả.

- Cõi Không vô biên xứ có 41 t. đồng lực là: 10 t. bất thiện (trừ 2 t. sân), 8 t. đại thiện, 8 t. đại Hạnh, 4 t. thiện Vô sắc, 4 t. Hạnh Vô sắc, 7 t. đồng lực Siêu thế (trừ t. Sơ Đạo).

- Cõi Thức Vô biên xứ có 39 t. đồng lực, là trừ thêm t. thiện và t. hạnh Không vô biên xứ.

- Cõi Vô sở hữu xứ có 37 t. đồng lực, là trừ thêm t. thiện và t. Hạnh Thức vô biên xứ.

- Cõi Phi tường phi phi tường xứ có 35 t. đồng lực, là trừ thêm t. thiện và t. Hạnh Vô sở hữu xứ,

b- Phân bố theo người:

- Người Khổ, người Lạc vô nhân, người Nhị nhân có: 20 t. đồng lực là: 12 t. bất thiện và 8 t. đại thiện.

- Người Tam nhân có 29 t. đồng lực là: 20 t. đồng lực của người Khổ cộng với 9 t. thiện Đáo đại.

- Người Sơ quả, người Nhị quả có 25 t. đồng lực tâm là: 7 t. bất thiện (trừ 4 t. tham hợp tà kiến với t. Si hoài nghi), 8 t. đại thiện, 9 t. thiện Đáo đại và một tâm quả Siêu thế tùy theo người (bậc Sơ quả có tâm Sơ quả, bậc Nhị quả chỉ có tâm Nhị quả).

- Người Tam quả có 23 t. đồng lực: là 25 t. đồng lực của người Nhị quả trừ đi 2 t. Sân và t. Nhị quả, thêm vào t. Tam quả.

- Người Tứ quả có 19 t. đồng lực là: 9 t. Hạnh Dục giới, 9 t. Hạnh Đáo đại và t. Tứ quả.

- 4 người Đạo mỗi người có 1 tâm đồng lực là tâm Đạo tương ứng.

6- Hỏi:

Hãy dịch và giải thích kệ ngôn *Pāli* sau:

“*Puthujjaṇāna sekkhānam
kāmapauñnatihetuto
tīhetukāmakriyato
vītarāgāmappanā*”.

Đáp:

Kệ ngôn ấy có nghĩa là :

“Có 44 đồng lực An chi có thể sanh kế tục 4 đại thiện có trí của phàm phu và Thánh Hữu học. Có 14 đồng lực An chi có thể sanh kế tục 4 đại Hạnh có trí của bậc A-la-hán”.

* Trường hợp thứ nhất:

Ta nên hiểu rằng có tất cả 58 tâm đồng lực An chi, đó là: 40 t. Siêu thế + 18 t. đồng lực Đáo đại.

Có 44 t. đồng lực An chi sanh kế tục t. đại thiện có trí là: 20 t. Đạo, 15 t. Quả Hữu học, 9 t. thiện Đáo đại. Loại đồng lực này chỉ có nơi phàm Tam nhân và 3 Thánh quả Hữu học.

Trong 44 t. đồng lực An chi này nếu phân tích chi tiết thì có 4 trường hợp như sau:

- Phàm Tam nhân tu tiến Chi tịnh (không chứng Đạo - Quả Siêu thế) có 9 t. đồng lực thiện Đáo đại sanh kế tục 4 t. đại thiện có trí (tùy bậc thiền).

Phàm Tam nhân là bậc Lạc quán (*sukhavipassanā*), chỉ có tâm Sơ đạo Sơ thiền sanh kế tục 2 t. đại thiện có trí hỷ thọ.

Phàm Tam nhân tiến Chi tịnh chứng thiền rồi tu Quán minh, có thể có 14 t. đồng lực An chi sanh kế tục 4 t. đại thiện có trí, đó là: 9 t. thiện Đáo đại và 5 t. Sơ đạo.

Như vậy, phàm Tam nhân có 14 t. đồng lực An chi sanh kế tục t. thiện có trí .

- Bậc Dự lưu có được 19 tâm đồng lực sanh kế tục t. đại thiện có trí (tính tổng quát) là: 9 t. thiện Đáo đại, 5 t. đạo Nhất lai và 5 t. Quả Dự lưu.

- Bậc Nhất lai có được 19 t. đồng lực An chi sanh kế tục 4 t. đại thiện có trí là: 9 t. thiện Đáo đại, 5 t. đạo Bất lai và 5 tâm quả Nhất lai.

- Bậc Bất lai có 19 tâm đồng lực An chi sanh kế tục 4 t. đại thiện có trí là: 9 t. thiện Đáo đại, 5 t. đạo A-la-hán, 5 tâm quả Bất lai.

Đây là tính tổng quát cho từng bậc Thánh Hữu học, nếu chi tiết thì không đủ 19 t. đồng lực An chi, như bậc Dự lưu lạc quán chẳng hạn, các Ngài chỉ có 1 t. Đạo Nhất lai Sơ thiên cùng 1 t. Quả Dự lưu Sơ thiên.

Bậc Thánh Hữu học có được 39 t. đồng lực An chi là: 9 t. thiện Đáo đại, 15 tâm Đạo (trừ 5 t. Sơ đạo) và 15 t. Quả Siêu thế (trừ 5 t. Tứ Quả).

** Trường hợp thứ hai:*

Có 14 t. đồng lực An chi sanh kế tục 4 t. đại hạnh có trí, những tâm đồng lực này chỉ có cho bậc A-la-hán đó là: 9 t. Hạnh Đáo đại, 5 t. Tứ Quả, với những trường hợp như sau:

a- Vị A-la-hán khi chứng thiên hiệp thế hay nhập thiên hiệp thế có: 9 tâm thiên Hạnh Đáo đại sanh kế tục 1 trong 4 tâm đại Hạnh có trí tùy trường hợp.

b- Vị Thánh A-la-hán nhập Quả Định (*phalasamāpattivīthi*), một trong 5 t. Tứ Quả sanh kế tục một trong 4 t. đại Hạnh có trí.

c- Vị Thánh A-la-hán khi hiện Thông (*abhiññāvīthi*), t. Hạnh Ngũ thiên sanh kế tục tâm đại Hạnh xả thọ có trí.

e- Vị Thánh A-la-hán nhập thiên Diệt (*nirodhasamāpattivīthi*) thì 9 t. thiên Hạnh Đáo đại sanh kế tục tâm đại Hạnh có trí tùy theo tầng thiên.

7- Hỏi:

- Hãy phân tích ở người nào, cõi nào có các tâm lộ sau:
- Lộ ý môn cảnh cực rõ chót Na cảnh.?
- Lộ ý môn cảnh cực rõ chót hữu phần Khách?
- Lộ ý môn cảnh cực rõ chót đồng lực?

Đáp:

- Lộ ý môn cảnh cực rõ chót Na cảnh hiện khởi cho 8 hạng người trong 11 cõi Dục.

- Lộ ý môn cảnh cực rõ chót hữu phần Khách hiện khởi cho 4 hạng người trong 7 cõi vui Dục giới.

- Lộ ý môn cảnh cực rõ chót đồng lực (có hữu phần Vừa qua) có ở 8 hạng người trong cõi ngũ uẩn

- Lộ ý môn chót đồng lực cảnh cực rõ (không có hữu phần Vừa qua) có ở 8 hạng người trong 30 cõi hữu tâm.

8- Hỏi:

Hãy phân tích các tâm lộ của con ruồi, kể từ lúc nó bị đập cho đến khi nó chết?.

Đáp:

Nếu nói gọn thì khi bị đập như vậy, một tâm lộ ý môn sẽ sanh khởi nơi con ruồi, sau đó là lộ Thân môn, rồi tâm lộ ý môn tùy thuộc Thân môn sẽ kế tục nhau sanh khởi, cuối cùng là lộ ý cận tử (*maraṇāsannamanodvāravīthi*).

Nếu phân tích rộng, khi bị đập như vậy tâm Hương ngũ môn không thể sanh lên để cắt đứt hữu phần cơ bản để nhận cảnh mới, nên tâm Hương ý môn xuất hiện để đảm nhận việc ấy, sau tâm Hương ý môn là 5 sát-na đồng lực, cảnh sở tri của chúng là một trong 3 cảnh: cảnh nghiệp, cảnh nghiệp tướng và cảnh sanh thú tướng.

Sau giai đoạn đồng lực là hữu phần hiện khởi tiếp theo là lộ Thân môn khởi lên nhận cảnh xúc, tâm lộ này cũng chỉ có 5 sát-na đồng lực. Dứt đồng lực thì hữu phần sanh khởi.

Tiếp theo lộ thân môn là lộ ý tùy ý tùy thuộc Thân môn (*atītaggahaṇavīthi*) khởi lên nhận cảnh xúc quá khứ và lộ này cũng chỉ có 5 sát-na đồng lực thôi.

Nối tiếp theo lộ ý tùy thuộc là lộ ý cận tử, cảnh của lộ ý cận tử này cũng là một trong 3 cảnh chủ quan.

9- Hỏi: Hãy nêu rõ tâm đồng lực nào chỉ sanh khởi 1 lần, 2 lần, 3 lần, 4 lần, 5 lần, 6 lần, 7 lần, trên 8 lần trong một tâm lộ ?

- Hãy kể tên các tâm lộ đó ?.

Đáp:

a- Có 26 tâm đồng lực chỉ hiện khởi 1 sát-na trong 1 tâm lộ, đó là:

- 9 t. thiện Đáo đại và 9 t. Hạnh Đáo đại trong lộ chứng thiên.

- 4 t. Đạo trong lộ đắc Đạo.

- 2 t. Thông trong lộ hiện Thông.

- Tâm Tam Quả và Tứ Quả khi xuất thiên Diệt.

b- Có 6 tâm đồng lực hiện khởi 2 sát-na trong một tâm lộ, đó là:

- 4 t. Thánh Quả của người độn căn trong lộ đắc Đạo.

- Tâm thiện và tâm Hạnh thiên Phi tướng phi phi tướng trong lộ nhập thiên Diệt.

c- Có 12 tâm đồng lực hiện khởi 3 sát na trong một tâm lộ, đó là:

- 4 t. đại thiện có trí của người lợi căn trong các lộ: lộ đắc Đạo, lộ đắc thiên, lộ nhập định, lộ nhập Quả định, lộ thiên Cơ, lộ hiện Thông và lộ thiên Diệt.

- 4 t. đại Hạnh có trí của người lợi căn trong các lộ như trên trừ lộ đắc Đạo.

- 4 t. Thánh Quả của người lợi căn trong lộ đắc Đạo.

d- Có 8 tâm đồng lực hiện khởi 4 sát-na trong một tâm lộ, đó là:

- 4 t. đại thiện có trí của người độn căn trong các lộ : lộ đắc Đạo, lộ chứng thiên, lộ nhập thiên, lộ nhập Quả định, lộ thiên Cơ, lộ hiện Thông và lộ thiên Diệt.

- 4 t. đại Hạnh có trí của vị A-la-hán độn căn trong các lộ như trên trừ lộ đắc đạo.

Bốn đại Hạnh có trí này cũng khởi lên trong lộ phản khán Thông của Đức Thế Tôn trong lúc hiện Song thông vì thời gian cấp bách.

e- Có 29 tâm đồng lực hiện khởi 5 sát-na trong một tâm lộ, đó là:

- 4 t. đại thiện có trí và 4 t. đại Hạnh có trí trong lộ phản khán Thông của chư Thánh vào những lúc hóa thông đặc biệt (*visesakarani*).

- 29 t. đồng lực Dục giới trong lộ cận tử, lúc hôn mê.

f- Có 29 tâm đồng lực hiện khởi 6 sát-na trong một tâm lộ, đó là: 29 t. đồng lực Dục giới trong lộ cảnh lớn hay lộ cảnh rõ trong thời bình nhật (*pakativelā*).

g- Có 29 tâm đồng lực hiện khởi 7 sát-na trong một tâm lộ, đó là: 29 t. đồng lực Dục giới trong lộ cảnh rất lớn, cảnh lớn, cảnh rất rõ, cảnh rõ trong thời bình nhật.

g- Có 22 tâm đồng lực có mặt trên 8 sát-na trong một tâm lộ, đó là: 18 t. đồng lực Đáo đại và 4 Thánh Quả (tính hẹp) trong các lộ : Lộ nhập thiên, lộ nhập Quả định.

- Tâm thiện Ngũ thiên sắc giới và t. Hạng Ngũ thiên Sắc giới cũng có trên 8 sát-na trong lộ thiên Cơ.

10- Hỏi:

- Đồng lực An chi nào sanh sau tâm đại thiện có trí hỷ thọ - xả thọ ?

- Đồng lực An chi nào sanh sau tâm đại Hạnh hỷ thọ - xả thọ?

Đáp:

- Có 32 t. đồng lực An chi sanh kế tục 2 t. đại thiện có trí hỷ thọ là : 4 t. thiện Sắc giới hỷ thọ, 16 thánh Đạo hỷ thọ, 12 Thánh quả Hữu học hỷ thọ.

- Có 12 t. đồng lực An chi sanh kế tục 2 t. đại thiện có trí xả thọ là : 5 t. Ngũ thiên hiệp thế, 4 tâm Thánh Đạo Ngũ thiên, 3 t. Thánh quả Hữu học Ngũ thiên.

- Có 8 t. đồng lực An chi sanh kế tục 2 tâm đại Hạnh có trí hỷ thọ là : 4 t. Hạnh Sắc giới hỷ thọ, 4 t. Tứ Quả hỷ thọ.

- Có 6 t. đồng lực An chi kế tục 2 tâm đại Hạnh có trí xả thọ là : 5 t. Hạnh Ngũ thiên và tâm Tứ Quả ngũ thiên.

Hoàn tất vào tháng 5 âm năm Đinh Sửu

DL 1997 - PL 2541.

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1

Bài 1: Tâm lộ	5
I. Dẫn nhập	5
II. Phân giải khái lược	7
1. Định nghĩa: NĀMAVĪTHI.....	7
2. Phân giải và tóm lược.....	8
a) Vật.....	8
b) Môn.....	8
c) Thức	9
d) Cảnh.....	10
Bài 2: Ngũ Môn Tâm Lộ.....	13
• Lộ tâm ngũ môn thời bình nhật.....	14
I. Định nghĩa	14
II. Các dữ kiện của tâm lộ ngũ môn	15
1. Nhân sanh lộ Ngũ môn.....	15
2. Cảnh của lộ Ngũ môn	17
3. Số lượng tâm lộ khởi lên qua ngũ môn thời bình nhật.....	19
Bài 3: Lộ Nhãn Môn Cảnh Rất Lớn	21
I. Định nghĩa	21
A. Phương thức Chót na cảnh	22
1. Biểu đồ	22

2. Ký hiệu	22
3. Diễn giải	23
4. Phân tích	28
Bài 4:	35
B. Lộ nhãn môn cảnh rất lớn chót đồng lực.....	35
I. Biểu đồ.....	35
II. Ký hiệu.....	35
III. Phân tích.....	36
IV. Diễn giải.....	37
C. Lộ nhãn môn cảnh rất lớn chót hữu phần khách	37
I. Định nghĩa về Hữu phần khách.....	37
II. Biểu đồ	38
III. Luận về Hữu phần khách.....	38
1. Nhân sanh Hữu phần khách.....	38
2. Lý giải.....	38
3. Vì sao cảnh cực tốt hay tốt lại phát sanh đồng lực sân.....	42
IV. Tổng kết	43
Bài 5: Tâm Na Cảnh.....	45
I. Định nghĩa.....	45
II. Điều kiện khởi sinh Tâm Na Cảnh.....	45
III. Lý giải	46
1. Vì sao Tâm Na Cảnh phải có đủ hai sát na?.....	47
2. Vì sao phải là đồng lực Dục giới.....	48
3. Vì sao phải là người cõi dục.....	48

4. Tâm lộ phải bắt cảnh dục	50
5. Tâm Na Cảnh là loại tâm nào	50
Bài 6: Lộ Nhãn Môn Cảnh Lớn	53
I. Định nghĩa	53
II. Phân tích	53
III. Biểu đồ	54
1. Chót đồng lực	54
2. Chót hữu phần khách có 2 hữu phần vừa qua	54
• Lộ nhãn môn cảnh cực tiểu	57
Bài 7: Lý giải lộ ngũ môn bình nhật	59
I. Tương quan giữa vật và tâm	59
II. Tương quan giữa cảnh và tâm	65
1. Nhận định tính chất của cảnh	65
a) Người thường tình	65
b) Tâm dị thực quả	66
c) Môn	67
d) Khía cạnh sai biệt của cảnh	67
e) Thời điểm	67
2. Tương quan giữa cảnh và tâm	68
a) Năm trần cảnh cùng hiện khởi	68
b) Hấp lực của cảnh Ngũ đối với tâm Hương ngũ môn	69
c) Cảnh ngũ đối với tâm quả dục giới	72
d) Cảnh ngũ đối với Đồng lực tâm	72

III. Tương quan giữa cảnh và thọ	75
IV. Tương quan giữa cảnh, thọ đồng lực và thọ na cảnh	79

CHƯƠNG 2

Bài 8: Lộ Ý Môn 81

I. Định nghĩa	81
II. Nhân sinh Lộ ý môn	81
III. Cảnh của Lộ ý môn	83
IV. Hữu phần (bhavanaga) của lộ ý	84

Bài 9: Lộ Ý Môn Thời Bình Nhật 85

I. Định nghĩa	85
II. Phân tích.....	85
• Lộ Ý Môn cảnh rất rõ	86
I. Định nghĩa	86
II. Các mô thức Lộ ý môn cảnh cực rõ	86
1. Lộ ý môn cảnh cực rõ chót na cảnh	86
2. Lộ ý môn cảnh cực rõ chót đồng lực	87
3. Lộ ý môn cảnh cực rõ chót hữu phần khách.....	89

Bài 10: Lộ Ý Cảnh Rõ - Cảnh Không Rõ Cảnh Mơ Hồ 91

A. Cảnh rõ.....	91
I. Định nghĩa	91
II. Phân tích.....	91
B. Cảnh không rõ.....	93
C. Cảnh mơ hồ.....	94

<u>Bài 11:</u>	Giải Về Lộ Ý Môn Thông Thường	95
	I. Bàn về số lượng hữu phần trong tâm lộ	95
	II. Chặng (Thāna) của lộ ngũ và lộ ý	97
	III. Tâm lộ không sanh tâm khách	98
	IV. Tác dụng đồng lực hai tâm lộ	99
<u>Bài 12:</u>	Lộ Ý Nối Lộ Ngũ	101
	I. Định nghĩa:	101
	1. Suddhamanodāravīthi (lộ ý thuần túy)	101
	2. Tadānuvattikamanodvāravīthi (lộ ý nối tiếp lộ ngũ)	101
	II. Phân tích	102
	1. Lộ ý nối tiếp lộ nhãn môn	102
	2. Lộ ý nối từ lộ nhĩ môn	104
	III. Thích giải	106
<u>Bài 13:</u>	Lộ Chiêm Bao	109
	I. Định nghĩa	109
	II. Nhân sanh tâm lộ chiêm bao	109
	III. Số lượng tâm lộ chiêm bao	112
	IV. Thích giải	112

CHƯƠNG 3

<u>Bài 14:</u>	Tâm Lộ An Quả	115
	I. Định nghĩa	115
	II. Khái lược về thiền	115
	1. Chỉ tịnh nghiệp xứ	115

2. Quán minh nghiệp xứ.....	123
3. Lợi ích của Định chỉ tịnh.....	124
Bài 15: Tâm Lộ Chứng Thiền và Nhập Thiền.....	127
I. Định nghĩa	128
II. Tâm lộ đặc định	128
III. Tâm lộ nhập định.....	130
IV. Thích giải	130
Bài 16: Tâm Lộ Đặc Đạo	139
I. Định nghĩa	139
II. Phân tích.....	139
1. Lộ đặc Sơ Đạo.....	140
2. Lộ đặc ba Đạo cao.....	141
III. Lý giải:	142
1. Giải về các đồng lực Thiện hợp trí trong lộ đạo	142
2. Cảnh đồng lực Dục giới trong lộ Đạo	144
3. Giải về Gotrabhū và Vodāna.....	145
4. Sát trừ phiền não của tâm Đạo và tâm Quả trong lộ Đạo.....	146
5. Tương quan giữa các quyền nơi vị Thánh	148
6. Lộ phản kháng trong tâm lộ đặc Đạo	149
Bài 17: Tâm Lộ Thiền Cơ và Lộ Thiền Cơ	151
I. Định nghĩa.....	151
II. Dẫn giải	151
III. Lý giải	153
1. Trước khi hóa thông.....	153

2. Các loại thần thông	153
<u>Bài 18:</u> Lộ Nhập Thiên Quả	157
I. Định nghĩa	157
II. Phân tích	157
III. Lý giải.....	158
1. Diễn tiến.....	158
2. Về bốn sát-na Thuận Thứ trong lộ nhập quả định	159
3. Điều kiện chứng đạt quả định.....	160
4. Số lượng tâm lộ	163
<u>Bài 19:</u> Lộ Nhập Thiên Diệt Thọ Tướng	165
I. Định nghĩa:.....	165
II. Nguyên nhân nhập định diệt	165
III. Lý giải	166
1. Những việc làm trước khi nhập Định diệt	166
2. Diễn tiến	167
3. Ở cõi nào.....	170
<u>Bài 20:</u> Giải về Tâm Lộ An Chi.....	171
I. So sánh đồng lực dục giới và đồng lực an chi.....	171
II. Vai trò của khai ý môn với đồng lực.....	173
III. Cảnh và các đồng lực trong tâm lộ an chi	174
1. Tương ngộ nhưng cảnh sở bất tri đồng.....	174
2. Tương ngộ mà cảnh sở tri cũng tương đồng ...	174
3. Tương ngộ mà cảnh sở tri vừa tương đồng vừa dị biệt.....	175

IV. Tâm siêu thế ở các cõi	176
1. Lộ đặc đại và lộ nhập thiên quả	176
2. Lộ nhập thiên Quán	178

CHƯƠNG 4

<u>Bài 21:</u> Tâm Lộ Cận Tử	187
I. Định nghĩa	187
II. Ý nghĩa sự chết	187
III. Phân tích	189
IV. Lý giải ba cảnh trong thời cận tử	190
1. Cảnh nghiệp	190
2. Cảnh nghiệp tướng	190
3. Cảnh thú tướng	190
<u>Bài 22:</u> Lộ Cận Tử Thông Thường	193
I. Định nghĩa	193
II. Phân tích	193
A. Lộ ngũ môn cận tử	193
1. Mô thức	193
2. Biểu đồ	194
3. Biện giải	195
B. Lộ ý môn cận tử	196
1. Mô thức	196
2. Biểu đồ	196
3. Biện giải	197
<u>Bài 23:</u> Tâm Lộ Tục Sinh	209

I.	Định nghĩa	209
II.	Giải về Tâm lộ tục sinh	209
1.	Lộ tục sinh	209
2.	Cảnh và thời của tâm Tục sinh	211
3.	Bao nhiêu cách tục sanh	215
4.	Cách cho quả của đồng lực bất thiện và thiện dục giới	217

CHƯƠNG 5

Bài 24:	Tâm Lộ Viên Tịch	219
I.	Định nghĩa	219
II.	Phân tích	220
A.	Tâm lộ viên tịch thông thường	220
1.	Biểu đồ	220
2.	Lý giải	222
B.	Tâm lộ viên tịch đặc biệt	222
I.	Định nghĩa	222
II.	Phân tích	222
III.	Biện giải	226
Bài 25:	Linh Tinh vấn đáp	237

KÍNH DÂNG PHƯỚC BÁU.

- Đến Tam Bảo ba ngôi,
- Đến chư Thầy Tổ,
- Đến ông bà, cha mẹ.

XIN HỒI HƯỚNG

- Đến Chư thiên trong thế giới Sa bà.
- Đến chúng sanh ba giới bốn loài.
- Chia đều phước này đến chư thí chủ.

XIN NGUYỆN

Thành đạt quả Vô Thượng Chánh Giác trong thời vị lai.